

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BẾN TRE



Lòng dân Bến Tre với Bác Hồ

Nhiều tác giả

Tái bản, bổ sung lần thứ nhất - Năm 2020



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

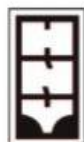
***Lòng dân
Bến Tre
với Bác Hồ***

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BẾN TRE

Lòng dân Bến Tre với Bác Hồ

Nhiều tác giả

Tái bản, bổ sung lần thứ nhất - Năm 2020



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử đấu tranh cách mạng kiên cường và bất khuất qua các thời kỳ cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre đã được tôn vinh bằng 8 chữ vàng: “Anh dũng Đồng khởi, thắng Mỹ, diệt ngụy”. Điều đó đồng nghĩa, người dân Bến Tre luôn giàu lòng yêu nước, sớm giác ngộ cách mạng và tiên phong tham gia các tổ chức cách mạng do Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh) sáng lập và rèn luyện.

Trải qua hai cuộc kháng chiến đầy hy sinh, gian khổ, hình ảnh Bác Hồ kính yêu là nguồn động viên tinh thần, là niềm tin mãnh liệt giúp cho Đảng bộ và nhân dân Bến Tre vượt qua mọi khó khăn, đoàn kết, đồng lòng quyết chí đi tới thắng lợi hoàn toàn. Do vậy, việc tìm hiểu, học tập và làm theo Bác luôn là một trong những mong muốn lớn lao của các thế hệ cách mạng ở Bến Tre.

Tập sách **“Lòng dân Bến Tre với Bác Hồ”** do Sở Văn hóa và Thông tin Bến Tre xuất bản lần thứ nhất gồm 2 tập (Tập 1 xuất bản năm 1989, Tập 2 xuất bản năm 1990) là kết quả của cuộc vận động viết về những tâm tư, tình cảm, tấm lòng kính yêu của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân Bến Tre đối với Bác.

Thật xúc động và tự hào, từ vùng đất phương Nam quê hương Bến Tre chúng ta đã từng in dấu cụ Nguyễn Sinh Sắc có thời gian sống với cụ Lê Khánh Hòa ở Chùa Tuyên Linh. Và ông Trương Gia Mô, người làng Tân Hào, huyện Giồng Trôm đã giúp Nguyễn Tất Thành từ Trường Dục Thanh vào Sài Gòn để Bác ra đi tìm đường cứu nước!

Tái bản tập sách **“Lòng dân Bến Tre với Bác Hồ”** lần này, ngoài việc sửa chữa những hạn chế của lần xuất bản trước, Ban Biên tập bổ sung thêm 11 bài viết, ảnh nghệ thuật, ca khúc, ca cổ. Đây là công trình thiết thực hướng đến chào mừng kỷ niệm 130 năm Ngày sinh của Bác (19/5/1890 - 19/5/2020), 109 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911 - 05/6/2020). Đồng thời, đây cũng là sản phẩm mà cán bộ, đảng viên và nhân dân Bến Tre dâng lên Bác nhân kỷ niệm 51 năm Ngày mất của Người (02/9/1969 - 02/9/2020).

Bên cạnh đó, Ban Biên tập cũng mong muốn tập sách sẽ góp phần vào công tác giáo dục đạo đức cách mạng, là một trong những sản phẩm trong việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII). Tập sách đã thể hiện khá trọn vẹn tấm lòng tri ân chân thành và thiết tha của nhân dân Bến Tre đối với Bác.

Với tinh thần làm việc trách nhiệm và cẩn trọng, những mong mang đến cho quý độc giả món quà có giá trị, song có lẽ khó tránh khỏi những sơ sót, chúng tôi hy vọng sẽ nhận được ý kiến đóng góp của quý độc giả. Chúng tôi chân thành tiếp thu và trân trọng.

Ban Biên tập

TẬP 1



Tái bản, bổ sung lần thứ nhất - Năm 2020 ♦ 9

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 28 tháng 01 năm 1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết về tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử lớn trong năm 1990 – trong đó có kỷ niệm trọng thể 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/1990).

Đặc biệt, trong dịp này, tổ chức UNESCO của Liên hiệp quốc đã có nghị quyết tổ chức kỷ niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh – Vị anh hùng dân tộc, Nhà văn hóa lớn của Việt Nam trên quy mô quốc tế. Nghị quyết của UNESCO ghi nhận:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của nhân dân Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”.

Ngày 25 tháng 11 năm 1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra chỉ thị mở một cuộc vận động trong Đảng bộ và nhân dân tổ chức, sưu tầm sử liệu về lòng dân Bến Tre với Bác Hồ, được thể hiện suốt trong quá trình lịch sử cách mạng của tỉnh nhà, để thiết thực kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người.

Hình ảnh Bác Hồ đã ghi tạc vào lòng mỗi người dân Bến Tre như một hình tượng thiêng liêng, cao đẹp nhất: Một vị cứu tinh của dân tộc Việt Nam, đồng thời là một chiến sĩ cộng sản quốc tế chân chính... Người là tiêu biểu của ý chí cách mạng tiến công, của niềm tin tất thắng; là kết tinh của sức mạnh dân tộc và thời đại, sức mạnh của tình đoàn kết chiến đấu, tinh thần yêu nước thương dân, của tinh thần đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị trong sáng tuyệt vời!

Từ những chiến công lịch sử đến cuộc đời thường trên mảnh đất cù lao anh hùng này đều mang sâu đậm hình ảnh của Bác Hồ kính yêu. Bác Hồ ra đi chưa kịp về thăm mảnh đất Nam bộ - *“máu thịt của Việt Nam” “thành đồng Tổ quốc”*. Người dân Bến Tre chưa thỏa lòng mong ước gặp Bác sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhưng mọi người đều nhận thấy bên mình luôn có Bác!

Những người con Bến Tre của Tổ quốc đã từng hai lần mở đường vượt biển Đông ra miền Bắc gặp Bác Hồ và Trung ương Đảng để tiếp nhận thêm niềm tin và sức mạnh, Bến Tre anh dũng Đồng khởi (1960) đã mở đầu phong trào chống Mỹ cứu nước ở miền Nam,... Trong những ngày khó khăn, gian khổ, nhân dân Bến Tre luôn có Bác, có Đảng dẫn đường đã từng làm nên những chiến công oanh liệt cùng nhân dân cả nước viết lên những trang sử mới hào hùng của dân tộc.

Qua triển khai cuộc vận động, bước đầu chúng tôi đã sưu tầm và ghi nhận được một số bài viết về đề tài **“LÒNG DÂN BẾN TRE VỚI BÁC HỒ”** của một số cán bộ, chiến sĩ và nhân dân gửi về. Tuy khối lượng bài vở chưa nhiều, chất lượng chưa đồng đều;

người viết còn bị hạn chế mặt này, mặt khác nhưng nói chung tất cả bài viết đều phản ánh khá chân thực, sâu sắc những cảm xúc ở nhiều khía cạnh khác nhau. Nhưng so với yêu cầu và khả năng thì người tham gia vào cuộc vận động chưa nhiều. Ban Chủ nhiệm đề tài nhận định cuộc vận động còn thiếu chiều sâu, thiếu phương pháp nên kết quả gặt hái chưa cao – đó là việc sắp tới cần phải có cách khắc phục.

Số bài vở có được chọn lọc nhưng chưa cân đối được nội dung chủ đề, tuy nhiên chúng tôi vẫn mạnh dạn cho xuất bản tập sách “LÒNG DÂN BẾN TRE VỚI BÁC HỒ” nhân kỷ niệm lần thứ 99 Ngày sinh của Người (19/5/1989) – xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hy vọng tập sách sẽ mang đến bạn đọc niềm tự hào và lòng biết ơn sâu sắc về công sức của Đảng và Bác Hồ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và mãi mãi là niềm tin, sức mạnh của chúng ta trong sự nghiệp đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bác Hồ còn là biểu hiện tập trung của tinh thần đổi mới trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta hôm nay.

Đây là tập sách đầu tiên được tập hợp từ những bài viết về đề tài Bác Hồ của tỉnh nhà, không tránh khỏi còn nhiều thiếu sót. Mong đồng chí, đồng bào trong và ngoài tỉnh theo dõi và đóng góp ý kiến sửa chữa bổ sung để lần tái bản sau tập sách được hoàn chỉnh hơn.

Bến Tre, ngày 19 tháng 5 năm 1989

BAN TUYÊN GIÁO BẾN TRE



TÊN BÁC GẮN LIỀN VỚI CHIẾN CÔNG MỞ ĐƯỜNG TRÊN BIỂN

Người kể: LÊ THANH HÙNG

Ghi chép: LÊ VĂN NÊ, LÊ QUANG CẦN

 háng 2 năm 1961, tôi đang làm nhiệm vụ Trung đội phó, Đại đội 262 của huyện Thanh Phú. Một hôm, đồng chí Bí thư Huyện ủy đưa đồng chí Năm Chung đến gặp tôi và phổ biến cho tôi nội dung: “Tỉnh ủy có yêu cầu thành lập đội đánh cá tự túc cho Tỉnh ủy, gợi ý tôi có trách nhiệm làm nòng cốt xây dựng đội tự túc này. Tìm các bạn bè hồi kháng chiến chống Pháp biết nghề đánh cá ở các xã ven biển thuộc ba huyện Ba Tri, Bình Đại và Thanh Phú để giới thiệu, với tiêu chuẩn phải là chi ủy viên, đảng viên, thấp nhất là đoàn viên”.

Trong một thời gian ngắn, đơn vị nhanh chóng tự túc hình thành được hơn mười đồng chí đóng quân tại Cồn Tra, xã Thanh Phong, do đồng chí Năm Kiên làm trưởng đội, tôi đội phó. Tỉnh ủy cấp tiền dặn chúng tôi tìm mua một chiếc ghe trọng tải năm tấn kiểu của người Bắc di cư gắn máy ABONA 6 ngựa, một giàn lưới, một giàn câu kiểu. Hằng ngày, chúng tôi tổ chức ra khơi câu, lưới vừa được vài mươi chuyến kết quả thấy chưa khá, nhưng khoảng gần cuối tháng 4, một hôm đồng chí Năm Chung đến đơn vị tự túc phổ biến nhiệm vụ mới. Đồng chí nói: “Thời gian qua, các đồng chí làm công tác tự túc khá tốt, nhưng đó không phải là nhiệm vụ chính. Từ nay nhiệm vụ chính của các đồng chí là khẩn trương chuẩn bị điều kiện để vượt biển ra miền Bắc để gặp Trung ương, gặp Bác Hồ và đồng chí Lê Duẩn để báo cáo tình hình

Đồng Khởi ở Bến Tre và nhận nhiệm vụ mới, nhiệm vụ gì khi ra miền Bắc các đồng chí sẽ biết”.

Sau đó, đồng chí chỉ định danh sách sáu đồng chí và phân công: đồng chí Nguyễn Văn Kiên quê xã Thạnh Phong là Trưởng đoàn kiêm Bí thư Chi bộ; đồng chí Đặng Văn Tiến (tức Sáu Giáo, quê ở miền Bắc được Đảng phân công theo đoàn người di cư vào Nam năm 1954, cư trú ấp Bình Phú, xã Bình Đại, gần “Đồng khởi” đồng chí ra căn cứ và được tỉnh rút về công tác tôn giáo vận ở tỉnh), là Phó đoàn – nhiệm vụ hoa tiêu dẫn đường; tôi - nhiệm vụ lái trưởng kiêm Phó đoàn. Các đồng chí Tư Bé, quê xã Thạnh Phong, đồng chí Trần Văn Sáu (Sáu Tân) quê Thạnh Phong và đồng chí Mai, quê Bảo Thạnh – Ba Tri làm thủy thủ.

Đồng Chí Năm Chung còn nói thêm: “Sáu đồng chí đều là những chiến sĩ trung kiên của Đảng, dù là đảng viên hay đoàn viên Thanh lao^(*), nhưng Tỉnh ủy tin tưởng các đồng chí, giao trách nhiệm chuyển đi này cho các đồng chí rất nặng nề, rất nguy hiểm, nhưng cũng rất vinh quang”. Đồng chí nhấn mạnh là phải hết sức tuyệt đối giữ bí mật đối với địch, với nhân dân và cả đối với nội bộ ta ở tại nơi đóng quân và khi ra tới miền Bắc, chỉ được nói thật mục đích chuyển đi khi thật cần thiết cho cấp Tỉnh ủy, chính quyền cấp tỉnh và Trung ương mà thôi.

Cả đoàn chúng tôi ai nấy im lặng ngồi nghe không nói gì, vì được nghe phổ biến nhiệm vụ quá mới, gần như là ngạc nhiên; im lặng đó có lẽ là vì tâm trạng các đồng chí chúng tôi gần giống nhau là phấn khởi vì được Đảng tin tưởng giao nhiệm vụ quan trọng to lớn nhưng tránh không khởi bản khoăn vì đây là nhiệm vụ cực kỳ bí mật, hết sức khó khăn nguy hiểm.

Nhận nhiệm vụ xong, từ nay chúng tôi khẩn trương chuẩn bị mọi phương tiện cho chuyển đi được đầy đủ. Chiếc ghe máy được mua thêm vải nhuộm già, may cánh buồm dơi, trang bị một giàn lưới, một bản đồ địa bản, một radio để nghe dự báo thời tiết, một phuy dầu, nước uống, khô và lương thực khá đầy đủ... Chúng tôi

(*) Tên gọi tắt của Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng Việt Nam (ở miền Nam Việt Nam).

bàn trang bị như vậy cũng tạm thôi, làm sao để có một bản đồ, một máy la bàn nhưng không có. Riêng bản đồ và la bàn chỉ có đồng chí Sáu Giáo là người duy nhất biết sử dụng và chúng tôi tin đồng chí Sáu Giáo là người miền Bắc có thể biết khá rõ đường biển ra Bắc nhất là đoạn từ Vũng Tàu trở ra (hỏi di cư vào Nam đồng chí đi bằng tàu biển).

Công tác chuẩn bị đã xong, 8 giờ sáng ngày 01 tháng 5 năm 1961 – ngày Quốc tế Lao động, chúng tôi xuất phát tại Cồn Tra (Thanh Phú) với hình thức hợp pháp là đi đánh cá. Khi tiễn chúng tôi xuống tàu, đồng chí Năm Chung rưng rưng nước mắt nói: *“Chuyến đi của các đồng chí mang tên Trần Quốc Toản ra quân, mong các đồng chí sớm hoàn thành nhiệm vụ”*. Chúng tôi ai nấy đều cảm động, chảy nước mắt.

Một đặc điểm làm chúng tôi an tâm hơn là được trang bị bằng loại ghe của người di cư, mà loại này thì được Ngô Đình Diệm rất “cứng” nên trên đường đi nếu gặp địch ít bị tình nghi. Vì ghe nhỏ nên khi phải gặp sóng gió, chúng tôi vô cùng gian nan vất vả mới giữ vững được tay lái.

Đến ngày thứ tư kể từ ngày xuất phát thì đến Hòn Vọng Phu. Trời bắt đầu bớt gió, mặt biển phẳng lặng – đó là điều kiện thuận lợi cho chúng tôi nhắm hướng Bắc thẳng tiến. Có những lúc gặp gió thuận lợi, chúng tôi phải chạy bằng buồm để tiết kiệm nhiên liệu.

Ngày 07 tháng 5 đến vùng biển Quảng Nam, như vậy chúng tôi đã hoàn thành một đoạn đường gian lao thử thách. Để mừng thành tích đã qua, chúng tôi nhất trí đánh một mẻ lưới kiếm thức ăn tươi liên hoan bồi dưỡng. Chiều ngày hôm ấy, chúng tôi sắp đến cửa sông Cửa Tùng (vùng vĩ tuyến 17), để tránh sự kiểm soát của bọn ngụy quyền nơi vĩ tuyến, chúng tôi phải lái ghe bung ra nơi thật xa. Ghe chạy ngoài khơi hai ngày, hai đêm, đến sáng 11 tháng 5 chúng tôi lái ghe vào gần bờ gặp ghe ngư dân, hỏi thăm mới biết đây là Hà Tĩnh – anh Sáu Giáo liền kêu lên:

- *“Anh em ơi, nơi đây là địa phận của miền Bắc xã hội chủ nghĩa rồi”*.

Chúng tôi vui mừng không tả xiết vì biết đoạn đường nguy hiểm đã qua. Chúng tôi ngược nhìn bầu trời phẳng lặng, mặt biển nhấp nhô những ngọn sóng, xa xa những cánh buồm lướt sóng ra khơi như những cánh chim én chao liệng giữa mùa xuân đầy nắng ấm. Quanh đây vọng lại tiếng “hò – ơ – khoan - hò”... của những chàng trai kéo lưới nghe sao hùng hồn quá, mạnh mẽ làm sao! Đứng giữa cảnh bình minh trên mặt biển như thế, chúng tôi thấy sao mà nó giản dị nhưng trong đó có cái gì vĩ đại và thiêng liêng quá!

Chúng tôi cùng nhau hít căng lồng ngực bầu không khí trong lành của biển, của hòa bình, của miền Bắc, chúng tôi liên tưởng đến miền Nam, mười bốn triệu dân miền Nam đang khao khát hít thở bầu không khí trong lành như thế này và họ đang từng ngày, từng giờ chứng kiến cảnh dầu rơi máu đổ để đổi lấy bầu không khí này đây. Chúng tôi cũng là những người đang đi tìm bầu không khí ấy cho miền Nam. Mặc dù chúng tôi đang chứng kiến cảnh hòa bình không phải ở miền Nam, nhưng bầu không khí này sẽ cung cấp cho chúng tôi bầu nhiệt huyết mới để lao vào nhiệm vụ tiếp diễn sắp đến.

Khoảng 10 giờ ngày 11 tháng 5, vì tin chắc đây là vùng biển miền Bắc nên chúng tôi bớt phần lo ngại, hơn nữa là trên ghe hết nước ngọt nên chúng tôi ghé vào bờ để tắm và lấy nước. Lúc chúng tôi vào bờ sửa soạn tắm và lấy nước ngọt thì bị anh em công an biên phòng tỉnh theo dõi và tình nghi là kẻ địch xâm nhập nên bắt chúng tôi lập biên bản, xét ghe và dẫn lên bờ.

Do yêu cầu công tác bí mật trước khi đi, đồng chí Năm Chung có dặn là không được khai báo với ai và ở đâu nên chúng tôi cùng nhau giữ kín. Do vậy, khi các đồng chí công an biên phòng Hà Tĩnh hỏi, chúng tôi chỉ trả lời: “*Anh em chúng tôi ở miền Nam đi đánh cá bị bão nên ra đây*”. Vì chưa rõ thực, hư nên chúng tôi bị giữ lại và chia làm ba nhóm gửi vào ba nhà, mỗi nhà hai người và “được” canh gác rất cẩn thận – kể cả khi đi ngủ chúng tôi vẫn bị trói. Tôi và đồng chí Tư Bé ở chung một nhà, chỉ khi nào ăn cơm mới gặp được các đồng chí khác trong đoàn.

Trời miền Trung gió Lào nóng bức, tôi và Tư Bé ngủ chung một

giường nhưng không ai ngủ được vì trời nóng và bị trói, mặc dù vậy, anh em chúng tôi ai cũng vui một niềm vui khó tả.

Trong những đêm nóng nực không ngủ, tôi nằm nhớ lại thời gian sắp đến ngày 19 tháng 5, ngày sinh của Bác. Tôi nhớ lại lịch sử hoạt động gian khổ của Bác (mà tôi được nghe kể lại) trong thời gian Bác đi tìm đường cứu nước: từ làm bồi bếp, đến quét tuyết, viết báo, hội họp, rồi sau đó Bác lại xuống tàu đi nhiều nước qua châu Phi, châu Mỹ, qua Nga rồi lại trở về Pháp làm nhiều công việc khác. Nhưng dù gian khó đến đâu, Bác không hề nao núng mà luôn luôn nuôi trong lòng một ý chí sắt đá. Ngày nay có con đường Bác đã vạch ra, tôi là một trong hàng triệu người đang đi theo con đường ấy nên dù khó khăn đến đâu, đi đâu đi nữa cũng không hề làm chúng tôi nao núng. Sắp đến kỷ niệm sinh nhật Bác, đang đi trên con đường của Bác vạch ra, tôi tự hứa với lòng dù nguy hiểm đến đâu, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua... để xứng đáng là cháu của Bác, là một chiến sĩ cách mạng.

Chúng tôi bị “giữ tạm” ở Hà Tĩnh ba ngày, chiều ngày thứ ba trong lúc tập trung lại ăn cơm, tôi nói với đồng chí Năm Kiên: *“Tình hình này thì rất căng, nếu chúng ta cứ bị kẹt lại đây hoài thì biết chừng nào gặp được Trung ương, hay ta xin đồng chí Đoàn trưởng gọi điện ra Hà Nội báo cáo tình hình”*. Đồng chí Năm Kiên đồng ý cho tôi đi xin mượn điện về Trung ương. Tôi đến gặp đồng chí Đoàn trưởng biên phòng và nói: *“Nói thật với đồng chí, chúng tôi là đoàn công tác ở miền Nam ra Bắc để gặp đồng chí Lê Duẩn nhận nhiệm vụ. Đồng chí có điện cho tôi mượn gọi ra Hà Nội. Nếu không tin thì tôi gọi, đồng chí đứng đây nghe – nếu tôi nói sai, đồng chí bắn tôi tại đây cũng được”*. Đồng chí Đoàn trưởng mặc dù chưa khẳng định chúng tôi là ai, nhưng khi nghe tôi trình bày, đồng chí cũng đồng ý và nói: *“Ở đây không có điện gọi ra Hà Nội, chỉ có thể gọi tới Tỉnh ủy Hà Tĩnh, anh nhờ gọi ra Hà Nội cũng được”*. Thế là tôi gọi điện được tới Tỉnh ủy Hà Tĩnh và nhờ gọi ra Trung ương giúp.

Hai hôm sau, tức 15 tháng 5, khoảng 21 giờ, đồng chí cán bộ Tỉnh ủy Hà Tĩnh xuống gặp chúng tôi và đề nghị mở trói. Đồng

chí nói: “Chúng tôi đã điện về Trung ương theo yêu cầu của các đồng chí. Một vài ngày gần đây, chắc có lẽ các đồng chí Trung ương sẽ vô đón các đồng chí”. Sau khi nghe đồng chí ở Tỉnh ủy nói, chúng tôi vô cùng phấn khởi an tâm.

Ngày 17 tháng 5, đồng chí Phạm Tấn Đạt ở Ban Thống nhất Trung ương đến gặp chúng tôi. Đồng chí nói: “Chúng tôi theo dõi các đồng chí 11 ngày bắt tin, nghe nói địch ở Đà Nẵng có bắt được một đoàn bốn, năm người, mặc dù bị đánh đập tra khảo nhưng vẫn không khai, Trung ương đau xót quá, tưởng đâu các đồng chí bị bắt. Khi được điện, Trung ương cử tôi đi liền đến đây gặp các đồng chí”. Nghe nói, chúng tôi ai ai cũng rưng rưng nước mắt, thời gian qua tưởng đâu mình đi biển “mồ côi một mình”, không ngờ mỗi bước đi của chúng tôi đã có sự theo dõi lo lắng của Trung ương đi cùng, mỗi bước khó khăn trải qua là nỗi lo âu của Trung ương.

Sáng ngày 18 tháng 5, chúng tôi rời Hà Tĩnh lên đường đi Hà Nội.

Tại Hà Nội, được các đồng chí sắp xếp chỗ ở ba người một phòng có đầy đủ tiện nghi ăn uống để bồi dưỡng sức khỏe.

Mấy ngày sau, đồng chí Đồng Văn Cống đến thăm, gặp nhau ôm hôn mừng rỡ trong dòng nước mắt đầm đìa vì đồng chí ấy là thủ trưởng cũ của tôi hồi chín năm chống Pháp.

Hôm sau nữa, có các đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phạm Hùng, Lê Văn Lương và nhiều đồng chí ở Trung ương đến thăm, nói chuyện cùng chúng tôi. Đồng chí Võ Nguyên Giáp nói: “Bây giờ thì các đồng chí ra được đến đây Trung ương rất mừng. Nói thật các đồng chí vừa qua chúng tôi không dám cho Bác hay về tình hình đồng chí bị kẹt ở Hà Tĩnh, ngại Bác lo vì sức khỏe Bác mấy hôm nay cũng không được tốt lắm”. Nghe được những lời nói của các đồng chí Trung ương, chúng tôi càng xúc động hơn, không hình dung là một vị lãnh tụ tối cao cả nước như Bác lo từ chuyện đại sự thế giới, trong nước, đến những chuyện nhỏ lẻ như đoàn chúng tôi.

Thời gian hơn ba tháng, chúng tôi được tổ chức cho học bổ túc văn hóa, chính trị, thời sự, xem phim. Thỉnh thoảng được xe chở

đi tham quan một số nơi. Hằng tuần đều có một vài đồng chí ở Trung ương đến thăm. Tuy vậy, trong chúng tôi ai cũng xuýt xoa nóng lòng trở lại miền Nam (chúng tôi đâu có biết trong thời gian đó và cả sau này, Bộ Quốc phòng cũng đã tập trung một bộ phận lớn, cán bộ chuẩn bị cho công tác đặc biệt).

Trước Quốc khánh 02 tháng 9 năm 1961 mấy hôm, chúng tôi rất vui vẻ khi được gặp đoàn cán bộ chuyển thứ hai cũng ra tới và Trung ương bố trí ở chung cùng với chúng tôi. Hai đoàn gặp nhau, thôi thì thỏa sức hàn huyên tâm sự (đoàn Bến Tre II do đồng chí Lê Công Cẩn làm trưởng đoàn, đồng chí Nguyễn Văn Luông – lái trưởng).

Đến lễ Quốc khánh 02 tháng 9 năm 1961, chúng tôi được Bộ Quốc phòng cho xe đến đón, hai đoàn đi dự ở Quảng trường Ba Đình, và đưa thẳng vào ngồi trên khán đài A – khu vực gần với Bác Hồ, Bác Tôn và các đồng chí Bộ Chính trị, Bộ Quốc phòng. Cách chúng tôi chừng mười thước là Bác Hồ đang nói chuyện. Đây là lần đầu tiên được thấy Bác nên ai cũng như bị thôi miên, cứ ngỡ là trong mơ cả! Trông thấy Bác còn khỏe, giản dị, đồng thời trong cái giản dị ấy có cái đáng đáp thanh nhã – vô cùng vĩ đại! Trông Bác hiền từ như vị Cha già đức hậu, da Bác hồng hào, nói năng hoạt bát và vui vẻ. Chúng tôi an tâm mừng rỡ, mong sao Bác mãi mãi khỏe như thế để lãnh đạo cho cách mạng Việt Nam đến ngày thống nhất đất nước. Trong suốt buổi lễ, đồng chí Phạm Văn Đồng đọc diễn văn – tôi chỉ nhìn Bác, nghĩ về cuộc đời hoạt động của Bác bôn ba ra nước ngoài, về hoạt động ở Trung Quốc lại bị bắt, bị tù. Sau khi thoát khỏi nhà tù lại hoạt động rồi lúc về chiến khu Cao Bằng, đến lúc lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công... lần đầu tiên đọc Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thời gian cứ trôi, chúng tôi tiếp tục học tập. Bỗng một hôm tôi không nhớ rõ ngày nào nhưng khoảng đến tháng 9 năm 1962 thì chúng tôi được lệnh chuẩn bị trở về Nam. Một hôm, các đồng chí: Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Trung tướng Song Hào, Trung tướng Nguyễn Văn Vịnh, Thiếu tướng Đồng Văn Cống, các đồng chí Phạm Hùng, Lê Văn Lương đến chia tay chúng tôi và nói:

- Ít hôm nữa các đồng chí về Nam, Trung ương rất tin tưởng các đồng chí. Nếu bây giờ các đồng chí được lệnh chở vũ khí vào Nam thì các đồng chí nghĩ sao? Đây là chuyến chở vũ khí đầu tiên vào Nam bằng đường biển, tàu chở một chuyến bằng một sư đoàn vận chuyển trong sáu tháng, nên các đồng chí phải cảnh giác – nếu có phải hy sinh cũng đừng để lộ bí mật của mình. Mười bốn triệu nhân dân miền Nam đang chờ các đồng chí nên các đồng chí phải cố gắng.

Sau đó các đồng chí đặt tên cho đoàn và lần này mang tên “*Anh hùng vũ trụ Phương Đông I Gagarin*”. Cũng cần nói thêm đoàn về chuyến này gồm 16 người, trong đó có bao gồm người các tỉnh Cà Mau, Trà Vinh, Bến Tre, Bà Rịa,... để khi tàu đến vùng biển nào thì đồng chí đó dẫn đường vào bến.

Tàu được trang bị một số vũ khí để chiến đấu bảo vệ gồm ba khẩu súng 12 ly 7, một khẩu ĐKZ và năm thùng đạn MKG (chống tăng), điện đài... dưới hầm đặt 20 ký thuốc nổ TNT để phá hủy tàu khi cần thiết.

Đêm 08 tháng 8 năm 1962, tàu chúng tôi rời Đồ Sơn (Hải Phòng) ra đậu ở Hải Nam – Trung Quốc để chờ lệnh xuất phát vì phải chờ đến lúc trời bão hoặc gió mạnh xuất phát như thế mới tránh được sự tuần tiễu của Hạm đội 7 của Mỹ trên vùng hải phận quốc tế.

Hai ngày sau, con tàu gỗ chở 35 tấn vũ khí đã rời Hải Nam nhắm hướng Nam thẳng tiến. Đến chiều ngày thứ sáu kể từ khi xuất phát, chúng tôi phát hiện một chiếc tàu lạ ở phía sau chừng năm hải lý cứ bám theo đuôi tàu chúng tôi. Đồng chí thuyền trưởng ra lệnh: “*Các đồng chí cảnh giác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu*”. Lúc này tôi và đồng chí Hai Luông mỗi người giữ một khẩu 12 ly 7 và thủ một trái đạn MKG nhưng cũng banh lười ra và để ngụy trang chờ đợi.

Trong giờ phút chuẩn bị chiến đấu, mặc dù tôi không sợ hy sinh, nhưng cảm thấy luyến tiếc thế nào ấy – không phải luyến tiếc cho mạng sống của mình mà luyến tiếc vì nhiệm vụ gần hoàn thành lại gặp nguy hiểm. Tôi nói với đồng chí Hai Luông ngồi gần bên:

- Minh hy sinh thì không tiếc gì Luông ơi. Nhưng nhiệm vụ đối với Bác Hồ, đối với Trung ương và mười bốn triệu đồng bào miền Nam đang chờ đợi chúng ta, ta phải làm gì để hoàn thành nhiệm vụ xứng đáng?

Trong cơn bồi hồi xúc động, tôi lấy tấm ảnh Bác mà khi ở Hà Nội tôi được tặng. Nước mắt đầm đìa, tôi nhìn Bác, nhớ hình dáng Bác lúc ở quảng trường Ba Đình mà tôi gặp, ôn lại những câu chuyện về cuộc đời hoạt động của Bác mà tôi được nghe. Tôi thầm nói: *"Bác ơi! Chúng cháu không sợ hy sinh nhưng chỉ sợ mình hy sinh mà không góp phần thực hiện được mong muốn của Bác đối với miền Nam ruột thịt!"*.

Chiếc tàu lạ ngày càng đến gần, thì đồng chí thuyền trưởng báo: *"Không phải tàu địch mà là tàu buôn, các anh ơi!"*. Thế là chúng tôi thở phào nhẹ nhõm không phải vì mình còn sống mà vì còn tiếp tục làm nhiệm vụ. Chúng tôi cùng nhau hát bài *"Cho chúng tôi sống lại một ngày"* rất vui vẻ và tiếp tục chạy đến ngày hôm sau thì cập vào bến ở Cà Mau đúng đêm 18 tháng 9 năm 1962 an toàn. Chỉ trong vòng một đêm, các đồng chí làm nhiệm vụ bốc vác ở bến đã bốc hàng xong. Tôi nhớ lại lúc khai hầm tàu, các đồng chí bốc vác thấy toàn là vũ khí liền ôm chúng tôi cùng nhau cười chảy nước mắt vì sung sướng.

Theo quy ước trước, thuyền trưởng chúng tôi điện ra Hà Nội theo nội dung *"Đóng khóa lại. Chúng tôi đã an toàn"* để bốn chiếc tàu còn lại ở ngoài Bắc tiếp tục vào Nam. Chỉ hai ngày sau, tàu chúng tôi lại tiếp tục trở ra Bắc để tiếp tục nhiệm vụ chuyển vũ khí về, lại ra về như thế trong khoảng thời gian từ năm 1962 - 1963, tôi tham dự đi được 11 chuyến, chở về trên 300 tấn vũ khí. Kế tôi bị bệnh phải nằm điều trị và sau đó được Đảng phân công nhiệm vụ tại hậu cứ Hải Phòng.

Sau này, tôi được biết sau chuyến tàu thứ nhất mà tôi tham gia, cập bến an toàn, điện ra Bộ Quốc phòng, vài mươi hôm sau lần lượt bốn tàu khác cũng đã về cập bến ở các tỉnh ven Nam bộ. Điều vinh dự cho con tàu của chúng tôi sau này được các tàu đồng đội của Trung đoàn đặt cho danh hiệu là Con tàu đầu tiên chở vũ khí vào miền Nam trên đường Hồ Chí Minh trên biển và

từ đó trên mặt biển Đông, hằng tuần, hằng tháng không bao giờ vắng bóng của hằng chục con tàu bí mật ngày đêm làm nhiệm vụ đặc biệt như thế. Trong những năm sau 1965, Bộ Quốc phòng đã tăng cường trang bị thêm một đội tàu sắt máy móc hiện đại hơn để đảm trách nhiệm vụ và mới đủ sức chiến đấu chống lại kẻ thù và cũng đã có những con tàu cùng đồng đội của tôi đã anh dũng kiên cường chiến đấu đến giờ phút chót đã tự hủy diệt tàu anh dũng hy sinh, nhưng con đường Hồ Chí Minh trên biển ấy vẫn thông suốt đến ngày toàn thắng mùa xuân năm 1975.

Đường Hồ Chí Minh trên biển thực tế tồn tại hơn 15 năm và sẽ còn tồn tại mãi trong ký ức của chúng tôi, của toàn thể quân đội, nhân dân Việt Nam, vì nó được tự hào mang tên Bác, đó là tình cảm của Bác, đó là gạch nối biểu hiện tình cảm giữa miền Bắc và miền Nam, góp phần tạo nên chiến thắng hơn một triệu quân Mỹ - ngụy, giải phóng hoàn toàn miền Nam.



CUỘC VƯỢT BIỂN MỞ ĐƯỜNG LẦN THỨ NHẤT^(*)

Trích hồi ký của đồng chí NGUYỄN THỊ ĐỊNH

ôi đang say sưa làm công tác thăm hỏi bộ đội thì có lệnh Tỉnh ủy gọi về. Tôi được giao nhiệm vụ mới, rất đặc biệt hoàn toàn không ngờ tới. Tôi được cử đi trong phái đoàn ra miền Bắc báo cáo với Hồ Chủ tịch và Chánh phủ tình hình sau Hiệp định sơ bộ 06 tháng 3 và xin chi viện cho Nam bộ. Trong đoàn có anh Cao Văn Trường, Tư lệnh Quân khu 8, anh Ca Văn Thỉnh và Bác sĩ Trần Hữu Nghiệp.

Nhận được tin này, tôi băn khoăn nửa muốn đi, nửa muốn không. Muốn đi để thấy miền Bắc, nhất là được gặp Bác Hồ, điều mà nhân dân Nam bộ từ trẻ già, trai gái thường ghen với nhân dân miền Bắc được vinh dự sống gần Bác. Nhưng lại không muốn đi vì mình còn non kém, ra miền Bắc biết báo cáo ăn nói thế nào? Nhưng phần muốn đi thì nhiều, nên khi Tỉnh ủy đã thông lại, tôi đi ngay.

Vào cuối tháng 3 năm 1946, đoàn chúng tôi đi theo đường biển từ Bến Tre đến Phú Yên. Lần đầu tiên lên thuyền trên mặt biển nhiều người say sóng, ói tới mặt xanh, mệt nằm la liệt – nặng nhất là Bác sĩ Nghiệp, chỉ có tôi và anh Tư Thỉnh khá nhất nhờ nhịn ăn và không nằm. Từ Phú Yên, chúng tôi ngồi xe lửa ra

^(*) Tiêu đề do chúng tôi viết (ST)

tận Hà Nội. Bước chân xuống đất Hà Nội, lòng tôi nôn nao, rạo rức. Tôi là con gái ở vườn được đến Thủ đô của cả nước tôi bờ ngỡ đủ thứ. Chỉ có một điều làm tôi quen ngay là tình cảm đầm ấm ruột thịt của đồng bào miền Bắc làm tôi vui sướng vô hạn.

Chúng tôi vừa mới đến Hà Nội hôm trước thì hôm sau được Bác Hồ đến thăm. Bác đến rất đột ngột. Chúng tôi không ngờ được gặp Bác quá sớm.

Chiều tháng 5 nắng hè rực rỡ. Trong lúc chúng tôi đang ngồi trò chuyện thân mật tại nhà ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục thì nghe tiếng ô tô đậu trước cổng. Một cụ già phúc hậu, người dong dong cao, tay chống gậy thoăn thoắt bước vào làm tôi suýt reo lên. Đúng là Bác rồi, Bác giống hệt như trong ảnh mà tôi đã thấy. Tôi đứng ngậy người nhìn Bác, Bác niềm nở bắt tay từng người. Khi chưa gặp Bác, tôi nghĩ Bác nghiêm nghị lắm. Nhưng khi gần Bác thì bao nỗi lo âu đều tan hết, và càng gần Bác, tôi càng xúc động về tình yêu thương chan hòa của một vị cha già đối với các con. Năm ấy, tóc Bác chưa bạc nhiều. Khi nhìn Bác nói chuyện, tôi thấy Bác đã gãy một cái răng cửa. Vừa ngồi, Bác hỏi thăm ngay tình hình Nam bộ, Bác chỉ vào tôi:

- Ưu tiên cho phụ nữ nói trước. Cô nói cho Bác nghe tình hình nhân dân, bộ đội ta ở Nam bộ bây giờ thiếu thốn những gì? Các cô, các chú muốn yêu cầu, đề nghị gì?

Tôi luống cuống đứng lên. Bao nhiêu điều chuẩn bị mong Bác chạy đâu mất ráo.

Bác cười, hỏi tôi:

- Thiếu súng lắm phải không? Các cô, các chú muốn xin bao nhiêu khẩu mang về?

Thật là kỳ diệu, Bác đã nói đúng điều quan trọng nhất mà các đồng chí lãnh đạo ở Nam bộ đã dấn đi dấn lại mãi trước khi chúng tôi đi. Tôi sung sướng báo cáo với Bác:

- Dạ thưa Bác, thiếu nhiều lắm.

Bác nói thông thả:

- Thế nào Trung ương và chính phủ có súng gởi về Nam, nhưng

nước ta còn nghèo, các cô các chú về phải đánh Pháp cho giỏi, cướp lấy súng của nó dùng thì cái vốn đó mới nhiều.

Trong bữa ăn, Bác nói chuyện riêng với từng người. Bác căn dặn tôi:

- Cô ở ngoài này học tập một thời gian rồi lại tiếp tục kháng chiến với bà con.

Tôi còn nhớ như in trong óc những lời dạy bảo của Bác đối với tôi hôm đó:

- Người cách mạng phải học suốt đời, học lý luận, học quân chúng, học thực tế. Người không học thì như đi ban đêm không có đèn, không có gậy, dễ vấp té, có phải thế không?

- Dạ!

Ít ngày sau, đoàn cán bộ miền Nam lại được đến mừng thọ Hồ Chủ tịch, nhân ngày kỷ niệm sinh nhật của Bác, ngày 19 tháng 5 năm 1946. Bác triu mến nhìn chúng tôi rồi nói:

- Bác không thiết các cô các chú gì cả, vì nhân dân ta ở miền Nam còn đang chịu bao nhiêu đau khổ bởi giặc Pháp gây ra. Bác cháu ta chưa thể nào vui được. Vậy các cô, các chú về báo cáo với nhân dân miền Nam thân yêu rằng:

“Lòng già Hồ, lòng nhân dân miền Bắc lúc nào cũng ở bên cạnh đồng bào miền Nam ruột thịt, cả nước ta một lòng đánh đuổi giặc Pháp. Nhất định chúng ta sẽ thắng lợi, sẽ có ngày đoàn tụ Nam Bắc một nhà. Lúc đó cả nước ta sẽ liên hoan thắng lợi một thể”.

Nói rồi Bác khóc, chúng tôi đều khóc.

Từ đó tôi luôn nghĩ đến một cuộc mít tinh lớn nhất ở Sài Gòn đón Bác Hồ vô Nam, sau ngày kháng chiến thành công. Ngày ấy sẽ là một ngày sung sướng nhất đời của nhân dân Nam bộ là niềm vui chiến thắng chung của cả nước Việt Nam.

*** TỰ THUẬT CỦA ĐỒNG CHÍ CA VĂN THỈNH**

Tháng 8 năm 1946, quân Pháp chiếm đóng thị xã Bến Tre, chậm hơn các tỉnh khác. Cơ quan tỉnh tạm đóng ở Mỹ Lồng một thời gian. Sau tháng 2 năm 1946, một số anh em lần lượt đi

xuống căn cứ tỉnh ở Cái Cát, vùng rừng gần bờ biển Thanh Phú.

Vợ chồng chúng tôi lên đường xuống căn cứ tỉnh, ghé qua nhà, căn dặn năm đứa con và gửi chúng nó ở lại nhờ cha mẹ, anh em trong gia đình nuôi dạy. Đến Cái Cát, tôi được ở gần đồng chí Kính, phụ trách cơ quan tỉnh, giữ đài thu thanh, theo dõi tin tức Trung ương. Nhờ vậy, chúng tôi biết tin Pháp đã ký kết với chánh phủ ta Hiệp định sơ bộ 06 tháng 3 năm 1946, và nghe lời kêu gọi nhân dân của Hồ Chủ tịch.

Thế mà ở Nam bộ, quân Pháp đã phản bội Hiệp định, sau khi chúng đã ký kết có mấy hôm, chúng đưa quân đi càn quét vùng Cái Cát, rải truyền đơn kêu gọi ta nộp vũ khí. Lúc quân chúng càn quét, vợ chồng Minh (nay là Thứ trưởng Bộ Thương nghiệp) với con, cùng vợ chồng chúng tôi ngồi dưới gốc cây mắm, lá dừa nước bao quanh. Nghe tiếng súng giặc nổ rất gần trong lúc con của Minh khát nước khóc ré lên làm cho ai nấy đều lo ngại. (Ở Cái Cát, nước ngọt rất khan hiếm, phải bơi xuống đi chở từng hủ nước trên giếng xa, lại ngày đêm phải chống muỗi mòng).

Đồng chí Đào Văn Trường, lúc ấy là Khu trưởng Khu 8, sau khi đưa bộ đội đến tạm trú ở Vĩnh Tường (tỉnh Ninh Thuận) nghe đài, biết tin Hiệp định sơ bộ đã ký kết, liền quay thuyền trở về Cái Cát, tìm hiểu tình hình. Khi biết được Pháp phản bội, rải truyền đơn đòi ta nộp vũ khí, đồng chí Trường triệu tập cuộc họp, cử một phái đoàn Khu 8 ra báo cáo với Trung ương và xin Trung ương viện trợ cho cuộc kháng chiến ở Nam bộ. Hoàn cảnh khó khăn, khó tập hợp đại diện các tỉnh ở Khu 8 lại đành phải lập một phái đoàn hạn chế: Đoàn trưởng là đồng chí Đào Văn Trường, tỉnh Mỹ Tho có bác sĩ Trần Hữu Nghiệp, tỉnh Bến Tre có Nguyễn Thị Định, Ca Văn Thỉnh. Vợ tôi không được cử đi trong đoàn, nhưng đoàn đồng ý cho vợ tôi cùng đi vì ở lại bất tiện do bước đầu còn ở căn cứ chưa tạo được điều kiện cho công tác vận động phụ nữ như lúc ở thị xã và Mỹ Lồng.

Cuối tháng 3, thuyền bắt đầu đi từ cồn Lợi. Từ sáng sớm chúng tôi khởi hành, với tinh thần cảnh giác, lánh xa tàu chiến Pháp ở Vũng Tàu tuần tra ra khơi; thuyền bung ra xa biển Đông, hướng về Tây Bắc. Khi nhìn dãy núi, có người đoán là Phan Rí,

cửa biển Phan Thiết. Bỗng gió chướng (gió Đông Bắc) thổi mạnh, buồm bị hỏng, không lẽ quay trở về cồn Lợi? Chúng tôi bàn bạc quyết định xuôi vào cửa Kê Gà nhưng chỉ ngại không biết có đồn Pháp trong đó không.

Thuyền vào cửa Kê Gà êm ái, cửa biển có đèn rọi. Ở Kê Gà hai hôm, gió Đông Bắc vẫn thổi thuận buồm nên chúng tôi định cho thuyền quay trở về cồn Lợi, còn người thì chuẩn bị đi đường bộ. Buổi chiều đoàn rời Kê Gà, mỗi người vai mang ba lô, vượt qua đồn, đồi cát khó khăn, đến đỉnh đồi lúc ba giờ khuya. Đoàn chúng tôi dừng lại cơm nước, tạm nghỉ đến rạng sáng ngày hôm sau sẽ tiến lên phía Bắc. Mọi người cùng nhìn chiều gió, rồi không ai bảo ai, tất cả cùng reo lên “gió nồm”. Vãn gió nồm, gió Tây Nam liên tiếp thổi. Đoàn bàn với nhau, gió nồm thuận buồm, đi đường biển được rồi. Thế là chúng tôi vai mang ba lô quay lại Kê Gà.

Tôi quyết định cho vợ tôi rời khỏi đoàn, hỏi đường đi bộ đến Phương Cựu (Ninh Chữ) tìm nhà người bà con tạm ở chờ tôi, mặc dù anh chị em trong đoàn có ý kiến là vợ tôi cùng đi với đoàn như đã dự định trước.

Ở đó vợ tôi đã hoạt động bí mật cho kháng chiến, cùng với con của chú tôi và bị lộ. Dịch biết được vợ tôi là Lê Thị Tài và tôi đang làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục ở Hà Nội, nên giặc Pháp âm mưu bắt vợ tôi, tìm cách chiêu dụ cho vợ tôi làm mồi để bắt tôi. Nhưng chúng thất bại hoàn toàn. Khi bị quản thúc ở Phi Vãng (đường đi Buôn Mê Thuột), vợ tôi viện cớ bị đau ruột, đã có lần điều trị ở nhà thương Chợ Rẫy và xin đi một tháng để trị bệnh. Chúng cho đi và cho mật thám theo dõi. Vợ tôi bí mật liên lạc với cán bộ ta, thoát thân chạy vào Đồng Tháp, tiếp tục kháng chiến.

Thuê được thuyền, đoàn tiến đi đường biển. Rời bến Vĩnh Tường, thuyền hai lần gặp tàu Pháp vẫn vượt qua yên ổn. Thuyền vào Tuy Hòa (Phú Yên) thấy ánh cờ đỏ sao vàng chúng tôi vô cùng sung sướng. Đoàn lên xe lửa đi ra Bắc với tất cả sự náo nức trong lòng. Quá nửa đêm, xe lửa đến Quảng Ngãi, đoàn dừng lại. Ở đây chúng tôi gặp đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Sơn. Nguyễn Sơn rất vui vẻ. Anh thức nói chuyện với chúng tôi đến sáng.

Chuyện Nguyễn Sơn nói làm cho đoàn đáng nhớ nhất là: Nếu Trung ương đồng ý, đồng chí sẽ sẵn sàng giúp vũ khí, đạn dược cho cuộc kháng chiến Nam bộ. Đoàn thích thú xem cuộc hội chợ ở Quảng Ngãi được tổ chức tốt đẹp, trước khi lên xe lửa đi Hà Nội.

Đến Hà Nội, đoàn được ở tại phòng Nam bộ - trụ sở trước kia của hội Nam kỳ tương tế, đường Tôn Dàn. Đoàn mới đến Thủ đô, đang còn bỡ ngỡ, lại phải tiếp khách. Đáng chú ý nhất là trong số khách đến thăm đoàn có cụ Nguyễn Văn Tố, Chủ tịch Quốc hội và đồng chí Đặng Thai Mai, Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Cụ Tố niềm nở chào mừng đoàn, tiếc rằng đoàn viên không có ai là đại biểu Quốc hội.

Cụ Tố tỏ ra thân mật tiếp chuyện với tôi, lý do là tuy cụ gặp mặt tôi lần đầu, nhưng đã mấy lần tiếp nhận thư từ của tôi và đăng bài tôi viết cho báo Tri Tân của cụ. Đặc biệt đồng chí Đặng Thai Mai quan tâm mừng đoàn trong đó có tôi là bạn học thân thiết ở trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội và tôi đã đến tận quê nhà đồng chí ở Thanh Chương (Nghệ An) trước kia. Nhân chuyện trò thân mật đầy tình cảm giữa hai bạn thân tái ngộ sau 18 năm xa cách, tôi đã kể qua sơ lược những gian khổ kháng chiến ở trong Nam, đặc biệt là ở căn cứ Cái Cát sống cảnh thiếu nước uống, thức ăn, thiếu vũ khí, bị giặc càn quét, gia đình ly tán. Sau đó đồng chí mời đoàn đến nhà ăn bữa cơm thân mật vào chiều hôm sau.

Tại buổi cơm ở nhà bạn Đặng Thai Mai, bất ngờ tôi được gặp Hồ Chủ tịch. Bác đến dự buổi ấy. Bác Hồ lại chính là danh nhân Nguyễn Ái Quốc, một danh nhân mà từ tuổi trẻ tôi đã vô cùng khâm phục đã mãi ôm ấp giấc mơ được đứng xa xa hoan hô Người; trái lại nay được Bác bắt tay và đứng sát bên Bác, thân mật chuyện trò. Một ngạc nhiên hy hữu trong cuộc đời gieo thẳng vào tâm não ngỡ ngàng của tôi một ấn tượng cực kỳ sâu sắc. Đến nay, Bác đã đi xa rồi, càng lộ lên đậm nét trong ký ức của tôi – một con người sắp tiến lên tuổi tám mươi.

Đồng chí Đặng Thái Mai tiếp đoàn chúng tôi trên gác nhà số 32, đường Lý Thường Kiệt. Đồng chí là người rất gần gũi với Bác

Hồ. Cụ Phó Bảng, thân sinh đồng chí Mai và cụ Phó Bảng thân sinh Bác Hồ đều ở Nghệ An, đã thi đỗ Phó Bảng đồng khoa với nhau, đều nặng tình yêu nước. Đồng chí có báo cáo với Bác hôm nay tiếp đoàn chúng tôi. Lúc đang chuyện trò thân mật, bỗng nghe tiếng ở tầng dưới “Bác đến!”. Đồng chí Mai vội vã xuống rước Bác lên. Bác chỏi gậy bước vào phòng nhanh nhẹn nói: “Chú mời anh chị em Nam bộ ăn cơm thân mật, không mời tôi, cho tôi ăn với nhé”. Đột ngột nghe lời Bác, chúng tôi sửng sốt, vô cùng xúc động. Sau khi bắt tay từng người, Bác vừa ngồi bên cạnh chị Định vừa nói: “Các cô chú đều mạnh khỏe, từ Nam ra đây chắc là nhiều khó khăn, phải không cô? Xin nhường tiếng nói phụ nữ trước hết”. Chị Định cũng như tất cả chúng tôi vì quá xúc cảm đến nghẹn lời. Chỉ thấy chị Định đỏ mặt, thưa “Dạ thưa Bác...” rồi ngừng lại đó. Bác vui vẻ gậy không khí thân mật, bình tĩnh Bác nhắc chúng tôi: “Vì giặc Pháp xâm lược, gây bao khó khăn, phải kháng chiến đuổi chúng ra khỏi đất nước, mới dễ dàng Bắc Nam sum họp. Kháng chiến phải cần súng đạn. Các cô chú muốn nhiều súng ống lắm phải không?”. Bác hỏi đúng ý mong muốn của đoàn, nên chị Định bình tĩnh trả lời Bác.

Bác hỏi anh em khác về tình hình đời sống kháng chiến ở Nam bộ. Lần lượt anh em báo cáo về giặc Pháp kéo quân càn quét, trình lên Bác các truyền đơn Pháp đòi ta nộp vũ khí, rõ ràng chúng đã phản bội Hiệp định sơ bộ. Đồng chí Đặng Thai Mai xen lời nhắc chúng tôi báo cáo tóm tắt với Bác về đời sống gian khổ ở căn cứ Cái Cát, xin anh chị em kể lại đời sống kháng chiến cụ thể cho Bác rõ thêm. Nhân đó, tôi báo cáo vài điểm chi tiết mà hôm qua tôi đã kể sơ lược cho đồng chí Mai nghe như: Cảnh vợ chồng một bạn có con nhỏ cứ khóc ré lên vì đói bụng, khát nước; nhắc cảnh thiếu lương thực, thiếu nước ngọt, phải bơi xuống chõ từng hủ nước giếng, ngày đêm đầy muỗi mòng; cảnh hôm trước nghe lời kêu gọi của Bác về Hiệp định sơ bộ trên đài thì hôm sau đài bị chuột cắn hư hỏng, rồi đêm ngủ phải ôm đài vào lòng v.v... Sau khi nghe lời bổ sung cụ thể của anh chị em, chúng tôi nhìn gương mặt Bác thấy hai dòng nước mắt chảy trên đôi má hóp, làm cho chúng tôi không ai ngăn được nước mắt.

Hình ảnh dòng nước mắt của Bác thương yêu đồng bào Nam bộ, thấm sâu vào tâm não của tôi không bao giờ phai mờ được cho đến ngày nay.

Trong lúc chị Định học tập, chuẩn bị về Nam, tôi được tin thực dân Pháp thực hiện âm mưu đen tối lập chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh của “*Nam Kỳ Quốc*”, dựng lên chiêu bài độc lập giả hiệu, tách khỏi Hiệp định sơ bộ mà chúng đã ký với Bác. Chống lại âm mưu chia cắt Bắc Nam, Trung ương quyết định cử hai người Nam bộ vào chính phủ Trung ương: Huỳnh Thiên Lộc, quyền Bộ trưởng Bộ Canh nông; Ca Văn Thỉnh, quyền Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Thế là giữa tháng 5 năm 1946, tôi phải chấp hành quyết định của Trung ương. Cuối tháng năm tôi bịn rịn tiễn chân chị Định mang dụng cụ, vũ khí của Trung ương chi viện về Nam. Cuối tháng 10, sau khi Hồ Chủ tịch đi Pháp về, họp Quốc hội, thành lập chính phủ mới, tôi được giao nhiệm vụ mới phụ trách phòng Nam bộ một thời gian đến toàn quốc kháng chiến 19 tháng 12 năm 1946. Theo yêu cầu của tôi, được Trung ương chấp nhận, tôi trở về Nam kháng chiến. Tôi lên đường ngày 25 tháng 12 năm 1946, về đến Đồng Tháp Mười năm 1947. Tôi thiết tha xin về tiếp tục kháng chiến ở tỉnh Bến Tre, Trung ương cục không chấp thuận, giữ tôi lại công tác ở Nam bộ.

Từ tỉnh nhà đi Trung ương báo cáo, xin chi viện kháng chiến năm 1946, tôi nhận thấy có góp một phần nào nhiệm vụ của đoàn nhưng không hoàn thành đầy đủ, không cùng chị Định nhận trọng trách chuyên chở vũ khí, dụng cụ về Nam. Nhưng tôi rất vui mừng vì sau lần đi gặp Trung ương trở về ấy, đoàn đã góp một phần có ý nghĩa vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Bến Tre.



CUỘC VƯỢT BIỂN MỞ ĐƯỜNG LẦN THỨ HAI ⁽¹⁾

Trích bài nói chuyện của đồng chí ĐẶNG BÁ TIÊN

CHỦ TRƯỞNG VÀ CHUẨN BỊ

Sau cuộc Đồng Khởi nổi dậy năm 1960 của nhân dân Bến Tre, tin tức truyền đi rất nhanh và rất nhiều. Ở ngoài miền Bắc, Trung ương Đảng đã nghe báo cáo nhưng muốn rõ thực sự công chuyện làm ở bên dưới cụ thể ra làm sao nhất là những kinh nghiệm tấn công địch bằng ba mũi giáp công như thế nào, ngoài Trung ương kêu Bến Tre ra báo cáo. Xứ ủy cũng có ý mở con đường hàng hải ra ngoài đó để xin súng nhưng làm việc này phải đi bằng ghe và đi mở đường để xem coi từ “cấp xanh rắc”⁽²⁾ trở ra đến “Ốm”⁽³⁾ quy luật chạy ra chạy vào của hải quân địch như thế nào? Rồi ra đến ngoài Phan Thiết, Phan Rang, Phan Rí, Nha Trang, Phú Yên, Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng dọc theo bờ biển... Ta phải nắm quy luật hoạt động của nó để ra ngoài kia xin súng và tổ chức chở súng vào tiếp tế cho trong này.

Việc ra Trung ương xin súng và chở súng về hồi kháng chiến chín năm chống Pháp, ta cũng có kinh nghiệm. Ta tổ chức một

(1) Tiêu đề do chúng tôi viết.

(2) Vũng Tàu (cap saint jacques).

(3) Tên một mũi ở bờ biển Trung bộ.

số thuyền chở gạo giống như thuyền buôn gạo chở các thứ ra ngoài đó, đến gần những hàng đáy sông Cầu của Phú Yên liền lạc lấy súng trở về. Trong lịch sử trước kia, chị Ba Định có nói đến chuyện đi xin súng, và từ kinh nghiệm đó mới đề ra một sáng kiến là bây giờ cũng vượt biển đi ra miền Bắc, bàn bạc xin súng đánh giặc.

Thực tế lúc đó công việc hết sức nặng nề, Tỉnh ủy mới tính toán xem bây giờ đồng chí nào có thể đi được, đi thì phải đi bằng ghe mà vượt biển ra khơi thì các anh các chị đều không quen. Lúc đó, tôi vẫn đang làm công tác dân vận mặt trận. Khi tính đến tôi đi thì chị Ba Định xét thực tế lúc ấy phong trào đang phát triển, bao nhiêu việc mới dồn dập, cán bộ ít... nên chị không muốn cho tôi đi. Ai trực bên Mặt trận? Trực bên Tỉnh ủy thì chỉ có một mình chị Ba với đồng chí Sáu Huấn chánh văn phòng, hai đồng chí giao liên với mấy đồng chí bảo vệ ở nhà... Nói là Tỉnh ủy đông nhưng chỉ có mấy đồng chí đó thôi, chớ toàn bộ các đồng chí ta đều đi hết xuống cơ sở. Tôi nhớ là đi sát quần chúng đến mức độ như vậy. Toàn bộ chỉ huy đều nằm các huyện hết, liên lạc đã có điện đài. Bộ phận điện đài bố trí riêng, bộ phận Tỉnh ủy ở vòng trong; còn ở vòng ngoài có hai đồng chí giao liên, với mấy đồng chí hợp pháp thôi. Thật sự vòng trong chỉ đồng chí Sáu Huấn với chị Ba Định. Còn bên Mặt trận thì chỉ có tôi với mấy cụ già. Tôi ở đây là để chăm sóc mấy cụ. Còn các ngành, ngay cả Tuyên huấn cũng chỉ có mấy đồng chí ở nhà, tất cả đều đi mở lớp huấn luyện tận cơ sở để bố trí các cuộc đấu tranh, xây dựng quân đội...

Lúc đó cán bộ đi xuống cơ sở coi như hầu hết. Lúc bố trí, đấu tranh ở Lương Hòa, cả chị Ba Định cũng đi xuống để tổ chức tập dượt trước một cuộc trưng băng, hô khẩu hiệu. Đúng lúc cao điểm có những chuyện như vậy... nên chị Ba không muốn cho tôi đi. Sau đến khi anh Mười Khước ở Xứ ủy về, mấy tháng sau mới tiếp tục bàn về chuyện đi. Hôm đó chắc là Thường vụ Tỉnh ủy họp quyết định bố trí tôi đi. Chị Ba kêu tôi qua hỏi: ...*"Vậy chứ cậu có dám về miền Bắc không?"*. Ban đầu, chị gợi ý vậy thôi. Tôi báo cáo với chị: *"Do yêu cầu của cách mạng thôi. Với tình chị em,*

chị hỏi tôi như vậy cũng đúng. Tôi dám hay không dám gì, nếu Tỉnh ủy có quyết định tôi đi là tôi chấp hành quyết định. Đã đến lúc cần làm thì làm”. Tôi nói với chị như vậy. Chị cho tôi biết: “Tỉnh ủy có dự định cậu đi về miền Bắc để mở con đường hàng hải xin súng chở vào để đánh giặc. Vậy cậu nghĩ sao? Bây giờ quân đội ta lớn lên như thế này mà không có súng đạn. Xứ ủy cũng có chủ trương nữa!”. Chị hỏi tôi như vậy vì chị sợ tôi còn ngập ngừng do dự. Chị không biết tôi là dân đi biển, còn tôi thì không ngại vì trước đây tôi có làm nghề đi biển. Chị bảo: “Cậu hãy về suy nghĩ rồi sáng mai chị em mình sẽ bàn bạc kỹ” (vì lúc đó chị đang bận viết gì đó). Sáng bữa sau lên gặp chị, tôi mới bảo rằng: “Tôi đã suy nghĩ kỹ rồi chị ạ. Nếu là việc cần thiết mà Đảng đã quyết định tôi đi thì tôi kiên quyết làm”. Chị bảo: “Bây giờ Xứ ủy chủ trương bố trí cho đi vì ở ngoài ấy đã kêu mấy lần rồi. Xứ ủy cho hai triệu bạc để tổ chức chuyến đi. Đây là nói về vấn đề tiền bạc chứ còn về cách thức chuyến đi như thế nào đó thì cậu suy nghĩ để thực hiện”.

Tôi nhớ trước đây có một số người từ Bắc di cư vào Nam sau Hiệp định Giơ-neo-vơ thấy thằng Diệm đối xử tệ khổ cực quá, lại nhớ quê hương xứ sở, nên có hai chiếc thuyền về miền Bắc. Tôi nghĩ rằng họ là dân mà họ còn dám vượt biển về với một cái ghe cỡ bao lớn đó, còn mình làm cách mạng thì mình càng nhất định phải tổ chức đi tới nơi cho được. Nói về nghề biển thì tôi cũng quen những cái “ra Nam Tào, vào Bắc Đẩu”. Cách nhắm hướng Đông Tây Nam Bắc và ở ngoài trời thì tôi có làm cái nghề coi trời. Tôi cũng biết cả về xem trăng sao trên trời, phía Đông, phía Nam, phía Tây. Đêm ngó lên trời tôi đoán được mưa nắng hoặc trời đông thì tôi có thể biết trước một vài ngày, do đó, tôi không ngại.

Tôi suy nghĩ làm một phương án, sắm một chiếc ghe - ghe thì tôi tính cho cả hai khả năng dùng máy và buồm để lỡ máy có hỏng thì mình chạy buồm. Về kiểu ghe thì ở ngoài miền Bắc có một kiểu ghe mà sóng tràn qua nước không vào được. Tôi chọn kiểu ghe đó và mua loại ghe có thể chở độ sáu, bảy tấn để còn chuẩn bị nước, thức ăn độ một tháng. Người đi thì tôi tính xin chị Ba năm người, năm ông nào cho gan dạ, có thể lái được, còn hoa

tiêu tức là người chỉ đường thì tôi biết coi bản đồ và biết cách dò. Chuẩn bị xong xuôi thì tập dượt chạy ở ngoài biển trước. Để đánh lạc hướng địch, ta mua lưới, đánh cá rồi đem vào bờ bán, làm giống như tự túc kinh tài lúc bấy giờ để chờ bữa nào thuận buồm xuôi gió, đồ đạc chuẩn bị đầy đủ hết cả là vượt ngay. Đề án của tôi như vậy. Phần nước uống, thức ăn, ta thiết kế trong ghe có một hộc riêng để chứa nước, tính một đồng chỉ một ngày khoảng bảy lít. Thức ăn mang theo ghe phải đủ sống một tháng. Cái hộc đó phải đóng thật kín để nước mặn không vào được...

Tôi nói với chị Ba, tôi chưa giữ nhiều tiền bao giờ, chị cho tôi nửa triệu thôi, để tôi đi Sài Gòn. Tuy đã dự lễ ra mắt của Mặt trận, nhưng tôi vẫn chưa có cái gì gọi là bất hợp pháp cả, mà có thì gọi là bán hợp pháp, nên tôi chỉ cần đi ra bến đò Tân Xuân, mặc bộ đồ di cư, với cái giấy di cư hồi xưa tôi còn, tôi ngoắt dò vào đi Sài Gòn công khai chẳng ai biết tôi là ai cả. Thế là tôi cứ đi thôi. Tôi nhớ ra ở Long Hải có những người di cư biết đóng ghe như tôi muốn. Ở Long Hải họ có làm vì ở đó có nghề đánh lưới. Tôi đi liền từ Sài Gòn ra Long Hải hỏi mua một cái ghe mới đóng đàng hoàng và cột buồm rất cẩn thận. Nhưng chẳng biết nó đóng theo cái kiểu gì và đóng nhằm ngày giờ không tốt hay sao đó nó mới kiêng cử bán đi. Tôi mua có 31 ngàn. Mua xong tôi mượn một ông già ở đó mỗi ngày 50 bạc, đưa ghe về Sài Gòn với tôi và ở đó coi ghe giùm tôi. Tôi chạy mượn lắp máy vào ghe, mua cả cái lưới dài gồm 17 khoảng, loại lưới đánh bắt cá thu, con to bằng cái bình tích, bằng cái bắp chuối. Vào Sài Gòn tôi cho ghe đậu ở gần cầu Chữ Y. Hồi trước, tôi cũng có một thời gian lái tàu ở trên Sài Gòn, lúc đó tôi làm phụ lái, làm tài công phụ nên những chuyện lắp máy tàu tôi quen và những tiệm nào bán loại máy gì của nước nào nhập vào tôi đều biết sành sỏi. Tôi mua một cái máy 18 ngựa chở về chỗ ghe tôi đậu, rồi mượn xưởng "Hữu Phước" lắp vào ghe. Tôi còn mượn thợ đóng ghe làm cho tôi mấy cái bửng đựng nước. Ở đây hằng ngày tôi mua cơm cho hai chú cháu ăn (tôi và ông già). Lắp xong mất sáu ngày. Tôi trở về Long Hải sau khi trả tiền bạc cho ông già xong xuôi, từ bến Long Hải tôi kéo buồm chạy về đến cồn Lợi, khi thênh thang ra ngoài biển có một mình, có lúc hạ buồm chạy thử bằng máy.

Ở nhà, anh Mười Khước đã lấy cho năm đồng chí thủy thủ. Đó là các đồng chí Năm Kiệm, Tư Đen, Hai Bế, Đức và Nhung cộng với tôi nữa là sáu anh em, nhưng đảng viên thì chỉ có tôi và anh Năm Kiệm. Khi đem ghe về đến cồn Lợi thì đã có anh Năm Kiệm đón ở đó rồi. Chúng tôi mở máy cho ghe vào Hồ Cỏ. Sau đó, hằng ngày tôi đem ghe ra biển đánh cá để chạy thử. Đánh được cá thì đem vào bến bán.

Tôi bí mật chuẩn bị ở xóm bên cồn Lợi: gạo thóc, sữa đường, trà v.v... và đặt lò kháp rượu. Tại sao đem rượu đi? Tôi có nghĩ cái này mà anh em có khi không biết, hoặc ngại sợ, vì chưa quen đi biển. Thứ hai nữa là chạy ngoài biển nó lạnh, có rượu thì lúc nào có vẻ căng thẳng ta uống vào làm cho tư tưởng êm êm như thế chớ không thì căng thẳng lắm. Tôi nói với anh Năm Kiệm là tôi với anh già rồi ta cứ tỉnh, vì anh Năm Kiệm uống rượu không say đâu. Tôi cũng không uống bao nhiêu nhưng làm cho anh em uống, vì ở dưới đó đâu còn nguồn vui nào khác. Khi chạy thì đã có một anh tay lái rồi, ghe cứ chạy, số còn lại chỉ nghỉ ngơi. Chúng tôi tập dượt chạy, có lúc chúng tôi chạy qua đến cái mũi bên Trà Vinh. Ở đó tôi tìm mua một cái bản đồ biển đánh cá, cái địa bàn của Mỹ do anh Ba Đào cho. Giả sử như mình giỏi như người ta, văn hóa mình khá thì mua cả các máy đo, thước đo chính xác. Nhưng lúc bấy giờ tôi cũng chủ quan tôi chẳng biết gì về những chuyện đó, nên tôi chỉ mua có cái bản đồ. Chúng tôi chạy từ Trà Vinh, chạy ra tới Phan Rang, Phan Rí. Đến đó thì đo trên bản đồ xem khoảng cách là bao nhiêu ký lô mét giữa hai nơi và chạy mất bao nhiêu tiếng đồng hồ, bởi vì lệnh của Xứ ủy lúc đó rất kỹ càng. Các ông ấy đòi phải báo cáo cho biết chạy bao nhiêu ngày và chạy với tốc độ bao nhiêu, mấy ngày mới ra tới miền Bắc v.v... Tôi cũng định mình phải báo cáo rõ như vậy để ngoài kia các ông ấy đón, đúng ngày giờ, chứ sự thật là kỹ càng quá thì cũng khó. Tập chạy đi chạy lại, tôi tính được trên dưới là mười ký lô mét một giờ. Nếu gió không to thì mở máy, còn gió to thì căng hai cánh buồm ra chạy với tốc độ cũng nhanh lắm. Tôi thiết kế cái chân vịt khi bị hỏng không phải lội xuống biển mà chỉ thò tay xuống mở cũng được. Tôi sợ ra khơi có cá mập. Anh em mà bị rủi ro gì ở dưới biển gay go lắm.

Chuẩn bị như vậy cũng cả tháng, vì gió Nam lúc đó cũng chưa thổi thuận, cho nên tôi vẫn còn cho tập chạy như vậy để thí nghiệm. Ý tôi là cho gió Nam thổi thuận để rồi xem coi ngày nào đẹp trời là đi thôi. Trong khi chạy thử như vậy tôi tính sẽ cho ghe qua cửa Tùng vào tối ngày thứ Bảy. Đúng vậy, khi đi thật, đến nơi đúng vào tối ngày thứ Bảy. Thường thường thì tối thứ Bảy, sĩ quan với lính lên bờ để mai Chủ nhật nghỉ đi chơi. Minh vọt qua cửa Tùng lúc đó chắc không sao. Khi thấy chuẩn bị xong thì các anh hỏi tôi đến bao giờ đi lúc đó mới gần giữa tháng, khoảng ngày 14, 15 gì đó. Tôi báo cáo với các anh là đầu tháng sau đi. Lúc đó ở trên Xứ ủy cũng giục mà ở ngoài Trung ương thì cũng cứ điện vào hỏi.

Một hôm anh Bảy Dấu, anh Tám Chữ đến hỏi tôi sao chuẩn bị rồi mà không đi sớm lại còn đây? Tôi sợ các anh ấy cho rằng mình lững khững, tôi mới nói: Không anh ạ, tôi có tính toán như thế này: đầu tháng đó, theo tôi biết (mà tôi cũng đã điều tra trên Sài Gòn) thì cái đám lính thủy mỗi tháng nó phát lương hai lần, một lần vào khoảng mùng 4, mùng 5 đầu tháng và một lần vào khoảng 24, 25 cuối tháng. Lính có tiền là hay lên bờ mà lại là Chủ nhật thì nó càng ở lại trên bờ lâu hơn cho nên phải chạy làm sao khi đến cửa Tùng là ngày thứ Bảy để khi tối đến ta qua cửa Tùng đỡ phải lo có tàu của nó ngăn tại đây, còn chạy trong này tôi đã có được một giấy phép của bọn nó cho đi đánh cá... Tôi “đẩy” cho thằng thư ký hai ngàn đồng để mua một cái giấy phép nó đóng tới sáu con dấu. Nó cho phép tôi là người di cư lấy tên là Nguyễn Văn Thái (vì có lần địch bắt tôi và lấy mất thẻ căn cước của tôi, tôi mới xin cái căn cước của ông già tên là Nguyễn Văn Thái). Cái căn cước ấy có đặc điểm là dấu nhận năm ngón tay của ông Thái hơi mờ. Tôi mang về nhận ký các ngón tay của tôi lên trên. Xong rồi tôi dán hình của tôi vào. Tôi làm một cái mộc nổi bằng cây quao giống như cái mộc nổi của nó, cũng “vóc” chữ Việt Nam Cộng hòa, có cả bụi tre với các thứ cần thận. Tôi đóng vào tôi đi.

Nhờ có giấy của di cư cho nên nó cho phép tôi được đánh cá từ Trà Vinh ra tới Phú Yên. Vậy là đoạn đường từ Trà Vinh ra tới

Phú Yên tôi không sợ gì cả. Ở dưới ghe tôi không đem theo tài liệu gì, vì trước khi đi, Tỉnh ủy có họp mở rộng bảy ngày, nói toàn bộ đúc kết kinh nghiệm gần hai năm Đồng Khởi. Lúc dự hội nghị, tôi ngồi bên cạnh anh Năm Hồng với anh Hai Danh (Hai Thanh) tôi nắm được hết, do đó không phải mang theo tài liệu. Lúc đi tôi bỏ túi 50 ngàn đồng. Tôi tính từ đây ra tới Đà Nẵng, hoặc ra ngoài nữa mà chẳng may bị nó bắt được thì lúc đó chuyện tốt nhất của mình là làm thế nào để nó buông cho mình đi để mình làm được việc. Giải quyết cái bước đó của mình, chẳng gì hơn là “đẩy” cho thẳng chỉ huy vài chục nghìn bạc. Còn các em kia thì làm đủ cả giấy tờ tương đối hợp pháp để qua mắt địch.

CỜI SỐNG VƯỢT KHƠI

Vào khoảng đầu tháng 7 năm 1961 là tháng gió Nam thổi thuận, đoàn chúng tôi bắt đầu đi. Trước khi đi, chúng tôi có xin của bà con ở cồn Lợi hai con chó, một con để anh em làm bữa tiệc liên hoan trước khi đi. Còn một con thì làm thịt ướp bỏ vào xoong đưa xuống ghe để dành. Ghe có mang theo hai bếp dầu lửa đủ nấu. Rồi sữa, đường, nước mắm, rau, bắp cải, gạo, dầu xăng... nghĩa là các thứ đủ để sống một tháng dưới ghe. Cũng ngày hôm đó tôi báo cáo về Tỉnh ủy, Tỉnh ủy điện lên Xứ ủy báo cáo và Xứ ủy điện ra miền Bắc cho biết ám hiệu của mình, để ngoài kia đón.

Hai ngày trước buổi tối hôm ra đi, tôi có đến gặp chị Ba Định để báo cáo. Chị nhìn tôi ứa nước mắt. Chị nói: *“Chuyến đi năm ăn năm thua và Thường vụ Tỉnh ủy coi như là một cuộc cảm tử”*. Chị bảo tôi: *“Tiền bạc còn, cậu cứ mua cho anh em ăn”*. Chị căn dặn tôi về những khó khăn có thể xảy ra trên đường đi, thậm chí có khi phải hy sinh cả tính mạng. Tôi bình tĩnh vì đã tính bước đi như vậy là tương đối chắc ăn. Tôi tin chắc chắn ra được đến miền Bắc. Nếu như ra vĩ tuyến chẳng may bị giặc bắt được thì tôi cũng nói là từ Phú Yên tôi bị lạc, bị xiêu dạt đến đây. Nói khéo với nó thì cũng có thể lọt được. Đây là tình huống bất đắc dĩ nhưng phải tính trước như vậy. Tôi nói: *“Chị yên tâm... tôi thay*

mặt cho các anh em cùng đi hứa quyết tâm với Đảng hoàn thành nhiệm vụ. Khi nào tới nơi tôi điện về ngay, chị báo cáo lại với các đồng chí Tỉnh ủy, Xứ ủy giùm tôi... “.

Ra đi thì đúng là gặp một cơn thử lửa. Lúc mới xuống thuyền nghe tin dự báo thời tiết là trời rất êm đẹp. Nhìn ở phía Tây, chỉ thấy có một đám mây đen. Thế nhưng mới chạy từ Cồn Lợi ra gần tới sông Lòng Tàu thì từ ở phía Tây nó phát nổi lên một cơn dông hết sức lớn. Sông Lòng Tàu chảy xiết cộng với cơn dông, gió Tây Nam thổi tạt ngang tạo thành những đợt sóng hết sức ghê gớm. Trời tối đen như mực (lúc đó khoảng 8 giờ tối) chúng tôi phải hạ hết cột buồm. Trong số chúng tôi chỉ còn Nhung là khỏe mạnh. Anh cặp tay lái theo chiều gió cho thuyền trôi, thế mà ghe cũng bị nhào qua lộn lại, các thứ trong ghe đều ngã nghiêng hết nhưng nước không vào ghe được. Cậu Đức từng lúc hỏi tôi: “*Anh xem tình thế anh thấy sao?*”. Tôi nói: “*Có gì đâu, qua cơn dông tố trời lại tạnh như thường*”. Tuy nói thế chứ trong bụng tôi lo, trống ngực cứ đánh thành thịch, thịch thịch. Chiếc ghe cứ lắc lư trôi lên sụp xuống, có khi sóng đánh ào nước phủ qua cả lưng anh cầm lái. Độ khoảng 24, 25 tiếng đồng hồ như vậy thì trời êm dần. Như vậy là ngọt trong thời gian đó, cái cột buồm của chúng tôi theo kiểu buồm cánh dơi ít khi hạ xuống lại phải hạ xuống. Anh Năm Kiệm nói: “*Mẹ, mới bước chân ra đi mà nó đã làm quá*”. Sợ để anh ấy nói như vậy đâm ra có ảnh hưởng đến tinh thần anh em nên tôi nói: “*Theo tôi coi trời và kinh nghiệm đi biển thì sau khi gặp một trận như vậy mấy ngày hôm sau trời rất êm. Nếu chưa bị trận đó, đợi đến lúc mình lênh đêngh trên biển nó lại đến thì gay*”. Bấy giờ anh em tôi mới tùm tùm cười đi thay quần áo, vắt khô, để sẵn chờ mai phơi. Lau sàn ván và các thứ xong, chúng tôi đốt lửa lên làm mỗi người một cốc sữa uống, và trước khi uống sữa thì cũng nhậu lai rai một tí cho nó ấm (lúc đó vào khoảng 8, 9 giờ tối). Chạy cho đến sáng ra thì đã tới Phan Rang, Phan Rí. Trước kia tôi cũng có biết Phan Rang, Phan Rí và đã thấy đèn xanh đèn đỏ ở Cấp. Chúng tôi lại tiếp tục chạy suốt một ngày hôm sau nữa.

Đến ngày thứ ba, thì qua cái mũi Nam đỏ. Ở đó không có một

người nào tới đánh cá bởi vì ngọn núi chếch ra ngoài biển, núi cản gió cho nên khi gió thổi đến đó phải thổi vòng theo núi để ra biển, chỗ thì thổi ngược, chỗ thì thổi xuôi, tạo nên những sóng mà toàn là những sóng đá gà, giống như luôn luôn có bão gió trong các vùng này. Về sau, tôi hỏi thì dân ở đó trả lời rằng họ không dám đánh cá ở vùng này, cả những chiếc ghe bầu ngoài miền Trung vào cũng sợ chỗ này. Khi trời chớm sáng vừa trông thấy ngọn núi là tôi đã cho ghe chạy giạt ra xa với tốc độ thật nhanh, chạy ra thật xa, xa đến mức không còn trông thấy núi, đất gì cả, chỉ thấy bầu trời như cái vung úp chụp lấy mình. Có đồng chí không quen sóng lớn không dám dòm. Chạy đến chiều thấy trời hơi êm anh em mới nấu cơm ăn. Khi toàn bộ các đồng chí mình đang ngồi ăn cơm ngoài sập thì gió bắt đầu thổi. Nó đẩy cho một lượn sóng bạc đầu làm toàn bộ mâm cơm, xoong nồi, các thứ lẫn nhào hết vào trong ghe. Lúc đó cậu Đức đang cầm lái sợ còn các làn sóng nữa ập vào tôi mới bảo Tư Bê: *“Cậu mày đi lái cho nhớ, ráng tránh sóng lớn. Lát nữa tôi sẽ bảo Đức quay máy lên cho ghe chạy nhanh”*. Khi có sóng thì thường thường Tư Bê lái tránh được, cứ thấy cái lượn sóng đến gần là Bê lái ngoắt ghe tránh sang phía khác nên sóng đổ ngang mình chứ không đánh ập vào thuyền mình được. Thế là mất một ngày để qua cái mũi Nam đảo.

Các ngày hôm sau, thì đúng là êm chớ không có gì cả. Có lúc biển lặng trang và gió thổi nhẹ nhẹ, chúng tôi chạy máy mà tốc độ bằng hai cái buồm khi gió thổi mạnh. Đoàn phân công trực, bố trí hai anh em trực mỗi ca hai tiếng đồng hồ rồi thay hai người khác, cứ như thế hết đêm này qua ngày khác. Hoa tiêu tôi chịu trách nhiệm. Ban ngày tôi dặn các đồng chí xem chiều gió thổi vào cánh buồm mà điều chỉnh tay lái chạy cho đúng hướng. Ban đêm thì nhìn sao. Tôi đã chỉ cho anh em tập nhìn sao ngay từ lúc đi đánh cá tập dượt: sao nào là sao Bắc đẩu, Đại hùng tinh, Tiểu hùng tinh, hay chung quanh sao Bắc đẩu là cái gì, ở phía Bắc thì có những sao Cân nước, sao Thánh giá, sao Thần nông, sao Mai, sao Vượt. Tôi nhớ trong Kiều có câu: *“Có Hôm mà chẳng có Mai/ Kia ông sao Vượt đón ai giữa trời”*.

Chỉ trong một thời gian là các đồng chí biết định hướng đường nào là Đông, Tây... và tối tôi chỉ cần chỉ cho các đồng chí để cột chèo mũi hoặc mũi ghe vào hướng sao mà chạy theo hình thể của nước ta trên bản đồ. Mấy ngày đầu chúng tôi trực chỉ thẳng phía Đông và khi đã qua Nha Trang rồi thì chạy về phía Bắc. Đến Quảng Nam thì cho chạy chọc vào đảo Hải Nam. Tôi tính con đường chạy của tôi cũng theo cái hình cong chữ S. Đi như vậy có lúc trông thấy núi, cũng có lúc không thấy núi. Chạy ra tới Phú Yên, Sông Cầu thì nghe dự báo thời tiết đêm nay đi ngược và cũng thấy núi gần hơn phía trước nên chúng tôi chạy xà vào Phú Yên để tránh gió bắc thổi ra. Tuy tôi quen nghề biển, tôi biết cái sóng này cũng không phải sóng biển Đông, nhưng dù sao thì cũng phải tránh trước. Chúng tôi vào bờ, chỉ thấy một quãng ở bờ biển Phú Yên giống như một thành phố. Thành phố nào ở đây, ta vào xem coi sao? Có giấy tờ hợp pháp nên tôi không sợ. Khi đến gần, té ra đây là hàng nghìn cái đèn “ét đa” của dân câu cá mực. Mỗi cái ghe có hai đèn và hai người ngồi câu. Năm trăm cái ghe câu thì có đến hàng nghìn đèn “ét đa”. Họ buộc một miếng dừa tròn tròn vào đầu sợi chỉ thả xuống biển, đầu kia buộc vào đầu cây gậy. Con mực bầu vô ăn. Khi cá mực đã mê mồi ta cử nhấc từ từ mảnh mồi lên, rồi đưa vợt xuống vợt là bắt được ngay. Câu như vậy được rất nhiều, có khi trúng thì khẳm cả ghe.

...Đi tiếp nữa chúng tôi thấy có mấy cái trại dài dài trên mé biển... trên vách núi có nước chảy từ một cái khe trắng xóa, mấy cậu hỏi: “Anh à, cho anh em vào đó để đi tắm”. Đi từ hôm nọ đến nay mỗi người chỉ được bốn lon nước dành khi tắm nước mặn xong thì xối lại cho đỡ xót. Tôi nói vào tắm thì vào. Sau lúc tắm xong, cậu Đức chạy lên mấy cái trại cách khoảng hai trăm mét xem người ta làm gì. Khi trở lại, Đức mang theo hai, ba ký đường mua ở xóm để xuống ghe nấu chè ăn. Khi ra đến Trung ương, anh Lê Duẩn rầy nhất là ở chỗ đi mua đường, chủ quan, không cảnh giác. Trên đường, ta phải tập trung đi cho được việc. Đến tối, nghe đài báo gió Nam bắt đầu lai rai thổi, tôi cho ghe chạy tiếp để ngày mai tức ngày thứ Năm ra cho tới Đà Nẵng. Khi đến Quảng Nam, Đà Nẵng thì ghe đã chạy ra xa không nhìn thấy núi

non gì cả. Chạy suốt ngày thứ Năm cho đến chiều thì đã ra tới Đà Nẵng. Qua ống dòm tôi thấy một chiếc ghe đánh cá kiểu ghe miền Trung. Họ dùng đá buộc dây treo ở lái cho ghe trôi từ từ để họ đánh cá chớ không có neo. Khi đến gần, tôi hỏi: “Ở đây là ở đâu? Máy anh ở đâu ra đánh cá?”. Các anh cho biết họ ở Đà Nẵng và hỏi chúng tôi ở đâu? Tôi nói chúng tôi cũng đi đánh cá nhưng bị giạt.

Họ bảo nếu chúng tôi muốn vào Huế – thì cứ theo chiều gió nhằm cái núi chập chờn trên mặt nước đó mà chạy, còn chạy ra ngoài kia thì người ta bắt đấy. Tôi đã có địa bàn, có bản đồ. Nếu tôi biết được cái mũi chập chờn trên mặt nước ở chỗ nào tôi sẽ tính được tôi đang ở đâu. Trong lúc trò chuyện, tôi thấy họ đánh được mấy con cá tôi bảo: “Máy anh có đổi rượu lấy cá không?”. Họ nói: - “Đổi”. Tôi xách một lít rượu đem đổi cá. Họ ném cho hai con cá thu to bằng cái bắp vế. Chạy vào, cho đến khi không còn thấy cái ghe đó nữa và đã trông thấy núi chập chờn, tôi đem bản đồ, địa bàn ra đo tính toán thì biết đoạn đường từ đây ra tới vĩ tuyến cũng gần.

Tôi tính bây giờ là 12 giờ, chạy sáu tiếng đồng hồ nữa, sẽ được thêm 60 km đường. Khoảng độ 6 giờ rưỡi mình qua cửa Tùng. Cũng may là có gió ngược phải nằm lại một bữa cho nên khi đến cửa Tùng đúng ngày thứ Bảy. Tôi tính và biết như vậy rồi để bụng không biết nói với các đồng chí sao đây? Nói ra nếu lỡ mà tinh thần anh em căng thẳng thì không nên. Cậu Đức trình độ văn hóa có khá một chút nên khi xem tôi ngồi tính thì cậu cũng hiểu ra. Thấy tôi cười cười, anh Năm Kiệm hỏi: Sao mà lại cười ông? Tôi nói với anh em tối nay là tối thứ Bảy, chắc ta phải vượt qua cửa Tùng thôi. Anh em mới hỏi tôi còn mấy chục cây số nữa. Tôi nói còn độ khoảng 60 km. Bấy giờ ai cũng trông cho trời mau tối, ai cũng có cảm giác thời giờ trôi chậm quá. Không đồng chí nào ngủ được. Nhớ lúc gặp ghe đánh cá anh em trên đó có cho biết ở đây sâu đến 90 sải nước, không sao neo ghe được nên tôi cứ cho nhắm đảo Hải Nam chạy cắm vào. Mà càng nhắm vào Hải Nam lại càng xa đất liền. Chạy cho tới 6 giờ rưỡi tối, chúng tôi đoán chừng đã qua được cửa Tùng. Rồi 7 giờ rưỡi, 8 giờ rưỡi, 9

giờ rưỡi, tôi cho mở máy chạy với tốc độ rất nhanh. Đến 2 giờ sáng hôm sau, tôi mệt quá vì đã thức từ 12 giờ trưa hôm qua. Anh em thanh niên mệt ngả lưng là ngủ được ngay, còn tôi với anh Năm Kiệm không ngủ được. Đến 12 giờ thì anh Năm Kiệm đi ngủ còn tôi, tôi tiếp tục cầm lái. Tôi bảo các đồng chí đi ngủ, khoảng 2 giờ, tôi đã kêu Đức với Tư Đen dậy coi lái. Tôi tính mình đã chạy từ 6 giờ rưỡi đến 2 giờ cũng được 8 tiếng đồng hồ trên dưới 80 km rồi. Lúc trao tay lái cho Đức và Tư Đen, tôi dặn: *“Cậu cầm lái hễ thấy có cái gì lạ thì kêu mình, còn thì cứ chạy xê xê vào đất liền chứ đừng chạy ra đảo Hải Nam nữa”*.

Tôi vừa nói mới nằm xuống chợp mắt được một lát thì Đức kêu bảo thấy có tàu. Kêu một cái là tôi ra ngồi trên mũi liền và lấy khăn trùm lên đầu để tránh gió bất ngờ. Một lượn sóng đẩy ghe lên cao tôi thấy đúng là có hai chiếc tàu. Một lượn sóng lên nữa tôi thấy rõ một cái đèn màu hơi đỏ và một cái đèn màu hơi vàng; Đức hỏi: *“Sao anh Sáu?”* - Tôi nói: *“Không sao, tàu của mình đó”*. Tư Đen hỏi: *“Sao anh biết tàu của mình?”*. Tôi nói: *“Thì ta đồng ý với nhau là chạy từ hồi tối đến giờ được 80 km rồi, nếu thuyền địch nó đuổi thì đuổi từ đằng sau ghe của mình. Còn ở đây tàu chạy từ đất liền ra và chạy ở phía trước mũi ghe mình. Cái nữa nếu là tàu hải quân của địch thì bao giờ nó cũng pha đèn. Nay giờ không thấy bóng đèn pha nào cả. Một điều nữa là đèn hải quân tụi nó màu xanh chứ đâu có màu vàng, đỏ, như vậy”*. Tôi liền cho ghe chạy ra hướng đảo Hải Nam để tránh chiếc tàu và chỉ độ một giờ sau là không còn thấy chiếc tàu đâu nữa. *“Thế bây giờ các cậu đồng ý chạy vô chưa?”*. Tôi hỏi, anh em bảo đồng ý. Vậy là ghe chúng tôi chạy vô. Lúc đó gần 4 giờ khuya. Tôi lại đi ngủ. Tôi ngủ được một giờ.

Đã 5 giờ sáng, nhưng trời nhiều sương mù, ghe chạy thế nào mà xộc vô gần một cái tàu to như cái nhà thế này. Tôi bảo Đức kéo cái neo, thả buồm xuống. Đức liền thả buồm đánh rột một cái. Lúc đó tôi đang ngồi trên mũi bị cái cánh buồm đánh vào đầu một cái choáng váng. Tư Đen hỏi tàu gì vậy anh? Tôi bảo tàu buôn đấy. Sở dĩ tôi nói tàu buôn bởi vì tàu này không giống tàu hải quân. Tàu hải quân dáng nặng nề và kiểu khác, không treo

cờ nhiều như vậy, còn tàu này là tàu nổi. Về sau tôi biết tàu đó là tàu “Hòa Bình” của mình chở gỗ từ Quảng Bình ra Hải Phòng đang chạy ra thì mình chạy chia vào vì tôi muốn cho ghe chạy xê vào Nghệ An.

Chạy suốt một ngày hôm đó cho tới tối, gió Tây Nam thổi, ghe cứ giạt ra xa không thấy bờ. Chạy đến 2 giờ chiều mới thấy một dãy núi ở bên phía tay trái. Đến 2 giờ sáng thì chúng tôi tới đất liền. Mình mong vào đất mình mừng. Vào gần thì thấy đèn đánh cá ở sát mé biển cũng nhiều nhưng là đèn dầu thôi. Mình cũng định đến hỏi thăm nhưng nghe tiếng máy ghe mình thì họ cho là biệt kích và thấy cái đuôi buồm cánh dơi là loại buồm ở đây không có là họ chạy mất tiêu. Vô tới đất liền vẫn không thấy chiếc thuyền nào cả... Ai ngờ họ chạy vào báo cáo với đồn công an. Chúng tôi cũng không may chạy đâu không chạy lại “đám” thẳng vào lối đồn công an ở cách trong đó mấy trăm mét. Đây là chỗ giáp giới giữa Hà Tĩnh và Quảng Bình. Chúng tôi ra ngoài xa xa neo ghe. Lúc đó mấy anh em lại hỏi: Bây giờ anh nói thử ở đây là ở đâu? Nếu anh nói đúng thì chúng tôi khen. Các điểm anh đã nói nào là Nha Trang qua Đà Nẵng đều đúng hết. Tôi đã nắm tương đối đúng. Tôi nói bây giờ giạt ra tới Hà Tĩnh chứ không còn nằm trong Quảng Bình. Lúc đó khoảng 2 giờ đêm. Chúng tôi tổ chức nhậu. Đã tới đất rồi nghỉ ngơi cho khỏe vì suốt cả cuộc chạy vừa rồi toàn ở trên ghe với sóng to, chưa một lúc nào ngồi yên. Nhậu xong mấy anh em đi ngủ. Còn tôi với anh Năm Kiệm nói chuyện từ đó đến sáng, chỉ trông cho mau sáng để lên bờ hỏi thăm xem ở đây là đâu cho chắc ăn.

ĐẠI BÁT

Thì ra ba chiếc ghe đến báo đồn công an. Đồn công an mới điện đi các nơi. Sáng ra chúng tôi đã thấy bốn chiếc tàu hải quân đậu bao vây bên ngoài. Trên bờ có tới hai tiểu đoàn bộ đội được điều tới: Một tiểu đoàn rải dọc trên núi, một tiểu đoàn đón và rải dọc ở rặng phi lao. Các ông ấy cho một chiếc ghe đánh cá chở toàn công an chèo tới xem coi ghe chúng tôi là ghe gì. Thuyền đã

lạ mà lại chạy máy. (Ở đây chưa có thuyền nào chạy máy cả). Đêm nghe tiếng máy chạy thì đoán chỉ có biệt kích thôi. Các ông ấy chạy sát vào. Tôi cũng muốn các ông ấy đến sát để hỏi. Khi các ông vừa tới tôi hỏi: *"Ở đây là đâu vậy các anh?"*. *"Ở đây là Hà Tĩnh"* - Các anh trả lời rồi hỏi lại chúng tôi: *"Còn ghe của các ông ở đâu tới?"*. Tôi nói: *"Chúng tôi ở miền trong đi đánh cá bị xiêu giạt đến nên không biết ở đây là đâu"*. *"Miền trong là ở đâu?"* - *"Dạ tôi ở suốt mãi trong miền trong ấy..."*. Bởi vì tôi nói tiếng Bắc lung tung cho nên họ cũng không biết là ở đâu cả. Ghe thì ghe kiểu miền Bắc. Mấy anh em kia thì chưa ai trả lời, họ chỉ thấy chúng tôi toàn mặc quần áo đen thôi. Lúc đó bảy, tám ông mới chèo sát ghe chúng tôi, họ ngó vào trong ghe coi có gì không? Chỉ có cái máy. Các ông cũng chưa bắt, chưa nhẩy qua ghe chúng tôi, mà chèo ra một trăm mét thì bốn ông công an lên bờ. Tôi biết đây là Hà Tĩnh rồi. Mấy anh em mình đòi lên bờ tắm, giặt quần áo. Tôi nói lên thì lên nhưng đồ đạc của đồng chí nào đồng chí đó gói gọn và mang theo nếu có bị bắt luôn thì có đồ thay. Bốn anh em lên, tôi với anh Năm Kiệm ở dưới ghe. Lên mới đến nửa bãi thì ở trên kia một tiểu đội công an vũ trang đi xuống bắt mấy anh em dẫn lên. Trong khi đó một tiểu đội nữa xuống ghe hỏi giấy tờ. Tôi nói tôi là người đánh cá ở mãi suốt trong Bến Tre, Trà Vinh bị xiêu cả nửa tháng nay trôi vô đây, mấy ông mời đi thì đi.

Từ lúc mấy ông đang đi xuống, tôi với anh Năm Kiệm đã gói đồ đạc nhanh chóng, sẵn sàng chờ bị mời đi. Chúng tôi được dẫn vào trong xóm chỗ đồn công an đóng. Đồn ấy không lớn lắm nên mấy ông giam chúng tôi mỗi người một nhà. Các ông công an hỏi: *"Ai là chủ ghe?"*. Tôi trả lời: *"Dạ, tôi"*. *"Thế sao anh nói tiếng Bắc?"*. *"Tôi di cư vào Nam cho nên tôi nói tiếng Bắc"*. *"Anh di cư à?"*. Thế là nhà tôi có hai lính gác, còn các nhà kia thì chỉ có một lính gác thôi. Sau đó các ông ấy huy động quân đội và cả Hợp tác xã khiêng toàn bộ chiếc ghe tôi nặng như thế đưa vào một cái hồ cách một ký lô mét trong đó, xóa hết dấu vết. Sở dĩ tôi biết các ông ấy khiêng đi mau chóng như vậy là vì khi tôi hỏi xin lấy đồ đạc, gạo, các thứ ở trên ghe để chúng tôi nhận tự nấu ăn thì các ông ấy bằng lòng và dẫn chúng tôi đi, không ra mé biển mà đi

ngược trở lại? Thế là mới biết các ông ấy đã khiêng ghe vào trong. Tôi với một ông nữa lấy đồ đạc, hai ông lính đi sau rồi hai đứa chúng tôi bê gạo, dầu lửa, bếp và các thứ đi trước. Bê như thế cho đến hai chuyến mới hết, mang về đến chỗ nhà tôi ở và nấu ăn ở đó. Sáng hôm sau khi nấu cơm xong tôi kêu anh em đến ăn. Đầu tiên chúng tôi uống nước trà, xong đến nhậu, nhậu ba tiếng đồng hồ rồi mới ăn cơm. Ăn xong, uống nước trà, xong nước trà lại quay qua pha cà-phê uống. Thế qua bữa cơm đầu tiên đó tôi rút kinh nghiệm là tôi nấu trong một tiếng đồng hồ. Nhưng anh em ăn như vậy phải một tiếng rưỡi. Tôi nói với mấy anh em là mình cứ ăn mỗi bữa cơm kéo dài ra hai tiếng rưỡi, ba bữa công lại cũng được bảy tiếng rưỡi, tức một ngày. Thế cũng được, nếu không thì buồn lắm, bởi vì chúng tôi bị giam mỗi đứa mỗi nhà.

Trước khi đi, lệnh của Tỉnh ủy đặt ra cho chúng tôi dứt khoát, không nói gì hết, chỉ khi nào có ông Trưởng ty hay Phó ty hỏi thì lúc đó mới nói chứ còn đối với tất cả bên dưới thì bịt kín hết. Cái lệnh đó từ ngoài Trung ương chỉ đạo báo vào trước khi đi cho nên chúng tôi bị giam thì giam chứ tuyệt đối không nói gì.

Chúng tôi bị bắt giam bốn ngày, ngày thứ nhất thì đồn điều tra, ngày thứ hai thì ở trên tỉnh xuống ba cán bộ nhưng điều tra không ra vì tôi nói tôi là chủ ghe, tôi mượn anh em đi đánh cá. Điều tra không ra, các anh ấy về báo cáo. Ở trên tỉnh lúc đó cũng không biết chúng tôi là loại gì cả. Do đó đồng chí Phó ty xuống. Đồng chí này tôi nhận ra là bạn của tôi ngày xưa cùng làm công tác tôn giáo vận chung với nhau. Nhưng vì tôi dãi nắng dầm sương mấy tháng trông có khác đi nên đồng chí chưa nhận ra. Lúc đồng chí đến hỏi tôi thì đồng chí không biết tôi. Anh ở đâu? Tôi nói tôi ở Thanh Hóa, sau vào Nam là dân di cư. Ở Thanh Hóa anh có quen ai không? Tôi nói tôi quen với ông Chủ tịch tỉnh Thanh Hóa. Còn quen ai nữa? Tôi nói tôi quen với Ông Trưởng ty Công an. Thấy anh ấy không biết cứ hỏi cho nên chỗ bạn bè muốn ghé nhau một tí. Lúc anh ấy bước vào, tôi có gọi tên chào anh. Ở miền Bắc người ta chào tên chứ không chào thứ. Anh ấy lấy làm lạ vì sao tôi biết anh, biết cả ông Chủ tịch... Anh nhanh

nhau hỏi: “*Thế bây giờ anh là ai anh cho tôi biết?*”. Tôi nói tên ra. Anh ấy hỏi: “*Thế sao cậu mày ở đây?*”. Tôi đùa: “*Tôi ở đây mới có chuyện*”. Rồi tôi nói thật là ở trong Xứ ủy miền Nam và Tỉnh ủy Bến Tre cử tôi và đoàn ra liên lạc với miền Bắc. Tôi nói ám hiệu tôi đã điện ra cho Trung ương rồi, đề nghị các anh điện gấp cho Trung ương đón chúng tôi. Anh ấy thấy vậy biết đây cũng là yêu cầu của Trung ương phải làm gấp nên anh ấy về điện ngay.

Trung ương cho xe từ Hà Nội vào đón. Tất cả là ba chiếc xe, trong đó có đồ đạc như quần áo, giày dép để hóa trang cho anh em làm bộ đội đưa đi. Bố trí như công an tỉnh xuống bắt chúng tôi giải về ty. Đồn ở đó không biết. Dân ở đó cũng chỉ biết là nửa đêm thấy công an đến còng tay chúng tôi đưa đi. Các anh cho chúng tôi vào hai chiếc xe đóng cửa bít bùng. Xe chạy đến khúc đường không có nhà thì ghé vào những lùm cây cho chúng tôi thay quần áo và ăn uống. Chạy đến Hà Tĩnh, vào nhà khách Tỉnh ủy thì thấy có đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Chánh văn phòng và đồng chí Phó ty Công an kể trên. Đến 7 giờ, ăn sáng xong chúng tôi lại chui vào xe bít bùng, chạy suốt cho đến 10 giờ đêm thì tới Hà Nội. Chúng tôi được bố trí ở trong một ngôi nhà gần ngã ba Quan Thánh. Nhà này để dành cho anh em cán bộ bí mật miền Nam ra. Lúc đó ở trong nhà đã có hai anh Lê Duẩn và Phạm Hùng. Các anh đang chờ vì các anh ấy biết là có đoàn của Bến Tre ra. Gặp mặt, các anh bảo là đang ngồi chờ để thấy mặt anh em một chút và xem có khỏe không. Bây giờ thấy là đã mừng rồi. Các anh bắt tay chúng tôi, mừng rỡ xong rồi bảo đi ăn cháo hoặc cơm, tắm giặt, nghỉ sáng mai tất cả sẽ đến gặp các anh tại nhà.

Sáng hôm sau, chúng tôi qua bên nhà đồng chí Lê Duẩn. Ở đây thấy có các anh Hùng, Thọ, Lương, Lê Duẩn. Đầu tiên các anh hỏi thăm sơ bộ tình hình. Các anh hỏi thăm sức khỏe từng người một trong chúng tôi. Rồi đồng chí Lê Duẩn bảo ngày mai đồng chí Sáu Hải (tức Sáu Giáo) sẽ sang bên này ở với tôi mấy bữa để làm việc. Còn các đồng chí khác về nghỉ ngơi bồi dưỡng sức khỏe cho tốt.

BÁO CÁO VỚI TRUNG ƯƠNG

Sáng hôm sau tôi qua bên anh Lê Duẩn. Tôi ở đó bốn ngày, sáng đi, buổi tối về địa điểm nghỉ. Từ chỗ nghỉ đến nhà anh Lê Duẩn cũng gần. Trong bốn ngày đó, các anh Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Lê Văn Lương, Lê Duẩn và sáu đồng chí thư ký cứ ngồi nghe tôi nói và ghi âm. Lần đầu tiên tôi báo cáo trước đồng chí Tổng Bí thư và các đồng chí Trung ương khác mà chưa kịp sắp xếp chuẩn bị, tôi rất lo. Ngày hôm qua mới đến, ngày hôm nay đã sang báo cáo rồi. Nhưng làm việc với các anh thật là thoải mái. Anh Lê Duẩn bảo tôi hề biết cái gì thì nói, thứ hai là khi các anh hỏi cái gì biết thì cứ trả lời. Thế thôi chứ không phải làm văn bản chi cho rườm rà vất vả. Tôi ngồi trên chiếc ghế sa lon, báo cáo như nói chuyện và các anh thì cứ hỏi. Tôi tưởng trong một ngày, hai ngày là xong, nhưng lại kéo dài cho đến bốn ngày. Các anh hỏi về vấn đề ba mũi giáp công về đấu tranh chính trị, đấu tranh như thế nào? Về vấn đề xây dựng Đảng, xây dựng quân đội, xây dựng lực lượng cách mạng, vấn đề ruộng đất, vấn đề giữ lõm căn cứ như thế nào? Đời sống bà con ra sao? Anh Lê Duẩn hỏi trước có ở Hiệp Hưng. Tôi đã xuống nằm ở đó cả tháng để chỉ đạo đấu tranh. Anh ấy rất lấy làm lạ khi hỏi đến nhà nào mà anh đã ở đó hồi xưa tôi đều biết. Anh ấy hỏi thăm bên Thanh Phú. Thanh Phú là một cái bến nơi tôi chuẩn bị đi cho nên một số nhà ở cồn Lợi tôi cũng biết... Tuy các anh hỏi như vậy nhưng tất cả đều tập trung vào việc thi hành Nghị quyết 15 của Đảng ở Bến Tre như thế nào. Làm thế nào để tổ chức được phong trào đấu tranh chính trị, võ trang, binh vận.

Chỗ này anh ấy hỏi kỹ nhất và sau đó các anh kết luận phải gắn thật chặt vào nhau. Đấu tranh chính trị tức là ta làm sao cho thằng địch suy sụp về tinh thần, nêu những cái gì rất là dã man tàn bạo của địch để cho những người Việt Nam có lương tâm họ thấy được những điều sai lầm và vạch cho họ thấy tại sao quần chúng tập trung vào đấu tranh thế này... làm giảm bớt những hành động ác ôn đồng thời giác ngộ tinh thần binh lính địch. Đến khi đó kết hợp lực lượng võ trang tấn công vào địch, tức là liên quan giành thắng lợi, chỗ này rõ ràng là sức mạnh của ta, là

sức mạnh tổng hợp. Nhưng kết quả đem lại của đấu tranh chính trị từ khi lực lượng vũ trang chưa lớn, chưa thành lập được những tiểu đoàn, trung đoàn nhưng nó có một sức hỗ trợ hết sức lớn. Đây là một vấn đề khoa học quân sự và đường lối quân sự của Đảng ta từ thực tiễn của công cuộc cách mạng mà rút ra.

Anh Phạm Hùng hỏi nhiều nhất về vấn đề phụ nữ, đội quân đầu tóc, đông như thế, làm sao chỉ huy, vấn đề xây dựng Đảng thì như thế nào? Anh muốn biết mặt tổ chức xây dựng Đảng có cân đối với phong trào không? Vấn đề này lúc đó ở Bến Tre chúng ta thấy rất rõ, chi bộ nào ít nhất cũng có một phần ba nữ. Có những chi bộ đảng viên nữ nhiều hơn nam, hay trung bình nam nữ xấp xỉ nhau. Trong giới nữ lúc đó ba, bốn đồng chí là Tỉnh ủy viên, chị Ba Định làm Bí thư. Ở các huyện, tổ chức Đảng của ta lúc đó còn có chi bộ A và chi bộ B⁽⁴⁾ kết hợp giữa hợp pháp và bất hợp pháp. Đó là những hình thức tổ chức cho phù hợp trong lúc này. Đội quân đầu tóc lúc bấy giờ có vai trò nòng cốt lớn nhất trong đấu tranh chính trị. Vì do địch khủng bố rất nhiều cho nên nam giới không đi được.

Các anh ấy hỏi nhiều về vấn đề xây dựng Đảng và lúc đó xây dựng Đảng đúng là một vấn đề lớn. Theo tôi biết, các hình thức khai trừ và thi hành kỷ luật rất ít, nhưng kết nạp vào thì nơi nào cũng có. Chất lượng kiểm tra và kết nạp Đảng trong thực tế đã chứng minh rất rõ. Xây dựng Đảng và xây dựng tổ chức quần chúng của ta đặt trên cơ sở đấu tranh giành các quyền lợi chẳng những về độc lập dân tộc mà còn giành các quyền lợi về ruộng đất và các quyền lợi khác về dân sinh, dân chủ. Cho nên nông hội bấy giờ bao gồm cả thanh niên, phụ nữ, và nông dân chứ không phải chỉ có riêng hội viên nông hội là trung niên. Nông dân, phụ nữ, thanh niên có tổ chức đoàn thể riêng, mỗi đoàn thể đều có nhiệm vụ và chức năng riêng nhưng trong đấu tranh giành quyền lợi ruộng đất thì tổ chức nông hội được coi là nòng

(4) Chi bộ A là chi bộ được tổ chức hoạt động công khai trong vùng giải phóng và tranh chấp. Còn chi bộ B là chi bộ được tổ chức, hoạt động bí mật trong vùng địch chiếm đóng.

cốt qui tụ cả ba tổ chức thanh niên, phụ nữ và nông dân.

Như thế, các anh cho là đúng đắn nhất vì đã là tổ chức của giai cấp nên trong tổ chức này không thể chỉ có một nhóm người bởi vì phụ nữ thì cũng là phụ nữ nông dân và thanh niên thì cũng là thanh niên nông dân... chỗ này là một bài học lớn.

Rồi các anh ấy hỏi đến phần đào tạo cán bộ như thế nào? Và đã dạy những gì? Còn anh Lê Duẩn thì hỏi tôi: Cách giữ lõm căn cứ ra sao? Vấn đề này các anh thấy khó nhất, ở trong một xã đồn bót địch đóng giăng giăng như vậy ta giữ lõm căn cứ là giữ lõm sao? Tôi trình bày cách giữ thông qua trường hợp điển hình ở Bình Đại. Căn cứ ta lúc đó đóng ở trong đình "Đầu Trâu", địch muốn vào thì một là nó phải đến thị trấn, hai là phải đến giồng Bà Nhiên, ba là nó phải đến đầu giồng chợ Đình Đầu Trâu rồi mới đi đến vùng giải phóng của ta tức là cái lõm căn cứ của ta ở. Thường là nếu địch kéo về vài ba tiểu đoàn thì nó sẽ đóng ngay tại nhà lồng chợ. Ta cho đánh ngay khi địch vừa tới. Tối hôm trước, nó kéo đến đóng tại đây thì ta cho một tổ du kích mật dùng lựu đạn tông vào ngay lúc chúng ngủ gây thương vong. Ngày sau địch sẽ lúng túng về cái chuyện chết chóc này. Ngày hôm đó địch đã mất ngủ, sáng nó có ngoan cố đi càn cũng đã giảm sút nhiều. Đây là một kế hoạch đánh địch từ xa. Thứ hai khi địch đến giồng Bà Nhiên ta cho đội du kích của ta ra đánh bằng súng và lựu đạn, đánh đằng sau chứ không đánh đằng trước. Mà đánh vào đằng sau thì phải nổ đúng vào đám điện đài và phải ném lựu đạn ngay vào chỗ chỉ huy. Đến tuyến thứ ba quân của nó mới đụng với cái hàng rào người của ta. Thấy địch tràn vào ta tổ chức bà con gánh gồng, dắt cả heo cũi tản cư ngược, chặn ngay đầu địch. Nó hỏi: "*Mấy ông bà kéo nhau đi đâu mà đông thế này, lại dắt cả trâu, bò đi?*". Bà con nói: "*Tại mấy ông vô đây đánh nhau, chúng tôi sợ chết nên phải ra quận ở*". Khi bà con đi, du kích ở lại cắm chông, gài mìn, bẫy. Nếu địch cố lì vào thì bà con vừa tìm cách nói để ngăn nó lại vừa kéo thẳng ra quận đấu tranh, làm rối hậu phương của chúng. Còn du kích ở lại thì bắt đầu bắn lẻ tẻ, dẫn địch vào bãi chông. Địch đi trên đường, chông ta cắm ở dưới mé ruộng. Khi ta bắn, địch từ trên đường nhảy xuống lộn

vào bầy chông. Đó là cách đánh thứ tư. Còn cách đánh thứ năm là cách đánh của các đơn vị bảo vệ của ta, khi địch đến. Các đồng chí ở ngoài đó cho cách đánh phối hợp này đúng là một phương thức tốt nhất và lúc đó các anh ấy mới hiểu tại sao ta giữ được lăm căn cứ trong khi địch đóng đồn bót giăng giăng. Còn về đường lối quân sự, ta vận động được cả việc tổ chức đông đảo quần chúng tham gia quân đội, ta tổ chức một đội quân “mật” có nghĩa là ngay tại thị trấn, địch chiếm đóng nhưng ta vẫn cài răng lược với nó tại đó. Ta có du kích, tự vệ mật ở đó. Các anh ấy cho đó là một cách tổ chức rất giỏi và sáng tạo của Đảng bộ Bến Tre.

Tôi nói khoảng độ 20 phút thì các anh ấy ngồi nói với nhau, phân tích từng vấn đề, từ ba mũi giáp công, giữ lăm căn cứ rồi sức mạnh tổng hợp, về vấn đề đào tạo cán bộ, xây dựng Đảng v.v...

Về xây dựng quân đội, tôi báo cáo với các anh là trong lúc chưa có súng đạn ta vẫn tập hợp thanh niên thành đội ngũ, tổ chức quân đội nghi binh, nghi trang, võ trang, tuyên truyền. Nhiều đêm ta hành quân tưởng chừng như có cả hàng nghìn người làm cho địch rất hoảng sợ. Những cuộc hành quân nghi binh như vậy diễn ra khắp các huyện Thạnh Phú, Mỏ Cày, Giồng Trôm, Ba Tri v.v... Tiếng đồn quân đội của ta về cùng làm cho địch phải co lại, đồn bót của nó cũng có chủ trương rút bớt, chúng sợ cũng đúng vì ta với những công tác binh vận đã đánh áp bất ngờ nhiều đồn bót của chúng. Không chỉ ở một hai chỗ, mà ở rất nhiều nơi trong tỉnh, một mặt ta diệt ác ôn ngoan cố, mặt khác ta lấy đồn bót, nghi binh, nhưng thật sự ta chỉ có một trung đội. Ta thắng địch là nhờ ta có sức mạnh tổng hợp của quần chúng, nhờ khí thế cách mạng của quần chúng đang lên. Sức mạnh tổng hợp của cách mạng ta lên nên mặc dù lúc đó quân đội ta còn ít, thắng địch vẫn suy sụp.

Rồi lần lần các anh hỏi đến vấn đề báo chí, sách vở, tài liệu, tuyên truyền. Và những cái này thì ở Bến Tre ta có đủ. Ta đã nhanh chóng làm những tờ báo và in ra những tài liệu vì tài liệu ở trên gởi xuống rất ít. Các đồng chí ta nhớ được những tài liệu gì thì viết lên những tài liệu đó. Thí dụ như bài “Năm bước công tác

cách mạng”, các đồng chí bên tuyên huấn nhớ ra và viết được khoảng sáu trang giấy. Nhưng đã có tác dụng nâng đỡ cho cán bộ cơ sở, đặc biệt là những cán bộ làm công tác dân vận. Nhiều tài liệu học tập nói về những chính sách của Đảng đối với nhân dân, với các đoàn thể các giới v.v... đều do bên tuyên huấn biên soạn và phổ biến. Có những tài liệu do chính các anh nhớ và viết lúc đó đến bây giờ, tôi vẫn cho rằng đó là những tài liệu rất quý. Lưới thông tin của ta cũng khá dày và nhạy. Sau một đợt tấn công rút ra được những bài học gì các đồng chí tập hợp phổ biến ngay. Đến cơ sở thì các đoàn thể nông, thanh, phụ tổ chức học tập, rút kinh nghiệm làm tiền đề chuẩn bị bước vào những cuộc tấn công mới.

Về hoạt động thông tin tuyên truyền thì ta cho đăng tin tức và khẩu hiệu trên các đường đi hoặc khắc trên thân cây dừa chỗ nào cũng có. Định có chủ trương gỡ khẩu hiệu của ta, nhưng gặp phải những khẩu hiệu khắc vào thân cây chúng không thể gỡ được. Những khẩu hiệu đó là những khẩu hiệu binh vận, khẩu hiệu chính trị và cả khẩu hiệu động viên quần chúng, chính nó đã góp phần cổ vũ khí thế cách mạng của quần chúng. Có những nhà thông tin, các đồng chí làm rất đẹp, làm bằng rơm, bằng lá dừa, người qua lại trên đường, ai cũng muốn bước vào xem. Lúc đó tôi thấy dường như có một sự thi đua nhau làm nhà thông tin, tôi cho rằng các đồng chí thông tin tuyên truyền lúc bây giờ làm cái đó rất hay, rất tốt. Ngoài ra ta đã tổ chức rút kinh nghiệm tại chỗ những cuộc biểu tình tuần hành, những cuộc đấu tranh trực diện với địch phổ biến cho các nơi liền, Nhờ vậy mà những điển hình nhanh chóng biểu dương. Mọi người đang thi đua sáng tạo ra những hình thức đấu tranh mới lạ hơn. Đánh địch cũng có nhiều cách, thí dụ như việc phá chiếc cầu Chệt Sậy để cắt giao thông địch. Ta bàn với dân. Dân nói phá cây cầu ấy dễ thôi. Vậy là các cụ nông dân cho cưa cả trăm cây dừa kết thành nhiều bè rồi chặt chuỗi tấn xuống bè khi nước lớn lên và đợi nước ròng thả cho bè trôi vào chân cầu để giữ nước lại. Cứ tới tấp như vậy thành một cái bờ đập rất lớn cho đến một lúc sức nước bị dồn nén quá mạnh, những chiếc bè đã kéo cầu sụp xuống...

Suốt trong bốn ngày các anh cứ từ từ hỏi tôi và các anh đàm luận với nhau.

Có một lần anh Lê Duẩn đưa tôi ra báo cáo trong một cuộc có đủ các nhà lý luận Mác-xít Lê-nin-nít (các đồng chí này đã học từ Liên Xô, Trung Quốc về và đang bàn cãi nhau về đường lối). Anh Lê Duẩn bảo: Các anh đang bàn cãi nhau về vấn đề đường lối, vậy bây giờ có đồng chí này, đồng chí sẽ trình bày các chuyện mà Tỉnh Đảng bộ Bến Tre đã làm trong ấy cho các anh nghe, khỏi phải cãi nhau nữa. Tôi cứ trình bày toàn bộ thật rõ vấn đề đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, tuy hai mà một, cái nọ hỗ trợ cho cái kia, lúc nó là nhân nhưng cũng có lúc nó là quả, v.v...

GẶP BÁC

Làm việc hết ngày thứ tư, anh Lê Duẩn bảo tôi về hỏi các anh trong đoàn xem anh nào muốn cái gì và đồng chí ghi hết cho tôi. Khi tôi về hỏi, có đồng chí nói muốn gặp Bác, có đồng chí muốn qua Trung Quốc, có đồng chí nói muốn xem vịnh Hạ Long, có đồng chí muốn đi máy bay, có đồng chí muốn đi Điện Biên, đi xem nhà máy dệt Nam Định, đi Thanh Hóa... Gần hai mươi cái muốn như vậy và được đồng chí Lê Duẩn giải quyết toàn bộ kể cả đi máy bay. Chúng tôi lên máy bay đi mấy vòng quanh thành phố Hà Nội, bay lên Điện Biên, bay xuống Hải Ninh – đi bằng Dakota, đi bằng trực thăng cũng có và cuối cùng là đến gặp Bác.

Có một điều là anh em chúng tôi không dám đề xuất mà anh Lê Duẩn đề xuất là kết nạp đảng viên mới ngay trong đoàn. Anh ra lệnh cho tổ chức của Ban thống nhất kết nạp các đồng chí chưa phải là đảng viên vào Đảng và thành lập một chi bộ. Điều này làm cho chúng tôi sung sướng nhất. Tất cả các đồng chí trong đoàn đều trở thành đảng viên. Còn khi đến gặp Bác, Bác cho ăn bánh kẹo... rồi hỏi thăm tới gia đình, nhà cửa, bà con thôn xóm ra sao? Bác hỏi tôi về cuộc sống của bà con nông dân. Cuối cùng Bác hỏi: *“Các cháu ra đây muốn cái gì?”*. Đồng chí Đức nói: *“Thưa Bác, Bác cho súng để về trong miền Nam đánh Mỹ”*.

(đồng chí có biết chủ trương của Tỉnh ủy là ra đây xin súng nên đồng chí nói luôn). Bác bảo: “Súng của ta bây giờ nhiều lắm, súng của mình, của phe xã hội chủ nghĩa muốn bao nhiêu người ta cũng giúp cho, nhưng mà vác một cây súng từ đây về tới miền Nam thì nặng lắm, giá trị của nó phải đến bằng cục vàng. Thế các cháu ra đây thì cố gắng học, học để nữa về vận động bà con lấy súng Mỹ đánh Mỹ nó nhẹ hơn”. Ý Bác bảo chúng tôi phải học tập nâng cao trình độ hiểu biết đó cũng là chỉ thị của Bác cho Ban thống nhất. Cho nên lập tức ngày hôm sau, sáu anh em chúng tôi được sắp xếp để giáo viên đến dạy. Chúng tôi chỉ có sáu người mà có hôm có đến tám đồng chí giáo viên đến dạy. Sáng học quân sự hai tiếng đồng hồ, xong học văn hóa, chiều lại học văn hóa và xế chiều thì học quân sự v.v...

Trong quá trình học quân sự hề bực tới một loại súng nào thì có xe chở chúng tôi đi Sơn Tây, tha hồ bắn đạn thật. Chúng tôi được bắn súng trường AK, trung liên, đại liên... Sau học ở Sơn Tây, tôi được Bác bảo lên trường Đảng học một lớp lý luận 8 tháng. Còn các đồng chí kia đi học hàng hải để trực tiếp đem tàu, bố trí chở súng đạn về, Bên quân sự tổ chức các đồng chí làm hoa tiêu.

BÁO CÁO ĐỒNG KHỞI CỦA BẾN TRE Ở HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG

Sau khi được đi tham quan một số nơi về tới Hà Nội, anh Phạm Hùng đã bố trí cho đồng chí Hiếu, thư ký của anh giúp tôi chuẩn bị một cái “sườn” để chuẩn bị ra báo cáo “Đồng khởi” ở hội nghị Trung ương. Tôi nhớ là hội nghị Trung ương lần thứ 5 bàn về nông nghiệp.

Làm báo cáo xong mất năm ngày. Anh Ba dẫn tôi qua hội trường. Trên đường đi, anh bảo là hôm nay đồng chí sẽ trình bày một chuyện mà chưa ai nghe bao giờ. Ngồi ở dưới có Bác, các anh ở Bộ Chính trị và các đồng chí Trung ương, đồng chí cứ mạnh dạn nói, đừng ngại. Anh Ba dặn dò như thế vì sợ tôi “khớp” lên nói không được (lúc ấy tôi mới có 31, 32 tuổi).

Vào hội trường, anh Ba dắt tôi đến hàng ghế đầu, bảo tôi ngồi xuống đó. Anh bấm chuông, lúc đó mọi người vào. Tôi thấy Bác từ bên dưới đi lên. Bác đến vừa đúng giờ. Tôi thấy các anh Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Tố Hữu, Võ Nguyên Giáp v.v... khi các anh đã ngồi xuống đông đủ thì anh Ba nói:

“Báo cáo với hội nghị, bây giờ đến mục tôi báo cáo về tình hình miền Nam, nhưng nếu tôi báo cáo thì cũng như tổng hợp tất cả các tài liệu, các tin tức tôi đã gửi cho các đồng chí. Tốt hơn là hôm nay tôi giới thiệu với tất cả các đồng chí một đồng chí từ Nam bộ mới ra. Đồng chí ở tỉnh có phong trào đấu tranh mạnh nhất là tỉnh Bến Tre, tỉnh Đồng khởi nổi dậy... đồng chí ấy sẽ báo cáo trước hội nghị”.

Lúc đó hầu hết mọi người đều đứng lên xem coi người từ miền Nam ra đó là ai, và rất chú ý muốn nghe vấn đề nổi dậy như thế nào? Đồng chí Lê Duẩn ngoắt tôi đứng lên. Mọi người vỗ tay, vỗ tay từ lúc nghe nói tôi là người Bến Tre ra.

Tôi đứng lên bục trình bày bản báo cáo của tôi về phong trào Đồng Khởi của Bến Tre trước hội nghị. Báo cáo chia làm ba phần.

Phần I: Báo cáo tình hình sau khi hòa bình được lập lại và tiếp theo các năm 1956, 57, 58, 59. Bà con đang mừng rỡ thắng lợi của cuộc cách mạng đem lại hòa bình, lo xây dựng lại nhà cửa, làm ăn trên mảnh đất của mình thì cuối năm 1956 đầu năm 1957 địch bắt đầu đánh phá trở lại phong trào cách mạng, đánh vào nhân dân, đánh vào người cộng sản. Trước tình hình bức bách đó yêu cầu của quần chúng từ đấu tranh chính trị đòi phải đấu tranh vũ trang. Đó cũng là vấn đề mà Trung ương đã thảo luận và đề ra chủ trương *“đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang”*. Bến Tre đã tổ chức thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương như vậy.

Sang phần II: Tôi báo cáo tình hình phong trào đi lên của ta, các mặt đấu tranh chính trị, vũ trang và binh vận. Báo cáo về tổ chức các lực lượng quần chúng, lực lượng quân đội, tổ chức Đảng, cơ sở... và ba mũi đánh địch, lấn địch, giải phóng. Vùng giải phóng của ta lúc đó rất rộng địch còn tạm chiếm dọc theo

trục đường ở các huyện Giồng Trôm, An Hóa và Mỏ Cày, nhưng hai bên mé có khi chỉ cách nhau ba trăm mét mà địch không dám ra.

Phần cuối cùng là bài học kinh nghiệm rút ra từ nổi dậy của Bến Tre.

SÚNG VỀ

Bắt đầu từ cuộc vượt biển mở đường của Bến Tre lần thứ hai năm 1961, có một số chuyến ở Cà Mau, Bạc Liêu, Trà Vinh và Bến Tre cùng đi tiếp, có một chiếc lạc mãi ra đến đảo Hải Nam gặp đoàn đánh cá Tân Tây Lan nó tưởng là người Trung Quốc nên chỉ vào đảo Hải Nam. Vào đó thì bị bắt lên, khi biết là người Việt Nam ở đây mới điện cho sứ quán ta ở Trung Quốc nhận và đưa về Hà Nội. Những anh em trong các chuyến ghe ra sau được học hàng hải, làm hoa tiêu dắt hàng đoàn tàu chở vũ khí vào các bến Bạc Liêu, Cà Mau, Trà Vinh và Bến Tre.

Ta cho tàu chạy bên ngoài hải phận quốc tế đến tiêu điểm của mình đã định thì thọc vào, đặc biệt có những chiếc tàu chạy thẳng vào luôn rạch ở căn cứ. Về sau thằng địch biết nó đánh phá mất mấy chiếc...

* * *

Hai cuộc vượt biển mở đường của Bến Tre đã diễn ra trong hai thời kỳ khác nhau, sự phong tỏa của kẻ thù khác nhau, nhưng đều giống nhau ở chỗ cách mạng miền Nam nói chung và tỉnh nhà nói riêng đang ở trong tình cảnh gặp khó khăn.

Xin súng là cần thiết nhưng mục đích chủ yếu của các chuyến đi là mở đường, là tranh thủ sự lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương Đảng để có phương hướng đưa phong trào cách mạng tiến lên những bước mới. Bến Tre là một tỉnh cù lao, chung quanh sông lớn và biển bao bọc. Bọn địch lợi dụng nhược điểm đó, bao vây kiểm soát chặt chẽ bằng “bo bo” và trực thăng cho nên trong hai cuộc kháng chiến, có lúc Bến Tre bị cô lập, giao thông liên

lạc giữa hai cù lao bị gián đoạn, thậm chí có lúc mất liên lạc với cấp trên.

Hai chuyến đi, hai lần vượt biển đã nói lên phần nào sự dũng cảm, mưu trí, vươn lên, đập bằng khó khăn để chiến thắng kẻ thù của Đảng bộ và nhân dân Bến Tre.

**HỘI VĂN NGHỆ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG BẾN TRE**



NHỚ MÃI TÊN NGƯỜI

NGUYỄN NĂM HỒNG

Năm 1938, tôi còn nhỏ lắm. Nhà tôi thường có khách, khách trong xóm ấp, khách lạ thường đến gặp ba tôi cũng có. Tôi phải nấu nước và châm nước luôn để đãi khách. Bác Sáu Diệp, người cùng xã và là bạn thân của ba tôi, thường đến nhà đàm luận với ba tôi. Có lần bác Sáu đến nhà, tôi châm trà cho bác uống, tình cờ nghe bác nói: *“Chính phủ Léon Blum - Mặt trận bình dân Pháp - Nguyễn Ái Quốc là người cách mạng Việt Nam tài giỏi”*. Nguyễn Ái Quốc - cái tên nghe rất hay, đập vào đầu óc tôi làm tôi suy nghĩ và nhớ mãi đến bây giờ.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 bùng nổ, tôi trực tiếp tham gia cướp chính quyền tại thị xã Bến Tre và sau đó nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập (02 tháng 9 năm 1945). Sau một thời gian tìm hiểu tôi mới biết Nguyễn Ái Quốc chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đúng cái tên mà tôi nghe bác Sáu Diệp nói rất lâu rồi, tôi sung sướng và xúc động quá.

Cuộc kháng chiến chống Pháp cho đến cuối năm 1950, địch chiếm hết cù lao Minh, phần đất giải phóng của tỉnh Bến Tre còn lại và bây giờ trở thành vùng bị địch tạm chiếm. Huyện ủy Mỏ Cày dời xuống huyện Thạnh Phú rồi qua huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để củng cố. Một bộ phận cán bộ cho đi miền Tây, một bộ phận trở về gây dựng lại cơ sở trong vùng địch. Tôi xung phong trở về công tác vùng bị tạm chiếm ở Mỏ Cày vào tháng 5 năm 1951. Và sau cuộc lễ kỷ niệm sinh nhật Bác 19 tháng 5 tại ấp Rạch Bèo (huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), tư tưởng tôi

được củng cố thêm vững vàng vì lòng tin ở Hồ Chủ tịch, tôi đi vào vùng địch...

Đầu năm 1953, Huyện ủy Mỏ Cày kêu tôi từ vùng bị tạm chiếm Mỏ Cày trở ra vùng giải phóng huyện Châu Thành (tỉnh Trà Vinh) cho tôi đi học trường Văn chính của Sở Công an Nam bộ ở miền Tây. Đến tháng 6 năm 1954 học chưa hết chương trình, nhưng vì chuẩn bị thi hành hiệp định Giơ-neo-vơ nên trường phải bế mạc. Trong buổi bế mạc, đồng chí Nguyễn Văn Cử - Giám đốc nhà trường và đồng chí Phạm Lê Thanh, người trực tiếp phụ trách nhà trường nói với học viên và dặn dò chúng tôi: *"Thi hành hiệp định Giơ-neo-vơ nhất định còn gặp nhiều khó khăn nhưng lúc các đồng chí gặp khó khăn là lúc các đồng chí phải nhớ đến Hồ Chủ tịch thì mới có thể vượt qua được"*. Tôi nhớ mãi lời dặn dò này khi trở về Bến Tre.

Đến năm 1958 và 1959, cách mạng tỉnh nhà gặp quá nhiều khó khăn. Từ 1956 đến 1958 tôi phụ trách công tác binh vận ở thị xã Bến Tre, Sóc Sãi, Châu Thành, Bình Đại, sang đầu 1959 tôi làm Bí thư Huyện ủy Sóc Sãi (nói Bí thư Huyện ủy nhưng thực sự còn có 5, 10 đảng viên mà thôi). Địch đánh tan cơ sở, gia đình chỉ cốt không dám chứa cán bộ trong nhà vì sợ Luật 10/59 trả thù. Lúc bấy giờ làm công tác tư tưởng thật khó, không biết phải nói sao cho có kết quả. Tôi chỉ làm công tác tư tưởng cho tôi là tin tưởng ở Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch mà thôi. Vì chắc chắn là Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng sẽ có chủ trương mới để thay đổi tình hình. Đúng là sau đó có chủ trương Đồng Khởi. Tình hình miền Nam biến chuyển thắng lợi ra sao, các đồng chí và đồng bào đều rõ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nguyễn Ái Quốc là người cổ vũ động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng bất chấp khó khăn, tù đầy, máy chém và xem cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Từ hồi còn nhỏ cho đến khi trở thành cán bộ, tôi nhớ mãi tên Người.

Ngày 10 tháng 3 năm 1989



BÁC HỒ CỦA NGOẠI

TRẦN THIỀU

Ghi theo lời kể của người cha ĐẶNG VĂN ĐĂNG

17 giờ, ngày 20 tháng 12 năm 1988, từ Huyện đội Bình Đại tôi về nhà tại ấp Bình Thạnh 3, xã Thạnh Trị (xã Bình Đại A trước đây). Dùng cơm xong, uống nước ở bàn ghế trên nhà với cha tôi (tức ông nhạc gia) tự nhiên cha tôi bảo:

- Kêu vợ của con lên đây cha nói chuyện. Tôi vội vã kêu ngay. Vừa kêu vừa nghĩ thầm không hiểu có chuyện gì không?

- Các con ngồi đây ngoại kể con nghe:

Ngoại nay đã tròn 79 tuổi. Tuổi mà Bác Hồ đã ra đi vĩnh viễn vào năm 1969. Ngoại đã lớn tuổi, sức đã yếu lại bệnh nhiều nên ngoại nói lại cho con cháu hiểu thêm về Bác Hồ, về truyền thống đấu tranh của dân tộc và riêng của gia đình mình.

Cha tôi chưa kịp nói tiếp, hai con tôi – Hùng (trai) 19 tuổi, Hằng (gái) 9 tuổi hỏi ông ngoại:

- Chuyện gì vui không ngoại. Sao hồi đó đến giờ ngoại không kể cho tụi cháu nghe.

- Chuyện Bác Hồ với miền Nam và riêng chuyện gia đình mình nữa. Bác Hồ nói “Miền Nam luôn trong trái tim tôi”.

Hằng hỏi ngoại: Sao Bác Hồ với miền Nam mà còn với gia đình mình nữa ngoại?

- Thì có Bác Hồ, miền Nam mới được giải phóng, đất nước mình mới được thống nhất, mới có độc lập, tự do. Bà con mình

mới có cơm ăn, áo mặc, gia đình mới được sum họp như ngày hôm nay.

- Bác Hồ là vị Cha già, là Cha của ngoại. Không có Bác Hồ thì không có ngoại và con cháu đâu. Nên lúc nào ngoại cũng nhớ thương Bác Hồ như người Cha sinh ra ngoại.

Mượn hai câu thơ của Tố Hữu để bình:

“Người là Cha, là Bác, là Anh.

Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”.

- Vì Bác Hồ nên trong chín năm kháng chiến chống Pháp, ngoại cho cậu ba con đi bộ đội đánh Tây. Vì Bác Hồ, ông bà ngoại đùm bọc nuôi dưỡng các ông, bác, chú của con. Trong 6 năm đấu tranh chính trị với thằng Mỹ - Diệm như chú Chín Ngay (Tỉnh ủy viên về hưu tại xã Sơn Đông), chú Ba Lộc – Bí thư xã Lộc Thuận về hưu tại xã, chú Sáu Bình và nhiều chú khác ngoại không nhớ hết...

Vì Bác Hồ nên ông bà ngoại tiễn đưa cậu Năm (Sơ), cậu Tám (Tiết) của con đi làm giải phóng quân lúc Bến Tre mình làm cuộc Đồng Khởi năm 1960.

Đến khi kết thúc chiến tranh, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, ba đứa con cũng từ già ngoại ra đi theo Bác Hồ. Ngoại mất ba người con, các con mất ba người anh, người cậu – nhưng nhân dân mình, gia đình mình cũng được hưởng độc lập, tự do là quý giá nhất, Bác Hồ dạy:

“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Rồi cha tôi kể tiếp:

- Năm 1961 – 1963, khoảng đó, bọn Mỹ ngụy lập ấp chiến lược – khu trù mật ở khắp miền Nam, nó gọi là *“Quốc sách ấp chiến lược”* để gom dân mình vào khống chế! Cô lập giữa bà con mình với cách mạng để dễ bề tiêu diệt cách mạng, nay tại xã, ấp mình cũng vậy. Mỗi lần cách mạng về phá ấp chiến lược... bọn chúng bắt ngoại phải bồi thường bằng tiền, nếu không thì nó đánh đập ngoại. Ngoại phải giao cho nó hàng trăm ngàn đồng gọi là tiền bồi thường, nó nói *“vì con cháu của ngoại phá”*.

Cũng thời gian này, tên Phạm Văn Được còn gọi là Đại diện Được (Quảng Được) – cha của tên Phạm Văn Môn (Hai Môn) đại

đội phó của ngụ ở tại xã, ác ôn khét tiếng hơn gấp mười lần Đại diện “Chín Dẽ” của năm 60 – 61.

Ngoại không nhớ rõ ngày, nhưng ở giữa khoảng tháng 3 năm 1963, nó bắt trên dưới 25 người của 25 gia đình có con em theo cách mạng ở ấp phải ra rừng ở tại ấp (hiện nay là công trường đê Tây của huyện) bảo phải bắt cho được “Việt cộng” đem về cho nó, nếu không nó phạt tù, tiền, lao công v.v... Bà con sợ buộc phải đi.

Lúc này, ngoại nhớ lại lời dạy bảo ân cần của Bác Hồ Chí Minh: *“Thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*, nên ngoại nói thà chết chứ không đi. Vì đi tức là chấp nhận giết con cháu Bác Hồ, nó bắn hăm dọa ngoại, ngoại cũng không đi, đánh ngoại, ngoại cũng không đi. Cuối cùng thằng Được ra lệnh cho tay chân nào là đào lỗ chôn sống ngoại, bằng cách chôn lấp đất khỏi bụng ngoại. Ngoại biết nó hăm dọa nên không sợ nó, nên chấp nhận cho nó lấp đất, dầu có chết cũng cam chịu. Nếu ngoại chấp nhận theo ý nó thì bà con trong ấp, xã đều theo nó, thà ngoại chết một mình mà bao anh em không chết để theo Bác Hồ giải phóng dân tộc. Thời gian khoảng 3 tiếng đồng hồ, số bà con đi ra rừng gặp anh em cách mạng. Anh em động viên bà con trở về đấu tranh quyết liệt với tên Đại diện Được, buộc chúng phải đào đất đem ngoại lên. Thấy không ăn, tên đại diện dẫn lính về đồn. Cuộc đấu tranh của ngoại và bà con được thắng lợi. Từ đó đến sau, chúng không làm hình thức đó nữa mà tăng cường phạt tiền, lao công.

Cho đến khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, gia đình mình và bà con trong xã nói riêng, miền Nam nói chung, phải hy sinh biết bao xương máu, bị tù đầy, tra tấn vì bọn Mỹ - ngụ, có những gia đình hy sinh năm, sáu người. Các con biết: Bác Hồ mất đi để lại cho con cháu lời di chúc thiêng liêng mà muôn đời phải làm theo.

Nay ngoại đã già, muốn nhắc lại các con luôn ghi nhớ công ơn của Bác Hồ đối với dân tộc, đất nước và mỗi gia đình, trong đó có gia đình của chúng ta.



HÀNH QUÂN THEO CHÂN BÁC

Về nữ chiến sĩ biệt động LÊ THỊ HỒNG

THÁI ANH PHƯƠNG TRINH

Viết theo lời kể của đồng chí LÊ THỊ HỒNG

(Bí danh MINH THẮNG)

Nguyên Bí thư phường 4, thị xã Bến Tre

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chứng minh sinh động:

...Trên đất nước nghìn năm chảy máu

Nghìn năm người con gái vẫn cầm gươm...⁽¹⁾

Với trái tim của người cha, mẹ hiền, Hồ Chủ tịch luôn dành rất nhiều tình cảm thân thương cho phụ nữ. Tại cuộc mít tinh kỷ niệm 26 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20 tháng 10 năm 1966), Người khẳng định:

“Nhân dân ta rất biết ơn các bà mẹ cả hai miền Nam, Bắc đã sinh đẻ và nuôi dưỡng dạy những thế hệ anh hùng của nước ta”.

Đặc biệt, phụ nữ miền Nam và phụ nữ Bến Tre luôn là hình ảnh trần trụi trong tim Bác, Bác đã nhiều đêm không ngủ khi nhớ đến những cuộc đời “Máu - nước mắt - căm thù” mà nhà thơ Tố Hữu đã viết trong “Lá thư Bến Tre”:

(1) Thơ Hoàng Trung Thông.

“...Có chị gần sanh không chịu nhọc
Lấy vò nó đập vọt thai ra...
Có em nhỏ nghịch ra xem giặc
Nó bắt vô vườn trói gốc cau
Nó đốt, nó cười, em nhỏ hét
Má ơi! Nóng quá cứu con mau!...”⁽²⁾

Đáp lại tấm lòng bao la của Bác, trái tim những người phụ nữ Bến Tre yêu nước cũng luôn hướng về Bác. Trong những tháng kháng chiến chống Mỹ, khó khăn gian khổ không sao kể xiết vẫn nguyện giành thắng lợi để được gặp Bác, gần Bác... Ước nguyện son sắt ấy cũng là nguồn động viên cho người nữ chiến sĩ biệt động Lê Thị Hồng (Minh Thắng) chiến đấu và chiến thắng.

Tuổi thơ gặp Bác

Chính từ những lần sinh hoạt Đội ở mái trường giải phóng xã Cẩm Sơn (Mỏ Cày) mà Hồng và các bạn được “gặp” Bác, được hiểu Bác...

Qua lời kể dạt dào tình cảm của các thầy, cô giáo và các đồng chí phụ trách Đội, trí tưởng tượng tuổi thơ của Hồng đã dõi theo bước chân yêu nước của Bác sang tận trời Tây, biết Bác nghèo vẫn làm thuê để hoạt động cách mạng cứu nước, cứu dân... Hồng vẫn thường tự hỏi: - Nhà mình cũng nghèo, cha thoát ly từ thời kháng Pháp, còn mẹ thường đau yếu vì phải lao động nhọc nhằn, vì bị địch đánh đập khảo tra... Là gái, mình có dám đi theo ba, theo Bác không?

Năm 1964, tin tức về sự hy sinh dũng cảm của anh Nguyễn Văn Trỗi bay về tận xã, trái tim nóng bỏng nhiệt tình cách mạng của Hồng đập mạnh trong lồng ngực... Câu hỏi bao ngày qua được giải đáp rõ ràng: Hồng sẽ đi tiếp con đường của Bác, con đường anh Trỗi...

Cuối năm 1967, cô nữ sinh lớp 6 vừa tròn 16 tuổi Lê Thị Hồng cùng bạn bè trường giải phóng tình nguyện lên đường tòng quân vào lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho cao điểm Xuân Mậu Thân. Từ ấy, Hồng trở thành chiến sĩ trong đơn vị biệt động Thị xã.

(1) “Lá thư Bến Tre” - Thơ Tố Hữu .

Hành quân theo con đường Bác vạch

- Năm 17 tuổi, Hồng được thăng cấp Tiểu đội trưởng tiểu đội công khai sau một năm nỗ lực hoạt động, và suốt 8 năm tham gia đơn vị Biệt động thị xã, bao cuộc chiến đấu sanh tử đã diễn ra giữa Hồng và giặc thù. Nhưng Hồng nhớ sâu sắc nhất là những trận đánh 1969, sau khi nghe tin Bác đã ra đi vào cõi trường cửu.

Thời điểm lịch sử đau thương ấy, Hồng đang ở Hương Mỹ (Mỏ Cày) tại nhà một người bà con. Khi nghe Đài phát thanh thông báo, Hồng chưa dám tin vào sự thật, còn họ buột miệng: “Bác Hồ mà mất cộng sản cũng tiêu!”...

Trước thái độ của những người chưa hiểu về Bác, về cách mạng Hồng ráng kềm lòng, bước ra nhà sau, khóc lặng lẽ... Trên đường về căn cứ, lòng không tránh khỏi bồn khoăn:

- Bác mất, sự nghiệp cách mạng có thành công chăng? Kẻ thù nhân dịp này cố mặc sức ra tay đánh phá phong trào, giết hại đồng bào yêu nước?...

Càng nhớ tới tấm gương suốt đời vì nước, vì dân của Bác, Hồng càng xúc động; đồng thời niềm tin cũng trỗi dậy trong lòng, chị nói thầm: - Bác vẫn còn vì bao chiến sĩ cách mạng đang đi theo con đường Bác vạch – trong đó có ba, có các chú, các anh trong xã mình và... cả mình nữa! Bác ơi! Bác vẫn hành quân cùng chúng cháu!...

Sát vai cùng đồng đội trong đơn vị biệt động, Hồng biến đau thương thành hành động yêu nước cụ thể.

Ngày 19 tháng 5 năm 1969, kỷ niệm ngày sinh của Bác, đơn vị phát động thành tích, Hồng xung phong cùng đồng chí Minh Chiến⁽³⁾ đánh trái trung đội biệt kích (khu vực gần chợ Ngã Năm). Dù hàng rào cảnh sát và mật vụ của địch rải khắp các ngã đường, khám xét khắp người những ai mà chúng nghi ngờ... chị vẫn tìm mọi cách chuyển các bộ phận của trái mìn định hướng

(3) Đồng chí Minh Chiến, hiện nay ở tại xã Tam Phước, huyện Châu Thành, Bến Tre.

vào địa điểm (như đặt trong gói chuối khô, trong bịch mắm sống...)

Ngày 20 tháng 5 năm 1969.Âm!!!...

Quyết tâm và lòng dũng cảm của đồng chí Minh Chiến và chị (tên thường dùng là Minh Thắng) đã làm cho 16 tên địch bỏ xác tại chỗ, trong đó có 1 tên đại úy chỉ huy biệt kích, 2 thiếu úy, 1 chuẩn úy), làm bị thương 8 tên, hư 1 máy điện thoại và nhiều loại súng hiện đại. Hồng được tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Nhì.

Đầu tháng 6 năm 1969, chị được chuyển về đơn vị chốt C100 của tỉnh đảm nhận nhiệm vụ câu trái chuyển vào cho đồng đội đánh bọn Bảo an (ở Sân bay). Sáng 01 tháng 12 năm 1969, cùng đồng đội đánh trái ở Ty Chiêu hồi, Hồng nhận được bằng khen của Tỉnh đội.

Là chiến sĩ hoạt động công khai trong nội thành, ngày ngày phải giáp mặt với quân thù, chị luôn trong tư thế chiến đấu – nếu phải rơi vào nanh vuốt của chúng.

Lần đầu tiên: Vào tháng 7 năm 1969, Hồng bị Sư đoàn 9 Mỹ đổ quân bắt được tại xã Tường Đa (Châu Thành), chở trực thăng thả về căn cứ Mỹ ở Bình Đức (Mỹ Tho), chúng lấy súng đòi bắn, lấy búa đòi đập đầu, tát thẳng vào mặt chị, dọa:

- Mày là nữ Việt cộng liên lạc đường dây Bến Tre – Mỹ Tho, nếu không khai viên đạn này sẽ chui vào trái tim mày!... Kèm nén đau đớn, chị trả lời: - Tôi là người dân chỉ biết lo làm ăn nếu mấy ông thương thì thả tôi về, còn bắn thì tôi chịu, chớ biết gì mà khai?...

Suốt một tuần lễ bị điều tra, Hồng vẫn trả lời trước sau như một, không có bằng cớ, chúng buộc phải chở về Ty Cảnh sát Bến Tre và thả chị.

Lần hai: Vào cuối năm 1969, Hồng bị chiêu hồi ở thị xã chỉ điểm bắt giải về Ty Cảnh sát Bến Tre. Lần này địch áp dụng nhiều đòn thù trên thân thể chị: Móc sườn non, dùng ma trắc đánh vào gan bàn chân, bàn tay rồi tổng giam biên biệt 12 tháng trời (4 tháng ở Bến Tre, 8 tháng ở nhà lao Thủ Đức). Lúc

hồi tỉnh sau những đợt tra tấn, hình ảnh Bác trong nhà tù giặc, hình ảnh anh Trỗi trước họng súng Mỹ lại hiện ra, giúp chị thêm lòng dũng cảm và sáng suốt. Hồng bắt được liên lạc với chi bộ nhà tù, vận động được một số chị em người Bến Tre tham gia đấu tranh chống lại nội qui khắt khe của địch, thổi bùng ngọn lửa căm thù và nuôi dưỡng niềm tin chiến thắng trong lòng đồng đội....

Lần ba: Tháng 5 năm 1971, trên đường trở về căn cứ, Hồng chạm trán với lực lượng bảo an đi càn ven thị xã cùng bọn chiêu hồi. Chúng biết mặt chị, liền khai thác tại chỗ, sau đó giải về cho bộ phận an ninh quân đội ngục. Lúc đầu, chúng đánh đòn tâm lý hòng mua chuộc, lung lạc tinh thần Hồng. Nhưng không khai thác được gì, chúng chuyển sang biện pháp tra khảo dã man: Lột cả quần áo, tra điện cả hai vú và cửa mình chị. Chị chết đi, sống lại bao lần suốt 7 ngày đêm ròng rã, chị vẫn nói:

- Tôi ở tù mới về, không biết gì hết!

Bất lực vì bao kiểu tra hiện đại không khuất phục được một cô gái nông dân chất phác, quân thù đã dùng thủ đoạn thâm độc và đê hèn nhất: Phá hoại trinh tiết, chà đạp thô bạo lên cuộc đời trong trắng của Hồng.

Tỉnh dậy trong nhà thương thí sau nhiều cơn hôn mê, hai chân bị tê liệt, cơ thể co giật còn hằn vết đòn thù... có lúc Hồng nghĩ đến cái chết. Nhưng nhớ tới cha mẹ già, nhớ đồng đội, nhớ tấm gương Bác... Hồng nén đau thương, dùng tình cảm thuyết phục các y, bác sĩ. Chị em ở đây thông cảm sâu sắc hoàn cảnh phụ nữ nên tìm cách lo cho Hồng ra viện.

Hồng lần tìm đường về đơn vị bằng nghị lực của người chiến sĩ và tấm lòng đùm bọc của nhân dân. Chị được đưa vào quân y điều trị suốt hai tháng. Tình thương yêu của đồng bào, đồng đội quyện với lòng căm thù giặc, giúp chị đi tiếp con đường của Bác kính yêu.

Là người nữ chiến sĩ biệt động trên chiến trường thị xã, người tù chính trị kiên cường trong lao tù Mỹ ngục, chị cũng vừa là người phụ nữ cần cù trong việc đề xuất và thực hiện kế hoạch

sản xuất cho đơn vị - những lúc địch đánh phá ác liệt, đời sống vật chất thiếu thốn, tính mạng luôn bị đe dọa, tư tưởng đồng đội có lúc dao động... chị tìm cách động viên anh em vượt khó khăn, có hôm Hồng còn đi làm cỏ, bồi mương cho bà con để kiếm tiền mua gạo, đi bắt còng, đặt cá bống dứa bồi dưỡng thương binh...

Hai năm trong đơn vị biệt động thị xã (12/1967 đến 12/1969) chị Hồng đã tham gia chiến đấu 8 trận trên khắp nội ngoại ô thị xã. Làm chết 65 tên địch (có tên đại úy chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy biệt kích ngụy - Trong trận đánh kỷ niệm ngày sinh Bác 1969), làm bị thương 24 tên khác, phá hỏng 6 tấn súng đạn các loại và nhiều quân trang, quân dụng của địch...

Quá trình hoạt động 8 năm (12/1967 đến 4/1975) chị còn xây dựng được 26 quần chúng trở thành cơ sở cách mạng. Với những thành tích trên, chị Lê Thị Hồng nhiều lần được biểu dương khen thưởng:

- 8 lần đạt danh hiệu “Dũng sĩ quyết thắng”.
- 3 lần đạt danh hiệu “Dũng sĩ diệt ngụy”.
- Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất; Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì.
- 12 bằng khen và giấy khen.
- 01 lần là Chiến sĩ thi đua
- Ngày 06 tháng 11 năm 1978, Lê Thị Hồng được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Phần thưởng có ý nghĩa thiêng liêng nhất đối với chị chính là những tấm hình Bác: Lần đầu tiên trong đời, Hồng được ngắm nhìn gương mặt phúc hậu của Bác, được ấp ủ di ảnh Người suốt những chặng đường chiến đấu.



Ý CHÍ CỦA ANH BỘ ĐỘI CỤ HỒ

PHẠM VĂN NGHĨA

Ghi theo lời kể của bác LÊ VĂN QUỚI

Nằm ở ven sông Hàm Luông, sông rạch chằng chịt và vườn dừa san sát, các xã Tân Hưng, Thạnh Phú Đông, Hưng Nhượng, Hưng Lễ vì vậy mà trở thành căn cứ kháng chiến suốt hai thời kỳ.

Vùng này được ghép thành tổng Bảo Lộc thuộc huyện Ba Tri từ trước Cách mạng Tháng Tám và theo tình hình, từng lúc được gọi là khu vực 2, là mảng 4 của huyện Ba Tri hoặc là mảng... của huyện Giồng Trôm^(*).

Vùng đất anh hùng này đã ghi nhận bao chiến công lừng lẫy và bao tấm gương oanh liệt xả thân vì Đảng vì dân. Nhắc đến những tấm gương ấy, không ai ở đây có thể quên một người con của quê hương: Đồng chí Võ Sĩ Đổ.

Năm 1946, trong những ngày sôi động chống đế quốc Pháp trở lại xâm lược, anh Võ Sĩ Đổ đã sát cánh cùng với Đoàn Trần Nghiệp, đơn vị vũ trang này đã làm tròn nhiệm vụ và bảo vệ vùng giải phóng và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chi viện cho chiến dịch Trà Vinh do Bộ Tư lệnh chiến khu Vĩnh – Trà – Bến phân công.

Năm 1948, tình hình chiến trường mở rộng, lực lượng vũ trang

(*) Tương đương với tiểu vùng hiện nay.

phát triển, đại đội Đoàn Trần Nghiệp được sát nhập để thành lập Trung đoàn 99, Võ Sĩ Đổ được Huyện ủy Ba Tri phân công làm Huyện đội phó phụ trách chiến trường.

Từ năm 1948, “*vết dầu loang*” bình định của địch lấn dần vùng giải phóng Ba Tri và lấn le lấn sang cù lao Minh. Các đơn vị chủ lực phải sang Minh để bảo vệ căn cứ tỉnh, lực lượng Ba Tri bị mỏng từ đó nên không chống nổi bước lấn chiếm ồ ạt của các trung đoàn ngụy và Âu – Phi. Các cơ quan đơn vị huyện, xã phải tạm lánh dần qua vùng giải phóng Thạnh Phú.

Năm 1952, đang ở bộ đội chủ lực, Võ Sĩ Đổ được điều động tăng cường cho xã Hiệp Hưng với chức vụ Bí thư Xã ủy. Đây là vùng bị lấn chiếm sau cùng vào giữa năm 1949, địch đánh rất, tổ chức cách mạng tan rã, rất nhiều cán bộ hy sinh hoặc bỏ nhiệm vụ sau đợt giãn chính. Tổn thất nặng nhất là hai cán bộ quân sự cấp đại đội được tăng cường về làm Bí thư đều hy sinh.

Tình hình trong huyện Ba Tri đang chuyển lên, trong khi vùng này còn rất yếu, phải xây dựng từ bước đầu. Quần chúng đang hoang mang sợ sệt, đòi hỏi người cán bộ phải kiên trì gặp gỡ động viên năm lần bảy lượt mới xây dựng được một cơ sở. Nhiệm vụ hoàn toàn mới này trở nên quá vất vả đối với nhiều cán bộ quân sự vốn rất dũng cảm quen xông xáo ngoài chiến trường. Nhưng với quyết tâm giữ lời thề danh dự “*Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua*” của anh bộ đội Cụ Hồ, Võ Sĩ Đổ đã xung phong bám vào trước, ngày ẩn náu trên ngọn dừa, đêm xuống hoạt động, móc nối xây dựng cơ sở. Nhờ nơi đứng chân ban đầu đó, những đồng chí khác lần lượt về vùng hoạt động, phong trào loang dần ra toàn xã. Đến năm 1953, thì đã đủ thế lực để sẵn sàng nổi dậy hưởng ứng tổng khởi nghĩa, phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ.

Trong thực hiện công tác trung tâm ngụy – địch – vận, Võ Sĩ Đổ đã dày công thuyết phục em gái mình là cô Bảy Đông làm công tác ngụy vận Cai tổng Sự để tạo mối liên lạc từ bên trong lòng địch. Nhờ đó trong cuộc chuyển vùng 1953 – 1954 lực lượng ta dễ dàng triệt hạ căn cứ Tổng, bắt sống Cai tổng Sự, tiến lên giải phóng các xã khu vực 2.

Hiệp định Giơ-neo-vơ được ký kết, Võ Sĩ Đố thuộc lực lượng được phân công ở lại địa phương để tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

Địch không tôn trọng hiệp định đình chiến ngay từ những ngày đầu, người cán bộ cách mạng lại đứng trước thử thách mới: Không được vũ trang mà phải đương đầu với những hoạt động thù địch của một đối phương có bộ máy kèm kẹp đàn áp.

Những âm mưu xảo quyệt của bọn tay sai Mỹ - Diệm liên tiếp bị nhân dân đấu tranh làm thất bại, chúng phát hiện có sự lãnh đạo của những người cộng sản nên rắp tâm đánh phá tìm diệt tổ chức, cơ sở Đảng.

Tháng 5 năm 1956, lính tổng đoàn theo sự hướng dẫn của bọn chỉ điểm đã ập vào điểm họp của cán bộ. Lúc ấy, cuộc học tập triển khai tài liệu *"Tình hình nhiệm vụ cách mạng miền Nam"* do Võ Sĩ Đố chủ trì vừa kết thúc. Có mặt hiệu báo động, các đồng chí nhanh chóng tẩu thoát có trật tự. Sau một hồi lục soát, bọn lính phát hiện hầm bí mật, bắt được Võ Sĩ Đố.

Suốt đêm khảo tra vẫn không moi được một lời khai, sáng hôm sau bọn ác ôn lại giở trò mới, bắt anh phải chịu nhục hình giữa chợ Sơn Đốc để uy hiếp tinh thần nhân dân.

Đánh anh ngất xỉu mấy lần nhưng bọn ác ôn cảm thấy bị thất bại vì quần chúng đang lộ rõ vẻ thương mến anh và căm thù hành động thấp hèn của chúng ra mặt, trong khi anh vẫn bình tĩnh:

- Bà con hãy yên tâm, Võ Sĩ Đố này chết còn nhiều Võ Sĩ Đố khác đứng lên giải phóng quê hương!

Tên chỉ huy ra lệnh trói anh lên cây trụ cao giữa chợ, chuẩn bị bắn. Trong tư thế đó anh vẫn hiên ngang hát *"Tiến quân ca"* và hô to:

- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

Bọn lính đem anh xuống, tên chỉ huy hạ giọng dụ dỗ:

- Còn phút cuối cùng cho mày suy nghĩ, lập công chuộc tội hay là chết?

Thoáng nghĩ ra một cơ hội thoát thân, anh liền đổi giọng:

- *Mở trời đi, tao dẫn tới chỗ lấy hầm sủng.*

Tay bị trói, cổ quàng thông lọng, với vẻ cương quyết anh hất hàm chỉ hướng cho bọn giặc dẫn mình đi. Đến mé sông, anh lừa cho chúng lục soát đám dừa nước và thừa sơ hở đánh gục tên cầm dây thông lọng rồi nhảy xuống nước định tẩu thoát. Nhưng chúng đã kịp phát hiện, bắn theo. Anh bị thương rất nặng nhưng cố gắng dành hơi sức cuối cùng, hô to trước khi ngã vào lòng sông:

- *“Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại...”*.

Võ Sĩ Đố đã hy sinh, cán bộ và nhân dân Hiệp Hưng ghi mãi trong lòng hình ảnh người đảng viên kiên cường, suốt đời vẫn giữ được khí tiết và gửi lại cho mọi người còn sống một niềm tin tất thắng và chân lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đúng như lời trối của anh, quê hương Hiệp Hưng từ đó đến nay đã nối tiếp hàng trăm, ngàn con người sống với tinh thần, ý chí Võ Sĩ Đố.



LẬP CHIẾN CÔNG MỪNG SINH NHẬT BÁC

TỔNG VĂN CẢNH

Ban Tuyên giáo huyện Ba Tri

Ưng như phần lớn các địa phương ở Nam bộ, nhân dân Ba Tri hưởng độc lập tự do sau Cách mạng Tháng Tám chỉ được một thời gian rất ngắn thì phải bước vào cuộc kháng chiến gian khổ chống bọn thực dân Pháp trở lại xâm lược.

Chỉ non nửa năm sau ngày giành được chính quyền, vào tháng giêng năm 1946, quân dân Ba Tri đã phải tập trung sức lực đối phó với bọn Pháp đóng chiếm tại thị trấn. Suốt năm 1946, quân dân Ba Tri dưới lá cờ Mặt trận Việt Minh đã kiên trì chiến đấu bảo vệ Hiệp ước sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9, giam chân bọn xâm lược tại chỗ không cho chúng thực hiện ý đồ mở rộng chiếm đóng.

Cuối năm 1946, một thời cơ thuận lợi đã đến để các tổ chức cách mạng tại địa phương củng cố thêm một bước vì quân Pháp đã rút khỏi thị trấn.

Tháng 4 năm 1947, thực dân Pháp quay lại Ba Tri lần nữa với đủ mặt các quân binh chủng. Để thực hiện ý đồ, sau khi nhảy dù chiếm thị trấn, lính Pháp, lính lê dương và ngụy bung rộng ra càn quét đóng đồn dọc tỉnh lộ 26, dọc các hương lộ phía Bắc Ba Tri và dọc sông Ba Lai, nối liền vùng mới chiếm đóng ở Ba Tri với hệ thống chiếm đóng của bọn “Một On” ở Bình Đại trong suốt quá trình này chúng đã gây ra vô số tội ác đối với nhân dân.

Tuy có quân đông và tàu to súng lớn, nhưng quân địch lại mất ăn mất ngủ co lại trong đồn vì hoạt động của du kích và bộ đội địa phương. Khắp Quân khu 8 lúc này đã nghe tiếng Trung đội *“Bộ đội ông Chót Lùn”* với đặc điểm gan dạ, tài giỏi, đánh nhỏ lẻ suốt ngày đêm và đánh khắp huyện Ba Tri.

Tháng 5 năm 1947, được Chi đội 19 của đồng chí Đồng Văn Cống xuống hỗ trợ, phong trào đánh địch giữa vùng giải phóng của nhân dân Ba Tri phát triển mạnh thêm một bước.

“Bộ đội ông Chót” và *“Bộ đội Ông Cống”* đều có những nét đáng tự hào: Cán bộ chiến sĩ đều xuất thân từ nông dân, ngoài ra còn có những anh em trước đây là lính tập, là *“anh hùng hào kiệt”*, cũng có cả thành phần bất hảo mới giác ngộ,... nhưng tất cả đã cùng chung chí hướng là đánh giặc cứu nước. Vũ khí của họ gồm có từ thô sơ tự tạo đến những thứ khá *“bén”*, kiếm được từ nhiều nguồn: trộm, giựt của giặc, mua ở xa về và một số khẩu súng được những quan chức cũ hiến. Những đặc thù ấy được anh em tự hào là rất sát hợp với lời kêu gọi *“Toàn quốc kháng chiến”* của Hồ Chủ tịch: *“...Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước”*.

Ngày 18 tháng 5, một đoàn công xa của Pháp xuống Ba Tri, ta được tin mật báo: Địch chuẩn bị tăng viện lương thực và phương tiện cho các đồn. Đáng chú ý nhất là một tốp sáu chiếc xe sẽ đi Tân Xuân, Bảo Thạnh vào ngày hôm sau tức 19 tháng 5.

Ban Chỉ huy của bộ đội địa phương họp, nhứt trí chớp thời cơ này để lập chiến công mừng sinh nhật của Hồ Chủ tịch.

Điểm phục kích là Ngã ba Phú Ngãi (nơi tiếp giáp của Hương Lộ Phú Lễ – Tân Xuân và Phú Ngãi - Bảo Thạnh). Hai Phân đội 885 và 888 được phân công tham gia trận này. Bộ đội, địa phương và dân quân tự vệ lãnh nhiệm vụ án ngữ.

Trong đêm 18 rạng 19 tháng 5, bộ đội được nhân dân giúp đỡ cơm nước và phương tiện đã nhanh chóng, bí mật hành quân chiếm lĩnh và bố trí trận địa trước lúc trời sáng, dưới quyền chỉ huy trực tiếp của đồng chí Huỳnh Thế Phương.

Tám giờ sáng ngày 19 tháng 5, bộ đội từ nơi phục kích vừa mừng vừa hồi hộp ngắm sáu chiếc xe địch chạy vào trận địa.

Nhờ chủ động nên diễn biến trận đánh đúng như dự kiến của ta, từ lúc đoàn xe địch bắt đầu khựng lại sau vật chướng ngại, đến khi êm tiếng súng chỉ hơn mười phút. Trung đội địch bị diệt gọn (trong đó có tên quan hai chỉ huy), ta hủy sáu xe quân sự, thu rất nhiều lương thực, quân dụng, tám mươi súng các loại (kể cả những khẩu còn nguyên trong thùng).

Trận đánh gây được tiếng vang lớn nhờ thành tích đánh nhanh diệt gọn, tiết giảm được xương máu đến mức tối thiểu, có tác dụng làm bật được phong trào kháng chiến tại địa phương.

Giặc đóng các nơi đều hoang mang sợ hãi, một số nơi chúng cuốn chạy về thị trấn.

Nhân dân phấn khởi sáng tác nhiều bài thơ, hò, vè, hát sắc bùa ca ngợi chiến công, trong đó có một bài thơ được lưu truyền ở vùng Phú Lễ, Phú Ngãi:

*“Mười chín tháng năm lễ cụ Hồ
Pháp quân chạy xuống sáu ô tô
Ngã ba Phú Ngãi đồn cục lại
Phục quân Đội 9 bắn nháy rô.
FM nổ âm âm mấy loạt
Tây man ăn đạn ngã xô
Vệ quốc đoàn kéo thẳng đường ô”*

Chiều 19 tháng 5, đông đảo nhân dân và bộ đội họp mít tinh mừng sinh nhật Hồ Chủ tịch và mừng chiến thắng một cách trọng thể tại xã Vĩnh Hòa, có cán bộ cấp tỉnh, huyện đến dự, chủ trì.

Đồng chí Huỳnh Thế Phương thay mặt Chi đội 19 đọc diễn văn, trong đó có một câu gây dạt dào niềm tự hào lẫn xúc động: “... Chúng ta thành kính dâng chiến công vừa lập được đến Hồ Chủ tịch để mừng sinh nhật của Người !”.



TRONG NHÀ TÙ HỌC TẬP VÀ LÀM THEO LỜI BÁC

MAI VĂN TRINH

 Trong những năm 1958 – 1959 – 1960, trong các nhà tù của Mỹ - Diệm lưu truyền rất phổ biến một bài thơ dài theo thể song thất lục bát với tựa đề “*Kinh nhật tụng của người chiến sĩ*”. Đây là bài thơ được sáng tác dựa theo lời dạy của Bác Hồ đối với cán bộ, đảng viên trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Tác giả đã phổ lại và suy nghĩ về những lời Bác dạy để tự giáo dục cho mình và truyền đạt cho những đồng chí cùng trong hoàn cảnh phải chịu đựng không biết bao nhiêu khổ hình dưới chế độ lao tù của Mỹ Diệm. Cảm hứng của tác giả về lời dạy của Bác có phần sáng tạo đáng quý, vì vậy lời thơ chân thật, giản dị, đầy sức thuyết phục, dễ học dễ nhớ, phù hợp với hoàn cảnh trong các nhà tù lúc bấy giờ.

Người sáng tác bài thơ này là ai, đến nay chúng tôi cũng không biết rõ, Chỉ biết rằng nó được lưu truyền rất rộng rãi trong số những đồng chí cộng sản trung kiên tại các nhà lao Chí Hòa, Gia Định, Thủ Đức, Phú Lợi từ những năm 1958 - 59 - 60. Khi Mỹ Diệm bày trò tố cộng, thực hiện nhiều biện pháp khủng bố, o ép, kìm kẹp khắc nghiệt đối với tù nhân chính trị.

Đầu năm 1959, một số tù chính trị bị giam giữ tại khám lá Bến Tre bị địch đẩy lên nhà tù Phú Lợi. Số anh em này lên Phú Lợi không bao lâu thì nổ ra vụ địch đầu độc tù nhân tại đây, gây nên một sự chấn động to lớn đối với dư luận ở miền Nam và cả nước lúc bấy giờ. Sau sự kiện này địch phân tán tù nhân bị giam

giữ tại nhà lao Phú Lợi đi nhiều nơi. Số anh em nói trên bị đưa trở về Khám lá Bến Tre. Sau đó chúng tuyển lựa một số tù chính trị ở khám lá Bến Tre, trong đó có một số trong nhóm tù Phú Lợi bị đưa về, đày ra Côn Đảo. Trong nhóm đi Côn Đảo chuyến này có đồng chí Trần Hải Hoàng, thường kêu là Chín Hoàng người xã Long Thạnh, nay là xã Long Định, huyện Bình Đại.

Đồng chí Chín Hoàng bị bắt năm 1955, không có án, bị giam giữ ở Bến Tre, đày lên Phú Lợi rồi ra Côn Đảo. Đồng chí là một trong những người học được bài thơ *"Kinh nhật tụng của người chiến sĩ"* tại nhà lao Phú Lợi và truyền miệng lại cho chúng tôi. Trong thời gian đấu tranh gay go với địch ở nhà lao Côn Đảo từ hầm đá tù II, cấm cố ở trại I, đến biệt giam ở chuồng cọp, bài thơ *"Kinh nhật tụng của người chiến sĩ"* có tác dụng giáo dục, động viên rất quan trọng đối với anh em tù nhân. Trong những dịp kỷ niệm ngày sinh của Bác (19 tháng 5), chúng tôi thường đọc lại bài thơ này. Đồng chí Chín Hoàng sau khi ra khỏi nhà tù đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Cho đến nay đã trải qua hơn 30 năm, những người tù chính trị từng thuộc lòng bài thơ nói trên phần lớn đã hy sinh trong các nhà tù hoặc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Số còn lại (không nhiều lắm) sống rải rác ở nhiều nơi, ít người còn nhớ đủ, trọn vẹn và chính xác bài thơ này. Vả lại, vì là thuộc lòng và truyền miệng cho nên có những câu, những chữ không giống nhau, người nhớ thế này, người nhớ thế khác, người thuộc đoạn này, người thuộc đoạn kia, sự chấp nối lại có thể hoàn toàn không giống hẵn như nguyên bản. Tuy nhiên cái quý nhất là những chỗ chúng tôi còn nhớ được lại giống nhau và cùng thống nhất một nội dung là diễn tả đúng những lời dạy của Bác đối với người chiến sĩ cách mạng.

Trong những ngày cực kỳ gian khổ trong các nhà tù của Mỹ Diệm, sự rèn luyện của Đảng và lời dạy của Bác Hồ là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho những người tù chính trị đấu tranh và tồn tại với tư cách là người chiến thắng. Nhiều người đã hy sinh trong những ngày địch khủng bố tàn bạo nhất, trọn vẹn với niềm tin vào lý tưởng của Đảng. Có người may mắn còn sống đến hôm nay.

Bài thơ *“Kinh nhật tụng của người chiến sĩ”* đối với riêng tôi, là một kỷ niệm vô cùng sâu sắc trong những năm tù tội và cho đến trọn đời, vì chính nó làm cho tôi và những anh em cựu chính trị phạm dưới chế độ Mỹ - Diệm hiểu sâu sắc hơn về Bác, thấm nhuần lời Bác dạy chẳng những trong trí nhớ mà còn bằng tất cả tâm huyết của mình. Năm 1969, khi được tin Bác mất chúng tôi đã khóc rất nhiều khi làm lễ truy điệu Bác tại khu rừng miền Đông Nam bộ. Và sau đó một số anh em chúng tôi, những người tù chính trị thời Mỹ - Diệm gặp nhau ghi lại bài thơ *“Kinh nhật tụng của người chiến sĩ”*, coi đó là một kỷ niệm vô cùng quý giá về Bác và về người đồng chí không biết được tên, người chiến sĩ cộng sản vô danh đã sáng tác và truyền miệng bài thơ này trong hoàn cảnh cực kỳ khắc nghiệt dưới chế độ lao tù của Mỹ - Diệm.

Ngày nay, mỗi lần kỷ niệm sinh nhật Bác hằng năm, tôi lại nhớ bài thơ *“Kinh nhật tụng của người chiến sĩ”*, nhớ người sáng tác ra bài thơ và biết ơn đồng chí Chín Hoàng người đầu tiên đã phổ biến bài thơ này cho tôi từ lúc còn ở khám lá Bến Tre cho đến lúc đến nhà tù Côn Đảo.

Năm nay kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác, tôi ghi lại theo trí nhớ bài thơ *“Kinh nhật tụng của người chiến sĩ”* với lòng thành kính tưởng nhớ Bác và những đồng chí Cộng sản đã hy sinh, trọn vẹn lòng tin ở Bác.

Tháng 4 năm 1989



KINH NHỰT TỤNG CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ

Nước tự do nhưng chưa độc lập,
Cách mạng còn chưa thật thành công,
Gấm hoa một dải non sông,
Từ miền Móng Cái đến đồng Cà Mau,
Hăm lăm triệu đồng bào xin gắng,
Tám mươi năm nếm đắng nằm gai,
Tám mươi năm đầy tớ người,
Thân tan thịt nát rã rời vì đâu?
Nay nước mới cất đầu nở mặt,
Nhưng tham tàn máu giặc còn tanh,
Xâm lăng quen thói hoành hành,
Thì ta chiến sĩ đấu tranh còn nhiều.

I. BỔN PHẬN NGƯỜI CHIẾN SĨ

Người chiến sĩ dắt dìu vận nước,
Vội chính mình khổ trước hơn ai,
Lo sao cho vẹn đức tài,
Làm sao cho xứng lòng người cậy trông,
Phải học hỏi xa trông rộng biết,

Suy việc xưa, giải quyết việc nay,
Kinh luân trong việc hằng ngày,
Mất còn một lẽ khéo xoay vận thì.
Phải điềm đạm trong khi điều khiển,
Phải hòa vui trong chuyện luận bàn,
Một lời giải hết nguy nan,
Một lời găm lại muôn vàn lòng trao,
Lúc nào nói lúc nào đừng nói,
Phải dẫn đo thưa hỏi lựa lời,
Chọn lòng trao tiếng giữ hơi,
Lấy cây rừng mạch vách tai dạn lòng,
Của đóng góp mỗi đồng, mỗi cắc,
Bao mồ hôi nước mắt công trình,
Dặn lòng tiết kiệm phân minh,
Của công nhất thiết việc mình đừng tiêu.

2. ĐỐI VỚI CÔNG TÁC

Với công tác, trăm điều cẩn thận,
Hấp tấp thường ân hận về sau,
Bàn cho kỹ, nghĩ cho sâu,
Tới lui tùy lúc, chậm mau phải thời.
Yếu liệu chước, mạnh thời cân nhắc,
Đừng khinh khi, tự đắc tự kiêu,
Đừng nhút nhát, chớ làm liều,
Đừng so hơn thiệt, kiếm điều từ nan
Chí đã quyết thì gan phải quyết,
Việc định làm nhất quyết thì nên,
Trăm hăng thua một chữ bền,
Tắc lòng chấp hết muôn vàn hiểm nguy.

3. ĐỐI VỚI ĐỒNG CHÍ

Với đồng chí hết lòng yêu quý,
Đừng dèm pha ganh tỵ lẫn nhau,
Đã nên ý hiệp tâm đầu.
Nồi da xáo thịt lòng nào cho đang.
Sống cùng sống, gian nan cùng bạn,

Chết nếu cần, hoạn nạn thì chung.
Buồn vui san sẻ nhau cùng,
Hề lòng chị ngã có lòng em nâng.
Việc thành bại chung phần trách nhiệm,
Điều dở hay kiểm điểm phê bình,
Bạn hay gương bạn soi mình,
Bạn lắm to nhỏ tâm tình khuyên can.

4. ĐỐI VỚI DÂN CHÚNG

Với dân chúng nên thân, nên trọng,
Thân vì chung một giống một nòi,
Một tiếng nói một đất trời,
Ruột đau chung khúc, miệng cười chung vui.
Phải trọng nơi dân là gốc rễ,
Nước không dân hồ dễ được ru?
Gầy dân dựng nước công phu,
Dân khôn nước mạnh, dân ngu nước hèn.
Thương dân phải thương rèn dạy vẽ,
Mọi tóc tơ cần kẻ tinh tường,
Lấy lời dễ chỉ việc thường,
Tự dân dân hiểu đôi đường phải chẳng.
Bỏ đi thói kiêu căng tự phụ,
Dân chán rồi giọng chủ, lời quan,
Cùng dân chung việc luận bàn,
Có dân muôn việc dễ dàng thành công.

5. ĐỐI VỚI ĐOÀN THỂ

Với đoàn thể kết lòng hết dạ.
Làm đúng theo đường đã vạch phân,
Trăm dây một trục xoay dần.
Một dây sai lệch cả guồng máy sai.
Việc đã nhận, một hai chu đáo
Dù nên hư báo cáo thật thà,
Để chung bàn lẽ cho ra,
Phải gần mà hổng hay xa mà thành.
Nếu phải mắc vào vòng xiềng xích,

Thề cần rằng chịu chết không khai,
Chết là chết cái hình hài,
Sắt son một tấm gương đời nêu cao.

6. ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Với tôn giáo đạo nào cũng đạo.
Đừng phân chia đó giáo, đây lương,
Giáo lương cùng một đau thương,
Mẹ cha một giống, quê hương một nòi.
Hưởng tôn giáo mấy lời tha thiết,
Hễ đồng bào phải biết thương nhau,
Đừng nên xẻ áo chia bầu,
Để cho máu chảy ruột sầu sao đang.
Đừng để giặc dễ dàng lợi dụng,
Xúi bên kia nghi bụng bên này,
Để mình tự chặt chân tay,
Bà con cắt mặt cắt mày bỏ nhau.
Đừng để chúng dè đầu cỡi cổ,
Tám mươi năm đô hộ sờ sờ,
Khi xưa ta đại nước cờ,
Một lần há đại đến giờ nữa ư?
Thắt chặt lại khư khư một mối,
Đừng để ai lừa dối rẽ phân,
Thù chung là bọn thực dân,
Là quân cướp nước, là quân buôn nòi.

7. ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG PHÁI

Với tất cả phái này đảng khác,
Ăn ở sao như bát nước đầy,
Đừng bên đông kích bên tây,
Tay kia buông giáo, tay này mạnh tâm.
Kia rải rác đầu mâm, góc giỏ,
Lâm xa nhau như dưa bỏ rơi,
Gom chung một bó mà coi,
Thách ai đổ bể gậy chơi thử nào.
Thật yêu nước lòng nào lại chẳng,

Đặt nước lên đảng phái của mình,
Trong nhà hục hặc bất bình,
Sức đâu còn để chống kinh với ai.
Đây là lúc chung đòi quyền sống,
Cứu quốc dân giải phóng đồng bào,
Cùng nhau chung góp máu đào,
Cho cờ Tổ quốc nhuộm màu sắc son.
Khi nước đã hoàn toàn độc lập,
Anh cùng em hơn thiệt giải bày,
Cùng nhau bỏ dỡ thêm hay,
Cho cây hạnh phúc mỗi ngày nở hoa,

8. ĐỐI VỚI CHÍNH THỂ CỘNG HÒA

Với chính thể cộng hòa dân chủ,
Hãy cùng nhau ủng hộ đến cùng,
Non sông là của cộng đồng,
Nước chung phải để dân chung trị vì.
Không ai được riêng tư chiếm đoạt,
Để chuyên quyền tự sát tự sinh,
Một mình chiếm hưởng no lành,
Để dân sáu khắc năm canh âu sầu.
Không ai được khoác màu dân chúng,
Lấy tiếng dân, lợi dụng quyền dân,
Giàu sang một lớp chủ nhân,
Gian nan vất vả lại phần dân đen.
Không phân biệt sang hèn khinh trọng,
Cùng ấm no chung hưởng yên vui,
Sánh vai dưới ánh mặt trời,
Nhà nhà hạnh phúc, người người tự do.

9. ĐOẠN KẾT

Người chiến sĩ này trung, này hiếu,
Lời Cụ Hồ như liệu nhắc cần,
Trung với nước, hiếu với dân,
Vì dân vì nước, quên thân quên mình.

Người chiến sĩ dắt đường chỉ lối,
Lo trước người, vui lại vui sau,
Đã ra đứng mũi chịu sào,
Trời đông bể rộng sá nào phong ba.

Người chiến sĩ phải là khí tiết,
Khinh gian nan không tiếc công lao
Quý kia không dựa quyền cao,
Vinh kia không đợi sang giàu ấm êm.

Người chiến sĩ ngày đêm tự xét,
Việc chung làm thương ghét đồng công,
Một lòng đùm bọc non sông,
Mối tình kết chặt nòi Rồng, cháu Tiên.

Ta con cháu giống dòng hào kiệt,
Nhìn côi bờ chẳng biết thương sao ?
Há tham một chút sang giàu
Cam tâm đem nước bán trao kẻ ngoài.

Nước giàu mạnh hỏi ai nở mặt,
Lúc lâm nguy lẽ tất mình lo,
Thịt dù nát, xương dù khô,
Chính thân còn bỏ hướng hồ vợ con.

Rủi góc bể chân non một chết,
Hạnh phúc giành có thiệt đi đâu.
Không ta, kẻ trước người sau,
Bà con, cha mẹ, bạn bầu hưởng chung.

Người chiến sĩ hằng cùng suy xét
Việc định làm sương tuyết dù phơi,
Một ngày còn thấy mặt trời,
Một ngày còn vị giống nòi muôn năm.

Vững tin ở sức mình là mạnh,
Tổ quốc ta là mái nhà thiêng,
“Dù ai nói ngã nói nghiêng,
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân”.

Ta dân Việt một lòng như thế.
Gánh Thái Sơn cất nhẹ tợ lông,
Cùng nhau đùm bọc non sông,
Tự do độc lập không mong cũng thành.

Với Tổ quốc trọng vì yêu quý,
Ơn cha sinh, mẹ dưỡng cù lao,
Mẹ cha ơn nặng nghĩa cao,
Đất nuôi nước dạy biết bao thâm tình.

Kia một dải mệnh mông trời đất,
Quyện tình thương giọng hát hò ơi,
Dường như muôn thuở giống nòi,
Kẻ còn người mất khóc cười có nhau.

Đồng bào hỡi, đồng tâm nhất trí,
Hãy vùng lên quyết chí sinh tồn,
*“Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.*

Đồng bào hỡi, đây dòng máu nóng,
Viết thành kinh, xin cống cho đời
Độc kinh xin nhớ lấy lời,
Độc kinh xin nguyện giống nòi muôn năm.



TRÁI TIM LỚN CỦA NGƯỜI VẪN NHỊP CÙNG CHÚNG TA

Bút ký của DIỆP HÀ

ần hai thập kỷ Bác đã đi xa và cũng ngót một thế kỷ kể từ trái tim lớn của Người bắt đầu khởi nhịp (19/5/1890 - 19/5/1987). Thời gian tuy đã khá xa xăm, nhưng tư tưởng của Người vẫn sáng ngời trong cuộc sống của chúng ta hôm nay và cả trong các thế hệ mai sau. Đặc biệt, trong những ngày hè phượng đỏ chói chang giữa tháng năm oi bức này, khi mà trạng thái tình cảm của con người “*trông trời, trông đất, trông mưa*”, khi mà trái tim của mỗi người chúng ta vừa háo hức về công cuộc đổi mới, vừa suy tư cho những bước đi để tháo gỡ khó khăn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương II, tôi muốn ghi lại đây câu chuyện nhỏ về trái tim lớn của Người:

Mùa thu năm 1978 - Chín năm sau ngày Bác ra đi, lần đầu tiên tôi được đưa đến chỗ Người đã ở. Có lẽ đến nay, nhiều người trong chúng ta vẫn thường ước mơ, được một lần ra thăm Lăng Bác, nhưng chắc chắn qua báo chí, chiếc nhà sàn thân thương ấy không còn xa lạ gì với chúng ta nữa. Thế mà tôi vẫn cố giữ mãi những hình ảnh mà tôi đã ghi nhật được trong chuyến đi này và cho đó là những kỷ niệm “vĩnh cửu” theo liền với cuộc đời mình.

Sau cuộc tiến công Xuân Mậu Thân, Mỹ điên cuồng tập kích bằng không quân chiến lược ra miền Bắc và thủ đô Hà Nội, Bộ Chính trị chủ trương sơ tán và định dời Bác đến một nơi an toàn,

nhưng Bác một mực từ chối. Người hướng dẫn giải thích với đoàn chúng tôi: Mỗi khi có còi báo động lần thứ nhất, Bác từ trên nhà sàn nhanh nhẹn bước xuống các bậc cầu thang và ra khu hầm trú ẩn, cách nhà sàn chừng hai mươi mét. Nơi đây có đường hầm hẹp, có một ngọn đèn đỏ nhỏ cho ánh sáng lờ mờ, một chiếc ghế dài để cho Bác ngồi đợi và một cái giường nhỏ, nếu báo động lâu Bác mỗi một có thể nằm nghỉ. Dịch đánh phá bữa bãi cả ngày lẫn đêm. Bộ chính trị và đội bảo vệ rất bận khoản cho sức khỏe của Bác phải thức nhiều đêm liền ngồi cạnh bên miệng hầm, nên xin với Bác cho xây dựng một ngôi nhà khác để Bác có thể an tâm làm việc hoặc nghỉ ngơi dù trong tình trạng báo động. Bác cười, từ chối nhẹ nhàng:

- Đất nước mình còn nghèo, các chú cần để tiền của dùng vào việc khác có lợi hơn.

Sau đó Bác có dịp ra nước ngoài, với sự phối hợp của chuyên gia Liên Xô, Bộ Chính trị cấp tốc cho xây ngôi nhà chống vũ khí hiện đại cho Bác ở. Lúc Bác về nước, nhà đã xây xong. Bộ Chính trị dẫn Bác đi xem, Bác tỏ ý không hài lòng và cứ một mực ở ngôi nhà sàn như cũ. Mỗi lần có báo động, Bác lại bình tĩnh bước xuống từng nấc thang vào hầm chờ còi báo động tiếp theo.

Đến ngày 24 tháng 8 năm 1969, khi sức khỏe Bác đã kiệt, không thể một mình đứng vững nổi, Bác mới chịu để đưa Bác qua nghỉ tại ngôi nhà mới và Bác vĩnh biệt chúng ta cũng tại ngôi nhà này. Nơi đây, tôi thấy một cái giường nhỏ, đôi dép quai cao su để dưới gầm giường và chiếc gậy “ba-ton” Bác treo tại cửa hầm. Tất cả còn nguyên vẹn ở đó với thời gian, Người hướng dẫn không giải thích thêm điều gì, nhưng trong lòng tôi vẫn ray rứt những câu hỏi: *“Tại sao Bác lại không chịu đi sơ tán, tại sao Bác lại không chịu ở “ngôi nhà hiện đại” để có thể thoải mái hơn mà tập trung trí tuệ lo cho dân cho nước”*. Bỗng nhiên nước mắt tôi cứ trào ra, trào ra mãi không sao cầm được. Bây giờ đã chín năm trôi qua kể từ ngày tôi được ra thăm Lăng Bác, tôi không ghi chép gì để lại, nhưng từ trong ký ức, một mảng kỷ niệm rực sáng của mùa hè phượng đỏ cứ trào ra, trào ra và nhòa trên giấy, tôi cứ mừng tượng mình mới vừa ra thăm Lăng Bác hôm nào.

Đối chiếu với cuộc sống ngày nay - cuộc sống còn nhiều khó khăn thật, nhưng không đến nỗi gian truân như trước. Câu hỏi về Bác càng làm cho tôi vô cùng xúc động. Phải chăng trái tim lớn của Bác đã hiểu sâu sắc về nỗi đau, điều gian khổ trong chiến tranh của cả dân tộc, nguyện làm một người bình thường, cũng chịu thương chịu khó nằm hầm, chờ đợi còi báo động dù là với cương vị là Chủ tịch nước, coi sinh mạng mình như mọi sinh linh khác, không muốn dành cho mình một ân huệ, một đặc ân mà đối với chúng ta đó là điều quá chính đáng: *"Bảo vệ trái tim Người, tức là bảo vệ trái tim của giống nòi"*.

Gần hai thập kỷ trôi qua, trái tim lớn của Người vẫn nhịp cùng chúng ta, thêm thêm sức sống mãnh liệt cho mọi thế hệ. Trái tim lớn của Người đã cất nghĩa cho chúng ta biết cách tỉnh táo vượt lên khó khăn trở ngại, biết sống bình dị như mọi người đang sống, biết dành ân huệ, tình thương chan hòa trong mọi người và lòng trong sáng vô tư như những con người chân chính.

19 tháng 5 năm 1987



ANH BỘ ĐỘI CỤ HỒ SINH RA VÀ LỚN LÊN TRÊN ĐẤT BẾN TRE

TRẦN HOÀI TRÂN

1.

Mùa thu năm 1945, trời đẹp lắm. Nắng Tháng Tám dịu dàng. Gió mùa Tây Nam lướt nhẹ qua những cánh đồng mơn mớn màu xanh lá mạ, rập rờn từng đàn cò trắng vỗ cánh bay xa. Dưới ánh trăng khuya lơ lửng xế đột dừa, người ta không ngủ, khắp nơi rộn rịp, từng nhóm, từng đoàn rèn mã tấu, dao găm, se dây, vật tầm vông, tập võ thuật. Ngọn dừa, ngọn cau trong vườn, những tàu lá dừa nước ven sông, vươn lên trong đêm, chen chúc dưới ánh trăng sáng, lao xao trước gió, lấp loáng như gương xanh chọt lên trời thăm, lung linh dưới nước, trên bờ như ngàn quân xuất trận.

Quê dừa chuyển mình, công khai mà bí mật, trầm lặng nhưng khẩn trương. Đất nước gọi đứng lên, làng xóm đang chuẩn bị một cao trào nổi dậy. Đêm đêm tiếng chó sủa vang, bọn làng lính tuần canh, sục sạo, rình mò. Nhưng cũng vang vang tiếng chày giã gạo, tiếng thổi phè phào của các ống bễ lò rèn, tiếng người và tiếng nện chân múa tay của từng nhóm thanh niên đang say sưa tập luyện côn, kiếm đạo, quyền; các cụ già luôn miệng nhắc những câu thiệu truyền khẩu của các bài võ: Hạng võ lưu châu, ngọc trắng ngân đài, song phi độc cước, trụ, tấn, thủ, công...

Tái bản, bổ sung lần thứ nhất - Năm 2020 ♦ 93

Tổng khởi nghĩa Tháng Tám quả thật là một cao trào. Quân chúng vũ trang trong những ngày 25, 26 tháng Tám đã quét sạch bộ máy thống trị thực dân – phong kiến, từng đè đầu cỡi cổ nhân dân hơn tám mươi năm.

Giành chánh quyền rồi phải giữ chánh quyền. Xưa cúi đầu khom lưng trước thằng Tây có súng, bây giờ cầm súng, tầm vông vạt nhọn, gươm, dao găm, mã tấu, đầu ngẩng cao, trời đất là của mình. Nếu ai muốn đánh nhau thì ta sẽ sẵn sàng *“Thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”*.

Anh, anh bộ đội cụ Hồ được quê hương thai nghén, sinh ra và bước vào đời trong bối cảnh của đất nước, quê hương những ngày đầu cách mạng như thế đó.

2.

Tây trở lại chiếm Sài Gòn, Đoàn quân lê dương viễn chinh của thực dân Pháp tràn về các tỉnh kéo theo một lũ Việt gian bán nước *“thân binh”*, mật thám, *“bạc-ti-dăng”*, Bến Tre là nơi chúng nó đến sau cùng khi đã tạm thời chiếm đóng các tỉnh trong vùng châu thổ.

Tiếng súng kháng chiến Nam bộ nổ tại Sài Gòn ngay từ cuối tháng chín rồi lan ra các tỉnh. Cộng hòa vệ binh, Quốc gia tự vệ cuộc từ nhiều nơi kéo về Bến Tre chuẩn bị kháng chiến lâu dài, Bác Hồ kêu gọi toàn quốc kháng chiến *“Thà hy sinh tất cả quyết không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”*. Theo lời kêu gọi của Bác, Phân đội Hồ Chí Minh, đơn vị vũ trang đầu tiên của Bến Tre, đã lên đường chiến đấu khi quân Pháp từ Sài Gòn tỏa về đánh chiếm Mỹ Tho và các tỉnh đồng bằng Nam bộ.

Bến Tre tích cực chuẩn bị lực lượng vũ trang, thành lập bộ đội, xây dựng các đội tự vệ chiến đấu, đội trừ gian, dân quân du kích. Ngày đêm, vườn dừa, đồng lúa xôn xao, nước sông cuộn cuộn, sóng biển ào ào. Tất cả và mọi thứ đều sôi nổi một không khí đánh giặc.

Tết 1946, trời đất vào xuân nhưng mọi người như không ai ăn Tết. Súng nổ ở cầu Ba Lai, bắn tàu ở kinh An Hóa, lửa cháy nhà

bốc lên trên quốc lộ 6, dọc hai bờ kinh An Hóa và ven sông Bến Tre. Giặc đã đến và chúng ta phải đánh giặc.

Những loạt đạn đại liên 20 ly từ những con công cộc “Xít-bít-phay” đổ xuống chợ Bến Tre, Châu Bình, Thới Thuận. Anh Ba Dương chỉ huy trưởng lực lượng Bình Xuyên ngã xuống tại xóm Cò, Bình Khương. Bộ đội Đào Văn Tường kéo qua Thanh Phú. Anh Chín Tá quy tụ du kích vào đám lá tối trời vùng Ba Châu - Rạch Vọp - Cù lao Lát. Đội du kích của anh Bảy Công tập hợp ở Bàu Dơi. Bộ đội anh Phải, anh Kịch được nhanh chóng thành lập ở Giồng Trôm. Trung đội của thầy giáo Phan Lương Trực đánh nhau với giặc từ Phú Đức, Phú Túc đến Quế Sơn, Giao Long, Giao Hòa, đánh trận thứ ba thì thầy Trực hy sinh.

Súng nổ râm ran, nhà cháy người chết, giặc Pháp tràn ra khắp tỉnh, ruộng bỏ, bắn giết. Tháng Chín qua tháng Mười, ngọn lửa xâm lăng đã thiêu cháy cả một vùng từ Phước Thạnh, Hữu Định cho đến Cầu Hòa, Phong Năm. Trận thảm sát hãi hùng, đốt sạch, giết sạch, phá sạch đầu tiên rất điển hình này của giặc Pháp đã nung sôi chí căm hờn của những con người đã chọn con đường cầm vũ khí.

Khắp nơi trong tỉnh bà con đồn đại với một niềm say sưa và kính trọng: Đàng mình có ông Cống, Chín Tá, anh Phải, anh Kịch chỉ huy bộ đội đánh tụi nó giỏi như xuất thánh nhập thần. Bộ đội dán giấy rủ tụi Tây “*Ngày mai đến tại chỗ này đánh nhau cho biết sức, đ.m... thằng nào sợ chết không dám đến...*”. Nhưng, Tây sợ rút lui trong bót, tụi Việt gian co đầu vì sợ vô Hương Diễm, Bàu Dơi bị ông Cống ăn. Chúng nó thề thốt, chửi rủa với nhau: “*Tao có nói gian với mày cho bộ đội ông Cống ăn tao đi*” hoặc “*Mày chơi xấu với tao, bộ đội ông Cống sẽ ăn mày*”.

Người ta còn nói rằng: Chín Tá đi vô bót như tàng hình không ai thấy được. Ông Cống nằm ngủ trên đầu xuất hiện hào quang, đúng là chánh vi tướng. Lâm Hùng Suối bắt Việt gian như điều xốt gà. Ở Thanh Phú, Việt gian nghe tên Nguyễn Phục Hưng là trốn hết. Bộ đội anh Phải đi đến đâu bót sập đồn tan đến đó. Những anh bộ đội đầu tiên ở Bến Tre được dân tin và giặc sợ như thế đó. Cuộc chiến đấu gay gắt của những ngày đầu tay không

đánh giặc, giựt lấy súng giặc mà đánh giặc, thực tế đã trở thành huyền thoại dân gian. Những con người gần như trong huyền thoại đó, từ tay không đã lập nên Chi đội 19, tiền thân của Trung đoàn 99 Quân đội nhân dân. Chẳng những góp súng và người, còn góp phần không nhỏ cho các Chi đội 20 Trà Vinh - Vĩnh Long, Chi đội 17 Mỹ Tho, Tiểu đoàn 305 Gò Công, các Tiểu đoàn chủ lực 307, 308, 310 hoạt động trên khắp chiến trường Khu 8.

Trong những năm đánh Pháp, Anh bộ đội Bến Tre vẫn sống trên ba cù lao quê hương thân thiết của mình, chân Anh đứng trong dân và tay Anh nắm thắt lưng của giặc. Anh đã từng đối mặt với bộ đội viễn chinh Pháp, đội quân danh dự của tướng Ngô, mà tên nào cũng có mang dây tua đỏ, biểu tượng của Quân đoàn Pháp vượt sông Ranh tiến vào nước Đức trong thế giới đại chiến lần thứ hai; với đội quân UMDK *"Uống máu dân chúng"* của thằng Tây lai Lê-ông Lơ-roa; các đội quân thuộc địa có đủ mặt Tây trắng, Tây đen, Ma-rốc, Xê-nê-gan; với các tiểu đoàn BVN của Lê Văn Tỵ, Cao Văn Viên, Nguyễn Văn Là; với đủ thứ lính đầu xanh, đầu đỏ; đủ thứ vũ khí tối tân, cà nông, súng cối, nỏ đồng, thiết giáp; đủ loại máy bay *"cồng cộc"*, *"heo nái"*, *"cá thu"*, *"đầm già"*... mang những cái tên quái gở *"Mãng xà vương"*, *"Con mèo địa ngục"*; những *"đầu bằng"*, *"thập ác"*, *"chuồng cu"*, ngày đêm gầm gừ tác yêu tác quái trên sông nước.

Giặc Pháp đến đánh Anh, bọn Việt gian ôm chân Pháp đánh Anh trả thù cách mạng, Anh đánh lại chúng nó. Pháp thua, Anh thắng. Pháp xuống tàu về nước, còn Anh vẫn đứng vững trên mảnh đất quê hương.

Nhân dân thương mến Anh như mẹ thương con, nhớ Anh như nhớ người đã xông vào lửa đỏ cứu nguy cho họ. Những ngày mới khởi sự, người ta kêu Anh là *"bộ đội đảng mình"*, về sau mọi người thân thiết gọi Anh là *"Bộ đội Cụ Hồ"*. Bà má Bến Tre ấp ủ cứu mang Anh từ hồi Anh sinh ra và lớn lên trên mảnh đất quê hương, cho đến khi Anh có đủ lông đủ cánh bay đi khắp các chiến trường đánh giặc. Tây Nguyên, miền Đông, miền Tây Nam bộ, thành phố Sài Gòn, trên đất nước Chùa Tháp, ai đi nhiều,

gặp gỡ nhiều, đều thấy tận mắt Anh - Anh bộ đội Cụ Hồ, quê quán ở Bến Tre - đi đánh giặc bất cứ nơi nào có giặc.

3.

Pháp đi, Mỹ đến, Mỹ - Diệm phản bội hiệp định đình chiến Giơ-neo-vơ. Chúng nó vừa phát xít, vừa tiến hành kiểu chiến tranh không tuyên bố. Một phía tha hồ đánh, một phía cắn răng chịu. Nó tưởng bộ đội Cụ Hồ đã đi khỏi đất Bến Tre, Lục Vân Tiên đang trong vòng tai nạn nơi đất khách quê người, tha hồ rún ép Nguyệt Nga, hành hạ Kiều Công, Lục Ông, Lục Bà, truy nã Hớn Minh. Khắp nơi tràn đầy giặc dữ Ô Qua, lũ đầu trâu mặt ngựa Cốt Đột, Phong Lai, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm. Đó đây không ít những thằng Võ Công, mụ Huỳnh Trang, con Thử Loan đều cang thay dạ đổi lòng. Nhà họ Ngô Đình kéo máy chém đi khắp xứ dương oai diệu võ.

Anh Ba bí mật về Bến Tre trao cảm nang hành động cho Tỉnh ủy căn dặn phải tập hợp lại bộ đội Cụ Hồ, chuẩn bị đánh Mỹ cứu nước. Rừng dừa, rừng mía Bến Tre lại rậm rì không khí mùa thu ngày ấy. Hàm Luông nước xiết. Cửa Đại sóng gầm. Lục Vân Tiên đến hồi mắt sáng, tai qua nạn khỏi, sửa soạn lãnh ấn nguyên nhưng phát cờ đánh giặc.

Hai Phải, Ba Kích hy sinh quá sớm. Chín Tá anh dũng đền nợ nước trên cánh đồng Lương Quới - Ba Châu. Bảy Cống đi xa chưa về kịp. Tỉnh ủy gọi Ba Đào, Sáu Quân, Sáu Chung, Tám Vị, Mười Phục, Vệ Quốc... những anh lính cũ của bộ đội Cụ Hồ gom lại, tập hợp thanh niên, xây dựng đội quân ngấm lấy danh xưng đơn vị 502 của Lê Thiết Hùng, tổ chức diệt ác cứu dân, bí mật hành tung để hòa mình trong quần chúng, nhưng công khai rải truyền đơn cảnh cáo bọn ác ôn, trực diện đương đầu với bọn hung nô của thời đại. .

Ngọn lửa Đồng Khởi năm 60 rực lên như một ánh chớp giữa trời đêm. Một trung đội giải phóng quân với súng trường, mã tấu, ngựa trời, quần nhau với mười ngàn thủy quân lục chiến của nhà Ngô trong khu vườn Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh và nó

đã thua, mình toàn thắng. Từ đó Anh bộ đội Cụ Hồ ở Bến Tre mang tên Giải phóng quân đã lập nên những chiến công Giá Thở, Cái Mít, Lộ Thớt, Ngã ba Sơn Đốc, Châu Hưng, Cầu Biện Phan, Cầu Cá Lóc, vận cổ “*ó đỏ, ó vàng*”, đánh tới bờ hùm xám, trâu điên, bể gãy cánh Phụng Hoàng TG1, quét sạch sóng thần Đếch-Hao-5, nổi sóng Bạch Đằng nhận chìm tàu Mỹ bên doi Hòa Lợi, chôn vùi hạm đội nổi giữa sông nước Hàm Luông, mở đường Hồ Chí Minh trên biển đưa tàu mình vào Khâu Bạng nối liền mạch máu Bắc – Nam, thêm sức mạnh cho cuộc trường chinh đánh Mỹ... Và, theo truyền thống năm xưa, Anh bộ đội Cụ Hồ ở Bến Tre lại tiếp bước cha anh cầm súng đi đến nơi nào có giặc. Tây Nguyên, Đồng Tháp, Bảy Núi, Miền Đông, T4, đâu đâu cũng có mặt người lính Bến Tre trong đội ngũ giải phóng quân tiếp viện trùng trùng.

Chiến công của Anh huy hoàng như chính tuổi trẻ của Anh rực rỡ tương lai. Từ những huyền thoại dân gian trong những ngày đầu chống Pháp, chiến công Anh trong thời chống Mỹ đã trở thành những hình tượng nghệ thuật tuyệt vời.

Lê Anh Xuân trong một mũi tiến quân vào vùng ven, chứng kiến một anh bộ đội không tên quê ở Bến Tre chết đứng trên đường băng Tân Sơn Nhất khi anh đang xung phong thọc vào hang ổ giặc, đã nảy ra tứ thơ “*Như dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỷ*”.

Bảy T. xúc động trước tấm gương dũng cảm của người thầy học trong chiến đấu đã bỏ tên mình, mang trọn tên họ của thầy vào đoàn quân vệ quốc đánh giặc suốt 30 năm. Tại Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ V có một đại biểu mang quân hàm Đại tá, nhưng tên họ lại đúng là của thầy giáo Phan Lương Trực ở Quới Sơn, Người đó là Bảy T chỉ huy trưởng lực lượng võ trang tỉnh K. Anh xúc động kể cho một số đại biểu nghe về trường hợp ít có này và tâm sự: “*Tôi mang tên thầy tôi suốt 30 năm nay để nhớ mãi truyền thống của đơn vị cũ, nhắc nhở mình phải xứng đáng với Đảng, với dân, chiến đấu dũng cảm như thầy, và nếu có phải hy sinh thì hy sinh như người đã dùi dất tôi trong những ngày đầu tôi mới tập tành cầm súng*”. Bảy T là học trò của thầy giáo Trực và là

đội viên của Trung đội Phan Lương Trục, một trung đội khởi lên chống Pháp năm 1946 ở vùng An Hóa – Ba Lai.

Nhà văn Nguyễn Thi, tham dự cuộc đánh Mỹ ở Đồng Xoài đã xúc cảm sâu sắc trước câu chuyện anh chiến sĩ trẻ, bị thương mù cả mắt một mình nằm lại giữa chiến trường vẫn ôm chặt súng, tay để trong cò, mấy ngày đêm lấy gò mồi làm điểm tựa, giữ mình, chờ giặc, không hề hoang mang sợ hãi. Anh chiến sĩ ấy quê ở Bến Tre mới vào bộ đội hai năm, gan góc mà vô tư, tinh tình vui tươi như con trẻ. Nhân vật Chiến trong truyện ngắn “Chi và Em” của Nguyễn Thi chính là hình tượng của anh bộ đội này.

Đồng chí Tư lệnh chỉ huy trận đánh Mỹ nổi tiếng ở Bàu Bàng vừa hôn hờ mỉm cười vừa sa sầm lau nước mắt khi nghe báo cáo người chiến sĩ thân thiết có quan hệ máu thịt với mình đã dũng cảm hy sinh trong lúc xung phong áp vào nắm thắt lưng Mỹ mà đánh. Người chiến sĩ đó là cháu ruột ông, kêu ông bằng chú. Gia đình ông chỉ có nó là trai nối dõi tông đường. Nó hy sinh như mọi người đã hy sinh, nhưng về tình riêng, nhớ lại ông chỉ có hai anh em, anh ruột ông đã hy sinh trước ngày Bến Tre Đồng Khởi, con trai độc nhất của người anh ấy mới mười sáu tuổi nặng nề đòi đi bộ đội, tình cờ nó vào đơn vị thuộc quyền ông chỉ huy và nó đã sớm hy sinh với đầy đủ phẩm chất của một người lính. Ông vui vì đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lớn lao của trận đánh, những người lính dưới quyền ông có đủ tư cách quân nhân mà ông đã rèn luyện cho họ, nhưng ông tủi lòng vì chạnh tình riêng, nợ nước thù nhà. “Nợ nước thù nhà” chính là một trong những truyện ngắn hay nhất của nhà văn Cửu Long trong những năm đánh Mỹ trên chiến trường miền Đông, gian lao mà anh dũng.

Họa sĩ Lê Lam, người từng sống với đơn vị đặc công nước Hoàng Lam và được các chiến sĩ trong ấy công nhận là đội viên danh dự. Vùng sông nước Hàm Luông, nơi đơn vị Hoàng Lam nổi sóng Bạch Đằng nhận chìm tàu Mỹ, đã được anh chọn làm bối cảnh cho một bức tranh, theo tôi, có thể là một trong những tuyệt tác của người họa sĩ ấy. Bức tranh ấy được anh vẽ phác thảo ngay trong những ngày Bến Tre đầy khói lửa, nay đã thành tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh.

Cái đẹp trong cuộc chiến đấu còn nhiều.

Những cái đẹp về Anh bộ đội Cụ Hồ ở Bến Tre nhiều lắm, nhớ không hết, kể không xiết, viết không đủ, hơn ba vạn liệt sĩ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh cứu nước là hơn ba vạn cuộc đời, nỗi niềm riêng tư và những chiến công hiển hách long trời, lở đất.

Chúng ta cần nhớ lại để viết và phải viết thật nhiều.

4.

Chúng ta đều đã đọc qua *“Không còn con đường nào khác”* của chị Ba Định, người nữ chiến sĩ trong bộ đội Cụ Hồ, Phó Tư lệnh quân giải phóng miền Nam.

Chúng ta đã được xem tổng và phim *“Đứa con bị từ chối”* tái hiện cuộc đời và chiến công của trung tá không quân Nguyễn Thành Trung và lòng rung động khi nghe hát bài *“Dáng đứng Bến Tre”* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý.

Đó là những gì cô đọng nhất về cuộc chiến đấu trên quê hương mình, trong đó các thế hệ anh bộ đội Cụ Hồ ở Bến Tre đã cùng với nhân dân góp phần viết nên bao nhiêu nét đẹp của lịch sử, nâng cao biết mấy lòng tự hào về truyền thống cách mạng của đất nước, quê hương

Từ tự vệ chiến đấu quân, du kích Bà Dơi, bộ đội Hồ Chí Minh đến Vệ quốc đoàn. Từ bộ đội 502 của Lê Thiết Hùng đến Giải phóng quân, Quân đội nhân dân. Bộ đội đánh bộ, bộ đội săn tàu, đặc công trên bờ, đặc công dưới nước, bộ đội Thu Hà, đội quân đầu tóc. Trên sông nước Bến Tre, trên núi rừng đất bạn, ngoài biên cương Tổ quốc, dưới biển, trên trời, đất liền, hải đảo, ở đâu có quân thù ở đó có người cầm súng đối mặt với chúng, trong đó có Anh. Các thế hệ người Bến Tre nối tiếp nhau làm bộ đội Cụ Hồ, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, đi khắp đó đây, có mặt khắp nơi khắp chốn. Anh đã đi như thế suốt một cuộc trường chinh gần nửa thế kỷ.

5.

Bốn mươi năm lại viết về Anh, tôi có thiếu sót là chưa biết làm sao nói hết về Anh, mặc dù Anh viết bằng máu còn tôi viết bằng mực, trong các Anh nhiều người đã mất cho chúng tôi còn: Tôi với Anh còn nặng nợ ân tình, tôi gắng hết sức mình để đền đáp nhưng chưa biết bao giờ mới hết. Tôi cần viết, viết về Anh mà tưởng chừng mình đang cầm súng cùng Anh đánh giặc thù nào.

Anh đẹp lắm, anh bộ đội Cụ Hồ sinh ra và lớn lên trên đất Bến Tre. Tổ quốc và nhân dân tặng quê hương ta danh hiệu “*Anh dũng Đồng Khởi, thắng Mỹ diệt Ngụy*” là để cho muôn đời con cháu nhớ mãi chiến công của thời đại, chiến công của tất cả mọi người, trong đó có công lớn của Anh.



HỒI TƯỞNG KHI BÁC ĐI XA

LÊ HOÀNG BÉ

Một khu rừng nằm giữa hai xã Thừa Đức và Thanh Phước thuộc huyện Bình Đại. Là một trong những khu căn cứ địa cách mạng vững chắc của chiến trường Bến Tre trong thời kỳ chống Mỹ. Chính khu rừng này, những giờ phút thiêng liêng ấy đã gắn bó với thời gian, không gian mà tôi thắm hồi tưởng sâu sắc lúc Bác đã đi xa.

Ngày 20 tháng 6 năm 1969, trong một trận chiến đấu cuối cùng ở Châu Bình, Giồng Trôm, trước khi quân đội Mỹ rời khỏi chiến trường Bến Tre. Có một điều rất tiếc khi tôi được đồng chí Tiểu đoàn trưởng D616 giao nhiệm vụ cho tôi, lúc đó tôi đang giữ chức vụ Trung đội trưởng Trinh sát Tiểu đoàn, điều một Đại đội đánh một Đại đội Mỹ lúc chúng mò ra đồng trống chuẩn bị lên trực thăng rút quân sau một trận càn quét ác liệt. Chẳng may trong lúc thừa hành nhiệm vụ, tôi đã bị trọng thương.

Cũng từ đây bắt buộc tôi phải rời khỏi vị trí trực tiếp chiến đấu trên chiến trường cùng đồng đội một thời gian. Có lẽ lúc đó ở tuyến sau tôi được các đồng chí chuyển tôi qua nhiều trạm sơ giải. Cuối cùng tôi được chuyển về Dân y huyện Ba Tri nằm trên địa bàn căn cứ tương đối ổn định nhất lúc bấy giờ, thuộc khu rừng Thanh Phước và Thừa Đức, huyện Bình Đại.

Giữa một khu rừng yên tĩnh buổi sáng mùa Thu năm 1969,

ánh nắng dịu dàng xen qua kẽ lá, từng cơn gió nhẹ thoảng qua làm lá cây rừng đong đưa xào xạc, xen lẫn tiếng chim rừng vang lên lảnh lót từng hồi. Quang cảnh một đơn vị dân y vào buổi sáng, các cán bộ nhân viên mỗi người mỗi việc, có lẽ nhiệm vụ đã được phân công từ chiều hôm trước. Các y sỹ khám bệnh khám thương, các y tá rửa thương tiêm thuốc, riêng tổ anh nuôi đã phải quần quật chuẩn bị cơm nước xong xuôi trước khi trời sáng để phòng địch phát hiện khói. Các đồng chí dân y ở đây vốn vện 7 người, phải nuôi dưỡng thường xuyên 50 thương binh bình tử trúng thương đến trọng thương. Tôi cũng là một trong số thương binh nặng nhất được cứu sống tại nơi này. Lần đầu tiên tôi mới biết được các đồng chí dân y rất tận tình, với cả tấm lòng thân thương triu mến, cho đến sau này cũng chính nơi đây, tôi đã hiểu được trách nhiệm của quân y và dân y, tuy hai mà một, vì trong chiến tranh, nhiệm vụ cả hai đều tiếp nhận nuôi dưỡng thương binh không hơn không kém.

Sắp đến giờ chuyên môn làm việc rửa thương tiêm thuốc, anh em thương binh chúng tôi - các đồng chí nặng, đầu nằm đó, các đồng chí nhẹ thì lần bước đi về chỗ của mình. Mỗi dãy nhà từ 5 đến 10 người nằm liên tiếp nhau như nhà sàn trên đất rừng lầy lội thủy triều lên xuống, từng dãy trại nối liền nhau bằng những cầu tre tay gượng trông rất chắc chắn. Hàng sáng, cũng như đến giờ báo hiệu, thương binh bình chúng tôi đều tự ổn định chỗ nơi như vậy để chờ sự đau đớn sẽ đến với mình. Rồi mới yên tâm nghỉ ngơi hoặc trò chuyện bình thường đủ nghe ở khu căn cứ. Tất cả chúng tôi đều được rửa thương tiêm thuốc xong.

Tin một căn trại của cán bộ nhân viên bên cạnh, có một cán bộ đi công tác đâu xa mới về cũng rất may mắn có một ra-đi-ô. Trước đó anh mở máy vừa đủ nghe nhưng đột nhiên anh mở lớn hơn làm át cả mọi tiếng động xung quanh xen vào. Toàn thể chúng tôi đều nghe mồn một của đài phát thanh Hà Nội trịnh trọng loan tin thông báo đặc biệt và lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi đến các cán bộ chiến sỹ đồng bào cả nước và kiều bào ở nước ngoài. Đồng chí Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao

động Việt Nam, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau một thời gian bị bệnh và sau một cơn đau tim rất nặng đã từ trần hồi 9 giờ 47 phút ngày mừng 3 tháng 9 năm 1969 tại Hà Nội - Thọ 79 tuổi...

Như không ai bảo ai, tất cả cán bộ nhân viên chuyên môn mỗi người làm những công việc khác nhau đều dừng lại một cách sống sớt. Anh em thương binh binh chúng tôi, các đồng chí nặng thì nằm các đồng chí nhẹ thì đều nhóm nửa người dậy ai cũng cố gắng không để gây ra tiếng động, kể cả tiếng rên vì vết thương đau đớn, như tất cả để nhường lại trọn vẹn âm thanh ấm áp nức nở nghẹn ngào của người phát ngôn viên đại phát thanh Hà Nội và để hòa với những nỗi đau buồn thầm kín của người mà không thể giấu được khi đôi dòng lệ ướt nhòa trên đôi má. Rồi cứ cảnh vật yên tĩnh một cách lạ lùng cho đến hết bản tin đặc biệt. Thế là giờ phút mặc niệm của chúng tôi ở đây bắt đầu từ hôm đó... Từ một khu rừng được tin Bác vĩnh viễn đi xa và để lại trong tôi những hồi tưởng thiêng liêng nhất.

Kể từ đây, Bác đã để lại cho mỗi người một nỗi đau thương mất mát vô cùng to lớn, còn hơn cả sự đau đớn trên phần xác thịt của mình - Đành phải chấp nhận không ai có thể từ chối được. Có lẽ biết bao nhiêu đồng bào, đồng chí miền Nam yêu dấu của Bác đã hằng mong mỗi ước mơ gặp tận mặt Người. Ngay cả lúc bị thương, tôi cũng nghe thông báo của trên sẽ chuyển một số thương binh ra Bắc, tôi cũng có hy vọng - biết đâu mình có thể trong số được đưa đó thì sẽ gặp được Bác và nếu có được may mắn như vậy, tôi thật vinh hạnh biết chừng nào, nhưng sau đó, chỉ đưa một số bị thương ở hai chi trên hoặc còn sức đi được tuyến đường Trường Sơn ra Bắc.

Ngược lại với những ước mơ đó, Bác đã vĩnh biệt chúng ta rồi. Ra đi Bác không mang theo những gì riêng tư như suốt cả cuộc đời Bác không bao giờ có, người đã để lại và đã để lại tất cả bóng hình, chân dung, tiếng nói của vị Cha già thấm sâu vào đường gân cốt thịt của từng người và đất nước mà Bác đã từng quý từng yêu, Bác đã để lại một kho tàng lý luận chủ nghĩa anh hùng cách mạng quý báu, không bao giờ sử dụng cạn hết.

Suốt trọn cuộc đời của Bác chỉ lo cho dân, cho nước, lo cho cách mạng Việt Nam mau chóng đi đến thành công. 79 mùa xuân tôi có quyền hình dung 79 mùa mưa nắng, Bác đã cùng bộ đội hành quân trên khắp chiến trường, càng đánh càng trưởng thành và chiến thắng vẻ vang, bởi vì tin Bác là tin Đảng, Bác là sự kết tinh máu thịt của Đảng ta, Bác là Đảng, Đảng cũng là Bác. Bác rất thương yêu bộ đội, bộ đội rất tin yêu Bác. Lòng tin đã tạo thành nguồn sức mạnh vô biên không thể kể thù nào khuất phục nổi.

Mùa xuân năm 1969, Bác đã đi xa nhưng tôi có quyền nói Người vẫn còn với mọi tâm hồn khí phách hào hùng quật khởi, khiêm tốn giản dị bằng những tình cảm nồng nàn và cả sự kết tinh của sự đoàn kết thống nhất chí hướng sáng tỏa bao la trên khắp mọi miền đất nước và nhân loại... 79 mùa xuân trôi qua cũng là 79 mùa xuân Bác đã từng trực tiếp chiến đấu không hề mệt mỏi với một thế lực bất công ý mạnh hiếp yếu, nhấn tâm chà đạp quyền độc lập dân tộc, quyền bình đẳng và quyền tự do hạnh phúc của mọi con người. Cũng có thể nghĩ rằng mùa xuân còn lại Bác sẽ vĩnh viễn sống mãi với lời Di chúc thiêng liêng cao quý như lời giáo huấn, như tư tưởng chỉ đạo, như tiếng gọi núi sông đã mang hình bóng Bác viết tiếp qua muôn ngàn gian khó để đưa cách mạng nước ta đến thắng lợi hoàn toàn.

Mùa xuân năm 1975, mùa xuân đại thắng. Là mùa xuân mà mọi con người Việt Nam ai cũng có quyền phấn khởi tự hào với những gì đã giành được mà Bác quyết phải giành chính đó là: *"Không có gì quý hơn độc lập tự do"*. Nhưng trong thắng lợi, phải đổi lấy bằng biết bao nhiêu xương máu, công sức, tiền của của cán bộ chiến sĩ và nhân dân cống hiến. Nên mọi người Việt Nam nhất thiết ai cũng có quyền bảo vệ và xây dựng chính đáng của mình bằng sức lực và trí tuệ để góp phần đưa đất nước ta ngày càng tiến lên vững chắc và giàu mạnh ngang tầm các nước.

Tôi có cảm nghĩ rằng, trong bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay là phải trải qua hết sức khó khăn phức tạp, tuy không đánh đổi xương máu mà Bác đã tiên đoán chắc chắn rằng: *"Việc đánh Mỹ và thắng Mỹ là một việc rất khó, nhưng xây"*

dựng chủ nghĩa xã hội còn khó khăn gấp bội phần". Hôm nay ôn lại lời Bác dạy, cách mạng nước ta đã và đang đứng trước những khó khăn, và sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn nữa. Rõ ràng *"Càng gần thắng lợi càng nhiều gian nan"* mà Bác đã dặn dò dạy bảo, không chút chủ quan, bi quan trước những giờ phút sắp chiếm lĩnh ở mỗi chặng đường cận kề thắng lợi.

Nghĩ về Bác, tôi cảm giác Bác vẫn còn quanh quẩn đâu đây bên cạnh mỗi người, mỗi cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang bằng hiện thân của cả tấm lòng của Bác theo từng chặng đường cách mạng đã qua và mãi mãi về sau.

Tôi có cảm nghĩ rằng: Công ơn Bác như trời cao biển rộng như không thể đếm nổi cây rừng bao nhiêu lá, nguồn bao nhiêu nước để sánh bằng công ơn Bác đối với miền Nam ruột thịt...

Nhưng thật ra, Bác đâu còn nữa, Người đã đi xa và để lại hoài tưởng trong tôi những kỷ niệm tuy đơn giản nhưng khó phai mờ đã hiện lên từ một khu rừng xanh biếc bạt ngàn, là tượng trưng màu xanh đất nước, màu xanh của quê hương Đồng Khởi, màu xanh của căn cứ địa cách mạng nó đã từng chở che nuôi dưỡng biết bao nhiêu mầm xanh cách mạng quật khởi kiên cường. Tất cả rừng xanh đã mang hình bóng Bác rợp mát mỗi bước đường để cùng bộ đội hành quân ra trận.

Từ một đơn vị Dân y huyện Ba Tri nhỏ bé trên năm mươi thương binh bình, chúng tôi sau khi được hồi phục được trở về đơn vị chiến đấu, tôi được biết các đồng chí phần đông đã hy sinh trong những năm địch tiến hành bình định cấp tốc lấn chiếm từ năm 70 đến năm 73, nên tôi không có dịp gặp lại. Riêng tôi cũng còn điều may mắn đã tiếp tục chiến đấu, bị thương lần nữa nhưng vẫn còn tiếp tục công tác được và hiện ở tại Phòng tham mưu cho đến ngày nay. Tôi cũng được biết các cán bộ nhân viên Dân y Ba Tri với biết bao thành tích nuôi dưỡng thương binh trong lúc địch đã càn quét chà đi xát lại vô cùng ác liệt, vẫn bám trụ kiên cường và phát triển, một số đồng chí đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu bảo vệ thương binh và rất nhiều gương hy sinh đáng nêu gương học tập của các đơn vị quân – dân y bạn trong thời kỳ đó.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tôi có dịp gặp lại các đồng chí mà tôi đã hằng thân thương triu mến tay bắt mặt mừng và nhớ lại ngày nào chúng tôi đã hồi tưởng lại như: Anh Ba Quang, nay là Bác sĩ Giám đốc Sở Y tế; anh Sáu Côn, Phó Giám đốc Sở Thủy sản tỉnh; anh Hoàng Việt, Y sĩ Trưởng khoa nội Bệnh viện huyện Ba Tri và chị Hai Hạnh, Trưởng khoa sản; anh Ba Sao, cán bộ phòng mạch; anh Thọ, cán bộ khoa mổ; anh Tư Thiệu, Phó Phòng Y tế huyện đang học bác sĩ và nhiều anh em khác cũng cùng chung Dân y huyện Ba Tri, nhưng khác trại cũng đã tiếp tục nghề nghiệp chuyên môn, và công tác nhiều đơn vị khác nhau đều tiến bộ.

Có lẽ từ một cánh rừng nhỏ bé đó có một đơn vị dân y vốn vẹn bảy người mà trưởng thành thành một bệnh viện có tầm cỡ trong tỉnh như ngày hôm nay. Đội ngũ bác sĩ, y sĩ, y tá trên dưới 150 người. Chính số bảy người là đặc trưng của sự trưởng thành và lớn lên bằng những con người thật sự của lòng tin và tất thắng nếu dù có phải hy sinh. Điều đó đã chứng minh cho lòng tin sắt đá của toàn dân, toàn thể bộ đội đối với Bác, với Đảng, sẽ lãnh đạo lèo lái con thuyền cách mạng đi đến thành công và trở thành hiện thực.

Ngày 10 tháng 01 năm 1989



ĐÊM 19 THÁNG 5

LÊ QUANG HUY

I. PHÚT MẶC NIỆM

Đã gần hai mươi năm qua, mỗi lần ngày 19 tháng 5 đến gợi lại cho tôi hình ảnh của đơn vị trong phút mặc niệm Bác Hồ, đêm 19 tháng 5 năm 1970. Sau 10 ngày, TB21 (trại tù binh Mỹ) bị kẹt trong khu vực bao vây, càn quét của địch; đêm ấy, chúng tôi quyết định điều động toàn trại vượt ra khỏi trọng điểm đánh phá. Đã đến lúc, chúng tôi không còn cách chọn lựa nào khác. Khu rừng trú ẩn của chúng tôi bị bom đạn, xe tăng địch phá nát. Những lon gạo cầm hơi sắp hết. Rau rừng và những thứ gì có thể duy trì sự sống cũng không còn tìm được nữa.

Sáu giờ ba mươi phút, chiều 19 tháng 5, cán bộ, chiến sĩ TB21 tập hợp trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Tôi phổ biến vắn tắt kế hoạch hành quân. Cuối cùng, tôi nói: *“Hôm nay, ngày sinh của Bác Hồ, ngày 19 tháng 5 đầu tiên trong đời bộ đội, chúng ta vẫn tưởng Bác, nhưng Bác đã để lại cho mỗi người chúng ta anh bộ đội Cụ Hồ. Trước khi thực hiện cuộc hành quân sống còn này, tưởng nhớ Bác Hồ, chúng ta mặc niệm Bác, hứa với Bác chúng ta vẫn xứng đáng là chiến sĩ Quân giải phóng của thời đại Hồ Chí Minh”*. Trong phút im lặng, trang nghiêm, nổi xúc động, tiếc thương Bác Hồ và ý chí quyết tâm vượt qua cơn thử thách hiện trên nét mặt và ánh

mắt của mỗi người chúng tôi. Sau phút mặc niệm, từng bộ phận quay về vị trí, chuẩn bị khẩn trương cho cuộc hành quân đêm nay.

II. CHUYỂN TRẠI VỀ HƯỚNG TÂY

Vấn đề tù binh Mỹ cũng là một sức ép lớn của nhân dân Mỹ đối với chính quyền Nic-xơn. Cho nên, Mỹ tổ chức lực lượng đặc biệt để truy tầm, phát hiện, giải thoát tù binh Mỹ. Lực lượng này phối hợp chặt chẽ với lực lượng hành quân khi đánh sâu vào căn cứ của ta. Do đó công tác quản lý tù binh Mỹ trong rừng là hết sức gian khổ mới đảm bảo được bí mật, nhất là trong lúc địch mở những cuộc càn quét vào vùng căn cứ.

Chúng tôi không thể nào có được nhà giam bê-tông cốt sắt kiên cố và cũng không có những dụng cụ nghiệp vụ của một trại giam thông thường. Chúng tôi chỉ có những cán bộ chiến sĩ đã qua chiến đấu ở khắp chiến trường Nam bộ bị thương, mất sức hoặc có biểu hiện khả năng về công tác quản giáo tù binh Mỹ.

Chúng tôi dựa vào lòng trung kiên, quả cảm, trí thông minh sáng tạo, ý thức tổ chức kỷ luật của những con người ấy để quản lý tù binh. Và dựa vào bản chất truyền thống của quân đội cách mạng, chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa, sự thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đối với tù binh để giáo dục, cảm hóa tù binh Mỹ. Khi mới đến trại, tôi rất ngạc nhiên và vui mừng, vì có đến hàng chục đồng đội là đồng hương Bến Tre của tôi.

Qua tin tức của các đài phát thanh và lời khai của ba tù binh Mỹ, ta vừa bắt được ngày 29 tháng 4 năm 1970, tôi nhận định chỉ còn khoảng một tuần lễ nữa địch sẽ đánh tràn qua khu vực nơi chúng tôi đang ở. Tôi đề nghị với anh Huệ phải gấp rút chuyển trại về hướng Tây Bắc. Anh Huệ là một cán bộ tiểu đoàn, làm công tác quản giáo tù binh lâu năm, là Đảng ủy viên Phòng địch vận, Chánh trị viên và Bí thư chi bộ trại. Anh Huệ đồng ý; nhưng, theo anh, phải tổ chức đi tìm địa điểm và xin ý kiến của Phòng địch vận. Tôi cho rằng thời gian rất khẩn trương cần

chuyển trại ngay. Ý kiến của tôi không được đơn vị chấp nhận. Anh Huệ giao cho tôi quản lý trại rồi dẫn một tiểu đội cùng anh Hồng trại phó, đi tìm căn cứ mới.

Những ngày đầu tháng 5, địch tăng nhịp độ hoạt động phi pháo. Các cánh quân của chúng đã áp sát biên giới. Trước tình huống này, tôi thấy không còn khả năng chuyển trại về hướng Tây. Tôi cho một tổ trinh sát kiểm tra lại các khu trại cũ về phía Đông, tôi dự định chuyển trại về phía Đông. Bảy giờ đêm 8 tháng 5, anh Huệ trở về cho biết anh đã tìm được địa điểm, ngay đêm nay, phải chuyển trại về phía Tây. Trong cuộc họp đơn vị, tôi vẫn giữ ý kiến là không thể chuyển trại về phía Tây được vì tốc độ di chuyển của địch về phía Tây nhanh hơn ta. Nên chuyển trại về các căn cứ cũ ở phía Đông. Thực hiện biện pháp bảo vệ chu đáo, ta sẽ tạo được thế bất ngờ. Rất tiếc, tôi không được đa số trong đơn vị ủng hộ. Vì lúc bấy giờ ở phía Đông cũng không còn cơ quan, đơn vị nào của ta, hầu như tất cả đều chuyển về phía Tây. Đêm 8 tháng 5, trại tù binh di chuyển về hướng Tây theo sự hướng dẫn của anh Huệ. Đêm ấy, chúng tôi đi an toàn. Nhưng vì là tù binh Mỹ, để bảo đảm bí mật, chúng tôi không thể đi ban ngày được, phải mất cả ngày 9 tháng 5 để trú quân. Tối đến, chúng tôi tiếp tục đi, nhưng lúc bấy giờ đã có nhiều đơn vị của địch, vượt xa về hướng Tây hơn chúng tôi. Chúng tôi phải tổ chức trinh sát và hành quân hết sức thận trọng, cho nên tốc độ di chuyển rất chậm chạp.

Đến 2 giờ khuya ngày 10 tháng 5, anh Huệ cho biết chỉ còn đi khoảng hai tiếng nữa thì đến khu vực anh đã chọn. Một lúc sau đó, có tiếng máy bay B52 xuất hiện. Chúng trút ba loạt bom hướng trước mặt, cách chúng tôi chừng 3km. Dứt tiếng bom, chúng tôi kiểm tra tù binh, củng cố đội hình rồi tiếp tục đi. Mười phút sau B52 dội bom lần thứ hai, Chúng tôi vẫn tiếp tục đi vì trong các cuộc càn của địch, B52 ném bom là thông thường. Nhưng chúng lại ném bom đợt thứ ba. Tôi quyết định dừng quân lại. Đến gặp anh Huệ, tôi cho rằng địch đã dùng B52 ném bom dọn bãi đổ quân, ta phải dừng lại tìm nơi trú quân. Anh Huệ đồng ý và cho rằng địch ném bom đúng hướng khu vực anh đã

chọn làm căn cứ. Trong lúc đó B52 vẫn tiếp tục ném bom nhiều đợt xuống trước mặt chúng tôi.

Khi quan sát địa hình chung quanh, tôi thấy phía Bắc, một trảng trống, phía Nam là vườn cao su. Chúng tôi chuyển ngay từ binh vào vườn cao su, tạm thời cụm quân ở đây rồi tiếp tục tìm nơi ẩn nấp. Đến 4 giờ sáng, chúng tôi thấy phía Nam vườn cao su tiếp giáp với cánh rừng thưa có con suối nhỏ, sâu, hai bên có tre gai bao phủ, chảy từ Bắc xuống Nam. Chúng tôi chuyển từ binh vào ven rừng gỗ, cạnh bờ suối. Trời vừa hừng sáng, pháo địch bắn từng đợt vào khu rừng gỗ. Chúng tôi phải điều động từ binh sang vườn cao su để ẩn nấp, dứt tiếng pháo lại phải quay về rừng gỗ. Vì đạn pháo ít rơi vào vườn cao su. Vườn cao su vào tháng 5 quá trống trải, không thể ẩn nấp khi tan khói đạn pháo. Suốt buổi sáng ngày 10 tháng 5, chúng tôi liên tục di chuyển như vậy để tránh pháo địch.

Đến trưa, pháo địch ngừng. Cánh rừng gỗ xơ xác. Chúng tôi biết rằng giờ phút mất còn có thể ập đến bất cứ lúc nào với chúng tôi. Dứt tiếng pháo có thể trực thăng, bộ binh, biệt kích sẽ tới. Chúng tôi gấp rút cất giấu từ binh, triển khai biện pháp bảo vệ và đội hình chiến đấu. Rất may mắn cho chúng tôi, hôm đó chỉ có trực thăng và xe tăng xuất hiện. Trọng điểm đánh phá của chúng là phía bên kia ven suối. Đến chiều, khi địch ngừng hoạt động, tôi cùng hai chiến sĩ đi quan sát địa hình, khi về tôi báo cho anh Huệ biết: Khu rừng gỗ tuy có chiều dài nhưng rất hẹp, cây cối thưa thớt lại bị pháo địch phá nát, phía Tây có một con đường lớn rất tiện cho việc hành quân cơ giới của địch, hôm nay địch đã tập trung đánh phá phía Đông ven suối. Ngày mai, nhất định địch sẽ tràn qua phía Tây, nơi chúng ta đang trú ẩn, nên cần phải gấp rút di chuyển. Đêm nay, tôi cùng với hai chiến sĩ tìm đường để chuyển trại quay về khu căn cứ cũ. Điều này có thể thực hiện được vì tôi quan sát thấy phần lớn các đơn vị của địch đã tiến sâu vào đất Campuchia. Anh Huệ đồng ý. Tôi ra đi và dự định 12 giờ khuya tôi có thể trở về và điều động đơn vị hành quân ngay. Nhưng tôi và hai chiến sĩ không thực hiện được ý định. Đêm đó, chúng tôi gặp xe tăng địch, chúng dùng đèn pha

và đại liên truy quét. Chúng tôi phải mất nhiều thời gian mở đường vòng, tránh cụm xe tăng này. Đến 3 giờ sáng, chúng tôi mới trở về nơi đóng quân của đơn vị mà vẫn chưa tìm được lối đi.

III. MỘT NGÀY QUYẾT ĐỊNH

Sáng sớm ngày 11 tháng 5, tôi gặp lại anh Huệ cho anh biết tình hình và dự định của tôi: Ngày hôm nay, tôi tiếp tục tìm đường để tới đến chuyển tù binh về hướng Đông. Anh Huệ quyết định: Buổi sáng nay, tôi ở lại đơn vị. Anh dẫn năm chiến sĩ đi về phía Tây, đến địa điểm anh đã tìm, xem nếu ở được thì sẽ điều động tù binh về đó, nếu không buổi chiều sẽ thực hiện ý định của tôi, Anh Huệ dẫn năm chiến sĩ ra đi và không bao giờ trở về. Mãi cho đến ngày 26 tháng 6 năm 1970, chỉ còn một chiến sĩ Nguyễn Bùi Thuyên lần mò trở về đơn vị. Thuyên cho biết: Trên đường đi, gặp địch, chiến đấu, Anh Huệ và một chiến sĩ hy sinh, hai chiến sĩ bị bắt, Thuyên vượt được vòng vây của địch.

Suốt buổi sáng 11 tháng 5, pháo địch vẫn bắn cầm canh vào khu rừng chúng tôi ẩn nấp. Tôi tiếp tục quan sát địa hình, bố trí lại kế hoạch phòng chống địch bên ngoài, với tình huống hôm nay, địch sẽ đánh vào nơi chúng tôi trú ẩn. Khoảng 7 giờ, những loạt đại liên, M16, M79 xen lẫn với AK nổ ở phía Tây, cách chúng tôi hơn một cây số, làm tôi và anh em bắn khoản. Đến 10 giờ, 11 giờ, đã quá giờ hẹn, anh Huệ vẫn chưa về. Chúng tôi hết sức lo âu. Tôi nghĩ rằng không có anh Huệ trong những giờ phút này, liệu tôi và anh em đủ sức đối phó với địch không?

Tôi tập hợp cán bộ phân đội lại đề phổ biến việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến đấu, động viên anh em quyết tâm thực hiện. Tôi chú trọng phổ biến tỉ mỉ kế hoạch bảo vệ, quản lý tù binh trong tình huống phải chiến đấu. Chúng tôi phải chịu đựng những giây phút quá căng thẳng, xe tăng, bộ binh, biệt kích, trực thăng, loại nào sẽ đến với chúng tôi, hay là tất cả, giây phút nào trong ngày hôm nay chúng đến? Đoàn của anh Huệ còn mất ra sao, liệu có ai bị bắt không? Nếu có, thì người đó có chịu nổi đòn tra tấn của địch không? v.v... Chống xe tăng, chúng tôi chỉ có lựu đạn và thủ pháo, còn đối với các loại khác thì chỉ có AK.

Nhưng đây không phải là điều chủ yếu làm chúng tôi lo ngại. Đánh nhau với địch, theo lối du kích, việc thua kém về quân số, vũ khí thì cũng là điều thông thường vì hầu hết chúng tôi vốn là du kích. Tù binh Mỹ giờ đây, là cái gánh đê nặng trên vai chúng tôi, khiến chúng tôi phải nằm bẹp, ngột ngạt nơi đây. Nếu không vì nhiệm vụ này, chúng tôi cũng có thể đánh đứt xích đôi ba chiếc xe tăng hoặc hạ một vài trực thăng rồi tuần tự rút lui. Do đó, chúng tôi phải tập trung theo dõi tỉ mỉ mọi thủ đoạn đánh phá của địch để tìm cách đối phó, hết sức tránh khả năng chạm súng với địch.

11 giờ 30 phút, hai chiếc trực thăng xuất hiện, hạ độ cao, lượn vòng hẹp bên trên chúng tôi và phóng ra hai phát tín hiệu xanh. Giây phút quyết định đến với chúng tôi. Tôi nhắc lại cho các cán bộ chỉ huy bộ phận: Mọi việc không còn phải lo lắng gì nữa, cứ theo kế hoạch và lệnh của tôi mà quyết tâm thực hiện. Vài phút sau, xe tăng gầm rú, vượt suối. Chúng tôi dự đoán đúng. Địch đánh sang ven suối phía Tây, nơi chúng tôi đang trú ẩn. Chỗ xe tăng vượt suối cách nơi đứt tù binh chừng 250 mét. Sáu chiếc xe tăng chia làm hai toán, từ từ nghiêng bẹp các bụi tre gai ven suối, hướng về phía chúng tôi. Tổ trinh sát phía trước báo cho tôi biết chưa nhìn thấy bộ binh đi kèm với xe tăng.

Mười phút trôi qua, những chiếc xe tăng từ từ rút ngắn khoảng cách giữa địch và chúng tôi. Còn mười mét nữa là tổ trinh sát phía trước, chạm địch. Với tốc độ di chuyển của xe tăng như những phút vừa qua thì còn không quá năm phút nữa, theo kế hoạch, tổ trinh sát phải nổ súng. Một phút trôi qua nữa, mọi diễn biến không có gì thay đổi, tôi cũng không nghĩ đến điều gì khác hơn ngoài kế hoạch đã định. Khi xe tăng địch tiến vào khu rừng gỗ, bên trên lại có trực thăng quan sát, việc điều động đoàn tù binh di chuyển là điều hết sức khó khăn và nguy hiểm. Khi đang rút lui mà bị địch phát hiện, chúng tôi sẽ ở thế hoàn toàn bị động. Chúng tôi sẽ bị bao vây, bị tiêu diệt và cũng có người bị bắt làm tù binh địch. Trong lúc đó, tổ trinh sát phía sau báo cho tôi biết không thấy có dấu hiệu biệt kích. Tốc độ di chuyển của xe tăng chậm hơn dự đoán. Hai dấu hiệu này gợi cho tôi ý nghĩ

khả năng rút lui. Chúng tôi phải hết sức tránh chạm súng với địch để giữ gìn cho được số tù binh Mỹ vì chính sách khoan hồng nhân đạo của ta đối với tù binh vừa có tính sách lược, đồng thời cũng là một mặt phản ánh tính chất chính nghĩa của chiến tranh cách mạng. Và thực tế, tù binh Mỹ cũng là một lợi thế của ta ở Hội nghị Paris, cũng là con chủ bài để ta khống chế hành động khủng bố, đàn áp của bọn Mỹ ngụy đối với các đồng chí của ta trong trại giam của chúng. Và mai sau, ta chiến thắng, chiến tranh kết thúc, những tù binh này trở về Mỹ, chúng sẽ trở thành những giảng viên rất thực tế về thất bại của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam đối với các thế hệ trẻ của nước Mỹ đế quốc.

Sau phút suy nghĩ lướt nhanh qua, quan sát lại tình thế, tôi ra lệnh rút lui. Tổ trinh sát phía trước lui về ven rừng gỗ. Phân đội vệ binh điều động tù binh về hướng cây chò ngã. Được lệnh rút lui, thần kinh anh em chúng tôi hết sức căng thẳng; vì trong giây phút này, chúng tôi ở thế hoàn toàn bị động, nếu địch phát hiện. Trái lại tù binh phấn chấn hẳn lên, thực hiện răm rắp mọi mệnh lệnh của vệ binh áp giải. Khoảng ba phút sau, tù binh được ngụy trang, ẩn nấp kín đáo dưới thân cây chò ngã. Ngày hôm trước, khi quan sát địa hình tôi có lưu ý đến cây chò, đường kính trung bình thân cây hơn một mét, ngã đã lâu, dây leo che phủ, ở giữa khu vực khá trống trải, cách ven rừng độ một trăm mét.

Tôi quay trở ra, thấy xe tăng địch dừng lại cách ven rừng vài mươi mét. Nắp xe tăng mở. Lính Mỹ nhảy xuống đất, đi lại, dòm ngó. Chúng đã phát hiện dấu vết chúng tôi. Ngày 9 tháng 5, khi trú quân giữa rừng, chúng tôi bắn được một con heo rừng, thịt được chia từng bộ phận, còn lại cái đầu và bốn chân, tổ cấp dưỡng vẫn mang theo, suốt hai ngày nay, phải để trong bao tải, giấu ở gốc cây. Bọn lính Mỹ lôi đầu heo ra, tập trung lại ngắm nhìn, rồi bêu đầu heo lên một cái cọc, chúng quây quần phía sau để quay phim, chụp ảnh.

Chúng sẽ làm gì sau khi phát hiện dấu vết chúng tôi. Nếu chúng cho xe tăng càn vào rừng gỗ thì việc rút lui của chúng tôi vừa qua hoàn toàn vô ích. Giờ đây hơn hai mươi tên Mỹ phơi thân trước họng súng của chúng tôi, không quá năm chục mét.

Với bốn khẩu AK và hàng chục lựu đạn, thủ pháo, tập kích ngay là giành lấy phần thắng. Nhưng kết cục vẫn không tạo được lợi thế cho chúng tôi. Nhìn cử chỉ uể oải, mệt mỏi của lính xe tăng Mỹ, nhiều tên vào ngồi trong vườn cao su tránh nắng, tôi tin lời khai của tên Rô-bốt Yang, đại úy, mới bị bắt ngày 29 tháng 4 năm 1970: Tinh thần chiến đấu của lính Mỹ ở Nam Việt Nam rất thấp, họ chỉ chờ đợi đến lượt mình trở về Mỹ theo kế hoạch rút quân,... Tôi hy vọng và chờ đợi. Lính Mỹ lên xe tăng, dàn đội hình hàng ngang, trút hàng loạt đạn đại liên vào rừng gỗ rồi từ từ lui về vườn cao su, dừng lại ăn uống.

Chúng tôi đã qua một ngày đầy nguy nan thử thách.

IV. NHIỆM VỤ ĐƯỢC HOÀN THÀNH

Từ ngày 12 tháng 5 trở đi, chúng tôi vẫn phải đối phó liên tục với phi pháo và xe tăng địch. Tù binh được giấu kỹ dưới hầm. Mọi việc sinh hoạt của chúng tôi phải hết sức kín đáo. Chúng tôi tổ chức nhiều tổ trinh sát tìm đường ra khỏi khu vực trọng điểm cần quét này và nếu có thể thì trở về căn cứ cũ. Việc tìm lối thoát khó hơn dự đoán của tôi vì mật độ đóng quân của địch dày đặc và vị trí luôn thay đổi.

Mối đe dọa ngấm ngầm từ từ thâm nhập, làm cho mạch máu và thần kinh của chúng tôi cứ suy kiệt dần theo thời gian là đói. Dù biết trước, phải ăn hết sức hạn chế, chỉ có cháo loãng với rau rừng, nhưng tôi thấy không thể duy trì sự sống, an toàn cho đơn vị thêm nhiều ngày nữa. Bao nhiêu sự cố gắng, gian khổ của chúng tôi trong những ngày qua mà thành quả của nó đối với chúng tôi vô cùng quý giá. Giờ đây, đã có nguy cơ tan biến đi tất cả, khi cái đói và bạn đồng minh của nó là vi trùng sốt rét đang rút rủa trong cơ thể chúng tôi.

Phải tranh thủ thời gian, chạy nhanh hơn cái đói, vượt qua các khu vực đóng quân của địch để giành lấy sự sống và danh dự của một đơn vị quân đội cách mạng là ý chí của chúng tôi trong những ngày này.

Tổ trinh sát của đồng chí Bảy Cò, Thành Công, Danh Viên đã

về được căn cứ cũ và quay trở lại đơn vị vào đêm 18 tháng 5 năm 1970. Các đồng chí mang gạo cho đơn vị ăn no được một ngày. Đêm 19 tháng 5 năm 1970, trước khi thực hiện cuộc hành quân đầy gian nguy này, toàn thể cán bộ chiến sĩ TB21 thương nhớ, mến tiếc Bác Hồ vô hạn, kính cẩn nghiêng mình mặc niệm Bác, xin hứa với Bác quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Phải mất một tiếng đồng hồ, chúng tôi mới đi được một ký-lô-mét, ra khỏi khu rừng gỗ. Phía trước là trắng trống mênh mông chỉ có những bụi cây thưa thớt. Các đơn vị địch, xe tăng, pháo binh, bộ binh, đóng rải rác trên trắng. Trên bầu trời một chiếc máy bay thỉnh thoảng lại tung ra một trái đèn dù để canh chừng cho bọn địch mặt đất. Chúng tôi dừng lại ở ven rừng, củng cố, bố trí lại đội hình và chuẩn bị mọi biện pháp để lách qua khu vực đóng quân của địch. Một tiếng hành quân vừa qua, chúng tôi gặp nhiều trở ngại: Tù binh và anh em chúng tôi, nhiều người bị mất giày dép phải xé quần áo buộc vào chân để đi qua cỏ gai. Vài ba tù binh bị kiệt sức, phải dìu theo. Năm đứa trẻ con, (con của chị em cấp dưỡng, y tá), thỉnh thoảng kêu khóc. Sau khi chấn chỉnh đội hình, kiểm tra ngũ trang xong, tôi quan sát lại hướng đi. Đêm nay, rằm tháng 4 âm lịch, trăng sáng quá. Ánh trăng làm tôi vô cùng lo lắng. Đội hình của chúng tôi khá lớn, rất khó ngũ trang, lại phải lách qua các cụm quân địch, có nơi chỉ cách chúng vài trăm thước. Nhưng rất may mắn là có hiện tượng sắp mưa. Phía Tây Nam mây đen lên quá chân trời. Tôi chờ đợi và dự tính sẽ xuất phát sao cho khi chúng tôi vừa gần đến khu vực đóng quân của địch là trời đổ mưa. Tôi thực hiện được dự tính này.

Trận mưa kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ. Khi trời sắp dứt mưa, chúng tôi đã đi xa khu vực đóng quân của địch, nỗi vui mừng của chúng tôi lại tan biến trước một đe dọa mới. Mưa quá lớn. Nước ngập mênh mông. Bầu trời đầy mây. Tìm hướng đi, chúng tôi căn cứ vào vị trí pháo sáng của địch, nhưng việc quan sát địa hình để cho đoàn người khỏi rơi xuống đầm lầy hay khe suối quả là một việc hết sức khó khăn. Đường còn dài. Đêm tối không chờ đợi chúng tôi. Nhiều năm sống với anh em ở rừng, tôi tự hào và

tin tưởng tài năng, kinh nghiệm một số chiến sĩ trinh sát trong đơn vị. Nhưng đêm nay, tôi và số anh em này có lúc cũng bất lực. Nhiều lần chúng tôi bị rơi xuống đầm lầy, phải mất rất nhiều thời gian để đổi hướng đi. Bốn giờ sáng 20 tháng 5, chúng tôi đến ven suối Mây. Vượt qua suối Mây thì đến khu vực căn cứ quen thuộc của chúng tôi. Trời hừng sáng, pháo địch bắt đầu bắn, động cơ xe tăng, trực thăng gầm rú, địch tiếp tục một ngày tàn sát, bắn phá. Trước mắt chúng tôi, dòng nước suối Mây lớn gấp hàng chục lần ngày thường, chảy xiết, cuốn rạp lau sậy hai bên bờ. Tình thế đã cho tôi biết không thể nào điều động đoàn tù binh qua suối trước lúc trời sáng. Đêm 19 tháng 5 sắp qua, cánh rừng quen thuộc đã hiện mờ ở phía Đông, nhưng chúng tôi vẫn phải chôn chân ở đây, khoảng cách giữa mất và còn vẫn trong gang tấc.

Tôi quyết định giao cho đồng chí Bảy Cò dẫn phần lớn vệ binh và bộ phận hậu cần, tổ chức nhanh chóng vượt suối. Tôi giữ lại mười vệ binh có sức khỏe và có bản lĩnh chiến đấu tốt, chia tù binh làm hai toán, ẩn nấp vào các cụm lau sậy ngập nước ở ven suối.

Ngày 20 tháng 5, chúng tôi và tù binh được sống một ngày trọn vẹn trong ánh nắng, được ngắm nhìn khoảng không gian rộng bao la. Nhưng điều đáng căm phẫn là bầu trời bị xé nát bởi từng tốp máy bay quân đảo, bỏ nhào, bị hoen ố bởi những cột khói đen ngòm của bom đạn. Trên mặt đất, hàng đoàn xe tăng, xe bọc sắt ngang dọc, gầm rú, theo sau là những toán bộ binh chạy lô nhô, bắn phá loạn xạ, tất cả chìm trong những âm thanh man dại được chế tạo từ nước Mỹ.

Tôi hỏi một tù binh Mỹ nghĩ gì trước cảnh tượng này. Y trả lời: *"Mọi thứ vung vãi ở đằng kia là mồ hôi và công sức của người dân Mỹ, ước gì cử tri và người đóng thuế ở Mỹ thấy được cảnh này"*.

Mặt trời lặn. Nước rút khỏi ven suối. Đồng chí Bảy Cò và anh em mang cơm nước đến đón chúng tôi về căn cứ cũ. Trong thời gian ở đây, chúng tôi vẫn phải đối phó với máy bay trực thăng và quân biệt kích Mỹ. Chúng luôn luôn quan sát, lùng sục để bảo vệ căn cứ hậu cần đã chiến ở trắng Ba Mặt. Nhưng điều làm cho

chúng tôi phải chịu đựng, lo âu là đơn độc và phải kiếm sống trong khu rừng mà cây cối bị bom đạn, chất độc hóa học tàn phá, gãy đổ ngổn ngang, hoặc đứng trơ trọi, xơ xác, mặt đất rỗ nát bởi những hố bom chồng chất lên nhau. Thỉnh thoảng chúng tôi mới gặp một vài chiến sĩ của đơn vị bạn len lỏi về lại căn cứ cũ.

Những ngày đầu, bữa cơm của chúng tôi và tù binh chỉ có một ít gạo mục, măng le và đế rừng kho với muối. Hằng ngày, chúng tôi phải chia từng toán nhỏ đi tìm kho của Đoàn 82 hậu cần, đến các căn cứ cũ của đơn vị bạn nhặt nhạnh tất cả những thứ gì, sau khi địch đánh phá, còn có thể ăn hoặc dùng được. Có nhiều lúc chúng tôi phải chạm trán với biệt kích Mỹ chỉ vì muốn lấy cho được một vài bông (túi) gạo mục. Vài tháng sau, chúng tôi tích trữ được gạo, muối, quần áo, thuốc trị bệnh; thỉnh thoảng có được bữa ăn ngon do gài bẫy, cắm câu hoặc săn bắn.

Một hôm, trong buổi nói chuyện thời sự với tù binh Mỹ (tôi vẫn giữ được máy thu thanh để theo dõi tin tức), tôi nhận định Nixon, Tổng thống Mỹ đã phạm hai sai lầm lớn có tính chiến lược: Dùng Lon-nôn đảo chính Xi-ha-núc và mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam nhất định thất bại. Sau buổi nói chuyện, tù binh Rây-mân xin được nói lên sự biết ơn của tù binh đối với chính sách khoan hồng nhân đạo của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, khâm phục lòng dũng cảm, chịu đựng của cán bộ và chiến sĩ của trại thể hiện trong những ngày qua. Cuối cùng y nói: “Đến lúc tôi không thể im lặng được nữa, xin ông cho tôi viết một bức thư gửi cho nhân dân Mỹ và những người có liên quan”. Rây-mân là thiếu tá, cố vấn lực lượng biệt kích, bị ta bắt ở Gò Dầu, Tây Ninh, vào tháng 3 năm 1969. Anh Bảy Lê Ca, Trưởng ban địch tình, Phòng địch vận Miền (Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Bến Tre sau 1975), đến khai thác rồi giao Rây-mân cho TB21. Anh Lê Ca cho biết y chịu khai báo nhưng không chịu tuyên bố công khai. Hơn một năm ở trại, Rây-mân vẫn giữ thái độ như vậy.

Bản tuyên bố của Rây-mân có nội dung tốt phần kết thúc đại

ý viết như sau: Tôi là một quân nhân chuyên nghiệp, tôi tình nguyện vào quân đội Mỹ năm 17 tuổi, tôi đã từng tham chiến chống quân đội cộng sản ở mặt trận Triều Tiên, cũng đã từng được huấn luyện, nghiên cứu ở các trung tâm chống quân du kích cộng sản, nhưng tôi không thể hình dung nổi những cảnh tượng vừa diễn ra trước mắt tôi, trong những ngày vừa qua. Một đơn vị nhỏ của quân giải phóng miền Nam Việt Nam mà chúng ta gọi là "VC" chuyên trách giữ gìn một số tù binh Mỹ, họ cơ động linh hoạt, kiếm sống, đảm bảo được tính mạng chúng tôi ngay trong khu vực cần quét của quân đội Mỹ. Nếu không vì chúng tôi, họ có thể hạ hàng tỉ lính Mỹ. Tổng thống Nic-xơn nên sớm thỏa thuận ở Hội nghị Paris để chấm dứt chiến tranh Việt Nam, nước Mỹ không thể thắng nổi cuộc chiến tranh này. Nội dung bài viết được ta ghi âm và sử dụng ở Hội nghị Paris.

Suốt trong 6 tháng qua, mặc dù phải đối phó liên tục với địch và phải tự lực kiếm sống, nhưng tình thương yêu đồng đội, đồng chí đã quện chặt chúng tôi. Việc chia sớt nhau từng miếng cơm, tấm áo hoặc nhận lấy nhiệm vụ nặng nề, nguy hiểm về phần mình, là nếp sống của chúng tôi. Tất cả chúng tôi chỉ có một niềm tin là kiên quyết đi theo con đường của Bác Hồ vạch ra và làm đúng theo lời dạy của Người - nhất định giành được thắng lợi. Đến cuối tháng 9 năm 1970 chúng tôi mới liên lạc được với Phòng địch vận và từ đó TB21 từng bước được ổn định.

Sắp đến kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh Bác Hồ, tôi xin gửi đến đồng đội của tôi, những cán bộ và chiến sĩ TB21 đã cùng tôi đứng mặc niệm Bác trong đêm 19 tháng 5 năm 1970. Chúng ta còn sống là may mắn, là quý giá. Chúng ta cần giữ mãi lẽ sống tốt đẹp của Người Chiến sĩ Quân Giải phóng, Anh bộ đội Cụ Hồ.

Bến Tre, ngày 10 tháng 7 năm 1989



BÀ NĂM CON CỤ HỒ

ĐOÀN TỬ

Người ta gọi bà là “Bà Năm điên con cụ Hồ” – một nhân vật đặc biệt mà được nhiều anh chị lãnh đạo của tỉnh nhắc tới trong hồi ký của mình như chị Ba Định, anh Sáu Huấn, anh Hai Chiến, anh Ba Cầu... Các nhà văn Nguyễn Văn Bổng, nhà thơ Chim Trắng có đề cập đến bà trong trang viết của mình với tấm lòng trang trọng.

Có người cho bà là một người điên không định tâm, định tánh làm xóa nhòa tấm lòng kính yêu của bà với Bác Hồ. Nhưng đến nay vẫn chưa ai biết được bà điên thật hay giả. Đối với giặc, với mọi người thì bà là một bà già điên thoi nhưng với dân với Đảng, bà Năm là một con người tỉnh táo và khôn ngoan vô cùng.

Nhân Tỉnh ủy có chủ trương mở cuộc vận động viết về đề tài: “Nhân dân Bến Tre với Bác Hồ”, tôi nhắc đến bà Năm thay đốt nén hương lòng tưởng niệm một người mẹ anh hùng.

Tên thật của bà là Nguyễn Thị Lượng. Cán bộ, chiến sỹ kính trọng gọi bà là má Năm vì bà là mẹ của bốn con chiến sỹ. Sau này người ta quen gọi Bà là *"Bà Năm điên con Cụ Hồ"* mà khắp Mỏ Cày ai cũng đều biết tiếng - đó là cái tên mà bà rất đổi tự hào.

Vốn xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo khổ, làm tá điền cho địa chủ, cày thuê cấy mướn nên bà đã từng nếm đủ mùi đắng cay, cực nhọc từ thời con gái cho đến khi có chồng có con. Bà chứng kiến biết bao cảnh áp bức bất công của thời nô lệ - tưởng chừng cuộc đời bà chết mòn trong tăm tối, nghèo khổ. Ngọn lửa Cách mạng Tháng Tám bùng cháy mở ra một chân trời mới cho người bần hàn, nô lệ nhìn thấy được ánh sáng độc lập, tự do. Bà sung sướng đến nghẹn ngào khi nhìn thấy lá cờ đỏ búa liềm của Đảng, lá cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc bay phất phới trên ngọn dừa hay trước cửa nhà việc làng Minh Đức. Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị cứu tinh của dân tộc lần đầu tiên xuất hiện và in đậm vào lòng bà thật diệu kỳ, tha thiết. Bà nhìn kỹ hình ảnh Cụ Hồ từ vầng trán cao rộng mênh mông như biển trời đến đôi mắt như hai vì sao sáng, chòm râu bạc dịu dàng, đôn hậu như một ông Tiên.

Bà đem hình Bác Hồ lồng vào khuôn cây treo giữa bàn thờ. Đêm đêm bà đốt nhang, hương về thủ đô Hà Nội khấn vái, bà tâm niệm lời Bác nói: *"Ngày nào nước Việt Nam chưa độc lập, nhân dân còn đau khổ, ngày đó Bác ăn không ngon, ngủ không yên..."*.

Chiến tranh bùng nổ, bà chứng kiến bao cảnh thương tâm do bom đạn của giặc Pháp tàn phá quê hương, cảnh lính Lê Dương đi ruồng bố bắn giết đồng bào mình... Bà thương anh cán bộ bộ đội Cụ Hồ ngày đêm lặn lội cực khổ, hy sinh chống giặc giữ làng. Rồi cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi. Pháp thua rút quân về nước. Cán bộ, bộ đội đi tập kết. Mỹ nhảy vào miền Nam thay

chân Pháp dựng lên nguy quyền Ngô Đình Diệm bằng khủng bố trả thù tàn bạo người yêu nước bằng quốc sách tố cộng, diệt cộng !

Có một căn nhà lá lụp xụp ven bờ rạch Tân Hương, sát con đường lộ đất đi Hương Mỹ - đó là nhà bà Năm - một cơ sở cách mạng của xã Minh Đức. Nơi đây là nút giao liên liên xã, liên huyện vừa là điểm ăn ở hội họp của cán bộ bí mật.

Bà hết sức đau lòng khi không còn thấy lá cờ đỏ sao vàng và hình ảnh Bác Hồ nữa! Tám ảnh Bác Hồ trên bàn thờ bà đã gói kỹ đem giấu kín chỉ còn lại cái khung gỗ trống không lạnh lẽo. Đêm đêm bà vẫn không quên đốt nhang hướng về phương Bắc tưởng nhớ Bác. Lúc này tuổi bà đã ngoài bốn mươi - chưa phải đã già nhưng vì cuộc đời nghèo khổ khiến bà già trước tuổi, thân hình khô đét. Còn ông Năm chồng bà là một nông dân thật thà chất phác, tối ngày cặm cui ngoài đồng; khi cách mạng cần thì việc gì dù khó khăn nguy hiểm đến đâu ông cũng làm được. Các con của bà đều lớn khôn làm giao liên, bảo vệ. Tất cả chồng con trong gia đình bà đều một lòng một dạ theo Đảng, theo Bác Hồ. Hằng ngày, bà đi chợ Tân Hương thấy bao nhiêu cảnh trái tai, gay mắt cứ đập mạnh vào tâm tưởng bà. Bà bức tức đến mất ăn, mất ngủ trước cảnh đồn bót, làng lính hống hách, bắt bớ giam cầm người yêu nước. Đài truyền thanh của giặc ở chợ Tân Hương ngày đêm ồng ồng chửi bới cộng sản, xuyên tạc cách mạng, hô hào chiến tranh, suy tôn tên Việt gian bán nước Ngô Đình Diệm,...

Một hôm bỗng nhiên bà phát lên múa hát, đi chợ gặp lính làng thì chửi bới và xưng bà là con Cụ Hồ. Bà không sợ mặt nào, hễ lính chọc thì là lột guốc đánh, lính đánh thì bà chửi. Đi đâu bà cũng nói đến cách mạng, ca tụng Cụ Hồ. Hễ gặp tàn tích nguy như hình Ngô Đình Diệm, bảng liên gia, cờ ba que bà đập xé tan nát, giẫm đạp dưới chân. Bà vừa xé cờ nguy vừa phỉ báng: cái đây quần tao, treo chi nhổng nhảnh, còn thấy ảnh Bác Hồ thì bà ôm hôn và tôn kính. Một bữa nọ, bà Năm vào chợ gặp làng lính và đàn bà chợ đang buổi chào cờ ba sọc. Trong lúc mọi người đứng nghiêm chào thì bà đi xâm xâm vô ngay cửa bót vừa múa

vừa nẩy ngựa. Một tên linh quất :

- Sao người ta chào cờ mà bà làm gì kỳ vậy?
- Tôi con Cụ Hồ, cờ sọc đưa tôi chào vậy đó - Bà đáp.
- Sao bà biết cờ sọc đưa? - Tên linh hỏi.
- Vì quốc gia đánh đâu thua đó.

Tên linh bực dọc nói:

- Còn Cụ Hồ ốm tong, đeo tàu đu đủ không gãy mà đánh thắng ai?

Bà đáp lại liền:

- Ba tao lo cho dân cho nước nên ốm chớ không phải như Ngô Đình Diệm ăn bơ thừa sữa cặn nên mập ú.

Tên linh chịu thua.

Đối với giặc với mọi người thì bà là một bà già điên thật nhưng với dân, với Đảng, bà Năm chính là một con người tỉnh táo và khôn ngoan vô cùng. Bà đọc rất nhiều thơ - thơ lục bát - kiểu thơ Lục Vân Tiên có vần điệu và nội dung rất hay. Bà cầm tập giấy trắng vở học trò ra đọc - đọc tuồng bụng mà bà gọi đó là kinh "TỬ LỰC" của bà. Bà đọc suốt đêm, suốt ngày không hết - trừ lúc chớp mắt chốc lát - hễ mở mắt ra là bà đọc kinh. Kinh của bà là những vần thơ nói về Bác Hồ phát ra từ đáy lòng của bà mà bà thường gọi là "Ba của tao...":

*"Ba tao lo nước, lo dân
Chớ đâu như quỷ mặt rần tui bây
Ba tao là một bậc thầy
Chớ đâu như thể một bầy ác ôn
Ba tao trời đất suy tôn
Chớ đâu thánh oán, thần hồn như bây..."*

Kinh của bà Năm điên là như vậy. Rất tiếc hồi đó không ai ghi lại. Trước mắt kẻ thù bà nói về dân và nước, nói cả quỷ ma thần thánh, trời phật, nói tới cái thiện cái ác, niết bàn địa ngục, quả báo ham ăn, tam hoành xích đế, lảm cảm, lẩn thần cho đến kẻ địch dù ranh ma thâm độc cũng không biết được bà tỉnh hay điên, khôn hay dại.

Thằng Ách Hề ác ôn ở bót Tân Hương nó nói bà điên giả, nó đánh bà ở chợ, bà chửi nó ba ngày đêm không tàu xe nào chở hết. Đến sáng ngày thứ ba nó dẫn lính vô rình nhà bà. Vừa thấy nó từ đằng xa, bà chỉ mặt nó nói: “*Kia, thằng đó nó đánh tao!*”. Rồi bà chạy vô nhà rút dao rượt chém. Ách Hề hoảng sợ chạy về bót. Nó nói bà điên thật chứ không phải giả đồ. Từ đó nó thôi không theo dõi đánh đập bà nữa mà gọi thành danh là bà Năm con gái Cự Hồ.

Đêm đêm tiếng gọi Bác Hồ của bà Năm nghe lạnh lốt: “*Ba ơi, sao ba không đem binh về đánh lũ ác ôn để nó đánh con nè ba ơi!*”. Bà con xa, láng giềng gần ai cũng nói bà Năm điên thật nhưng những người hiểu bà, thông cảm, bênh vực bà thì không tin như vậy.

Trong hồi ký chị Ba Định có đoạn ghi: “...chính bà Năm điên lại là người phục vụ, nuôi nấng, dòm ngó bảo vệ Huyện ủy hết tình. Con đường giao liên đi qua đây. Có giặc bà biết, không giặc bà biết. Không ai giao bà làm việc đó mà có giao làm sao tin được ở người đã điên thật nhưng dần dần những người giao liên phải tin ở bà... Những lúc có giặc, bà tỉnh táo hơn cả người tỉnh, chính xác hơn cả người khôn tinh tường, không kém gì người thông thái...”.

Theo lời anh Phạm Văn Ôn, con trai thứ ba của bà kể lại: “Hồi đó tai mắt giặc tới nhà tôi luôn. Hễ má tôi đi đâu nghe lính thì về cho hay còn ban đêm nghe tiếng chân anh em mình về thì má tôi biết ngay và bảo chị em tôi làm gà vịt nấu cơm cho anh em ăn và má tôi hết sức vui mừng rọi đèn nhìn mặt từng người. Má tôi thường nói với ba tôi và chị em tôi là anh em cực khổ đánh kẻ thù, đánh địa chủ bảo vệ giai cấp. Má tôi căn dặn chị em tôi phải canh gác kỹ lưỡng.

Hồi đó, nhà tôi có nhiều hầm bí mật lắm, như chuồng gà vách đôi, hầm trong cây rơm, bụi tre, hầm dưới đít bàn tròn, hầm trong buồng,... do má tôi điều khiển ba tôi làm còn chị em tôi có bốn phận bảo vệ hoặc giả xách đèn đi soi cá để đưa rước cán bộ về. Má tôi ngày nào cũng đi chợ chửi lính làng ức hiếp dân hoặc tôi soi cá má tôi đem chợ bán. Nhưng khi về nhà với bà con chòm xóm, với chồng con thì má tôi đối xử rất nghĩa tình, đầm ấm. Trong gia đình,

ý kiến của má tôi thường là ý kiến quyết định và là ý kiến đúng đắn nhất có sức thuyết phục cả nhà làm theo nên ít khi thấy ba tôi cãi lại”.

Lúc chuẩn bị Đồng Khởi, chị Ba Định thường ở nhà bà Năm. Chị nói... giữa đêm khuya, tiếng chửi của bà lạnh lốt vang xa. Bà vẫn chửi rửa bọn buôn dân bán nước. Tôi về nhà bà Năm để gặp đại biểu Thanh Phú, về đến nhà, một điều làm tôi hết sức cảm động là bà Năm mang cháo gà cho tôi ăn. Trong lúc tôi phổ biến Nghị quyết 15 cho anh Hai Chiến - đại biểu Thanh Phú - khi nghe thảo luận đến cách xử trí với địa chủ ác ôn, bà len lén vào buồng kêu:

- Này các anh, các chị cho tôi góp ý kiến.

Đồng chí Hai Chiến nói:

- Chúng con đối với má quý trọng như cha mẹ ruột trong nhà, má đừng gọi như vậy.

Bà gạt ngang:

- Tôi gọi anh, chị vì lòng tôi kính trọng cách mạng thì cứ để tôi gọi.

Tôi vội xen vào:

- Bà Năm có ý kiến gì thì nói đi.

- Xin các anh, các chị đừng cho lũ con cái địa chủ nó vô đội ngũ mình ghen; dám nó sớm đầu, tối phản không thể nào tin được.

Nói rồi bà quay ra liền.

Bà rất căm ghét địa chủ. Khi Hội đồng Sỉ chết, bà Năm ra mộ giả vờ khóc lóc rần rần lên rồi kể lể: “*Cậu Hai ơi, cậu không sống để thâu lúa ruộng một công bầy gia hai mươi ba kú...*”.

Bà là người kín đáo và bí mật. Hằng ngày thân chủ đến nhà tìm bà hốt thuốc. Thuốc của bà là rễ cau, rễ dừa, măng tre, măng sậy... Bà Năm ăn trầu, bà có cây viết chì và một tập giấy hút thuốc. Người nào mê tín thì bà lấy nhang vẽ lăng quăng trên giấy quuyến, miêng niệm thần chú - thần chú của bà là ca tụng Bác Hồ, nguyên rửa bọn bán nước. Bà lấy tay thấm nước miếng đổ

lòm bả trâu vẽ vào giấy quuyến xếp lại, đốt lửa tro bỏ vào nước trà cho bệnh nhân uống. Vậy mà có nhiều người hết bệnh. Cả trăm chứng bệnh tới, bà cũng chỉ hốt có bao nhiêu thứ thuốc đó.

Khi nào có anh em về làm việc thì bà đi tránh nơi khác để khỏi bị ảnh hưởng. Có lần anh em đang họp trong buồng, ở ngoài có người đến hốt thuốc ngồi nói chuyện lâu không về. Anh Năm Vũ nóng lòng vạch vạch kêu nhỏ: “Bà Năm ơi, bà nào ngồi nói chuyện dai nhách vậy bà Năm?”. Người khách nghe được liền hỏi ai vậy? Bà Năm nhanh trí trả lời: “Con cháu tôi ở trong buồng nó kêu tôi à...”.

Trước Đồng Khởi hai ngày thì chị Hai Mới – con gái lớn của bà – là đảng viên - cán bộ giao liên mật của Tỉnh ủy bị lộ giặc bao nhà bắt. Bà còn lại ba đứa con trai. Sau Đồng Khởi, bà động viên các con đi tòng quân hết. Thấy hoàn cảnh đơn chiếc nên Hội đồng tuyển quân chỉ thu nhận hai đứa con để lại cho bà một đứa con út. Bà phản đối nói: Tao đâu phải Việt gian mà bắt con ở nhà trong lúc Tổ quốc đang cần. Cuối cùng ba đứa con trai bà đều lên đường nhập ngũ.

Ít lâu sau, bà đau đớn nhận từng lá thư báo tử của đơn vị hai con bà từ mặt trận gửi về. Đến năm 1965, ông Năm chết do tai nạn lao động. Vì tuổi già sức yếu, nhiều nỗi đau buồn bất hạnh dồn dập nên bà Năm qua đời sau hai năm sống trong cảnh góa bụa, cô đơn.

Đến ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, chị Hai Mới trở về nhà chẳng bao lâu cũng mang bệnh chết do hậu quả sau nhiều năm bị tra tấn, tù đày. Đến nay gia đình bà Năm chỉ còn lại anh Phạm Văn Ôn – đảng viên – đứa con trai duy nhất còn sống là thương binh – người đang ngồi trước mắt tôi và cung cấp cho tôi những tình tiết về người mẹ anh hùng đã quá cố. Người mẹ đó là “Bà Năm con Cự Hồ”.

16 tháng 3 năm 1989



NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG QUÊN VỀ CUỘC ĐỜI LÀM NGƯỜI CÁN BỘ CỤ HỒ

NGUYỄN TRUNG ĐIỀN

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, nhân dân Bến Tre theo lời kêu gọi của Trung ương và của Bác rộn rịp tổ chức cuộc kháng chiến. Vùng địch chiếm thì tản cư bất hợp tác với giặc, vùng còn được tự do thì lo phá lộ, hàn sông, chuẩn bị làm vườn không nhà trống, lớp trẻ hăng hái mang nóp lên đường tòng quân giết giặc. Mọi người truyền miệng lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ nung nấu tinh thần kháng chiến cứu nước.

“...Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...”

Lớp trẻ chúng tôi đi vào cách mạng với lòng tin rằng mình đi theo lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ. Bác Hồ, lớp người lớn tuổi cho là một bậc “đại ái quốc”, còn lớp trẻ chúng tôi coi đó là “Cha già dân tộc”. Vì vậy, một chiếc ảnh, một bài viết hoặc lời kêu gọi, mỗi bài thơ của Bác đối với mọi người và riêng đối với lớp trẻ chúng tôi là một của quý, một vật báu thiêng liêng vô cùng quý giá. Ai có sống qua những ngày tủi nhục cơ cực dưới chế độ thống trị Pháp, Nhật và phong kiến Nam Triều mới hiểu nổi điều nói trên là sự thật xuất phát từ đáy lòng của người dân mất nước.

Lúc mới vào kháng chiến, một số bạn trẻ lứa tuổi của chúng tôi, 18 – 20 tuổi, được tuyển chọn qua thử thách, được đưa vào đào tạo cấp tốc ở các trường, lớp huấn luyện trong vùng căn cứ tự do. Tôi và một số anh em được chọn đưa vào trường cán bộ thanh niên tỉnh, lúc bấy giờ là mấy dãy nhà lá ở tận xóm Bần Mít, xã Thanh Phong (Thanh Phú). Ở đây, ngoài những buổi học chính khóa, buổi tối chúng tôi tổ chức thực tập nghệ thuật lên diễn đàn dưới hình thức thuyết trình trước một cuộc mít tinh quần chúng về một đề tài nào đó do nhà trường chỉ định. Hầu hết đề tài thuyết trình và tranh luận hàng đêm trong những buổi thực tập này là *“Công cuộc kháng chiến trường kỳ”*, *“Hồ Chí Minh cứu tinh dân tộc”* và *“Nghĩa vụ thanh niên đối với đất nước”*. Đề tài về Hồ Chí Minh chiếm đa số và là đề tài tạo nên không khí sôi nổi nhất. Vì kính phục Bác nên chúng tôi ai cũng có sổ tay ghi chép từng mẫu chuyện do người khác kể lại, trích trong các bản tin hoặc báo cáo kháng chiến (loại này lúc mới kháng chiến rất hiếm có). Hồi ấy chúng tôi thường đùa nhau: *“Thân thể chúng ta chia ra làm bốn phần: Đầu, mình, tứ chi và sổ ghi tài liệu”*. Sổ tay chủ yếu là ghi danh từ chính trị, chép tài liệu cách mạng, ghi những mẫu chuyện được nghe kể lại, chép thơ và bài hát. Chiếm đa phần ghi trong sổ tay là chuyện nghe được, đọc được về Bác Hồ, kể đến là thơ Tố Hữu, Bảo Định Giang, Xuân Miên, Rum Bảo Việt và Huỳnh Văn Nghệ.

Mấy năm đầu kháng chiến hết sức khó khăn, chiến trường chia cắt, sách báo là thứ hiếm thấy, nhất là sách. Ảnh Bác Hồ chưa ai có. Được một cái ảnh thật của Cụ Hồ hoặc một cuốn sách kể chuyện về Cụ Hồ là điều mong ước của mọi người không thuộc già hay trẻ, cán bộ hay nhân dân. Về Cụ Hồ, chỉ là chuyện kể qua miệng nhiều người, lắm khi còn được cường điệu lên đến mức gần như thần thánh hóa. Thế nhưng đó lại là niềm tin mãnh liệt nhất của mọi người, của lớp cán bộ trẻ chúng tôi.

Trở lại chuyện về lớp học của thanh niên, tôi được xếp hạng khá trong khóa này vì nắm được bài học và đặc biệt mấy lần lên diễn đàn thực tập làm thuyết trình viên tôi đã trình bày mạch lạc và thu hút người nghe chuyện về Bác Hồ đi Pháp dự Hội nghị

Phông-ten-nơ-bơ-lô (Fontainebleau), nhiều chi tiết ít ai biết. (Rất may là tôi được gặp một anh cán bộ từ Nam Trung bộ vượt biển vô bằng ghe bầu, anh này đã kể cho tôi nghe và tôi ghi vào sổ cẩn thận). Lớp học bế mạc, tôi được đưa về công tác ở Tỉnh đoàn Thanh niên cứu quốc và thường hay được bè bạn, đồng bào kêu đi kể chuyện về Bác Hồ. Muốn cho chuyện kể không nhảm thì phải biết nhiều, biết cái mới về Bác, phải tìm, hỏi, nghe, chép để có vốn. Tôi bắt đầu tách sổ tay ra làm mấy quyển, trong đó có một quyển đặc biệt *“ghi chép mẫu chuyện về Cụ Hồ Chí Minh”*. Bao năm kháng chiến, tôi vẫn giữ kỹ mấy quyển ghi chép này, đặc biệt là quyển *“về Cụ Hồ Chí Minh”*, dù phải trải qua vô vàn gian nan khi đánh giặc cũng như khi tránh giặc càn quét.

Năm 1947, ở Đồng Tháp Mười, anh Diệp Minh Châu, người Bến Tre, vẽ bức ảnh Bác Hồ đầu tiên bằng máu anh trích từ cánh tay. Báo Tổ quốc Khu 8 đăng bài và in bức tranh bằng mẫu khắc gỗ. Chúng tôi mừng lắm. Cô bác khen Diệp Minh Châu người Bến Tre mình quả là người tài, vẽ Cụ Hồ bằng máu chưa có ai làm. Từ đó theo mẫu in khắc gỗ trên báo chúng tôi sao lại và phóng lớn hơn tặng cho phòng thông tin các xã vùng tự do và treo lên để làm lễ chào trong các buổi họp hoặc mít tinh. (Việc này kéo dài cho đến khi có ảnh thật của Bác và in được ảnh lên báo kháng chiến của ta).

Trong những năm 1948 – 1949, bác sĩ Trần Hữu Nghiệp từ Bắc về mở trường đào tạo y tá kháng chiến ở vùng Ngã Đàng – An Thới. Anh Nghiệp ra Bắc từ sau ngày Nam bộ kháng chiến làm Thanh tra Quân y, Bộ Quốc phòng, được gặp Bác và biết nhiều chuyện về Bác. Khi về hoạt động ở Bến Tre, anh tổ chức nhiều buổi nói chuyện về Bác và viết quyển sách *“Hồ Chủ tịch trong lòng dân tộc”* ký tên Hằng Ngôn. Sách gồm có 10 mẫu chuyện kể về Bác đối với anh và đối với các giới đồng bào, từ anh trí thức tiêu biểu, anh nông dân cày ruộng cho đến anh chèo đò chửi nhứt một cũng không biết, chưa từng thấy điều thuốc tây (tức thuốc vắn - cigarette) bao giờ. Sách được Đoàn Văn hóa Kháng chiến tỉnh Bến Tre in mỗi lần chỉ được vài ba trăm cuốn, phải in đến hai lần mà không làm sao đủ cung cấp cho người

đọc. Ta biết rằng vùng tự do bấy giờ chỉ có huyện Thanh Phú và mấy xã của huyện Mỏ Cày, việc in sách hết sức khó khăn, nhà in Đoàn Kết ở tận dưới rừng Thanh Phú và chỉ có bốn, năm người làm.

Trên chiến trường Bến Tre lúc bấy giờ, có thể là cả một số tỉnh khác vùng khu 8, khu 9, bức tranh Bác Hồ của Diệp Minh Châu và cuốn sách *“Hồ Chủ tịch trong lòng dân tộc”* của Hằng Ngôn (tức bác sĩ Trần Hữu Nghiệp) là những tác phẩm mỹ thuật và văn học về Bác Hồ xuất hiện đầu tiên trong đời sống kháng chiến và trong lòng người dân kháng chiến yêu quý Bác Hồ.

Chúng tôi tự hào về người Bến Tre thông minh, tài giỏi. Chúng tôi yêu quý và hết sức trân trọng các tác phẩm này. Chỉ một việc giới thiệu với mọi người về bức tranh và cuốn sách cũng là một đề tài kể chuyện về Bác Hồ mà người nghe hết sức thích thú. Cô bác trong các vùng cơ quan đóng hay nơi chúng tôi tạm nghỉ trên đường đi hoạt động từ vùng này sang vùng khác, thường gọi chúng tôi bằng một cái tên thân mật *“mấy đứa đảng mình”*, *“mấy đứa cán bộ Cụ Hồ”*. Họ bắt chúng tôi tối tối kể chuyện Cụ Hồ cho nghe vì *“tụi nó biết nhiều chuyện Cụ Hồ”*. Kể chuyện Cụ Hồ, chuyện đánh Pháp, chuyện tạm cấp ruộng đất cho nông dân, chuyện đi học bình dân chống nạn mù chữ, hát bài hát kháng chiến, đọc thơ kháng chiến là sinh hoạt văn hóa chủ yếu ở nông thôn thuộc vùng tự do lúc bấy giờ. Riêng tôi, tập sách *“Hồ Chủ tịch trong lòng dân tộc”* của Hằng Ngôn, xuất bản lần đầu năm 1949, do Đoàn Văn hóa Kháng chiến Bến Tre tặng (vì hồi đó tôi là đoàn viên) và cuốn sổ tay ghi mẫu chuyện và các bài thơ của Bác là báu vật tùy thân, đi đâu tôi cũng mang theo trong ba lô. Trong các cuộc hội họp với thanh niên, thiếu niên và bà con trong vùng tự do cũng như khi bí mật trao đổi ý kiến với bà con trong vùng địch chiếm tôi đã sử dụng tất cả những gì đã có để truyền đạt lại cho mọi người đáp ứng sự khao khát hiểu biết về Cụ Hồ mà ai được gặp *“mấy đứa cán bộ Cụ Hồ”* đều đòi hỏi rất tha thiết.

Những năm 1951 – 1952, tôi được đi học và có lúc được sử dụng làm công tác quần chúng ở miền Tây. Hồi đó ở miền Tây có

phong trào động viên cán bộ các cơ quan, các lớp học xuống nông thôn vận động quần chúng xây dựng nông hội, tạm cấp ruộng đất, tăng gia sản xuất và thu thuế nông nghiệp nuôi quân. Tôi có dịp cùng đi với một số anh em cán bộ Sở Thông tin và Chi hội Văn nghệ Nam bộ như anh Dương Tử Giang (người Sài Gòn quê ở Bến Tre), anh Vy Luân, Mộng Quyền v.v... Nhờ Dương Tử Giang mà tôi ghi chép thêm được một số bài thơ chữ Hán của Bác. Gia đình tôi có nhiều người Nho học, nhờ đó tôi cũng biết được một ít và ham thích thơ chữ Hán, nhất là thơ Đường. Được biết mấy bài thơ chữ Hán của Bác viết theo thể thất ngôn Đường luật, tôi hết sức thích thú ngâm nga cho đến thuộc lòng. Hồi đó có cái khó là không có bản dịch, nhiều chữ chép lại không rõ nghĩa và cũng không hiểu là có đúng không. Bởi vì chữ quốc ngữ chép sai một cái dấu là chữ Hán khác chữ và khác nghĩa rồi.

Ở xóm Nhà Thỉnh (xã Trần Thới, Ngọc Hiển, Bạc Liêu) có một ông cụ gốc người miền Trung vào lập nghiệp, cụ là Tú tài Hán học, thường gọi là cụ Tú Lang, năm ấy đã trên 80 tuổi, sức yếu, tai điếc, tối ngày quanh quẩn trong nhà uống trà ngâm thơ chữ Hán. Cụ ít giao tiếp với người lạ, không đi, không rõ thời cuộc, thuế vụ không đóng, cán bộ ấp, xã rất ngán cụ vì cụ điếc phải nói thật lớn mới nghe được đôi tiếng, tuyên truyền giải thích cụ không nghe. Khi chúng tôi về đây, anh em đề nghị chúng tôi đến thăm và tiếp xúc với cụ.

Chúng tôi đến gặp cụ, người cháu cho cụ biết đây là mấy anh cán bộ Cụ Hồ đến thăm. Cụ bảo: *“Cán bộ Cụ Hồ có biết chuyện Cụ Hồ kể cho cụ nghe”*. Tôi nghĩ cụ là nhà nho, không biết quốc ngữ, lại điếc nặng nói chuyện rất khó, cần phải có cách giúp cụ hiểu theo cách của cụ. Suy tính kỹ, tôi xin tặng cụ một bài thơ chữ Hán của Bác Hồ. Đó là bài thơ *“Tân xuất ngục học đặng sơn”* mà tôi ghi chép nhân một buổi nghe các anh bên Sở Thông tin Nam bộ kể chuyện về Bác.

Cụ Tú Lang nhận bài thơ xem sơ qua rồi hỏi: *“Cháu có học nho à?”*. Tôi thưa là có biết một ít vì lớn lên tôi phải đi học quốc ngữ.

Cụ bảo: *“Mai các cháu đến chơi với bác. Ngày nay bác đọc và tìm hiểu nghĩa lý của bài thơ này đã”*.

Chúng tôi kiểu từ cụ ra về. Riêng tôi cứ mãi phân vân không biết rồi đây cụ phản ứng ra sao.

Hôm sau, tôi trở lại nhà cụ Tú Lang. Gặp tôi cụ mừng rỡ. Cụ đem bài thơ ra, bài này cụ chép lại trên miếng giấy khổ rộng, chữ viết to. Cụ đọc lên, chậm rãi:

*“Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần.
Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.”*

Bài dịch của Nam Trân:

*“Núi áp ôm mây, mây áp núi.
Lòng sông gương sáng bụi không mờ.
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa”.*

Đọc xong, cụ biểu lộ sự hứng khởi trên gương mặt, dường như gặp được bạn tri âm. Đột nhiên, cụ nói với tôi:

- Này cháu! Đây là cán bộ Cụ Hồ đưa thơ chữ nho của Cụ Hồ cho tao. Tao hỏi mày: Câu kết Cụ Hồ viết *“Dao vọng Nam thiên”* hay là *“Viễn vọng Nam phương?”* mày nhớ cho kỹ nói tao biết.

Tôi thưa:

- Dao vọng Nam thiên là *“trông về phía trời Nam xa xăm”* chứ không phải viễn vọng Nam phương là *“xa trông về hướng Nam kia”*.

Cụ gật đầu rồi im lặng.

Sau đó cụ giảng giải cho tôi biết câu này ý của Cụ Hồ là trông về phía trời Nam xa xuôi mà nhớ người bạn cũ. Hay lắm, bài thơ này sánh bằng bài thơ của Vương Duy thời Thịnh Đường. Nếu như cụ viết câu kết này, cụ sẽ viết là *“Viễn vọng Nam phương ức cố nhân”* chứ không tìm nổi tứ thơ trác tuyệt như Cụ Hồ. Nghĩa thơ không mấy gì khác nhau, cũng trông về phía Nam nhớ bạn cũ thôi, nhưng tứ thơ của Cụ Hồ cao và sâu lắm, Cụ dùng chữ hay vô cùng.

Rồi cao hứng, cụ Tú Lang đọc cho tôi nghe bài thơ của Vương Duy:

*“Độc tại dị hương vi dị khách,
Mỗi phùng giai tiết bội tư thân.
Dao tri huynh đệ đăng cao xứ,
Biến sát thù du thiếu nhất nhân.”^(*)*

Bản dịch của Tùng Vân:

*“Chiếc gối quan hà nghiêng đất khách,
Trùng dương tiết đến nhớ thương ai.
Cành thù tưởng lúc lên cao bẻ,
Đủ mặt anh em, thiếu một người”.*

Cụ bình giảng cho tôi nghe ý nghĩa chữ “*Dao vọng*” của Bác Hồ và chữ “*Dao tri*” của Vương Duy và cho rằng cụ không ngờ Cụ Hồ một nhà cách mạng lại là bậc thâm nho đến thế. Cụ nói: “*Thật phước đức cho dân tộc mình, có Cụ Hồ Chí Minh là một nhà đại cách mạng, một bậc đại ái quốc, một người hiểu xa thấy rộng, học vấn uyên thâm, chánh trị, văn chương, thi phú đều giỏi cả. Bọn Pháp thế nào cũng thua Cụ Hồ của mình là người tài trí, chính nghĩa*”.

Cuối câu chuyện, cụ hỏi tôi: “*Này cán bộ, Cụ Hồ bảo mình phải làm gì?*”.

Tôi trả lời: “*Thưa cụ, Cụ Hồ dạy mọi người phải yêu nước, đoàn kết, tham gia và ủng hộ kháng chiến để nước nhà sớm được độc lập. Việc gì có lợi cho kháng chiến kiến quốc dù nhỏ cũng nên làm*”.

Cụ gật đầu và căn dặn, kỳ sau về chơi cho cụ xem ảnh Cụ Hồ để cụ biết trước khi chết (hồi đó ảnh Bác Hồ rất ít có). Rồi cụ chống gậy đi dán bài thơ chữ Hán của Bác Hồ lên vách, ngay chỗ cụ nằm nghỉ.

Về sau, tôi được biết cụ Tú tài Lang rất tốt đối với cách mạng cho đến cuối đời. Cụ thường nhắc đến Cụ Hồ để dạy bảo con cháu. Gia đình cụ hòa thuận, đoàn kết với xóm giềng, thực hiện tốt mọi chủ trương ủng hộ kháng chiến.

Chân lý và chính nghĩa có nhiều ngả đi vào lòng người. Đức độ

(*) Đây là bài thơ “*Cửu nguyệt cửu nhật ức Sơn Đông huynh đệ*” (Ngày trùng cửu nhớ anh em ở Sơn Đông) của nhà thơ Đường, Vương Duy.

và uy tín của Bác Hồ, biểu tượng của lòng yêu nước thương dân, quên mình vì đại nghĩa của dân tộc, là một tấm gương đầy sức thuyết phục đối với mọi con người, mọi thành phần xã hội.

Thật không ngờ, một bài thơ giản dị của Bác tôi ghi chép được mà một bậc Tú tài nho học gần đất xa trời như cụ Tú Lang hiểu được Bác và tỏ lòng kính trọng yêu mến Bác.

Có người cho biết việc cụ Tú Lang gọi chúng tôi là “*mấy cháu cán bộ Cụ Hồ*” là việc chưa từng có đối với bất cứ ai trước đó.

Năm tháng đã trôi qua một quãng khá dài gần nửa thế kỷ.

Trên đất Bến Tre, tôi yêu kính và ngưỡng mộ Bác Hồ, nhưng chưa có một lần gặp Bác.

Bác Hồ đi xa lâu rồi. Qua thời niên thiếu, lứa tuổi của chúng tôi cũng đã đến lúc về chiều, nhưng hình ảnh và đức độ của Bác Hồ vẫn đang còn trong tôi như thuở mới vào đời, trong đó có những kỷ niệm sâu sắc về chuyện kể cuộc đời và văn thơ của Bác.

Tinh anh của Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều con đường, nhiều biểu hiện tác động vào trái tim và khối óc con người. Không biết tự bao giờ nó thâm nhập, rung động và lắng sâu ở đó, để rồi mãi mãi trở thành một niềm tự hào, một thứ tình cảm cao quý thiêng liêng nhất.

Thật vinh hạnh thay những người đã sinh ra và lớn lên thuộc thế hệ Hồ Chí Minh, được nhân dân tin yêu thân thiết gọi là “*người cán bộ Cụ Hồ*”.



BÁC VẤN HÀNH QUÂN VỚI CHÚNG CON

PHẠM KHẢI HOÀN

Bác Hồ – Hai tiếng thiêng liêng nhất của đời con!
Người là hiện sinh của đất nước, Người trường tồn với non sông gấm vóc Việt Nam là Người sống mãi trong sự nghiệp của chúng con.

Bác Hồ ơi!

Là chiến sĩ Bến Tre con muốn kể lại vài câu chuyện nhỏ, để nói lên tình cảm của lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre đối với Bác. Chỉ vài chuyện nhỏ thôi trong muôn ngàn câu chuyện của chúng con đối với Bác.

Trong cuộc đụng đầu lịch sử với đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn sau những ngày Đồng Khởi, chiến sỹ xừ dừa chúng con cầm súng chiến đấu quyết giành độc lập, tự do theo lời Bác, đâu có muốn thành quan, thành tướng, thành anh hùng chiến sĩ thi đua gì đâu... Nhưng rồi vì thương nhớ Bác trong số chúng con có người muốn trở thành anh hùng chiến sĩ thi đua, vì chỉ có trở thành anh hùng chiến sĩ thi đua mới được ra thăm miền Bắc và được gặp Bác Hồ, được ôm hôn Người cha già trong nắng ấm Ba Đình.

Thế rồi trong nhiều trận đánh địch, trong số ấy đã có người ngã xuống, trước phút hy sinh miệng vẫn hô to “Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh” *mang theo mơ ước trọn đời - ước mơ gặp Bác.*

Bác biết không? Chiến trường Bến Tre hẹp, sông ngòi chằng chịt, để bảo tồn lực lượng, chiến đấu diệt được địch chúng con phải thường xuyên cơ động, có nhiều lần hành quân liên tục quá mệt, mỗi gối, chùn chân tưởng chừng không còn bước tiếp được nhưng chúng con nhớ đến tấm ảnh Bác đi chiến dịch Đông Bắc, nhớ đến bài hát “*Bác đang cùng chúng cháu hành quân*”, nhớ lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước của Bác... tức thì chúng con vững bước tiến lên.

Cuối năm 1969, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang Bến Tre đọc Di chúc Bác, đồng chí thủ trưởng của chúng con đọc Di chúc Bác mà sao bỗng đứng giọng trở nên ngưng ngội, đứt quãng, ai nấy cũng sụt sùi, cúi mặt, có đồng chí khóc òa lên - tiếng khóc đầu tiên kể từ khi không còn là “con nít”... Tất cả! Tất cả chỉ vì thương và kính Bác. Từ đó chúng con có trong tay quyển Di chúc Bác, từng câu, từng chữ của Bác đã thấm vào xương thịt của chúng con. Phải chi Bác đến với chúng con và nói những lời như thế!!!

Xuân Mậu Thân 1968, chúng con tiến quân đánh chiếm thị xã Bến Tre là vì có lời chúc Xuân của Bác :

“Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua.

Thắng trận, tin vui khắp nước nhà.”

Lời Bác công khai kể cả công khai với kẻ thù nhưng đó là lời chỉ đạo cho toàn Đảng, toàn dân, là mệnh lệnh cho lực lượng vũ trang nhân dân chúng con.

Năm 1975, chúng con tiến về thị xã Bến Tre và giải phóng toàn bộ tỉnh Bến Tre cũng vì chiến dịch mang tên Bác.

Năm 1978, chúng con đuổi giặc bành trướng ra khỏi biên giới và tham gia tiến công sang giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng. Cuộc chiến đấu nào mà chẳng hy sinh? Nhiều đồng chí chúng con gởi thân trên đất bạn nhưng nhân dân bạn sẽ mãi mãi ghi sâu tình nghĩa “*Anh bộ đội Cụ Hồ*”. Chúng con đã

làm tròn nghĩa vụ quốc tế trong sáng xứng đáng với lời dạy của Bác.

Bác Hồ ơi !

Bác đã đi xa. Không! Bác luôn cạnh bên chúng con, Bác ân cần dạy bảo, chỉ lối cho chúng con. Bác ở khắp mọi nơi, khắp mọi lĩnh vực của cuộc sống. Hằng ngày ra vào thấy chân dung của Bác, xem một quyển sách, xem một đoạn phim nói về Bác... lòng chúng con băng khuâng cảm xúc lạ thường. Bác Hồ ơi! Nếu đời chúng con thiếu Bác sẽ trở thành vô nghĩa..

Bác đã hành quân với người lính từ ngày 22 tháng 12 năm 1944. Từ đó đến nay Bác vẫn hành quân với chúng con. Và mỗi bước chúng con đi trên khắp nẻo đường quê hương đất nước có Bác tăng thêm sức mạnh.

22 tháng 12 năm 1988



ẢNH HỒ CHỦ TỊCH TRONG QUÁN LÁ NGHÈO...

TRẦN VĂN HUÊ

Xã Nhuận Phú Tân, Mỏ Cày, Bến Tre

Năm 1965, chúng ta vừa ăn Tết Nguyên Đán Bính Ngọ không mấy ngày thì cuộc Hội nghị Nhân dân Đông Dương được tổ chức tại Nam Vang.

Đến dự hội nghị này có vài chục đoàn đại biểu của hai dân tộc Khơ-me, Việt Nam với các sắc tộc, đoàn thể quần chúng, tôn giáo của Cam-pu-chia và thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Việt Nam lúc đó có đến ba đoàn đại biểu lớn: Mặt trận Tổ quốc của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đoàn của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và một đoàn tự xưng đại diện cho người Việt sống lưu vong ở Pháp.

Chúng tôi, ba anh em: Thanh, Tình, Huê có nhiệm vụ đi từ Nam Vang đến tận Mỏ Vẹt, sát biên giới Cam-pu-chia - Việt Nam ở một điểm gần Tây Ninh để đón đoàn của Mặt trận Dân tộc Giải phóng do đồng chí Huỳnh Tấn Phát dẫn đầu đến dự cuộc hội nghị này. Tới thị trấn Nick-Lương, chúng tôi chờ phà. Mạnh ai nấy đi tản bộ cho giãn chân căng.

Tôi bước vào một quán nhỏ - nói chính xác hơn - một căn phố lụp xụp nằm giữa một dãy phố dài ngoằng gạch có, lá có cất sát ven đường. Trên bộ ván rất nhỏ bằng vài ba miếng gỗ tạp, xếp khoảng năm, bảy chai nước ngọt, vài ba cái ly. Bên cạnh có một thùng thuốc lá. Vài nải chuối, một xâu bánh ú treo lủng lẳng. Một bà lão gầy gò, khoảng trên 65 tuổi ngồi trên một chiếc ghế đẩu sau bộ ván. Tôi đoán là bà chủ quán. Xâu bánh ú, bộ đồ bà ba đen bạc màu và nhất là đôi mắt giúp tôi nhận ngay bà là người Nam Bộ. Tuy nhiên, điều ấy không gợi cho tôi một ý nghĩ gì đặc biệt. Từ lâu rồi, trên đất Chùa Tháp chẳng phải đã có đông đảo đồng bào Nam Bộ đến sinh sống hay sao ?

Tôi gọi một chai nước ngọt và thông thả uống từng ngụm. Bỗng bà lão hỏi tôi:

- Cháu người ở Nam Vang xuống hả ?

- Dạ, cháu người Sài Gòn ra Hà Nội rồi vô Nam Vang - Tôi đáp. Xong tôi hỏi bà:

- Bán ở đây có khá không dì ?

- Ôi !... Bán chút đỉnh để sống cho qua ngày - Bà chậm rãi nói, nhoẻn miệng cười.

Khoảng 10 phút sau, tôi đứng lên trả tiền, định đi, bỗng bà nói nhỏ, hạ giọng vừa đủ để riêng tôi nghe:

- “Cháu nói cháu ở Hà Nội vô hả?... Chịu khó bước vào đây, dì chỉ cái này cho coi”. Tôi dạ, bà liền quay lưng đi trước.

Căn nhà nhỏ hẹp nên chỉ bước khoảng hơn một chục bước tôi đã vào buồng trong được ngăn với buồng ngoài bằng một tấm vách lá, phần trên để trống. Buồng này đủ rộng để kê một chiếc giường gỗ và một chiếc bàn con. Một cái mùng trắng cũ, ngả màu xám, bỏ rũ xuống chiếc chiếu. Năm, bảy miếng vá lớn có, nhỏ có, nhiều màu đắp lên thành mùng cho phép tôi nghĩ rằng quanh năm suốt tháng chiếc mùng này không mấy khi được giặt lên.

Bà lão bước lại đầu giường gỡ cái móc mùng ngoài cùng phía tấm vách ngăn. Chiếc mùng thụng xuống một đoạn. Dưới ánh sáng yếu ớt từ buồng ngoài lọt vô qua phần trên tấm vách, hiện

ra bức ảnh Cụ Hồ treo ngay ngắn trên đầu giường. Vừa nhìn thấy, tôi biết ngay đây là bức ảnh cắt trên một tờ báo: Ảnh to khoảng một nửa tờ giấy học trò. Bức ảnh được đặt trong một cái khung, song không có kính. Tôi hiểu ngay nếu không cố tình tháo một góc mùng và không nhìn cao trên vách thì thật khó phát hiện bức ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh được trang trọng và kín đáo chiếm vị trí đó ngay trong quán lá nghèo như thế này. Lý do vì sao bức ảnh của Bác Hồ không treo ở chỗ nào khác, ví dụ ở buồng ngoài thay trên chiếc cửa ra vào chẳng hạn thì ai đã từng sống ở Cam-pu-chia dưới thời Vương quốc đều hiểu.

Bà lão nhìn lên Bác. Rồi từ từ bà quay lại. Hẳn, đoán được nỗi bất ngờ hiện trên mặt tôi, bà mỉm cười, không nói một lời. Tôi cũng chẳng dám hỏi điều gì. Sự thông cảm trong im lặng lắm khi thiêng liêng và sâu sắc. Chỉ trong giây lát thôi, rồi cũng với một động tác gần như thuận thục, bà lão máng trở lại góc mùng, che khuất bức ảnh... Chúng tôi vẫn lặng lẽ và bước ra buồng ngoài.

Chiếc phà sắp cập bến. Tôi chào từ giã bà. Trên đường đi đến Mỏ Vẹt, bức ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh cắt trên một tờ báo nào đó và nụ cười móm mém của dì bán một quán nghèo vẫn gây xúc động cho tôi.

Đến nay, gần một phần tư thế kỷ trôi qua mà tôi không hề hối tiếc tại sao mình không hỏi bà là ai, quê quán ở đâu. Tự thân bức ảnh và vị trí được treo đã giải thích tất cả. Năm 1982, rồi 1985 khi có dịp trở lại thị tứ Nick-Lương, tôi đã cố tìm dây phố cũ để mong nhìn lại quán nghèo và gặp lại dì bán quán năm 1965. Tiếc thay, cảnh vật đã đổi thay quá nhiều; chốn cũ không hề còn một dấu vết dù nhỏ nhất.

Chắc hẳn bà lão là một trong hàng triệu người nông dân Nam bộ thành kính Ông Cụ Hồ từ năm bắt đầu Cách mạng Tháng Tám và xem Cụ như một người do trời Phật cử xuống trần gian để giúp họ giải thoát khỏi cuộc đời sao quá ư cơ cực.



GẶP BÁC

TRẦN VĂN HUÊ

Đó là vào mùa hè, một buổi trưa Chủ nhật của tháng 7 năm 1962.

Chủ tịch Hồ Chí Minh “tiếp” chúng tôi tại một biệt thự nằm trong khuôn viên rộng lớn trên đồi Lê-nin vào thời gian Bác đang ở thăm Liên Xô. Trong vườn, những thân cây thông màu nâu sậm và đen trắng của bạch dương già tôn vẻ đẹp của các loại hoa hồng ngoài trời, chỉ có dịp khoe sắc dưới nắng hè hiếm hoi của thủ đô Mat-xcơ-va.

Đồng chí Nguyễn Văn Kinh, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Chính phủ ta ở Liên Xô đưa chúng tôi đến gặp Bác. Đoàn chúng tôi có bốn người: anh Nguyễn Văn Hiếu, chị Mã Thị Chu, anh Phan Đức và tôi, Trần Văn Huê.

Lúc ấy ở miền Nam Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra khốc liệt. Nhân dân miền Nam đã có Mặt trận Dân tộc Giải phóng ra đời ngày 20 tháng 12 năm 1960. Cuối tháng 6 năm 1962, Mặt trận quyết định gửi đoàn đại biểu đầu tiên của mình đi hoạt động đối ngoại ở một số nước trên thế giới. Mục đích của đoàn là giới thiệu cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc Giải

phóng miền Nam Việt Nam đang lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, đồng thời báo động dư luận thế giới biết Mỹ - Diệm đã phá hoại Hiệp định Giơ-neo-vơ, âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam.

Nói rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh “*tiếp*” một đoàn của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam rõ ràng chỉ đúng với lời lẽ của “*Lễ tân ngoại giao*” mà thôi. Về lý, dân tộc ta từ ngàn xưa vẫn là một. Miền Nam, miền Bắc làm Cách mạng Tháng Tám cùng một thời gian lịch sử do Việt Minh lãnh đạo, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Về tình, miền Nam, cụ thể là cảng Nhà Rồng của thành phố Sài Gòn, đã tiễn Bác ra đi tìm đường cứu nước.

Chúng tôi vào phòng khách, Bác đã bước ra vui vẻ đón chúng tôi. Bác rất quen với khí hậu châu Âu nên chỉ mặc bộ quần áo trắng bằng vải nhuộm nâu như chúng ta thường thấy trên nhiều bức ảnh. Đồng chí Kính và chúng tôi ngồi quây quần bên Bác sau một chiếc bàn tròn nhỏ. Bàn ghế toàn bằng mây rất đẹp, chắc từ Việt Nam đưa đến. Trên bàn đã dọn sẵn bánh kẹo và nước giải khát. Tôi không thể không để ý đến một hộp sô-cô-la đã mở, vì nó to, đẹp; mỗi viên kẹo đều được bọc trong giấy màu óng ánh, đặt trong một ngăn vừa vặn.

Bác nhìn chúng tôi, hỏi han từng người. Bác ngồi thoải mái, khi quay sang trái, khi sang phải, nhìn thẳng vào chúng tôi. Bác nói, cười tự nhiên như người cha từ lâu mới gặp lại mấy đứa con trong nhà. Thỉnh thoảng, Bác lại nhắc chúng tôi dùng bánh kẹo. Song, chúng tôi chỉ muốn nhìn Bác và nghe Bác nói. Lần đầu tiên gần 18 năm theo cách mạng, từ lúc cầm súng làm anh lính “*Cộng hòa vệ binh Nam bộ*”, rồi chiến sĩ “*Vệ quốc đoàn*”, biết bao lần tôi đứng nghiêm chào lá cờ đỏ sao vàng và ảnh Ông Cụ Hồ, nhưng không thể nghĩ rằng ngày nay mình còn có dịp gặp Bác trong không khí thân mật đến thế này.

Trên gương mặt hồng hào của Bác, đôi mắt sáng và linh hoạt có sức hấp dẫn lạ thường. Lâu lâu, Bác đưa bàn tay phải vuốt mái tóc bạc nay đã thưa, tôi nhìn rõ đến những móng tay đỏ ửng thể hiện Bác đang có một sức khỏe dồi dào, điều mà nhân dân

miền Nam tuy rất xa Bác bởi sông núi, nhưng lúc nào lòng mình cũng gần Bác, luôn thầm mong ước, và không ít người khấn vái – Bác mạnh khỏe, sống lâu để khi nước nhà độc lập Bác sẽ vào Nam để đồng bào được gặp.

Bác hỏi chúng tôi từng câu và nghe trả lời. Bác không cắt ngang lời nói của người khác. Nghe xong, Bác mới hỏi tiếp hoặc nói ý kiến của mình, nói cả ý kiến Bác không nhất trí.

Vào thời ấy, giữa một số nước xã hội chủ nghĩa có những quan điểm bất đồng...

Trước tình hình Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam, một lực lượng chính trị thân Pháp do Trần Văn H. cầm đầu, đang sống lưu vong ở Pháp, cũng muốn tham gia Mặt trận Dân tộc Giải phóng, dĩ nhiên với điều kiện họ phải được “chia phần” như họ muốn. Bác giải thích những điều rắc rối ấy cho chúng tôi nghe. Đang nói về tình hình giữa một số nước xã hội chủ nghĩa, Bác quay sang hỏi đồng chí Nguyễn Văn Kính: “Ví dụ chúng ta ngồi đây, nhìn thấy chiếc đồng hồ điện Cremlin. Chúng ta biết mặt đồng hồ nhìn về hướng nào không?”. Anh Kính trả lời là hướng Đông. Bác lại nói tiếp: “Đấy! Từ đây chúng ta cho rằng mặt đồng hồ nhìn về hướng Đông. Nhưng nếu ở vị trí hoàn toàn ngược lại, người khác sẽ nói nó nhìn về hướng Tây. Chiếc đồng hồ lại có đến bốn mặt. Vì thế, khi nhận định một vấn đề gì, nhất thiết phải xem xét đầy đủ các khía cạnh với thái độ khách quan...”.

Dừng giây lát, Bác nói tiếp: “Thông thường, một nước càng nhỏ, lòng tự ái dân tộc càng to”.

Bác nhìn xuống chiếc đồng hồ đeo tay, nói: “Thôi nhé, đã đến giờ Bác phải đi thăm một đồng chí Liên Xô nằm bệnh viện... Kìa! Sao các cô, chú chẳng ai ăn bánh kẹo gì cả? Thế thì cầm hộp sô-cô-la này về vậy”. Nói xong, tự tay Bác đẩy hộp kẹo to còn nguyên, đứng dậy và quay sang trao cho chị Chu, người phụ nữ duy nhất trong chúng tôi. Chúng tôi đã đứng lên, lần lượt chào Bác. Tôi liếc nhìn chiếc đồng hồ của mình, suýt nữa bật thành tiếng: “Ô! Một tiếng mười phút đồng hồ sao trôi qua nhanh quá!”.

Đồng chí Vũ Kỳ tiễn chúng tôi ra tận phòng thường trực của khu nhà, chờ xe bên sứ quán đến đưa chúng tôi về khách sạn.

Nói là mùa hè chứ vẫn có gió nhẹ và trời se lạnh đối với tôi lần đầu tiên đến Mát-xơ-va. Bỗng chúng tôi thấy Bác đang sải bước về phòng thường trực. Vừa thấy chúng tôi, Bác ngạc nhiên hỏi: “*Kìa! Các cô chú chưa đi à?*”. Anh Vũ Kỳ trả lời với Bác chúng tôi chờ xe. Đến gần chỗ chúng tôi đứng, bỗng Bác dừng bước, đưa hai nắm tay đặt lên hai bên hông, nhìn thẳng chúng tôi, vui vẻ hỏi: “*Các cô chú trông Bác có đẹp lão không?*”. Bất ngờ trước thái độ hết sức thân mật của Bác, chúng tôi thích thú, cười giòn. Bác cũng cười ra tiếng, cười cả trong ánh mắt. Gương mặt của Bác càng hồng hào, chòm râu bạc nhẹ rung. Bác mặc bộ âu phục bằng len màu xanh nước biển, áo cài kín cổ, đội chiếc mũ mềm cùng một loại vải, mang tất màu xanh thẫm và vẫn đôi dép lốp kiểu quai to bản mà chúng ta thường thấy trong nhiều bức ảnh, nay được đặt dưới chân Bác trong Lăng, nơi Bác yên nghỉ giữa lòng dân tộc.

Điều tôi hết sức ngạc nhiên là thấy Bác tuy tuổi đã cao, nhưng sao phong thái ung dung, giản dị, nhanh nhẹn và yêu đời đến như vậy!

Bỗng anh Vũ Kỳ nói với Bác: “*Thưa Bác, vừa rồi chị Chu có nói sẽ dành hộp sô-cô-la này cho các đồng chí ở miền Nam ra đang dưỡng bệnh ở Hà Nội*”. Đúng thế, lúc này, trên đường đi, chị Chu rất xúc động đã nói lên ý nghĩ đó.

Bác ngạc nhiên thốt lên: “*Con gái thảo ăn đến thế à? Tốt lắm!... Các cô chú cứ ăn kẹo đó đi. Bác sẽ tặng các đồng chí ấy những hộp khác vậy?*”. Chiếc xe du lịch chậm chậm dừng lại sau lưng Bác. Bác lên xe. Ngồi xong, quay lại nhìn chúng tôi, tươi cười Bác vẫy tay. Chiếc xe lướt đi, nhanh chóng khuất sau hàng thông và bạch dương già, những ngọn cây đong đưa trước một làn gió nhẹ. Chỉ trong khoảnh khắc thôi, nhưng toàn cảnh ấy quả là tuyệt đẹp!



CỤ TỔ CHÙA TUYỀN LINH ĐỐI VỚI BÁC HỒ

NGÔ HẢI ĐÔNG

Ở cuối thế kỷ 19, có một ngôi chùa đơn sơ được nhân dân và những người theo đạo Phật dựng lại làng Tân Hương, quận Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre (nay là xã Minh Đức). Chùa được mang tên là “*Tiên Linh tự*” (chùa của người tiên linh thiêng). Truyền thuyết về nơi dựng lên ngôi chùa này kể rằng ngày xưa có một người đàn bà sau khi chết đã hiển thánh thường hiện ra với nhiều hình dáng kỳ lạ trên quảng đường từ Tân Hương (ngang chợ ngày nay) đi Tân Khánh (xóm Rạch Bần, gần mé sông Hàm Luông). Vì vậy, khi lập chùa, người ta đặt tên là “*Tiên Linh*”.

Năm Đinh Tỵ (1907), một nhà sư quê ở Ba Tri về trụ trì ngôi chùa này. Từ đó, ngôi chùa này càng thu hút đông đảo người ngưỡng mộ đạo Phật, một thời nổi tiếng cả tỉnh Bến Tre và xứ Nam Kỳ.

Vị hòa thượng trụ trì chùa Tiên Linh chính tên là Lê Khánh Hòa, pháp danh Thích Như Trí, sinh ngày 22 tháng 4 năm Mậu Dần (1877) tại làng Phú Lễ, tổng Bảo Trị, quận Ba Tri, lớn lên xuất gia thọ giáo với các bậc cao tăng, tinh thông Phật học.

Về trụ trì chùa Tiên Linh, Hòa thượng Khánh Hòa mở mang việc thuyết giảng giáo lý, đào tạo môn sinh và thường đi hoạt động Phật học ở nhiều nơi, uy tín ngày càng rộng rãi trong giới Phật tử khắp cả Nam Kỳ. Ông nổi tiếng về hiểu biết uyên thâm triết học Phật giáo.

Nhờ đi nhiều, học cao, hiểu rộng về Nho học, Phật học và biết cả Quốc ngữ, tiếp xúc nhiều với quần chúng tín đồ, cư sĩ và nhân sĩ Phật giáo có học vấn, ông hiểu biết nhiều về mặt tình hình xã hội và Phật giáo miền Nam: Sớm biểu lộ lòng yêu nước, thương người và có ý thức chấn hưng Phật giáo. Chính Hòa thượng Khánh Hòa là người thành lập Nam Kỳ nghiên cứu Phật học hội và Lương xuyên Phật học hội, quy tụ nhiều vị cao tăng và nhân sĩ Phật giáo có tiếng thời bấy giờ. Đồng thời ông cũng là người sáng lập tạp chí Từ bi âm (1932)⁽¹⁾ và Phật học tùng thư, cơ quan tuyên truyền giáo lý, quảng bá triết học và cổ động chấn hưng Phật giáo. Trong những năm 30 – 40, ông là Hội trưởng Nam Kỳ nghiên cứu Phật học hội, chủ bút tạp chí Từ bi âm, Giám đốc Phật học tùng thư và là người lãnh đạo tinh thần giới Phật tử miền Nam.

Thượng tọa Thích Từ Hạnh – Hội Phật giáo yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận rằng: *“...riêng với tăng ni Phật tử Sài Gòn thì Nguyễn Ái Quốc là biểu trưng cho dòng tư tưởng yêu nước xuyên suốt từ những năm 1920 cho đến nay trong giới trí thức. Yêu sách 8 điểm của Bác ở Versailles năm 1919 có tác động lớn: Ngay tại Sài Gòn này, tiếng dội của nó vào báo chí Nam Kỳ thời ấy đã phản ánh rõ. Tư tưởng Nguyễn Ái Quốc, tức tư tưởng Mác-xít cụ thể cho hoàn cảnh cách mạng Việt Nam qua từng giai đoạn, đã thổi một luồng gió mới giúp cho các học giả Phật giáo như quý Hòa thượng Khánh Hòa, Thiện Chiếu, Đôn Hậu... đi vào các khám phá mới về Phật học Việt Nam tiền bán thế kỷ 20, khi các vị đặt lại những vấn đề lớn trong triết học như các vấn đề Thượng đế,*

(1) Tạp chí Từ Bi Âm của Nam kỳ Phật học hội, ra đời năm 1932, có nơi dịch là La voix du Bouddhisme, cũng có nơi dịch là La voix de la miséricorde.

vấn đề linh hồn v.v...⁽²⁾. Tư tưởng kính Phật, yêu nước, thương người của Hòa thượng Khánh Hòa ngày càng biểu lộ cụ thể trong quá trình hoạt động Phật học cho đến lúc cuối đời.

Năm Đinh Mão (1927), sau khi xong giới đàn tại chùa Tịnh Độ (Chợ Lớn) trở về nơi trụ trì tại chùa Tiên Linh, Hòa thượng Khánh Hòa đã gặp gỡ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy (còn có tên khác là Nguyễn Sinh Sắc), thân sinh của Bác Hồ, lúc bấy giờ đang lưu lạc ở Nam Kỳ đến thăm và kết giao thân hữu. Kỷ yếu của nhà chùa còn ghi lại rằng thời gian lưu lại của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy tại chùa Tiên Linh không lâu lắm, nhưng hai vị đàm luận với nhau rất tương đắc. Cụ Phó bảng có đề tặng Hòa thượng Khánh Hòa một số câu đối bằng chữ Hán, rất tiếc vì quá lâu ngày bản ghi chép đã rách mất nhiều câu, chữ, không còn được nguyên vẹn. Người ta còn đọc được mấy câu như sau:

“Như thị Như lai, xuất thế khai tông, hướng dẫn mê đồ quy Phật giới.

Trí vi Trí giả, hiện thân thuyết pháp, hô hào trí thức thượng Thiên thai”⁽³⁾.

(Tạm dịch ý chính: Như, ấy Đức Như Lai, ra đời mở đạo, dẫn dắt người lầm lạc theo về con đường giải thoát. Trí, là bậc tài trí, thực hành giảng giải lẽ cao sâu, thức tỉnh lòng người đến cảnh sống yên vui)⁽⁴⁾.

Trong suốt những năm 30 và 40, Hòa thượng Khánh Hòa đi rất nhiều nơi để hoạt động chấn hưng Phật giáo. Ông thường hay tiếp xúc với các nhà sư và học giả Phật giáo có tư tưởng tiến bộ. Trong một số trường hợp, ông bộc lộ lòng yêu nước một cách thiết tha nhưng kín đáo. Ghi chép còn lại của chùa Tiên Linh còn cho biết năm Canh Ngọ (1930), ông đến Rạch Giá gặp gỡ Hòa thượng Nguyễn Văn Đồng, trụ trì chùa Tam Bảo Tự (thường

(2) Thích Từ Hạnh – “Tăng ni Phật tử miền Nam với Bác Hồ - Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ” - trang 197, Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh 1986.

(3) Như Trí là pháp danh của Hòa thượng Lê Khánh Hòa.

gọi là chùa Hòa thượng Đồng). Trong những ngày ở đó, ông thường ngắm cảnh biển trời vùng vịnh Thái Lan và làm thơ tức cảnh. Người ta còn ghi lại được hai câu như sau:

*“Minh mông vịnh biển Xiêm La,
Muốn tìm đồng chí biết qua phương nào”.*

Chúng ta biết rằng Hòa thượng Đồng là một nhà sư yêu nước. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 thất bại, Hòa thượng Đồng bị thực dân Pháp giam giữ vì chùa Tam Bảo của ông là cơ sở cách mạng.

Phải chăng việc tiếp xúc với người có tư tưởng tiến bộ, với sách báo có khuynh hướng cách mạng lúc bấy giờ và nhất là cuộc gặp gỡ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, thân sinh Bác Hồ, Hòa thượng Khánh Hòa đã sớm chịu ảnh hưởng của phong trào yêu nước hồi nửa đầu thế kỷ này và biết được tên tuổi của nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc như Thượng tọa Thích Từ Hạnh đã xác nhận?

Cũng trong năm 1930, sau khi từ Rạch Giá trở về, ông đã đổi tên ngôi chùa Tiên Linh thành *“Tuyên linh tự”* (Có lẽ là ngôi chùa quảng bá lẽ cao sâu nhiệm mầu của đạo Phật). Về sau, vì lòng tôn kính của bốn đạo, tín đồ trong vùng gọi ngôi chùa này là Tổ đình Tuyên linh tự (ngôi chùa Tổ).

Năm Kỷ Dậu (1945), vì tuổi già sức yếu, Hòa thượng Khánh Hòa không còn đi hoạt động Phật học ở các nơi, mà trở về ở hẳn

(4) Hai câu đối này có những bản dịch như sau:

- Trong kỷ yếu còn lưu lại chùa Tuyên Linh dịch: *“Đức Phật Như Lai đương sống cứu đời, dắt chúng lạc đường về cõi Phật/ Tổ sư trí giả, hiện còn hóa đạo, dìu đoàn bạn Pháp lại quê sư”.*

- Ông Châu Quang Minh – hội viên Câu lạc bộ Nhân sĩ trí thức tỉnh Bến Tre dịch: *“Như là Bồ tát, ra đời mở đạo từ bi, dạy bỏ đường tà noi đức Phật/ Trí tức siêu nhân, xuống thế giàu lòng bác ái, khuyên theo nẻo chánh hưởng ân trời”.*

- Ngô Hải Đông dịch: *“Như, ấy Đức Như Lai, ra đời mở đạo, dẫn dắt người mê về cõi Phật/ Trí, là bậc tài trí, thực hành giáo lý, giúp đời hiểu rõ nẻo lên Tiên”.*

tại chùa Tuyên Linh. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông bày tỏ thái độ rất vui mừng và hết sức kính trọng Hồ Chủ tịch. Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, chùa Tuyên Linh nơi ông trụ trì và sống những ngày cuối đời nằm trong vùng của ta kiểm soát, nơi ấy gọi là vùng độc lập. Ông khuyến bảo học trò và tín đồ theo đạo Phật tham gia kháng chiến, ủng hộ chính phủ của cụ Hồ Chí Minh.

Lúc ông dưỡng bệnh tại chùa Tuyên Linh, đồng chí Phan Triêm, lúc ấy là Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh Bến Tre đến thăm có hỏi ý kiến ông về tình hình đất nước. Ông thân mật trả lời: *“Người Pháp có cơ giới tốt, phương tiện hay, song thiếu đạo đức, thất nhân tâm tất nhiên phải thua bại... Bọn A-tu-la (ý nói thực dân Pháp) mặc dù hiểm độc nhưng chúng là bọn đại ác. Đồng bào ta yêu nước kính trời, tin Phật là chính nghĩa, chính nghĩa phải hơn tàn bạo, ngôi sao Việt Nam vẫn chói sáng khắp thế giới, cụ Hồ Chí Minh đúng là bậc đại ái quốc”*.

Năm Đinh Hợi (1947), ông lâm bệnh nặng, biết mình sắp chết, ông bình tĩnh và cẩn thận viết lời di ngôn, sắp xếp công việc trong đạo, căn dặn các học trò thân tín phải hết lòng vận động tín đồ tham gia kháng chiến, tin tưởng và ủng hộ cụ Hồ, cầu mong cho nước nhà sớm được hoàn toàn độc lập. Ngày 19 tháng 6 năm Đinh Hợi, ông bảo học trò tắm rửa và thay đạo phục cho ông và đỡ ông day mặt về hướng Bắc, ông cố gắng nói lên những lời cuối cùng:

*“Chúc nước nhà độc lập
Chúc nhân loại hòa bình
Hồ Chí Minh muôn năm!”*.

Sau đó ông niệm Phật rồi tắt thở.

Theo lời căn dặn của ông, người học trò thân tín nhất và cũng là con nuôi của ông – nhà sư Thích Thái Không đã tham gia Mặt trận Việt Minh và giữ nhiệm vụ Trưởng ban vận động chia cơm cho Vệ quốc đoàn của Tỉnh bộ Việt Minh Bến Tre (tức bộ phận vận động ủng hộ bộ đội đang chiến đấu trong tỉnh). Hòa thượng Thái Không là một người có công vận động phong trào yêu nước trong tín đồ Phật giáo suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và

chống Mỹ cho đến khi ông qua đời.

Với lòng tôn kính một bậc chân tu yêu nước, thương người có nhiều công lực trong việc chấn hưng Phật giáo, năm 1951, Giáo hội Phật giáo tăng già và Lục hòa tăng đã cử hành lễ suy tôn Sư cụ Khánh Hòa là Tổ của Phật giáo Việt Nam, chùa Tuyên Linh nơi sư cụ trụ trì được gọi là Tổ đình. Năm 1956, Lễ Trà tỳ (tức là lễ hỏa thiêu di hài để đưa tro vào bảo tháp) của ông được bốn đạo cử hành hết sức trọng thể tại chùa Tuyên Linh, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày. Ông Lê Minh Hòa, Hội trưởng Hội Lục hòa Phật tử Việt Nam đã thay mặt bốn đạo dâng tặng hai câu đối:

*“Khánh chúc nhơn dân kỳ Tổ quốc giang sơn bất lão
Hòa bình thế giới, nguyện Phật gia pháp hải trường xuân”..*

Hai câu đối này được in vào ảnh thờ hòa thượng Khánh Hòa và có mặt hầu hết trong các gia đình tín đồ đạo Phật ở Bến Tre.

Trong những năm trước cuộc Đồng Khởi 1960, Mỹ - Diệm kềm kẹp áp bức nông dân hết sức khắc nghiệt, vùng Tân Hương - Minh Đức nơi có ngôi Tổ đình Tuyên tự của Sư cụ Khánh Hòa vẫn là cơ sở vững chắc của cách mạng. Cơ quan Tỉnh ủy Bến Tre và Huyện ủy Mỏ Cày nhiều lần về trú đóng tại đây trong sự đùm bọc che chở của quần chúng. Tín đồ đạo Phật có nhiều người là cốt cán, đảng viên, đồng chí Hoài Thanh sau này là cán bộ vận động tôn giáo, thành viên của Mặt trận tỉnh, lúc khó khăn nhất là Bí thư Chi bộ xã. Chùa Tuyên Linh là nơi liên hệ hoạt động của cán bộ ta. Hội nghị Tỉnh ủy truyền đạt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng cho cán bộ lãnh đạo khu vực Cù lao Minh, thông qua kế hoạch phát động cuộc Đồng Khởi năm 1960 do đồng chí Nguyễn Thị Định chủ trì cũng đã diễn ra ở khu vực không xa ngôi chùa này. Khắp vùng Minh Đức, Tân Trung, Hương Mỹ, Cẩm Sơn, Ngãi Đăng, nhà nào có thờ ảnh của Hòa thượng Khánh Hòa là nơi có thể tin cậy được. Dịch khủng bố và kềm kẹp nhân dân vùng này rất ác liệt, chưa kể sau này chiến tranh tàn phá hết sức nặng nề, nhưng nhân dân vẫn dũng cảm bám trụ và chiến đấu, vẫn một lòng hướng về cách mạng, tin tưởng Đảng và Bác Hồ.

Bác Hồ quên mình vì dân vì nước cho đến lúc qua đời. Bác chưa vào Bến Tre và nhân dân Bến Tre chưa được mừng đón

Bác. Nhưng Bác Hồ vẫn luôn luôn có mặt trong trái tim của mọi người kể từ khi Bác còn là nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc. Hòa thượng Khánh Hòa có lẽ hiểu Bác qua ảnh hưởng của sách báo cách mạng lưu hành bí mật và công khai hồi nửa đầu thế kỷ 20 và có duyên kỳ ngộ được hội kiến với cụ Phó bảng, thân sinh của Bác, chắc hẳn ông chưa hiểu rõ về Bác như chúng ta hiểu bây giờ. Tuy nhiên, chính vì Bác là hiện thân của lòng yêu Tổ quốc Việt Nam mà mọi tấm lòng Việt Nam dù khác nhau về chính kiến hay tín ngưỡng đều cùng hướng về ngôi sao Bắc Đẩu ấy.

Lòng yêu nước thương dân bao la như trời biển của Bác dù muôn trùng xa cách vẫn có sức thu hút mọi người về với cội nguồn dân tộc, với vận mạng mất còn của Tổ quốc dù đó là một nhà sư, một vị cao tăng của Phật giáo nơi cuối đất cùng trời chưa bao giờ được một lần gặp Bác.

Dức Phật khổ hạnh suốt đời để tìm con đường giải khổ cho chúng sinh.

Bác Hồ trọn đời hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Giải phóng dân tộc đồng nghĩa với giải phóng con người: Ai cũng được tự do, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Giới tăng ni, Phật tử tôn kính Bác Hồ là vị Bồ tát cứu nhơn độ thế. Họ tin Phật và yêu kính Bác. Họ thờ Phật và thờ Bác, sự tôn kính được đặt vào nơi trang trọng nhất giữa chỗ ở và trái tim.

Vị cao tăng nặng lòng yêu nước thương dân ngưỡng mộ và tôn kính Bác Hồ viên tịch từ lâu, nhưng tín đồ Phật giáo ở Bến Tre và cả miền Nam vẫn giữ gìn truyền thống yêu nước, yêu Bác Hồ của sư cụ Lê Khánh Hòa kể từ khi ông tìm đường chấn hưng Phật giáo. Suốt hai cuộc kháng chiến và những năm hòa bình xây dựng quê hương họ vẫn một lòng gắn bó với cách mạng vì một lẽ rất giản đơn: Nhờ công ơn của Bác mới rửa được nhục mất nước, mới giành lại được quyền làm người, tín ngưỡng của con người mới được tự do.



Khảo cứu

TÌM LẠI VẾT CHÂN CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC (1863 - 1929) THÂN SINH BÁC HỒ - NƠI TỔ ĐÌNH CHÙA TUYÊN LINH XÃ MINH ĐỨC

TU SẮC

 heo tư liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Đồng Tháp thì vào khoảng cuối năm 1926 Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc⁽¹⁾ cùng một vị cao tăng ở chùa Từ Đàm (Huế) đến chùa Tiên Linh, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre - nơi trụ trì của sư Lê Khánh Hòa (1877 - 1947) - một yếu nhân của Nam kỳ chấn hưng Phật học và Cụ có tặng cho nhà sư một câu đối:

“Như thị như lai, xuất thế khai tông hướng dẫn mê đồ quy Phật giới

Trí vi trí giả, hiện thân thuyết pháp hô hào trí thức thượng thiên thai”.

Tạm dịch:

(1) Tên thật là Nguyễn Sinh Sắc sau đổi lại là Nguyễn Sinh Huy, đỗ Cử nhân năm 1894, đỗ Phó bảng năm 1901 khoa thi Tân Sửu năm Thành Thái thứ 13.

“Đức Phật Như Lai, đương sống ở đời, dắt chúng lạc đường về cõi Phật.

Tổ sư trí giả, hiện còn hóa đạo, diu đoàn bạn pháp lại quê sư”.

(Trưởng tử Hòa thượng Thích Thái Không)

Chùa Tiên Linh xây dựng năm Tân Dậu 1861 (đời Tự Đức thứ 14) sát bên rạch Tân Hương, trên đường đi Cái Bần – Tân Khánh. Đến năm Đinh Ty 1907, sư Lê Khánh Hòa về làm Trụ trì, người ở xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, là một vị cao tăng nổi tiếng Nho học, chí hạnh lớn lao, tài đức kiêm toàn nên được các Giáo hội Phật giáo Trung ương suy tôn là Tổ. Chùa Tiên Linh nơi trụ trì của Tổ gọi là Tổ đình. Sư Lê Khánh Hòa còn là một yếu nhân chủ xướng ra Nam Kỳ chấn hưng Phật giáo vào những năm 1924 – 1934 và đổi tên chùa Tiên Linh tự thành Tuyên Linh tự. Tổ viên tịch vào ngày 19/6/1947 năm Đinh Hợi tại chùa Tuyên Linh sau 39 năm làm Trụ trì nơi đây. Người đã để lại công đức, chí hạnh cao siêu cho nền Phật học Việt Nam. Đến năm Ất Mùi 1955, Hội Phật học Việt Nam long trọng tổ chức lễ Trà tỳ (lễ hỏa thiêu hài cốt) tại chùa Tuyên Linh. Để tỏ lòng tri ân và tiếc thương công đức của Tổ, Hội Lục hòa tăng Trung ương có tặng Tổ một câu đối:

“Khánh chúc nhơn dân, kỳ Tổ quốc giang sơn bất lão.

Hòa bình thế giới, nguyện Phật gia pháp hải trường xuân.”

Và Cụ Phó bảng tặng riêng cho chùa Tiên Linh một câu đối khác:

“Tiên tức Phật, Phật tức tâm, bát vạn trần lao “đô tịnh tận”⁽²⁾

Linh nhi hứ, hứ nhi giác, tam thiên thế giới tổng bao hàm”.

Tạm dịch:

“Tiên là Phật, Phật là tâm, tám vạn trần ai lao khổ đều lắng sạch.

Linh ra không, không ra giác, ba ngàn thế giới tổng bao hàm”.

(Lương y Trúc Hiên)

Theo sư Thái Không, Cụ Phó bảng lưu lại chùa Tiên Linh

(2) Theo tư liệu ghi là “độ tịnh tâm”. Còn sư Thành Lệ ghi nhớ là “đô tịnh tận”.

không lâu nhưng có mở được lớp học dạy Phật tử dưới sự bảo trợ của sư Lê Khánh Hòa. Ngoài việc dạy học, Cụ còn xem mạch, hốt thuốc, cho toa giúp đồng bào nghèo khổ trong vùng vì đó là nghề nghiệp quen thuộc của Cụ. Nơi đây Cụ còn quan hệ với Trần Văn An, Huỳnh Văn Mẫn, Lê Văn Phát – là những đảng viên cộng sản Bến Tre. Số đảng viên này đứng ra thành lập chi bộ Đảng đầu tiên ở xã Tân Xuân (Ba Tri) vào năm 1930. Số đệ tử của Cụ Phó bằng nhiều người sau này là cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam như sư Thành Nghiêm, sư Thái Không, sư Thành Chí, sư Thành Đạo, sư Thành Lệ, v.v... Số đệ tử của Cụ đến nay hầu hết đã qua đời, duy nhất chỉ còn sư Thành Lệ đã 85 tuổi ở xã An Thạnh – Mỏ Cày.

Theo lời nhà sư kể lại: Hồi đó tôi còn nhỏ làm tiểu tử ở chùa Tiên Linh, có một ông mình dong dãi, trán rộng, mắt sáng, nước da trắng trẻo đến chùa xưng là người ở xứ Nghệ đi bán thuốc cao, hoàn nan xin được nghỉ trọ. Tôi vào bạch với thầy tôi là Tổ Lê Khánh Hòa. Thầy tôi đang ngồi trên bộ ván lớn bảo tôi ra mời khách vào. Nhìn qua diện mạo của khách, thầy tôi lấy làm lạ mời khách ngồi và rót nước mời khách uống. Tôi đem một cái ghế dài để gần bên bộ ván chỗ thầy tôi ngồi. Người khách không ngồi mà từ tốn xin thầy tôi cho tạm ở trọ trong chùa vài hôm – cứ sáng đi, chiều về. Thầy tôi chưa trả lời ngay mà thân mật hỏi:

- Vậy huynh nay tuổi đã mấy mươi và có con cái gì không?

- Chỉ còn vài năm nữa thì đến lục tuần. Tôi có ba con hai trai, một gái mà chúng nó “bất hiếu” không nuôi tôi⁽³⁾. Tôi có một đứa con trai đi sang Pháp lập ra Đảng Cộng sản – người khách đáp.

Thầy tôi gật đầu rồi hỏi tiếp:

- Tôi đoán không lầm thì huynh đây là một trí giả chứ không phải người tầm thường?

Người khách nhìn thầy tôi rồi chậm rãi đáp:

- Không giấu vì sư huynh, tôi đã dự thi Hội ở Huế, đỗ Phó bảng

(3) Sở dĩ Cụ Phó bằng nói như vậy là vì còn giữ kẽ chưa muốn tiết lộ hết tông tích của mình.

nhưng tôi không muốn ra làm quan mà chỉ muốn đi làm thầy, bán thuốc kiếm tiền độ nhật.

Thầy tôi mỉm cười nói:

- Con của huynh đi Pháp để lập ra Đảng Cộng sản là cứu nước, là có hiếu chớ sao huynh lại nói là bất hiếu?

Thầy tôi nói tiếp:

- Tuổi huynh đã lớn rồi, huynh đi mua bán cực nhọc sao tiện hay là huynh về ở chùa với tôi. Nếu huynh ăn chay không quen thì quanh chùa có nhiều hoa quả, tôi bảo phật tử đem bán mua thức ăn riêng cho huynh. Tôi sẽ giúp đỡ huynh, huynh đừng đi đâu hết; tôi hay đi đây, đi đó còn huynh ở chùa chuyên lo dạy học.

Sau này tôi mới biết người khách đó là Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Hồ Chủ tịch.

Theo lời kể của Hòa Thượng Thích Thành Lệ thì khớp thời gian với tư liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Tháp là Cụ phó bảng về chùa Tiên Linh vào khoảng cuối năm 1926, đầu năm 1927. Nhưng có điểm chưa rõ là Cụ Phó bảng đến chùa Tiên Linh lần này không phải là lần đầu tiên mà cũng không phải sự tình cờ. Lần này Cụ về chùa Tiên Linh cốt để gặp lại sư Lê Khánh Hòa – một yếu nhơn của Nam kỳ chấn hưng Phật học – tức là người đã từng kết nghĩa tâm giao với nhau. Trong tư liệu có ghi: Năm 1922, Cụ ở chùa Linh Sơn (Sài Gòn) thường xuyên bàn bạc về đạo Phật và dân tộc với các vị cao tăng từ các nơi đến như ở Bà Rịa có hòa thượng Thiên Thai, Bến Tre có sư Lê Khánh Hòa, Châu Đốc có hòa thượng Phi Lai,...

Ngoài ra, Cụ còn liên hệ rất nhiều nhà yêu nước khác thời bấy giờ như Huân Quyền ở Bến Tre, cụ Huỳnh Thúc Kháng ở Huế, cụ Võ Hoàng ở Sa Đéc, cụ Dương Bá Trạc ở Long Xuyên, cụ Cử Can ở Nam Vang, cụ Cao Khắc Kiệm ở cù lao Giêng, cụ Trần Vĩnh Hoài ở Chợ Gạo – Mỹ Tho, v.v... Vì thời gian đã lâu có thể sư Thành Lệ nhớ nhầm chăng? Có phải lần gặp đó là lần đầu tiên cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc tìm đến sư Lê Khánh Hòa – đang làm trụ trì chùa Tiên Linh – là lần đầu tiên hai người chưa quen biết nhau (trước lần gặp nhau đàm đạo ở chùa Linh Sơn (Sài

Gòn) thì thời gian đó phải trước năm 1922 mới đúng⁽⁴⁾. Chúng ta không lấy làm lạ hai nhân vật trí thức lớn Nho học, Phật học, có tinh thần yêu nước, thương dân nay đi tìm nhau là có nguyên do – nguyên do đó là tìm người cùng chí hướng, cùng tâm huyết cũng như sư Lê Khánh Hòa đã từng đi khắp bốn phương tìm “đồng chí”⁽⁵⁾.

Trong kỷ yếu lễ TRÀ TỶ năm 1955, sư Thái Không có ghi: “Sau khi mãn giới đàn chùa tịnh độ (Chợ Lớn) vào cuối năm 1926 trở về chùa Tiên Linh có Cụ Phó bảng đến viếng và soạn cho Tiên Linh một số câu đối liễn và tặng cho Tổ một câu”.

Vả lại, Cụ Phó bảng trở lại chùa Tiên Linh năm 1927 cũng chưa phải là lần sau cùng. Trong tư liệu dẫn: Sau khi ở Bến Tre, Cụ về Sài Gòn và lâm trọng bệnh có cô hai Nguyễn Thị Thanh (con trưởng nữ của Cụ) vào thăm và chăm sóc Cụ hết bệnh. Đến cuối năm thì Cụ dẫn cô Thanh về Sa Đéc và sáng Cao Lãnh. Vào khoảng năm 1928, thỉnh thoảng Cụ đi Mỹ Tho, Bến Tre nhưng thường hơn hết là đến chùa Hòa Thành ở Tịnh Biên. Ở đây bà con quen gọi Cụ là “Ông già dù đen”... Còn nội dung quan hệ giữa Cụ Phó bảng với Tổ Lê Khánh Hòa trong những lần gặp nhau ở chùa Tiên Linh và Linh Sơn thế nào là trách nhiệm của các nhà khoa học. Nhiều nhà sư nói, Cụ có để lại chùa Tiên Linh nhiều bút tích về thi phú nhưng vì chùa bị giặc bắn phá thiêu hủy nên những bút tích ấy không còn. Nhưng điều chắc chắn là tư tưởng của vị cao tăng Lê Khánh Hòa và Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc

(4) Theo ông Võ Văn Phẩm, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre cho biết, trên đường về chùa Tiên Linh tìm sư Lê Khánh Hòa, Cụ Phó bảng có ghé qua chùa Phú Lễ ở Ba Tri – nơi quê của Tổ Lê Khánh Hòa. Có người nói Cụ Phó bảng về Phú Lễ mới đi Minh Đức tìm sư Lê Khánh Hòa do cụ Võ Hoành đưa đi. Điểm này chưa có sơ sở xác minh.

(5) Sư Lê Khánh Hòa đi Rạch Giá vào chùa Tam Bảo, ra đảo Hòn Quéo nhìn sang vịnh Xiêm La mênh mông biển cả, cảm hứng xuất khẩu thành thơ:

“Mênh mông vịnh bể Xiêm La

Muốn tìm đồng chí biết qua phương nào”.

có nhiều điểm tương đồng – đó là tư tưởng: vì đạo, vì đời, vì dân, vì nước, chống Pháp xâm lược đem lại độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, thế giới hòa bình, loài người được giải thoát...

Phong trào chấn hưng Phật giáo bấy giờ chắc chắn có sự tác động tích cực của các phong trào yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn An Ninh và nhất là từ khi có sự ra đời của Tân Việt Cách mạng Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và tổ chức Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội.

Vào năm 1925 – 1930, phong trào chấn hưng Phật giáo cũng phát triển mạnh, có nhiều nhà sư trẻ hoạt động rất sôi nổi tham gia trong các cuộc biểu tình, đấu tranh, diễn thuyết ở Sài Gòn Chợ Lớn và các tỉnh như có sư Thiện Chiếu, sư Thái Không, sư Đôn Hậu, sư Vạn An, sư Khánh Anh, sư Chí Thành, sư Thiện Kế, sư Giác Hải, sư Trí Độ, sư Huệ Quang, sư Bích Liên, sư Liên Tôn, v.v...⁽⁶⁾. Ngoài ra, trên diễn đàn các tạp chí: Phật học Duy tâm của Hội Lương xuyên Phật học, tạp chí Phật học Từ bi âm, Phật học Tùng thư của Hội nghiên cứu Nam kỳ Phật học do Tổ Lê Khánh Hòa và một số vị cao tăng thành lập và xuất bản truyền bá mạnh mẽ giáo lý, đường lối cách tân Phật học, chỉnh đốn lối sống tăng chúng; lồng vào đó những bài thời đàm kích thích mạnh mẽ tư tưởng yêu nước, thương dân, lên án thực dân Pháp xâm lược được nhiều độc giả khắp Nam Trung Bắc hoan nghênh.

Tuy có những điểm tương đồng về tư tưởng cách mạng của Cụ

(6) Sư Bích Liên, Liên Tôn, Trí Độ từ miền Bắc vào cùng một số cao tăng ở Nam bộ như sư Huệ Quang (là đảng viên Cộng sản) - Pháp chủ của Giáo hội Ấn Quang (Sài Gòn), viên tịch tại Ấn Độ. Hòa thượng Khánh An, Hòa thượng Vạn An hoạt động Đông Du bị giặc Pháp truy cách vào Nam.

(7) Theo tài liệu mật thám Pháp còn giữ bản chứng chỉ quy y ngày 22 tháng 8 năm 1922 của Cụ. Đây là cái vỏ để Cụ hoạt động vì mật thám Pháp theo dõi Cụ rất chặt. Nhưng Cụ là người hết sức cẩn trọng, kín đáo, bí mật, thay hình đổi dạng luôn; khi làm người bán hàn, uống rượu say sưa, khi ăn mặc xềnh xoàng đến các chùa nói chuyện về đạo Phật để đánh lạc hướng theo dõi của mật thám.

Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc với Phan Bội Châu và Tổ Lê Khánh Hòa về tinh thần yêu nước, thương dân chống xâm lược, tìm đường giải phóng đất nước nhưng mỗi người có chí hướng khác nhau. Cụ Nguyễn Sinh Sắc tuy có quy y đạo Phật⁽⁷⁾, nghiên cứu tinh tường Phật học, Nho học, làm nghề thuốc cũng chỉ là cái vỏ bọc bên ngoài để che đậy tai mắt của mật thám Pháp, là phương tiện để Cụ hoạt động cách mạng theo chí hướng của Cụ là *“...dựa vào tổ chức cách mạng của lực lượng trẻ, dựa vào giai cấp công nông nghèo khổ chớ không phải là bậc sỹ phu yêu nước”*⁽⁸⁾. Trong lời di chúc của Cụ có nói rõ: *“Tôi bảo con tôi (tức Nguyễn Ái Quốc) phải đi ngay qua bên Tây liên kết với nhau chống đối Nhà nước Pháp. Bên chánh quốc có nhiều phe chống đối với Nhà nước họ lắm... Tôi bảo nó lựa phe nào mạnh thì liên kết với họ rồi thông đồng bên mình. Chừng nào bên Tây giải phóng thì có người bên vực mình, bên này dân mình đứng lên lật đổ Tây mới được”*⁽⁹⁾.

Nhờ ảnh hưởng tư tưởng Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, nên sau khi Đảng Tân Việt Cách mạng được thành lập ở Sài Gòn vào tháng 3 năm 1927 và cử cán bộ đi gây dựng cơ sở ở các nơi thì ông Ngô Văn Chương được cử đến Bến Tre sau Cụ Nguyễn Sinh Sắc ít lâu⁽¹⁰⁾.

Vào khoảng năm 1930, Ông Chương đến chùa Tuyên Linh cùng Tổ Lê Khánh Hòa tổ chức một lớp học, ngoài dạy chữ Pháp Việt, trong truyền bá tư tưởng cách mạng, yêu nước chống Tây. Lớp học này thực chất là một trường Cách mạng ngụy trang đã

(8) Tư liệu của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Tháp.

(9) Lời trời của Cụ Nguyễn Sinh Sắc vào tối ngày 25 rạng 26 tháng 11 năm 1929 trước mặt cụ Đổng, cụ Năm Giáo, ông Năm Lăng, ông Hai Thiện tại xã Hòa An, huyện Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc – nơi Cụ an nghỉ cuối cùng (tư liệu Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Tháp).

(10) Ông Ngô Văn Chương là sinh viên đại học Hà Nội, cháu vợ của Cụ Nguyễn An Ninh, làm Đốc Phủ sứ thời Pháp – là một tư sản yêu nước – đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; sau này làm Trưởng cơ quan Ngân khố Nam bộ. Hiện nay ông còn sống là cán bộ hưu trí ở thành phố Hồ Chí Minh.

đào tạo ra những cán bộ, đảng viên ưu tú của Đảng là cốt cán lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương sau này. Theo lời ông Hoài Thanh (Sáu Trình), một đảng viên lão thành ở xã Minh Đức và ông Đoàn Văn Thâu (Út Thâu) hai học trò của ông Chương kể lại: Lớp học này có bí mật tổ chức “*tổ hành động*”. Tổ hành động này gồm có ba người: Nguyễn Thế Xương, Ngọc Diệp và Hoài Thanh. Trong những ngày kỷ niệm Đảng 06 tháng 01 năm 1935, Nam kỳ khởi nghĩa, thời kỳ hoạt động Đông Dương đại hội, tổ này đều có rải truyền đơn và treo cờ Đảng búa liềm tại cây bần dưới mé rạch Tân Hương gần chùa Tuyên Linh. Từ đó Tổ đình chùa Tuyên Linh trở thành cơ sở Cách mạng của Đảng suốt ba mươi năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã để lại một điểm vàng son trong trang sử truyền thống của nhân dân xã Minh Đức anh hùng.

Tháng 3 năm 1989



Viết nhân kỷ niệm lần thứ 89 Ngày sinh Bác Hồ

BÁC CÒN SỐNG MÃI

TRẦN SONG NGUYÊN

*Ngỡ trong mơ nhưng là thật
Trên đài cao âu yếm Bác nhìn con
Lòng rộn vui Bác mãi còn
Chỉ đường con đi tới...”*

Em Tưởng Thanh Sanh đã viết mấy câu thơ này khi thấy tượng Bác Hồ đặt trên đài kỷ niệm giữa sân Trường phổ thông trung học Nguyễn Đình Chiểu. Em và Đoàn Thiên Lương, đôi bạn chung lớp, là tác giả của tượng bán thân Bác Hồ cao 0,9 mét. Ước mơ gặp Bác, quyết tâm xứng đáng là thế hệ Hồ Chí Minh đã giúp các em tái hiện hình Bác Hồ bằng xi măng cốt thép.

Trước các em, không biết bao nhiêu học sinh ở trường này, những người anh, người chị của các em đã có ước mơ như các em bây giờ. Lúc đó, chế độ Mỹ, nguy còn, đời sống xã hội và nội dung học tập ở trường đều không đáp ứng được khao khát tìm hiểu chân lý của tuổi trẻ. Thực hiện ước mơ “*Làm theo lời Bác*” như các em hôm nay, người trước luôn phần nộ cuộc sống, phần nộ cả sách vở. Họ sẵn sàng hiến cả máu của mình để tìm gặp Bác. Họ đi về vùng căn cứ cách mạng, vùng giải phóng và chiến đấu anh dũng tiêu diệt kẻ thù. Nếu phải ở lại trường, đó là nhiệm vụ đấu tranh chống đế quốc Mỹ đầu độc thế hệ trẻ, truyền niềm ước mơ gặp Bác Hồ cho bè bạn. Các em có quyền tự hào suốt cuộc kháng chiến thần thánh của cả nước chống Mỹ, ngôi trường thân yêu của các em vẫn liên tục có mặt tổ chức Đoàn.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Bác Hồ về với trường này, Bác Hồ không chỉ đến bằng hình ảnh, còn bằng cả cuộc đời cao quý và lời dạy của Bác. Từ một nhà trường cũ, phản ánh đầy đủ tinh chất của xã hội, vùng tạm chiếm miền Nam, chất cách mạng bén rễ từ lâu đã đâm chồi, khẳng định hướng phấn đấu tự xây dựng thành nhà trường cách mạng.

Để giữ mãi hình ảnh Bác Hồ trong lòng thầy giáo và học sinh, trường Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre quyết định xây dựng tượng Bác. Trong những ngày xây dựng tượng đài Bác Hồ, nhà trường chọn đề nghị công nhận 6/30 lớp đạt danh hiệu tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa và không có học sinh nào ở lại lớp.

Trước tượng đài Bác Hồ, đông đủ học sinh lẫn, lê, bò, trườn; chỗ khác, dưới bóng mát cây xanh, từng nhóm học sinh đang luyện bài võ quốc phòng. Các học sinh báo cáo với Bác: - Chúng cháu sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc đất nước ta.

Năm học này (1978 – 1979) hơn 100 học sinh được Đoàn thanh niên công nhận đứng vào đội ngũ chiến đấu của những người cộng sản trẻ tuổi suốt đời đi theo con đường của Bác.

Cổng trường mở rộng, dưới hàng cây cao mát, Bác Hồ trên đài nhìn đàn cháu hai buổi đến trường. Bác Hồ của chúng con. Bác Hồ về đây với tấm lòng son sắt chờ mong một phần tư thế kỷ, bằng cả xương máu và tuổi trẻ. Trước mắt Bác, ngay cột cờ kia máu đã đổ vì tự do, dân chủ. Sân trường này giữa thời tăm tối đã sáng rực truyền đơn, thông tin, ý chí đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào để đón Bác về đây.

Với Tưởng Thanh Sanh, Đoàn Thiên Lương, Bác Hồ của mình là những buổi trong mưa lầy lội, đội đất sét về đây, là những đêm trăn trở cho hình ảnh Bác đậm nét trong tim, trong óc của thầy của bạn chuyển vào tay cho khéo, vào mắt cho tinh, để:

- Làm sao cho tượng giống Bác?

Làm sao cho tượng Bác giống với niềm tin trong tháng ngày gian khổ tự cải tạo mình, tự biến thành con người chân chính.

Bước lên giàn xây, ngắm tượng Bác, em Đoàn Thiên Lương vẫn còn ray rứt, khi thể chiến thắng mùa xuân 1975 làm em

cảm xúc muốn Bác về đây đầy uy nghiêm, đầy khí phách của dân tộc anh hùng. Bây giờ em muốn tượng Bác Hồ mệnh mệnh tình thương yêu cháu con.

Các thầy giáo quen với bảng đen, phấn trắng vẫn say sưa tô từng đường hồ, nét sơn, thỉnh thoảng nhìn lên tượng Bác. Bác Hồ về đây từ 4 năm nay. Trong tim óc mỗi người đang trong sáng hình ảnh Bác Hồ kính yêu. Cuộc chiến đấu cho chủ nghĩa xã hội đang đòi hỏi mỗi người vươn lên nhiều, nhiều hơn nữa. Từng viên gạch, từng nét trên tượng đài là công sức, là tình yêu của thầy trò, tượng đài sừng sững uy nghiêm đứng đó. Tượng đài Bác trong lòng mỗi người, như tấm gương soi thấu từng ý nghĩ và hành động của học sinh trong thời kỳ hóa thân thành người mới.

Hằng ngày, đi qua đây, thầy trò trường phổ thông Trung học Nguyễn Đình Chiểu sẽ báo cáo việc làm:

- Quyết noi theo gương Bác, tiếp tục sự nghiệp cách mạng, xây dựng Tổ quốc giàu mạnh. Như suy nghĩ của em Tưởng Thanh Sanh khi sửa từng đường nét trên tượng Bác.

Có thể lực nước ngoài sợ tấm lòng của nhân dân ta đối với Bác Hồ. Họ muốn phá hủy hang Pắc Bó lịch sử. Hang càng được chăm sóc, bảo vệ hơn bao giờ hết. Tượng đài này là tiếng nói phản kháng kẻ thù, là lời xác định Bác còn sống mãi. Nửa thế kỷ qua, tấm lòng đối với Bác của nhân dân ta là bảo lửa thiêu cháy thực dân, đế quốc.

Một phần tư thế kỷ ước mơ gặp Bác, sau 4 năm phấn đấu không mệt mỏi, Bác Hồ đứng giữa sân trường bằng sức sống của chính đàn cháu thương yêu của Bác Hồ. Phải nhiều gian khổ, hy sinh mới xứng đáng với một ước mơ. Nhưng ước mơ hôm nay càng rực sáng khi cuộc sống càng khó khăn, con đường đi lên đang là thử thách đối với mỗi người, vì Bác Hồ đã về rạng rỡ bóng mát sân trường – bóng mát mang theo suốt cuộc đời của bất cứ ai đã lớn lên, đã đi qua mái trường này.

Ngày 19 tháng 5 năm 1979



CÂY ĐÀN BÁC CHO

Đồng chí HOÀNG kể
VÂN LONG ghi

Hội trường câu lạc bộ chưa hôm nào đông người đến dự như hôm ấy. Chúng tôi sắp mở màn một chương trình đặc biệt để chào mừng Đoàn Văn công Quân đội Liên Xô sang thăm nước ta.

Đây là lần đầu tiên, từ sau khi hòa bình lập lại, một đoàn nghệ thuật nước bạn đến thăm ta. Tâm lý chung của chúng tôi, cả diễn viên lẫn khán giả quân đội đều muốn biết các đồng chí bạn đánh giá, hưởng ứng nền nghệ thuật dân tộc của ta như thế nào.

Riêng tôi rất hồi hộp vì đây cũng là lần đầu tiên tôi được tham gia biểu diễn trước khách nước ngoài.

Tôi chỉ sợ không giữ được bình tĩnh làm hỏng hết tiết mục độc tấu đờn một tay độc đáo mà đoàn trưởng và các bạn đã đặt ở tôi nhiều hy vọng. Mãi luyện tay và lo lắng, tôi không biết là chương trình đã bắt đầu từ bao giờ, đài trưởng phải vào giục ra, tôi mới biết đã đến lượt mình.

Tôi ngồi giữa sân khấu, thả lại dây và loáng thoáng nghe lời giới thiệu phía ngoài màn. Chao! Giới thiệu gì mà dài quá vậy! Đồng chí giới thiệu nhắc lại cả trận chống càn ở Chợ Lách (Bến Tre) khi tôi còn là đội trưởng đội xung kích của Đại đội 89 thuộc “Trung đoàn Ông Cống” nổi tiếng của Nam bộ hồi đó. Trận ấy khi

tôi xông lên trước, phất lá cờ xung kích thì đạn địch tiện mất cánh tay phải của tôi. Đồng chí nhắc cả quá trình khổ luyện của tôi để trở lại với nghề đồn ba tôi truyền lại, biến năm ngón tay thành mười ngón. Tôi nghĩ, chỉ cần giới thiệu nội dung tiết mục là đủ, cần gì phải dài dòng thế.

Nhưng phía ngoài, chợt vang lên một tràng vỗ tay nồng nhiệt trong khi cánh màn còn chưa mở.

Tôi càng mất bình tĩnh hơn, tôi lo nếu như mình biểu diễn lại không đáp ứng được sự chờ đón nhiệt tình ấy...

Tôi đồn điệu Nam ai, từng tiếng một nhỏ giọt vào khoảng trống của cái vòm hội trường trước mặt đang mang một sự im ắng lạ lùng. Điệu nhạc chậm và buồn đã chiếm lấy tôi từ lúc nào, tôi nghĩ đến buổi chia tay ngày tập kết, cái day dứt của người ra đi phải để lại những gì thân yêu nhất: Một con kênh nước trong veo ôm trong lòng nó bóng hàng dừa không lúc nào ngừng xao động, một mảnh đất mới giành lại từ tay địch, người con gái có mái tóc đen mượt mới qua vài buổi gặp gỡ, hẹn hò, ngôi mộ người bạn chiến đấu thân thiết của mình... Hai năm nữa, chúng tôi trở về, liệu cảnh và người có được toàn vẹn như hôm ấy không? Và nếu kẻ địch lại tráo trở, lật lọng?... Không! Chúng tôi ra đi với cái ra đi của người chiến thắng, từ hai bàn tay trắng chơi nhau với chúng, nay chúng ta đã có một lực lượng vũ trang hùng hậu với nửa đất nước hoàn toàn giải phóng với cả khối hậu phương các nước xã hội chủ nghĩa vững mạnh sau lưng.

Đồn đã chuyển sang điệu Nam xuân từ lúc nào. Đánh đến khúc vui tôi mới thấy tiếng đồn của mình chưa đủ độ vang cần thiết. Tôi ghi sát đồn vào mi-crô và ráng đánh cho to lên.

Đến đoạn cao trào tự nhiên tôi rất lo. Những buổi biểu diễn thường, có thể sơ sẩy một chút không sao nhưng hôm nay... đâu phải chỉ có mình diễn, mình xem!

Quả nhiên đã đến chỗ cần phải dồn nhịp lên cho hợp với tình cảm của đoạn nhạc. Tôi đã hồi hộp đồn nhanh quá nên câu nhạc hơi bị lú. Tai tôi đỏ lên, đầu bốc nóng. Đến khi tôi lấy lại được bình tĩnh, tiếng đồn đã trở nên thoải mái, thì vừa với câu nhạc cuối cùng của bài.

Tôi chưa kịp đứng dậy chào thì một tràng pháo tay đã rộ lên, nhất là từ hàng ghế các đồng chí bạn. Tiếng vỗ tay đòi tôi phải đồn lại lần thứ hai. Tôi tự nhắc mình phải tỉnh táo, không nên tự mãn với sự hoan nghênh động viên như thế này. Thật ra thì tôi đồn còn kém cả lần tổng duyệt gần đây.

Lần thứ hai dứt thì lại tiếp một tràng pháo tay nữa không kém nhiệt tình. Theo lệnh của đài trưởng, tôi đồn thêm lần thứ ba, rồi lại phải đồn lại lần nữa...

Lần nào tôi cũng cố gắng đồn cho trọn vẹn, nhưng hầu như không có lần nào tôi thật hài lòng với mình cả. Đáng lẽ phải tập trung tư tưởng để thể hiện đúng tình cảm bài nhạc thì hình như tôi lại lo lắng đến vấn đề thành công hay thất bại nhiều hơn.

Đến lần thứ tư, đài trưởng ra lệnh đóng màn. Nhưng cánh màn sân khấu chưa kịp buông xuống thì các đồng chí bạn đã đứng cả dậy, chạy ùa lên sân khấu ôm lấy tôi thăm thiết, xúc động. Tôi lúng túng, ngược lên bắt gặp đôi mắt của đồng chí bạn long lanh ướt. Tôi bàng hoàng cả người, suốt 15 năm sống với sân khấu chưa bao giờ tôi gặp một đối tượng khán giả nào hoan nghênh mình nhiệt tình đến thế. Mặc dù tôi biểu diễn hay còn nhiều thiếu sót.

Cái cảm giác thấy mình không xứng đáng nhận phần thưởng ấy làm tôi ngỡ ngàng khó hiểu và chỉ có thể cắt nghĩa là các đồng chí ấy đã động viên công phu luyện tập của mình.

Đồng chí đoàn trưởng đoàn bạn đã kéo tôi xuống ngồi cạnh cho đến hết buổi biểu diễn hôm đó.

* * *

Sáng hôm sau, tôi tỉnh dậy, đầu óc còn chưa bình thường sau buổi biểu diễn đêm qua thì một tin mừng đột ngột đến với tôi. Tin vui như một luồng ánh sáng cực mạnh chiếu tới làm tôi bàng hoàng cả người. Tôi được Bác gọi lên để Bác hỏi chuyện.

Cái nguyện vọng chung của anh em miền Nam chúng tôi vẫn là ra Bắc sẽ được gặp Bác Hồ, nhưng không ngờ tôi lại được gặp Bác sớm như vậy, và đặc biệt, Bác lại gọi đích danh một mình tôi lên gặp. Còn có hạnh phúc nào lớn hơn không?

Tôi chưa kịp đứng dậy chào thì một tràng pháo tay đã rộ lên, nhất là từ hàng ghế các đồng chí bạn. Tiếng vỗ tay đòi tôi phải đồn lại lần thứ hai. Tôi tự nhắc mình phải tỉnh táo, không nên tự mãn với sự hoan nghênh động viên như thế này. Thật ra thì tôi đồn còn kém cả lần tổng duyệt gần đây.

Lần thứ hai dứt thì lại tiếp một tràng pháo tay nữa không kém nhiệt tình. Theo lệnh của đài trưởng, tôi đồn thêm lần thứ ba, rồi lại phải đồn lại lần nữa...

Lần nào tôi cũng cố gắng đồn cho trọn vẹn, nhưng hầu như không có lần nào tôi thật hài lòng với mình cả. Đáng lẽ phải tập trung tư tưởng để thể hiện đúng tình cảm bài nhạc thì hình như tôi lại lo lắng đến vấn đề thành công hay thất bại nhiều hơn.

Đến lần thứ tư, đài trưởng ra lệnh đóng màn. Nhưng cánh màn sân khấu chưa kịp buông xuống thì các đồng chí bạn đã đứng cả dậy, chạy ùa lên sân khấu ôm lấy tôi thắm thiết, xúc động. Tôi lúng túng, ngược lên bắt gặp đôi mắt của đồng chí bạn long lanh ướt. Tôi bàng hoàng cả người, suốt 15 năm sống với sân khấu chưa bao giờ tôi gặp một đối tượng khán giả nào hoan nghênh mình nhiệt tình đến thế. Mặc dù tôi biểu diễn hãy còn nhiều thiếu sót.

Cái cảm giác thấy mình không xứng đáng nhận phần thưởng ấy làm tôi ngỡ ngàng khó hiểu và chỉ có thể cắt nghĩa là các đồng chí ấy đã động viên công phu luyện tập của mình.

Đồng chí đoàn trưởng đoàn bạn đã kéo tôi xuống ngồi cạnh cho đến hết buổi biểu diễn hôm đó.

* * *

Sáng hôm sau, tôi tỉnh dậy, đầu óc còn chưa bình thường sau buổi biểu diễn đêm qua thì một tin mừng đột ngột đến với tôi. Tin vui như một luồng ánh sáng cực mạnh chiếu tới làm tôi bàng hoàng cả người. Tôi được Bác gọi lên để Bác hỏi chuyện.

Cái nguyện vọng chung của anh em miền Nam chúng tôi vẫn là ra Bắc sẽ được gặp Bác Hồ, nhưng không ngờ tôi lại được gặp Bác sớm như vậy, và đặc biệt, Bác lại gọi đích danh một mình tôi lên gặp. Còn có hạnh phúc nào lớn hơn không?

Tôi nhớ lại những ngày đầu kháng chiến, phân đội vũ trang đầu tiên của chúng tôi mới xây dựng, chúng tôi đã lấy tên là Phân đội Hồ Chí Minh. Chúng tôi lấy tên Bác đặt cho đơn vị để biểu lộ ý chí giữ gìn bằng được độc lập tự do mà Bác đã mang lại cho chúng tôi.

Các đồng chí cùng đơn vị cũng rất vui, rất mừng cho tôi được gặp Bác, các đồng chí xúm lại mặc cho tôi bộ quân phục mới nhất, ngấm vuốt cho tôi từng tý. Hình như qua sự chăm sóc cho tôi các đồng chí ấy cảm thấy mình cũng có phần được đi gặp Bác.

Gần 8 giờ sáng, một chiếc com-măng-ca đến đón tôi đi. Chiếc xe đi trong phố đông người mà tôi tưởng như đi trong giấc mộng.

Nhưng... xe đã rẽ thẳng vào Chủ tịch Phủ rất nhẹ nhàng quen thuộc rồi đổ sát vào bậc thềm lên xuống.

Một đồng chí giúp việc Bác đưa tôi lên thềm, đi hết gian phòng lớn phía ngoài, chỉ cho tôi đi vào gian trong: “*Đấy, Bác đấy! Đồng chí cứ vào đi!*”

Tôi ngập ngừng hồi hộp chân bước cứ như chân của một đứa bé mới chập chững bước đi... Tôi vừa bước vào gian trong thì kìa... Đứng Bác kia rồi!

Bác đang sửa một chậu hoa đặt bên cửa sổ, xây lưng lại phía tôi.

Tôi sung sướng quá! Tim đập rất mạnh, lòng những muốn chạy ngay đến ôm chầm lấy Bác cho thỏa lòng mong nhớ Bác bấy lâu nay. Nhưng... mình làm như thế có đường đột quá có thất lễ với Bác không? Ôi! giá tôi được nhỏ lại như một em thiếu nhi thì dễ xử vô cùng. Bác sẵn sàng tha thứ cho những cử chỉ đường đột của em xuất phát từ tấm lòng yêu quý Bác.

Tôi khựng lại ngấm Bác không dám lên tiếng trước, trông Bác ung dung thanh thản như một cụ già quen bầu bạn với cây cảnh làm vui chứ không phải là một vị Chủ tịch nước hàng ngày bề bộn bao nhiêu công việc nữa.

Như cảm thấy có người đến, Bác quay lại nhìn thấy tôi, Bác cười hiền hậu.

- *"Kìa! Chú đã đến rồi à?"*.

Tôi chào Bác rồi lúng túng thưa:

- Báo cáo Bác, cháu được Bác gọi, cháu đã đến.

Bác biết tôi còn đang xúc động. Bác dắt tôi ngồi xuống chiếc ghế gần đó.

Bác hỏi tôi về tình hình tập kết, về sức khỏe của Ba, Má tôi. Ngồi thưa chuyện với Bác tôi hơi cúi đầu cung kính nhưng thỉnh thoảng lại phải dồm lên một cái. Lần đầu tôi gặp Bác mà sao tôi cảm thấy Bác gần gũi và thân thiết lạ thường. Bác vẫn mặc bộ ka ki bạc màu như trong ảnh, tóc Bác phía dưới còn hoa râm nhưng phía trên thì đã hoàn toàn bạc trắng, da mặt Bác nâu hồng như da các cụ già miền biển.

Bác bảo: *"Hôm qua cháu phục vụ các đồng chí Liên Xô được hoan nghênh lắm, nên hôm nay Bác gọi đến để hỏi chuyện"*.

Thấy tôi chưa thật được thoải mái, Bác nói thêm: *"Cháu về thăm Bác hôm nay như về thăm gia đình, cứ nói chuyện tự nhiên, không phải bỡ ngỡ gì. Cháu về gặp Bác cháu có mừng không?"*

Đến lúc Bác nắn nắn cánh tay còn lại của tôi như người cha lâu ngày mới gặp con, muốn xem con ốm mập ra sao thì tự nhiên nước mắt tôi trào ra không ghìm lại được nữa.

Bác ân cần và nhân hậu hơn cả một người cha: *"Cháu bị thương từ hồi nào? Cháu tập đàn một tay thế có gian khổ không?"*.

Bác bảo tôi cứ kể chuyện thoải mái, Bác sẵn sàng nghe chuyện tôi cả sáng nay.

Thú thực, lúc được Bác gọi tới, tôi cứ tưởng mình chỉ được gặp Bác độ mười phút là cùng và trong khoảng thời gian quý báu ấy, tôi sẽ được nghe Bác dạy bảo là chủ yếu. Tôi có ngờ đâu thì giờ của một vị Chủ tịch nước quý như vậy, Người lại để ra một buổi sáng để hỏi chuyện tôi, một diễn viên nhạc bình thường như bao nhiêu anh chị em diễn viên khác.

Trước sự quan tâm của Bác, trước cặp mắt dịu dàng khuyến khích của Bác, những e ngại đầu tiên của tôi chợt tiêu tan.

Tôi nhận thấy ở Bác có cả sự độ lượng của người cha cộng với

tình yêu thương của người mẹ.

Tôi không nhớ hết lúc đó tôi đã kể để Bác nghe những gì, nhưng toàn bộ quá trình lớn lên của tôi điều cơ cực, tôi phải chịu trong chế độ cũ chột như có ánh sáng dội vào, cùng sống lại một lượt như một bức tranh. Bức tranh ấy thực tương phản hoàn toàn với hiện thực trước mắt, tương phản hoàn toàn với cái vinh quang của người nghệ sĩ mà tôi được hưởng đêm qua cùng với cái vinh dự lớn lao được gặp Bác hôm nay.

Ba tôi là một người đồn giỏi có tiếng ở Bến Tre hồi ấy, đồn giỏi mà vẫn nghèo, vẫn bị xã hội khinh rẻ vì cái nghề “*xướng ca vô loại*” của ông. Tài sản duy nhất ba tôi để lại cho tôi là lòng say mê âm nhạc từ thuở nhỏ.

Nhà nghèo, tôi chỉ được học chữ Nho hơn một năm rồi học chữ quốc ngữ biết đọc, biết viết.

Mười ba tuổi tôi đã phải đi làm để đỡ gánh nặng cho gia đình.

Tôi được gửi đi Rạch Giá, làm chân quét dọn ở nhà máy xay, không có lương, chỉ được nuôi cơm. Điều duy nhất an ủi tôi trong những ngày làm lao công, xa gia đình là những gánh hát từ Sài Gòn từ các tỉnh lân cận về diễn ở Rạch Giá. Hầu như không có buổi diễn nào tôi vắng mặt.

Những giờ nghỉ tôi thường ôn luyện lại các ngón đồn ba tôi truyền lại và bổ sung vào những điều học lỏm của mình.

Năm tôi 15 tuổi, ước mơ của tôi đã đạt được, gánh Chấn Hưng vào Rạch Giá diễn, gánh thiếu một chân đồn phụ. Sau khi thử nghề, tôi được nhận đồn cho gánh.

Với cái tuổi 15 của tôi, tay nghề chưa lấy gì làm xuất sắc mà được nhận vào một gánh hát như gánh Chấn Hưng quả là một điều may mắn lớn. Nhưng sau ngày tôi đạt được mơ ước không bao lâu thì tôi đã được ném ngay cái thực tế phũ phàng của nghề nghiệp.

Lúc đó có mấy tay đồn khá ở Rạch Giá cũng muốn vào làm cho gánh Chấn Hưng. Ông bầu của gánh đã gây chuyện kiếm cơ đuổi tôi để nhận người giỏi hơn. Thế là tôi thất nghiệp, quay về làm chỗ cũ không được nữa, tôi đành phải đi bộ về Sài Gòn với

hai bàn tay trắng. Đến nửa phải đi xin ăn, đêm thì chui vào đồng rơm một nhà nào đó mà ngủ.

Và cũng từ đó, tôi bước chân vào cuộc sống đầy bất trắc của những người nghệ sĩ trong chế độ cũ giữa thành phố Sài Gòn xa hoa. Tôi cấp đờn theo anh Mười Bòn, một người anh kết nghĩa của tôi, đi làm cho hầu hết các gánh hát ở Sài Gòn, Chợ Lớn.

Công việc thì không có đều, nay làm mai nghỉ. Tôi không được làm chuyên cho một gánh nào, chỉ đi “màn xế” nghĩa là ở đâu thiếu người đột xuất thì tôi mò tới, do đó đời sống lại càng bấp bênh.

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ. Chúng tôi như những cái lò xo bị nén lâu ngày đã bật cả dậy, say sưa lao vào cuộc chiến đấu. Khi Pháp gây hấn ở Sài Gòn, những người nghệ sĩ lớn lên trong lòng chế độ cũ chúng tôi không ngần ngại gì mà xếp lại cây đờn để cầm lấy vũ khí.

Những người có sức khỏe như tôi và anh Valentinô Tiến thì trực tiếp cầm súng. Những người yếu sức như anh Paul Thành, bác Ba Bằng thì tham gia những đội tuyên truyền văn nghệ. Anh Tiến trước là một nghệ sĩ ở Chợ Lớn, trong những năm kháng chiến đã hy sinh ở mặt trận Đồng Tháp Mười. Tôi cũng được vinh dự cống hiến một cánh tay cho sự nghiệp giải phóng quê hương. Tôi không sao nhớ hết được những gương chiến đấu, những mất mát hy sinh của nhiều anh em nghệ sĩ khác trên chiến trường Nam bộ.

Sau khi bị thương, tôi được chuyển về phụ trách một đoàn văn công. Các đồng chí chỉ huy cho rằng cho tôi về đây, được sống giữa không khí văn nghệ sĩ là một nguồn an ủi cho tôi, nhưng thực ra tôi đã rất khổ tâm trong thời gian đầu. Nghe tiếng đờn của anh em, lòng mình cũng như có tiếng đàn đáp lại, giống như những con chim sơn ca về mùa xuân, cả đàn hát, một con làm sao im tiếng được? Nhưng tiếng đàn của lòng mình không sao bật lên thành tiếng, không thoát ra được thì tiếng đờn ấy càng bứt rứt cồn cào trong ruột gan mình.

Sau những giờ công tác, tôi cứ ôm đờn nằm ngửa nhìn lên mái nhà, tay nhấn lên hàng phím cho đỡ nhớ. Thế rồi một hôm, khi

những ngón tay khác bấm, tôi lấy ngón út khẻ gảy lên khoảng dây đàn cạnh nốt bấm. Một âm thanh yếu ớt nhưng chính xác phát ra. Ốc tôi chợt lóe lên ý nghĩ: Tôi sẽ tập cho ngón út làm thay việc năm ngón bên bàn tay đã mất.

Và tôi bắt đầu lao vào một trận chiến đấu mới, chỉ có mình kiên trì đấu tranh với chính mình. Chính trong giai đoạn khó khăn này, lời khuyên của Bác luôn luôn vang lên bên tai tôi:

*“Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên”*

Sau gần 20 năm chơi đàn, nay tôi lại phải tập từ đầu. Những nốt, những câu dễ nhất lại thành khó gấp bội so với lần đầu mới học.

Lúc ấy tôi nghĩ: Mình hãy còn trẻ lắm, cho rằng tập mười năm nữa mới đánh được đàn thì cũng vẫn còn mang khả năng mình phục vụ được vài chục năm sau...

Trong những giờ phút gặp Bác, tôi xúc động vô cùng, không rõ tôi có kể được đầy đủ như thế không? Tôi chỉ cảm thấy hình như từ trước đến nay, ngay cả người thân nhất, chưa bao giờ tôi bộc bạch được hết những tâm tư sâu kín, những nỗi cay cực của người nghệ sĩ trong chế độ cũ và bước đường trưởng thành cùng cách mạng của tôi.

Đôi mắt Bác chăm chú nghe đầy thông cảm. Đến những cảnh khổ tôi phải chịu, mắt Bác long lanh chớp chớp. Qua đôi mắt ấy, tôi biết Bác đã hiểu hết tình cảm và tâm tư nguyện vọng của nhân dân miền Nam dù rằng trong những ngày gay go gian khổ Bác chưa vào thăm được.

Bác nghe chuyện tôi cả buổi sáng hôm ấy. Bác giữ tôi lại ăn cơm với Bác. Khi tôi xin phép Bác ra về để Bác đi nghỉ, Bác hỏi tôi: *“Bây giờ cháu tập đàn còn có khó khăn gì không?”*.

Tôi báo cáo với Bác là do tôi gảy đàn ở trên cần đàn nên tiếng không vang được, tôi đang hy vọng đoàn sẽ sắm cho cái máy tăng âm. Bác gật đầu và bảo tôi chiều lại đến đàn cho Bác nghe,

Bác muốn nghe riêng những bài tôi sẽ đờn tối nay. Tối nay là Bác thiết tiệc Đoàn nghệ thuật Quân đội Liên Xô.

Buổi chiều, theo lệnh Bác, tôi và anh Phan Nhưng đờn cò, cùng em Thiện – một em bé miền Nam có giọng hát hay, đến chỗ Bác.

Chúng tôi đến thì đã thấy Bác để sẵn cho chúng tôi cây đờn ghi-ta có cắm điện và bộ phận tăng âm. Chúng tôi hát và đờn những bài dân ca Nam bộ để Bác nghe. Sau đó Bác bảo tôi đờn riêng với cây đờn mới có cắm điện.

Tiếng đờn rung lên vang khắp căn phòng. Tôi sung sướng được đờn riêng để Bác nghe. Chính Bác đã dạy bảo tôi, khuyên nhủ tôi những lúc tôi chán nản mệt mỏi. Bây giờ Bác còn tạo cả hai phương tiện cho tôi để tôi có thể phục vụ được tốt hơn tối nay.

Tôi muốn nói lên lòng biết ơn vô hạn của tôi qua tiếng đờn, nói lên lòng biết ơn của những người nghệ sĩ trong chế độ cũ nhờ Bác, nhờ cách mạng đã được trả lại vị trí xứng đáng trong lòng mến yêu tôn trọng của nhân dân, nói lên lòng biết ơn và trông ngóng Bác của mười bốn triệu đồng bào miền Nam quê hương tôi đang không ngừng đấu tranh dưới nanh vuốt giặc.

Tôi đờn xong, Bác lại hỏi tôi tỉ mỉ lúc đầu tập thế nào, từ cách tập trung, tập nhấn, luyện lấy ra sao? Tôi thuật lại sơ qua quá trình luyện tập của tôi. Tôi báo cáo với Bác tôi đã nghiên cứu ra cách vừa bật, vừa gảy cả bốn ngón tay phối hợp với nhau thay cho cách gảy bằng ngón út lúc đầu. Kết quả cụ thể là tôi đã chạy được những câu nhanh, thậm chí có những câu đánh theo cách thông thường của tôi khi còn đủ hai tay thì lại không nhanh được bằng. Tiếng đờn của tôi lúc đầu còn yếu ớt như tiếng gà con mới nở, đến nay đã gọn, chắc, tràn đầy.

Nghe xong Bác hỏi tôi: *“Vì sao mà cháu kiên trì tập luyện được như thế?”*.

Tôi trả lời là có lẽ do lòng yêu nghề tha thiết, nhất là đối với nhân dân miền Nam, đờn hát cải lương là một món ăn tinh thần không thể nào thiếu được.

Tôi cũng báo cáo thật với Bác là trong những giờ luyện tập tôi luôn luôn nghĩ đến lời dạy của Bác:

*“Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền”.*

Bên cạnh đó lại được các bạn bè khuyến khích, ra biểu diễn được nhân dân yêu mến động viên.

Sau buổi phục vụ, Bác khen tôi có chí rồi Bác thưởng cho cây đờn và chiếc máy tăng âm mà tôi ao ước từ lâu. Tôi sung sướng cấp cây đờn Bác cho, anh Phan Nhung xách bộ máy tăng âm. Tuy không nói ra nhưng tôi đã thầm hứa với Bác: *“Suốt đời cháu sẽ cố gắng để xứng đáng được sử dụng, giữ gìn những vật quý Bác cho này”.*

Khi chúng tôi ra về để chuẩn bị cho buổi tiếp xúc tối nay, Bác dặn chúng tôi:

- *“Các cháu được các đồng chí Liên Xô rất yêu mến vì các cháu thay mặt cho quân đội ta, cho nhân dân ta bấy nhiêu cho nên các cháu phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ”.*

Dọc đường về, từng lời từng ý Bác dặn cứ vang lên bên tai tôi và đến lúc đó tôi mới thấm thía ý nghĩa của từng lời Bác dặn:

- *“Các cháu được các đồng chí Liên Xô rất yêu mến vì các cháu thay mặt cho quân đội ta, cho nhân dân ta...”.*

Tôi chợt giải đáp được cái ngỡ ngàng khó hiểu tối qua của tôi khi được các đồng chí Liên Xô hoan nghênh với một cảm tình nồng nhiệt.

“Người ta càng yêu các cháu bao nhiêu, người ta lại càng yêu quân đội ta, nhân dân ta bấy nhiêu cho nên các cháu phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ”.

Nếu như chúng tôi cố gắng để có một số thành công nào đó thì chính những thành công ấy đã góp phần – từng chút một – vào thành quả cách mạng chung của cả đất nước, của cả dân tộc.

Qua lời dạy của Bác, tôi thấy rõ vị trí của người nghệ sĩ nằm ngay trong vận mệnh của dân tộc. Cá nhân và tập thể gắn bó với nhau, bồi bổ lẫn cho nhau. Có thể lớp con cháu mình sau này sẽ thấy điều đó như sự tất nhiên, nhưng với tôi, người đã trải qua

một nửa tuổi thanh xuân của mình trong sự nhục nhằn đau xót cũ, tôi rất thấm thía điều này.

Lời Bác giản dị mà sâu sắc biết bao!

Khỏi phải nói tới hôm đó khi được đánh cây đàn Bác cho, sau một ngày gần Bác, được Bác quan tâm săn sóc, khuyến khích, dạy bảo, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ như thế nào.

Tiếng đàn tôi như được chấp thêm cánh, tôi đàn rất say sưa hào hứng với lòng tự hào về quân đội mình, nhân dân mình. Những bờ ngõ rụt rè lo lắng đến sự thành công, thất bại cá nhân đêm hôm qua không còn nữa.

Hình như tiếng đàn của tôi đã phần nào kể được cho các đồng chí nghe về những gian khổ đau thương nhân dân ta đã vượt qua với nghị lực phi thường, kể cho bạn nghe những trận công đồn, bóng những người xung kích vút lao qua ánh lửa, người trước ngã xuống, người sau xốc tới... Tiếng đàn nói lên quyết tâm sắt thép của chúng tôi với sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa...

Có đồng chí đi dự cả hai buổi về bảo tôi: *“Chỉ có thêm bộ phận tăng âm mà tiếng đàn của cậu xuất sắc hơn hẳn đêm qua. Chính các đồng chí Liên Xô cũng ngạc nhiên về sự tiến bộ của cậu”*.

Có lẽ chỉ có tôi mới hiểu không phải tiếng đàn của tôi chỉ được tăng cường âm lượng, mà chủ yếu nhờ Bác, nó được tăng cường nội tâm, tăng cường ý thức và dũng cảm của người biểu diễn.

Suốt mười bốn năm qua, cây đàn và bộ máy tăng âm Bác cho, cánh tay phải Bác chấp lại cho tôi, lúc nào cũng ở bên tôi qua hàng nghìn đêm biểu diễn.

Tôi nguyện sẽ đem cả cuộc đời làm nghệ thuật của tôi để thực hiện những ước mơ cao đẹp mà Người đã dẫn dắt tôi đi từ một phần tư thế kỷ nay.



BÁC VỀ

ĐOÀN HÙNG

Bác về Đồng Tháp Cửu Long
Mùa xuân mở hội non sông huy hoàng
Trời xanh biếc, từng đàn chim trắng
Sóng Hàm Luông ôm nấng Thái Bình
Cây khô, cây lại đâm cành
Lòng người bay bổng hóa thành cờ sao

Bác về đó xôn xao mặt đất
Bầy hung nô đã cắt sạch rồi
Bấy lâu khát vọng làm người
“Tự do, Độc lập” đáp lời ngàn năm

Quét sạch hết tối tăm, khổ nhục
Nhổ rào gai chia cắt mặt lòng
Lúa thơm, lúa trở về đồng
Nhà xưa mái ấm, bếp hồng lửa cơm

Nhưng còn lũ ác ôn quạ cất
Làm màu đen che lấp mặt trời
Lòng ta chân lý sáng ngời
Ân cần Bác dặn: Nhớ lời tiến công

Sức ta lớn ngàn năm dồn lại
Thế ta cao như dãy Trường Sơn
Đường đầy cỏ lạ hoa thơm
Càng cao độ lửa, càng thêm tuổi vàng

Bác về đó gọi đàn con Lạc
Đoàn kết nhau gánh vác non sông
Tiếc thương từng giọt máu hồng
Trăm mạch rồi cũng chảy dồn về tim

Cửa hạnh phúc đoàn viên rộng mở
Hòa hợp nhau xóa bỏ hận thù
Xóa chia ly – xóa ngục tù
Mang mùa xuân tới, mây mù tiêu tan

Bác về đó, Thủ đô lộng lẫy
Những tháng năm thay đổi diệu kỳ
“Pháo đài bay” lát dưới chân đi
Ba Đình đẹp nắng, uy nghi cờ hồng

Nhà máy mới rộn ràng nhả khói
Ruộng đồng đua mười tấn vươn cao
Một ngày bằng chục năm nao
Con đường Nam Bắc biết bao nhiêu tình

Bác về đó – đức tin dân tộc
Bác về trong độc lập tự do
Bác về áo ấm cơm no
Bác về Nam Bắc hát ca thanh bình

19/5/1973

(Báo Giải phóng Trung Nam bộ)



TRONG TÙ ĐỂ TANG BÁC

PHẠM KHẢI HOÀN

Màn đêm từ từ phủ trùm trên cái nhà tù mà bọn ngục ở Côn Đảo đặt tên là Trại 7.

Không một bóng người qua lại. Thỉnh thoảng vài tiếng keng “beng, beng” được những tên lính gác đánh lên như những tiếng ho của người sắp tắt thở. Xa xa, ở vòng rào thứ nhất, ánh sáng đèn điện bóng tròn đủ để quan sát chung quanh rào.

Nói là một cái nhà tù nhưng thật ra là một trại dã chiến, nó được dựng lên do chính sách “bắt lắm hơn thả lắm” của Mỹ - ngục. Từ sau Tết Mậu Thân, các nhà tù ở đất liền đầy ắp những người bị bắt, số tù nhân hoàn thành các thủ tục được di tản ra đảo để “nhường chỗ” cho người mới bị bắt ngày càng nhiều. Hàng trăm cái lều bạt được dựng lên trên nong cát nằm bên trong hàng chục hàng rào dây thép gai bao bọc. Ở Côn Đảo có tới hai trại dựng lên cấp tốc như vậy, cũng năm 1969 bắt đầu khởi công xây dựng Trại 8 kiên cố, có sức chứa hàng chục ngàn người.

Tiếng keng “giới nghiêm” đã lâu mà chúng tôi chưa ngủ được, vì nóng nực, rệp cắn, chỗ nằm chưa yên vì những miếng vạt sập bằng cây đung đỉnh to cỡ ba bốn ngón tay không róc vỏ được trải lên trên một lớp bao bố tời. Bỗng tiếng động cơ xa xa càng rõ

dẫn rồi quần mấy vòng; chúng tôi nói với nhau :

- Có gì đây mà C47 quần đảo ban đêm?

- Nghe đây, nghe đây! Các bạn nghe đây! Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ trần vào ngày ba tháng Chín.

Nó lặp lại vài lần như vậy rồi bay đi nơi khác,

Không ai bảo ai điều gì. Nhiều người ngồi dậy hút thuốc, phút chốc cả căn phòng như bầu trời đầy sao. Người thì ra vào tiểu tiện có vẻ khác thường.

Một tên trật tự ở bên phòng riêng của hấn nói vọng ra :

- Không được lộn xộn nghe chưa!

- Lại đôn tâm lý, nhưng quá quắt đấy! – Một người tù nói trong bóng tối.

Tôi bàng hoàng suy nghĩ chẳng lẽ thật vậy sao? Dối trá xuyên tạc là bản chất của kẻ địch, có thể đây là đôn tâm lý nhưng... có bao giờ chúng nó dám động tới Bác Hồ dù chỉ một lời bôi nhọ. Cuối cùng tôi tự an ủi mình: Chắc Bác đi làm nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nào đó hoặc đi vận động cách mạng ở châu Mỹ, châu Phi gì đó. Trung ương ta đưa tin đánh lạc hướng đế quốc Mỹ và các thế lực phản động... thôi.

- Ngủ đi mấy cha nội! Lộn xộn chết cả đám nghe chưa? - Một tên trật tự nhắc nhở.

Mặc kệ, có lẽ mỗi người một suy nghĩ, nhận xét.

Trời chưa sáng, chúng tôi thức dậy nhưng vẫn ngồi tại chỗ. Nghe tiếng keng, hai người trực nhật đi lãnh cháo sáng về để đó, chỉ có vài người đem ca lại mức chút ít, có lẽ vì họ quá đói.

Không khí nặng nề, thời gian chậm lại. Ai nấy cũng buồn.

Hôm sau tên giám thị đưa cho tên trưởng trật tự bản danh sách. Tên này đi vào lều chúng tôi.

- Im lặng! Mấy người có tên trong danh sách này chuẩn bị về đất liền.

Tôi hoài nghi: Bộ muốn bắt tù làm lính tiến công miền Bắc. Có gì đây?

Ba giờ chiều hôm ấy chúng tôi được đưa xuống tàu, gần tới hôm sau mới cập bến Bạch Đằng (Sài Gòn). Một tốp xe cam nhông chở chúng tôi về khám Chí Hòa.

Sau đợt đấu tranh mạnh mẽ của chị em tù nhân ở Thủ Đức, Mỹ - nguy sơ tán bớt lực lượng của các chị về Chí Hòa (trước đây chỉ giam tù nhân nam). Chúng tôi bước rầm rập ngoài hành lang trong ánh điện lơ mờ, không hiểu các chị làm thế nào mà trên cửa sổ cao 2,5 tới 3 mét đều có một vài chị hỏi chuyện chúng tôi. Sau này gặp các chị khi đi xách nước tôi mới biết các chị chen vai nhau đứng lên cửa sổ, tôi trách:

- Làm vậy nguy hiểm quá!

- Tụi tôi đấu tranh mạnh với chúng ở Thủ Đức, chúng đưa tụi tôi về đây không liên lạc với ai. Đêm tôi nghe các anh đi rầm rập tụi tôi biết là đông và chắc là thứ "dữ" có lẽ ở Côn Đảo về nên phải tìm cách để biết và phối hợp hành động chứ!

Chúng tôi được dồn vào một phòng thật rộng, sau đó được chặn từng tốp năm, mười, hai mươi, ba mươi người để bổ sung vào các phòng còn ít tù nhân, Tốp của tôi gồm khoảng ba mươi người, trong đó có lọt sáu tên trước đây ở đảo làm trật tự hà hiếp chúng tôi (bọn hần là tù thường phạm và quân phạm).

Các anh em tù nhân Chí Hòa ở trong phòng có vẻ mừng đón chúng tôi khi chúng tôi mới vào phòng. Không ai nói gì nhưng họ chỉ chỗ cho chúng tôi nghỉ. Lát sau có tên trật tự đi qua hành lang bảo:

- Sắp xếp đồ đạc nhanh lên chuẩn bị ngủ.

Nhiều anh em chúng tôi nằm đó nhưng không ai chợp mắt. Dẫn đo điều gì sẽ xảy ra đây.

Sáng sớm thức dậy tôi để ý thấy các anh ở đây bình thường quan hệ với chúng tôi. Riêng chúng tôi còn dò xét, cái cảm giác đầu tiên làm cho tôi dễ tin là việc ăn ở của các anh rất gọn gàng, sạch sẽ đẹp chứng tỏ có tổ chức, có lãnh đạo chứ không phải loại tù tạp nhạp. Trong số ấy tôi nhận ra chú Út Hảo nguyên là Tỉnh ủy viên của Bến Tre, riêng chú thì không biết hay quên tôi không thấy chú để ý.

Sau bữa cháo sáng một người trong số họ nói với chúng tôi:

- Giới thiệu các anh đây là anh Xuân quê ở Kiến Phong, anh Thành ở Đà Nẵng, hai người được chúng tôi cử ra làm đại diện và phó đại diện. Đây là anh Tư, anh em cử làm quản lý, có nhiệm vụ nhận hết quà của gia đình thăm nuôi (trừ tiền và thuốc hút) rồi sắp xếp cái nào ăn trước, cái nào ăn sau, cái nào để dành... tất cả đều chia đều ra các mâm, anh em cũng được ăn.

Nhìn cách sinh hoạt, đối xử với nhau tôi tin rằng các anh là người tốt. Tôi càng lưu ý một sự kiện: Có một tù nhân tên Chơi trong khi ra hành lang nói chuyện với người khác phòng, anh phó đại diện hỏi: *"Anh nói chuyện với ai?"*. Chơi tưởng rằng mình bị trật tự theo dõi nên chối và thanh minh.

- Em đâu có nói gì?

Anh phó đại diện vẫn nhìn Chơi. Chơi tiếp:

- Em là chiêu hồi đâu có liên hệ gì, chỉ nói chuyện chơi.

Anh phó đại diện nắm lấy tóc Chơi, dấm mẩy dấm vào người Chơi, nói gần từng tiếng một:

- Chiêu hồi cho mày chiêu hồi. Thứ chiêu hồi mà cũng xưng danh. Thế là chúng tôi *"bắt bớ"* ngay.

- Ở ngoài đảo các anh có để tang Bác chưa? - Một anh hỏi.

- Tụi nó thông báo Bác tử trần, đâu biết thiệt giả. Các anh được tin ngoài chưa? - Tôi đáp và hỏi.

- Đúng là sự thật, bên ngoài bảo vào. Chúng tôi liên lạc với các khu, các phòng để tang đồng loạt để căng sự đối phó của địch ra. Chúng tôi đã thông báo cho bọn giám thị là chúng tôi xin để tang lãnh tụ của mình trong vòng 7 ngày. Thông báo như vậy cũng là thông báo cho các phòng, các khu và có ý dò xét thái độ của địch.

- Vậy là tốt quá!

- Ai có áo đen mới nhất? Chiếc áo của Trung, gia đình mới thăm nuôi được xẻ ra từng mảnh nhỏ, chuyển lên gắn lên áo bên ngực trái.

Bọn giám thị không trả lời gì cả. Sáu ngày lặng lẽ trôi qua.

Hơn 7 giờ sáng ngày để tang thứ bảy, lính cảnh sát dã chiến mà chúng tôi gọi là lính dù (vì nó mặc đồ bông vải dù) tràn vào phòng chúng tôi. Một bên giựt tấm ảnh Bác do chúng tôi vẽ, chúng dùng dùi cui, đánh túi bụi vào chúng tôi. Chúng tôi chẳng để mình ăn đòn một cách dễ dàng, vừa đỡ, vừa né, đập đá lung tung chống trả lại chúng, cuối cùng bọn chúng rút lui. Chúng tôi bị đánh nhiều nhưng nặng nhất chỉ có anh Thành lỗ đầu, chú Út Hảo đập tay.

Sau đó chúng mời ban đại diện ra gặp chúng trên ban giám thị, chúng tôi ở nhà hô to:

- Đả đảo đàn áp! Đả đảo đàn áp, không được bắt người?

Phòng nào cũng hét lớn, phòng nữ ở riêng biệt cũng hét lớn, hỗ trợ chúng tôi.

Liên sau đó chúng đem trả lại anh Xuân, anh Thành cho chúng tôi sau khi chúng đã đánh các anh vài chục cây ba trắc. Một tên giám thị bảo với giọng xoa dịu:

- Hồi này có ai bị thương đi bệnh xá băng bó.

- Để chúng tôi lo và chúng tôi tự điều trị lấy.

Sáu tên trật tự còn tạm chung sống với chúng tôi trong khi chưa điều chỉnh danh sách là cái gai trước mắt chúng tôi. Nhưng trước những ngày đau thương của dân tộc hãy để nó qua một bên. Song chúng nó cũng biết số phận của chúng nó, có tên thừa lúc ra hành lang lén trốn lên xin Ban giám thị cho điều chỉnh sớm.

Một người đi xách nước dưới tầng trệt làm bộ đi lộn ghé vào phòng giám thị quay ra liền nhưng anh ta nghe được tên trật tự báo cáo.

- Tụi em không phải là tù chính trị, ở chung với họ khó quá,

Tên giám thị cầm tờ giấy có lẽ danh sách sáu tên trật tự, đến cửa phòng nói:

- Máy người có tên lấy đồ sang phòng khác.

- Khoan đã trước đây làm ông, làm cha người ta ngoài đảo bây giờ biết sợ rồi hử, Thằng nào hồi đó hăm he chúng tôi "... tụi bay

làm gì được tao, tụi bây có gan tao cũng có gan, làm con mẹ gì...”

Sáu tên khi nghe gọi tên mình đi lại lấy đồ bước ra cửa nhưng cánh cửa bị khép chặt tự bao giờ,

- Đánh!

Chỉ vài phút thôi, Một tên nằm sòng soài, ba bốn tên kêu la và năn nỉ:

- Tha tôi các anh ơi! Tôi sắp được trả tự do...

Tên giám thị đứng ngoài lớn tiếng với chúng tôi :

- Xin các anh hãy bỏ qua chuyện cũ.

Chúng tôi cười reo nhưng do tiếng dội ồn ào, các phòng khác tưởng chúng tôi bị đàn áp nên cũng lớn tiếng “dã đảo đàn áp” liên tục, ở tầng trệt các chị phụ nữ tay xách chổi, người đập thau, thùng xách nước tỏ thái độ ủng hộ chúng tôi. Cả khu Chí Hòa như rung chuyển. Thấy vậy, chúng tôi im lặng để trả lời là mình không bị đàn áp. Sau đó đưa tay ra song sắt vỗ tay đồng loạt. Các nơi khác biết vậy cũng vỗ tay và hoan hô rền trời,

Sau ngày hôm đó chúng tôi hoàn toàn chủ động mọi việc, muốn làm gì thì làm.

Tám ảnh Bác nét vẽ chẳng mấy khéo tay được để trên một đồng hồ đặc có phủ tám vải chần bông, giống như một cái bàn thờ, vài chiếc bông được làm bằng giấy màu, cắm trong chai thuốc bằng nhựa đặt bên ảnh Bác.

Đêm đêm, anh Cẩm (quê ở Vĩnh Phú) ngồi chính giữa phòng với ly nước chanh “*Chiếu phim*” cho cả phòng nghe. Anh có khiếu kể chuyện, anh kể lại chuyện trong phim, trong tiểu thuyết, trong sách rất hay, đặc biệt anh kể về chuyện Bác Hồ nghe rất cảm động.

Bầu không khí sinh hoạt bắt đầu thay đổi. Người thì được phân công chịu trách nhiệm dạy văn hóa. Người thì được phân công sáng tác hoặc ghi lại các tuồng kịch, bài hát để sinh hoạt văn nghệ sau này và dịp Tết đến.

Trong phiên họp thường kỳ với các đại diện phòng, tên giám thị trưởng khu phát biểu:

- Mấy anh làm gì thì làm đừng bạo động thôi...

Hai tên trật tự đi ngoài hành lang nói với nhau:

- Cụ Hồ của nó chết. Nó làm dữ quá!

Trong điều kiện thiếu thốn, khó khăn chúng tôi để tang Bác theo cách nghĩ của chúng tôi, Bác qua đời. Đau thương này vô cùng to lớn. Đau thương ấy đã biến thành sức mạnh cho chúng tôi đoàn kết đấu tranh đòi Mỹ – Ngụy cải thiện chính sách đối với tù nhân và không được can thiệp vào mọi sinh hoạt của chúng tôi.



TẬP 2



Tái bản, bổ sung lần thứ nhất - Năm 2020 ♦ 191

Ký

BÁC HỒ TRONG LÒNG NHÂN DÂN BẾN TRE

ĐOÀN TỬ

Đôi không sao quên được những ngày tháng 5 lịch sử năm 1975, trên ba dải cù lao Bến Tre rợp trời cờ hoa, từng lớp sóng người cuộn cuộn đi khắp phố phường hát vang bài ca “*Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng*”. Những câu hát làm xúc động lòng người một cách kỳ lạ. Niềm vui sướng trào ra nước mắt, tưởng như có Bác Hồ đi đầu trong đội ngũ, dáng đứng cao lộng nhìn đàn con cháu hả lòng, hả dạ, miệng Bác nở nụ cười lung linh chòm râu bạc cùng vui chung trong ngày đại thắng.

Ngày độc lập thật sự đây rồi! Đất nước ta đã sạch bóng quân thù. Trong lòng mỗi người dân Nam bộ ai lại chẳng bồi hồi, xúc động khi nghĩ đến những lời mong ước thiết tha của Bác năm nào: Khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng, Bác sẽ về thăm đồng bào Nam bộ, thăm các cụ bô lão, thăm các cháu thanh niên, nhi đồng... Đồng bào Nam bộ sẽ thay mặt Quốc hội trao tặng Bác Huân chương “*Sao vàng*” của Tổ quốc. Suốt mấy mươi năm ròng rã kháng chiến gian khổ, hy sinh hết đánh Tây, đuổi Nhật đến đánh Mỹ cứu nước giải phóng quê hương, đồng bào Bến Tre cũng chỉ mong ước có ngày rước Bác Hồ về thăm. Trong những ngày khó khăn ác liệt nhất hay khi chuyển thế cao trào, Đảng bộ và quân dân Bến Tre luôn thấy có Bác Hồ bên mình san sẻ biết bao cay đắng, ngọt bùi và tiếp thêm niềm tin, sức mạnh để chiến thắng kẻ thù. Bác như có mặt ở khắp nơi, ngoài mặt trận, trên ruộng đồng, trong lao tù hay bất cứ ở đâu u ám quân thù hay đau thương, nghèo khổ. Lời Bác khi tha thiết ân cần,

động viên, an ủi, lúc thì nghiêm khắc dạy bảo, khi thì răn rỏi, hùng hồn như giục giã xung phong... Bác là chân lý sáng ngời, là niềm tin, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, của tư tưởng tiến công cách mạng không ngừng, của tinh thần kiên trung bất khuất, ý chí tự lực tự cường.

*...Ai đi yết kiến cụ Hồ
Cho tui nhắn gởi, dặn dò đôi câu
Xa Cha gần giặc mặc dầu
Lòng son, dạ sắt con nào dám quên*
(Ca dao Bến Tre)

Trong gian nguy, người dân Bến Tre đối với Bác Hồ là tấm lòng thủy chung son sắt với Đảng, trung với nước, hiếu với dân, “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.

Trong một bức thư của Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Bến Tre, thay mặt nhân dân trong tỉnh báo cáo lên Hồ Chủ tịch và đồng bào Vinh Phú kết nghĩa, đồng bào miền Bắc ruột thịt về thắng lợi của mình trong cuộc tổng tấn công nổi dậy mùa xuân Mậu Thân năm 1968 có đoạn viết:

“...Với niềm hân hoan, chúng cháu xin báo lên Bác, đồng bào Vinh Phú kết nghĩa và đồng bào miền Bắc ruột thịt thành tích tháng 2 năm 1968... Chúng cháu đã diệt và bắt sống 5.274 tên địch; có 3.078 binh sĩ, sĩ quan, cảnh sát bỏ ngũ; bức rút, bức hàng 136 đồn bót,... thu 1.000 súng các loại. Riêng thị xã Bến Tre, chúng cháu diệt 4.210 tên địch – trong đó có 720 tên Mỹ.

Thưa Bác!

Chắc Bác đau lòng và lo ngại cho chúng cháu trước tin bọn Mỹ - Thiệu, Kỳ và tên Tỉnh trưởng Dũ tàn sát đẫm máu đồng bào Bến Tre. Chúng đã giết chết và làm bị thương trên một ngàn người, hủy hoại gần ba phần tư thị xã... Nhưng chúng không khuất phục được đồng bào ta mà trái lại, đồng bào ta càng căm thù, đã nổi dậy chưa từng có...”.

Bức thư còn báo lên Bác những tấm gương chiến đấu anh hùng của quân và dân thị xã Bến Tre như sau: “...Có những cháu học sinh 15, 17 tuổi bắt sĩ quan địch, chiếm đài phát thanh; có những đoàn học sinh gái làm công tác phóng thanh, loan tin chiến

thắng, phát “Cương lĩnh Mặt trận” trên các đường phố. Bảy cô du kích suốt ngày chiến đấu đẩy lùi một tiểu đoàn lính ngự, giữ vững trận địa cầu Cá Lóc, ba nhà sư tiếp đạn trong nội ô...”. Đoạn cuối thư viết: “...Chúng cháu xin hứa với Bác: Với niềm phấn khởi và tin tưởng tuyệt đối ở sự lãnh đạo của Đảng, chúng cháu nguyện nghiêm chỉnh học tập và làm theo lời dạy của Bác trong bức thư ngày 4 tháng 2 năm 1968 là mỗi cán bộ, mỗi chiến sĩ, mỗi đơn vị, mỗi người, mỗi địa phương, mỗi ngành nghề - tất cả 65 vạn nhân dân Bến Tre kiên quyết phát huy tinh thần Đồng Khởi, vượt mọi khó khăn, ác liệt hy sinh quyết làm tròn trách nhiệm của mình giải phóng hoàn toàn thị xã Bến Tre, các quận lỵ và toàn bộ nông thôn, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”.

Hôm nay đất nước ta đã hoàn toàn độc lập, tự do, Tổ quốc ta đã được thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bác Hồ của chúng ta đã đi xa – Bác đi theo cụ Các Mác, Lê-nin, các nhà cách mạng tiền bối hay Bác là vì sao sáng trên trời nhưng Bác mãi mãi là chân lý sáng ngời trong lòng dân tộc Việt Nam, trong lòng của giai cấp công nhân Việt Nam, và trong lòng nhân loại cần lao bị áp bức trên toàn thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam, người Thầy, người Cha mãi mãi ở trong tim của mỗi người dân Việt Nam. Người đã hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội.

Chân lý Bác bao giờ cũng giản dị, cụ thể, trong sáng nhưng thật là vĩ đại: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” – Trên tuyến đầu chống giặc đói, giặc dốt, giặc nghèo nàn lạc hậu để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương Bến Tre hôm nay cũng không kém phần khó khăn, gian khổ phức tạp. Mỗi người dân Bến Tre như cảm thấy bên mình vẫn luôn có Bác dẫn dắt đàn cháu con xây dựng lại quê hương cho “to đẹp, đàng hoàng hơn”, có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

Bao nhiêu khó khăn, thiếu thốn buổi ban đầu xây dựng ta thấy như có Bác cùng đồng bào ta san sẻ, ấm lạnh, ngọt bùi. Lời

Bác dạy: “Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền...” đã giúp già hàng chục vạn trai gái Bến Tre dũng cảm, kiên cường xông lên phía trước đi đầu trên mặt trận tuyến quân làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, làm thủy lợi, sản xuất xây dựng để ngày mai có những con kinh dài thẳng tắp đem nước ngọt về đồng, để mọc lên mùa lúa mới trĩu bông, những cánh đồng hợp tác rộn ràng tiếng máy... niềm vui, hạnh phúc tràn trề đến với mọi nhà. Trong nhà máy, cơ quan, xí nghiệp, học đường, ở đâu có Bác là nơi đó dấy lên phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, hăng say lao động, học tập, công tác, tăng năng suất không ngừng, mọc lên những tấm gương anh hùng lao động, tiên tiến như hoa mùa xuân.

Càng kính yêu Bác Hồ bao nhiêu, chúng ta càng yêu mến chủ nghĩa xã hội bấy nhiêu, càng căm thù chủ nghĩa đế quốc và mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng quan liêu, cửa quyền bóc lột, gian dối, lừa đảo bấy nhiêu.

Hình ảnh Bác Hồ không phải là những thần tượng thờ nơi lăng miếu để mọi người ngày ngày đến cúng viếng, ngưỡng mộ như một vị thần linh hay miệng nói lâu lâu những lời Bác dạy mà lòng dạ thì u tối, xấu xa đầy tham lam ích kỷ. Chân lý của Bác đến với chúng ta rất giản dị, trong sáng bằng sự chăm lo từng chén cơm, hạt gạo, manh quần, tấm áo, từng viên thuốc, cái chữ, việc làm cho dân, bằng tinh thần phê bình, tự phê bình xóa bỏ cái xấu, cái nghèo nàn lạc hậu, tiếp thu cái mới, cái đẹp cái văn minh tiến bộ bằng sự đấu tranh tất thắng của con người với thiên nhiên và xã hội.

Trước mắt ta, tuy còn nhiều khó khăn, gian khổ, kẻ thù trong ngoài còn nhiều âm mưu thâm độc nhưng con đường đi tới chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta không gì lay chuyển được. Bác Hồ của chúng ta đã đi xa nhưng còn để lại cho toàn Đảng, toàn Quân, toàn Dân ta muôn vàn tình thương yêu và những di sản bất diệt của tư tưởng Mác – Lê-nin vô địch, tinh thần đạo đức cách mạng trong sáng tuyệt vời!

Ngày 19 tháng 5 năm 1977



BÁC HỒ TRONG TRÁI TIM NGƯỜI CỘNG SẢN LÃO THÀNH BẾN TRE

Bác LÊ HOÀNG CHIẾU *kể*
HUỖNH QUANG HẠNH *ghi*

 Tôi sinh năm 1903 trong một gia đình nông dân nghèo ở xã Phú Vang, huyện An Hóa (tức huyện Bình Đại ngày nay). Cha tôi là một nhà nho yêu nước.

Sống dưới chế độ thuộc địa, nửa phong kiến, dân làng Phú Vang sống cơ cực, lao động vất vả mà quanh năm vẫn nghèo đói. Ruộng đất Phú Vang tập trung trong một số gia đình giàu có. Bị tước đoạt hết ruộng đất, cộng thêm vào đó là chính sách thuế má nặng nề, nhất là thuế thân làm cho người dân điêu đứng trăm bề. (5 đồng một suất cho hạng hữu sản, 2 đồng 7 cho hạng vô sản). Chưa đủ, họ còn bị lớp điền chủ ở xã bòn rút bằng tô tức, bằng “địa tô phụ”, “làm khổng” trong những ngày giỗ, Tết. Bóc lột được của dân, chúng sống xa hoa, phè phỡn. Không những bị đói khổ mà phần lớn người dân Phú Vang đều mù chữ. Trong xã không một trường học, không một bệnh xá, đau ốm không có thuốc chữa bệnh.

Dốt nát, lạc hậu, cơ cực về đời sống dẫn đến mê tín dị đoan. Các tập tục lỗi thời, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè... lại được bọn cầm quyền khuyến khích để phục vụ cho chính sách ngu dân của chúng...

Tuổi niên thiếu của tôi đã trôi qua trong biết bao sự bất công ở Phú Vang và những nơi tôi đã đi đến.

Thuở nhỏ, tôi được cha mẹ cho đi học chữ nho và quốc ngữ. Tôi học giỏi nhưng vì nhà nghèo không thể lên tỉnh học, ở nhà giúp gia đình lo việc ruộng nương. Hằng ngày tôi nhìn thấy xung quanh mình toàn cảnh đói nghèo, khổ ải.

Nỗi đau khổ, bất hạnh của người khác làm tôi nhức nhối, đau khổ hơn cả nỗi khổ, bất hạnh của chính mình.

Vào những năm 1924 – 1925 tổ chức Nam kỳ Khuyến học phát triển mạnh trong nhiều xã ở An Hóa. Tôi và người anh của tôi tham gia hoạt động trong chi hội Nam kỳ Khuyến học xã Phú Vang và hằng hái tham gia các phong trào có tính chất quần chúng rộng lớn như: Phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh, đòi ân xá cụ Phan Bội Châu...

Cũng trong thời gian hoạt động này mà tôi đã được đọc, được nghe kể các tài liệu từ Pháp gửi về và người ta thì thầm một cái tên đập nhịp theo trái tim của họ: Nguyễn Ái Quốc.

Những bài báo ngắn gọn ấy sao lại có thể khuấy động tâm hồn, tâm hồn của người dân mất nước, của người lao khổ bị áp bức, bóc lột đến như thế. Mỗi lời nói, mỗi câu văn đọc lên như thúc giục mọi người hành động,

Chính ba chữ Nguyễn Ái Quốc với những tài liệu của Người đã dẫn dắt tôi sớm đi vào con đường cách mạng.

Giữa năm 1926, Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội đã xây dựng được nhiều cơ sở Nam kỳ. Một số đồng chí cốt cán của Hội được cử sang Quảng Châu học tập chính trị. Cũng chính thời gian này, tôi được đồng chí Lê Tấn Phát (Hương lễ Đấu) người ở Ba Tri giới thiệu vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội. Một điều sung sướng cho tôi khi biết tổ chức này do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập.

Đầu năm 1927, Kỳ bộ Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội Nam kỳ tổ chức chuyến thứ hai đưa những hội viên mới kết nạp sang Quảng Châu học tập. Chuyến đi này có các đồng chí Trần Ngọc Giải (Thuận Hòa), Trần Trương, Trần Văn Hoa (Hòe), Đồng Văn Sâm (Nhuận), Bùi Văn Thêm, tôi và một số đồng chí nữa. Chúng tôi tập trung tại cột cờ Thủ Ngữ (Bến Bạch Đằng, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay) để anh em thủy thủ đưa xuống tàu sang Trung Quốc.

Lần đầu tiên xa quê hương tôi không khỏi bùi ngùi xao xuyến. Nhưng thay vào đó là niềm vui của tình đồng chí, nỗi nhớ nhung ấy cũng vơi dần. Một tuần sau, tàu đến Quảng Châu, chúng tôi được anh em công nhân thay nhau dẫn đến điểm học. Ở đây có một vài người hỏi thăm chúng tôi về tình hình trong nước. Chúng tôi kể lại tình hình ở quê hương, nói rõ nghề nghiệp, động cơ của mình đi ra nước ngoài là muốn nắm vững đường lối chính trị để về nước hoạt động. Càng nói chuyện chúng tôi càng cảm thấy gần gũi, thông cảm nhau hơn.

Đến Quảng Châu hai hôm, Ban giám hiệu nhà trường tổ chức cho các học viên đi viếng mộ Phạm Hồng Thái ở Hoàng Hoa Cương.

Gần 30 học viên đứng quanh mộ lắng nghe đồng chí Hồ Tùng Mậu kể lại tiểu sử và gương hy sinh oanh liệt của Phạm Hồng Thái. Lúc ấy có bốn người đi tới, dẫn đầu là một trung niên mặc com lê màu đen và ba người mặc quân phục có lẽ là những học viên trường võ bị - tôi tự hỏi: "*Người đi trước là ai*" thì nghe phía sau tôi có tiếng xì xào: "*Đồng chí Nguyễn Ái Quốc*".

Tôi không nhớ một cách cụ thể hình dáng Bác lúc bây giờ, chỉ có ấn tượng là đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn trẻ, khi ấy Bác mới 35 tuổi. Người gầy nhưng khỏe mạnh, đôi mắt rất sáng.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc rất nhanh nhẹn hoạt bát mà vẫn ôn tồn. Bác hỏi thăm sức khỏe, điều kiện ăn ở, học tập của chúng tôi - Bác nói: "*Các chú đã tham gia cách mạng, trốn tránh bọn thực dân ra nước ngoài là chấp nhận gian khổ hy sinh để giải phóng dân tộc. Đã làm cách mạng thì phải biết nắm vững đường lối, chiến lược sách lược - chiến lược của ta là đánh đổ đế quốc phong kiến giành độc lập tự do cho dân tộc*".

Thái độ ân cần niềm nở đặc biệt của Bác đã tạo nên bầu không khí thoải mái, thân ái ngay từ phút đầu gặp gỡ. Sau đó Bác căn dặn: "*Cách mạng phải trải qua nhiều khó khăn gian khổ, phong trào cách mạng có lúc lên cao xuống thấp, người cách mạng phải giữ vững lòng mình, phải rèn luyện cho mình có lập trường cách mạng vững vàng không vì khó khăn mà dao đảo ngã nghiêng đầu hàng phản bội lại lợi ích của cách mạng, phản bội Tổ quốc...*".

Người còn căn dặn Ban giám hiệu tổ chức tốt việc ăn ở, học tập, tạo điều kiện cho chúng tôi tiếp thu tốt chương trình học, nâng cao kiến thức, trình độ lý luận chính trị, nắm vững phương pháp công tác để sau này trở về nước hoạt động.

Tiếng nói thân thương, dịu hiền của Người cứ lắng đọng trong tôi từng tiếng, từng tiếng một.

Tôi thầm nghĩ: Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tiếng tăm như thế mà giản dị, khiêm tốn, thân mật vô cùng. Gặp được đồng chí tôi thấy tin đồng chí một cách đặc biệt như chưa bao giờ tôi tin ai như thế, và ấn tượng ban đầu về Người tôi đã khẳng định quyết tâm đi theo con đường của Người đã vạch ra.

* * *

Mãn khóa học tôi trở về nước, về quê hương gây dựng cơ sở, lập nên chi bộ đầu tiên của An Hóa, mười lăm năm sau Bến Tre cùng cả nước vùng lên làm cuộc Cách mạng Tháng Tám giành lại chủ quyền dân tộc. Rồi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, tôi cùng đồng đội đi suốt 30 năm chiến tranh tàn khốc cho đến ngày đất nước ta sạch bóng quân thù.

Mỗi chặng đường tôi đã qua, khó khăn chồng chất khó khăn, phải ăn bờ ngủ bụi, chịu đựng bom pháo, những đòn tra tấn trong ngục tù đế quốc. Niềm tin và những lời dạy của Bác như bức cảm nang quyết định mọi thắng lợi trong công tác của tôi.

Kết thúc buổi tiếp xúc, Bác Lê Hoàng Chiếu đã nói với chúng tôi:

- Với Bác Hồ: Uyên bác mà giản dị, nguyên tắc và tình thương, lòng nhân ái, niềm tin ở nhân dân, tin ở mục đích cuối cùng của cách mạng. Phải chăng với chúng ta hiện nay điều đó vẫn nóng hổi tính thời sự?

Trong tình hình hiện nay của đất nước, cũng như nhiều đảng viên khác, tôi có suy nghĩ. Song tôi tin rằng con đường mà Bác Hồ chỉ ra là không thể đảo ngược.



ĐỒNG BÀO PHẬT TỬ MỎ CÀY VỚI BÁC HỒ

Người lược ghi **LÊ VĂN SƠN**
(Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Mỏ Cày)

 ao Phật đã hòa nhập vào mạch sống dân tộc từ nghìn xưa dưới hình tượng các vị Bụt⁽¹⁾ chở che những người ngay lành, trừng phạt kẻ gian ác. Nền tin Phật là phải mang hạnh phúc đến cho đồng bào, bảo vệ đất nước⁽²⁾. Do đó qua những thời kỳ dựng nước và giữ nước, từng lúc các đệ tử nhà Phật đã góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng con người - xây dựng - bảo vệ quê hương, tiêu biểu như quốc sư Vạn Hạnh, Khuông Việt, Pháp Thuận, Tuệ Trung...

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, do đường lối cách mạng đúng đắn của Bác Hồ phù hợp nguyện vọng toàn dân nên đồng bào Phật tử nói chung, Mỏ Cày nói riêng đã tích cực đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc... Nổi bật miền Bắc có sư Trí Độ, sư Bích Liên, sư Liên Tôn... Ở miền Nam có quý thầy Thiện Hoa, Thiện Hòa, Trí Quang, Thiện Hào, Đôn Hậu, Thái Không, Thành Lệ, Thành Nghiêm, Thành Chiêu, Hồng Từ, Minh Nguyệt, Niệm Châu, Bửu Quang, Bửu Châu và ở Mỏ Cày, Bến Tre có sư Lê Khánh Hòa là bậc cao tăng. Người đề xướng ra phong trào “Chấn hưng Phật giáo”.

(1) Bụt: Phật, tiếng phương Bắc, xưa.

(2) Lời chư Phật dạy: “... chúng sinh là Phật sẽ thành... cung dưỡng chúng sinh tức cung dưỡng chư Phật”.

Sư Cụ Lê Khánh Hòa⁽³⁾ (trụ trì chùa Tiên Linh từ năm 1907) tham gia phong trào yêu nước từ lúc nào nay chưa rõ, nhưng những nơi còn tư liệu như trong tài liệu lịch sử xã Minh Đức, bài viết của sư Trưởng tử Thái Không⁽⁴⁾ và lời kể của các sư Thành Nghiêm, Thành Lệ, Niệm Châu, sư Bảy Hoàng, sư Năm Trí⁽⁵⁾, đồng chí Võ Văn Muôn (cán bộ lão thành xã Minh Đức), đồng chí Đức Tánh (nguyên Bí thư xã Khánh Thạnh Tân), chú Mười Thêm, cụ Hai Huồn (nguyên Chủ tịch xã Khánh Thạnh Tân) v.v... thì khoảng thời gian đầu năm 1927, Cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh đồng chí Nguyễn Ái Quốc - trên đường hoạt động cách mạng, đã lui tới sống dạy học tại chùa Tiên Linh và hai Cụ đã “đàm tâm tương đắc”.

Trong thời gian Cụ Phó bảng lưu lại nơi đây, Cụ đã để lại nhiều bút tích nhưng qua hai thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ, chùa Tiên Linh bị giặc bắn phá hủy diệt, do đó nay chỉ còn đôi câu đối với các môn đệ của hai Cụ, sao in trong tạp chí “*Phật hóa tâm thanh niên*” và chuyện ghi lại về tên chùa: Chùa được tu bổ và khánh thành năm 1862⁽⁶⁾ có tên là “*Tiên Linh*”. Sau này sư Cụ Lê Khánh Hòa đã đổi lại là “*Tuyên Linh*” (tuyên có nghĩa là tuyên truyền...) và từ ấy đến nay mọi người gọi là chùa Tuyên Linh. Tiếp đến những năm 1929 – 1931, thầy giáo Ngô Văn Chương⁽⁷⁾ đến Tuyên Linh mở lớp dạy học đã khơi dậy trong lòng giới Phật tử tình yêu Tổ quốc, kể cho họ nghe nỗi khổ của nhân dân mình

(3) Sư cụ Lê Khánh Hòa: Pháp tự Như Trí, sinh 1877 - mất 19 tháng 6 năm 1947. Có công lớn trong việc chấn hưng Phật giáo và giáo dục tín đồ thực hiện đúng theo lời chư Phật dạy: Tin Phật là yêu nước... được *Giáo hội Phật giáo Việt Nam tôn xưng là Tổ*.

(4) *Sư Trưởng tử Thái Không*: Là vị đệ tử lớn của sư Tổ Khánh Hòa, tham gia kháng chiến hai thời kỳ, giữ nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh, viết về Sư Tổ trong tập “*Kỷ yếu lễ Trà tì Cụ Tổ Lê Khánh Hòa*”.

(5) Sư Năm Trí: Kể lại chuyện với bác Mười Huệ và anh Tư Xê tại nhà số 43 đường Lý Thường Kiệt, Hà Nội.

(6) Theo tư liệu ghi “*Chùa được tu bổ và khánh thành năm Tự Đức thứ 14*” – “*Tự Đức thập tứ niên, mùa xuân...*”

và quá khứ hào hùng của dân tộc. Lớp Phật tử ấy sau này đã tích cực tham gia vào các tổ chức cách mạng như “Mặt trận Dân chủ” rồi “Mặt trận Việt Minh” dũng cảm chiến đấu trở thành những cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản kiên trung như: Tư Cử, Nhị Đậu, Tư Keo, Hai Lúa, Bảy Mạnh, Ba Đậu, Út Thâu, Thầy Ba Xã, Ngọc Diệp, Tám Xương, Sáu Trình v.v...

Sư Cụ cùng sư Cụ Huệ Quang đã không ngừng “Chấn hưng Phật giáo”. Cụ đi khắp ba miền Nam - Trung - Bắc, chấn chỉnh 137 cảnh chùa, lập Phật học đường Lương Xuyên (Trà Vinh, miền Tây) đào tạo tăng tài. Môn chúng theo sư Cụ rất đông mà trong hàng đệ tử xuất gia có quý thầy do Sư Cụ cho pháp danh là Trừng Giới, Trừng Nghiêm, Trừng Việt, Trừng Minh, Trừng Giác, Trừng Ngộ... Sư Cụ khéo léo dẫn dắt tín đồ báo “Tứ trọng ân”⁽⁸⁾, hưởng ứng tốt các chỉ thị kháng chiến của “Mặt trận Việt Minh”, tích cực tham gia các “tuần lễ bánh phồng, bánh tráng”, “phong trào mua phiếu nuôi quân”, “tuần lễ đồng thau” sẵn sàng hiến chuông chùa, của cải để đóng góp cho công cuộc giải phóng dân tộc như truyền thống “Cử binh diệt ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, nhi vô tội sát”⁽⁹⁾ của nhà Phật.

*“Chuông chùa vắng tiếng hôm - mai
Hóa thành lựu đạn bắn loài xâm lăng”*

Nền độc lập dân tộc vừa giành được chưa được củng cố thì thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm nước ta lần thứ hai. Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn quốc kháng chiến thì sau đó, tại Phật học đường Lương Xuyên, Sư Cụ tập hợp 172 vị tăng ni, huấn thị: “Quốc gia khuynh nguy, thất phu hữu trách. Nước nhà đã được

(7) Ông Ngô Văn Chương là sinh viên đại học Hà Nội, cháu vợ của Cụ Nguyễn An Ninh làm Đốc Phủ sứ thời Pháp, là một tư sản yêu nước - đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; sau này làm Trưởng ban Cơ quan Ngân khố Nam Bộ. Hiện nay đã hưu trí tại Thành phố Hồ Chí Minh.

(8) “Tứ trọng ân”: Theo Phật dạy, người Phật tử tu hành phải đền đáp bốn ơn nặng: Ôn quốc gia, ơn thầy Tổ, ơn cha mẹ, ơn xã hội...

(9) Lời Phật dạy: Tạm dịch “Lấy binh tiêu diệt ngoại xâm bảo vệ đất nước thì không có tội sát sanh”.

độc lập mà người Pháp muốn đô hộ nước ta lần thứ hai. Các con là thanh niên là sinh viên hãy cởi áo cà sa khoác chiến y lao ra trận mạc. Nếu ai muốn tu, chờ nước nhà độc lập hãy trở lại tu hành... Hôm nay thầy tuyên bố xả giới cho các con, hãy lên đường cứu nước!!⁽¹⁰⁾. Năm ấy, Sư Cụ đã 69 tuổi.

Trở về thăm chùa Vĩnh Bửu (xã Khánh Thanh Tân) trong những ngày lưu lại nơi đây, Sư Cụ thường đến dẫn dò “Đội thanh niên quần đảo” (do anh Hai Tiên, anh Răng, anh Bọt lãnh đạo) những lời thâm tình: “Các cháu gắng hoạt động theo Việt Minh do ông Hồ Chí Minh lãnh đạo! Đó là mình gắng làm cho con cháu mai sau...”. Và sư Ba Tây, sư Tấn đang tu học trong chùa cũng được Sư Cụ cho gia nhập “tự vệ chiến đấu” và y tế xã Khánh Thanh Tân.

Đội ngũ tăng tài ấy đã nghe theo lời non nước, tiếng gọi Bác Hồ gia nhập đội quân cách mạng, chiến đấu trên khắp nẻo đường đất nước... (sau này sư Năm Trí làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 307, sư Bảy Hoàng làm ủy viên Ủy ban Dân vận Khu 8...). Một số nhà sư khác tiếp tục hoạt động công khai, giáo dục những người tin Phật tham gia cách mạng cống hiến sức người sức của góp phần đánh bại âm mưu xâm lược của hai tên thực dân đế quốc sừng sỏ Pháp - Mỹ.

Trong hơn 10 ngàn ngày (1945 – 1975), chiến tranh và cách mạng để thực hiện khát vọng sâu thẳm của dân tộc mà Bác Hồ đã làm sống dậy: “Không có gì quý hơn độc lập tự do” tại Mỏ Cày, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của sư Bảy Hoàng, sư Niệm Châu (nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận giải phóng tỉnh) v.v... Tín đồ 42 chùa, am trong toàn huyện đã tích cực tham gia đấu tranh với nhiều hình thức... từ ánh đèn leo lét sáng tỏ trên bàn thờ Phật đến tiếng hát ru con đêm khuya mưu trí báo động cho anh em bộ đội Cụ Hồ biết còn lính rình rập. Rồi bà Năm Lượng giả điên tự xưng “con gái Bác Hồ” vừa bảo vệ lực lượng cách mạng vừa làm công tác địch vận. Đến những đợt sóng người trực diện

(10) Trích “Kỷ yếu lễ Trà tỳ Cụ Tổ Lê Khánh Hòa” và lời kể của nhiều chứng nhân có tên trong bài.

đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình... Và nhiều chùa là cơ sở hợp pháp nuôi giấu cán bộ, là trạm giao liên đưa rước chiến sĩ cách mạng đi về.

*“Long Hoa, Long Hóa, Long Bình
Nhớ đi cẩn thận, thành linh lính vây”⁽¹¹⁾*

Trong giới sư Ni như chùa Vĩnh Bửu⁽¹²⁾ - cũng là nơi che giấu cán bộ, bảo bọc gia đình cách mạng, cung cấp thuốc men, tiền bạc văn phòng phẩm... cho cách mạng địa phương. Và chính tại chùa Linh Phú (xã Tân Xuân) do sư Niệm Châu trụ trì, cũng đã tổ chức trang trọng lễ kỷ niệm Ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam (ngày 06 tháng 1) và sinh nhật Bác Hồ 19 tháng 5 vào năm 1947 - 1948 (có các đồng chí dự: Nguyễn Ngọc Huỳnh - nguyên Bí thư xã; Nguyễn Văn Mão - nguyên Chủ tịch xã; Nguyễn Văn Kiến - nguyên Chủ tịch Mặt trận Việt Minh; Nguyễn Văn Hiến - Phó Hội trưởng Liên Việt; anh Minh - Thư ký Nông dân...). Có lần, phía sau tấm hoành tại chánh điện thờ Phật, đồng chí Hai Lộc, Huyện ủy viên đang ém mình khi bọn công an đang rình rập và sư Niệm Châu tuồng như thanh thần cầu kinh!!...

Giặc càn quét!! Chiến trường càng ác liệt, tín đồ các chùa càng khẳng định lòng tin son sắt vào đường lối cách mạng do Bác Hồ vạch ra... Các chùa càng khẩn trương cung ứng sức người, sức của cho kháng chiến. Những con thuyền lao lách qua mặt đồn bót đưa các thanh niên (tu sĩ) vào căn cứ gia nhập lực lượng giải phóng quân. Các chuông chùa mới được tạo sắm lại được tiếp tục hiến cho công trường chế tạo vũ khí bắn trả quân thù, bảo vệ đồng bào.

*“Hồng chung hóa thành lựu đạn
Bắn vào quân thù sát hại dân ta!”*

(11) Chùa Long Hoa, Long Hóa, Long Bình ở xã Tân Thành Bình, đường dây giao liên.

(12) Chùa Vĩnh Bửu che giấu cán bộ: Đồng chí Đức Tánh (nguyên Bí thư xã), đồng chí Năm (nguyên Bí thư chi bộ ấp), cụ Hai Hườn (nguyên Chủ tịch xã), đồng chí Hạnh (nữ đảng viên xã An Thới)... Gia đình cách mạng: Gia đình đồng chí Tư Thắng (nguyên Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện) v.v...

Khi thế cách mạng sôi nổi!! Giặc thảm hại! Chúng hậm hực, đánh hơi, chuyên nhau khẩu hiệu:

*“Niệm Châu, Niệm Ngọc, Niệm Bình⁽¹³⁾
Ba ông nhập lại, Việt Minh rõ ràng”*

Chúng tức tối nhưng ngại thế dân. Ngay từ năm 1951, tên Chủ tỉnh cáo già Lơ-roa đã phải dặn tên thiếu tá Nhơn “*Đừng đánh Phật giáo sẽ đụng nông dân, nông dân với Phật giáo là một*”. Nên từ thời ấy, nhiều nơi chúng ta có các tổ chức “*Tôn giáo cứu nước*” nhưng không có tổ chức “*Phật giáo cứu nước*”.

Ở xã Minh Đức anh hùng - nơi chùa Tuyên Linh tọa lạc - các tín đồ Phật giáo đã lần lượt thay nhau tham gia kháng chiến. Nhà chùa là nơi bảo bọc chi bộ Đảng của xã suốt các thời kỳ, không bao giờ bị địch xóa sổ, góp phần nhỏ bé của mình vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Trong điệu văn truy điệu ông Bảy Đụng - nhà sư giao liên giữa hai cù lao Bảo - Minh - cơ quan Quân báo tỉnh đã gửi về xã Minh Đức mấy dòng kỷ niệm của đồng chí Lê Duẩn về ông Bảy Đụng, người giao liên của con sông Hàm Luông 30 năm tay chèo không biết mỏi. Ông đưa từ cây tầm vông vạt nhọn đến khẩu pháo tầm xa; đưa cây mã tấu đến B40; ông đưa anh chiến sĩ đi và ngày anh chiến sĩ trở về là anh Chính ủy Sư đoàn...

*“Hỡi anh thần nước đi tuần
Tàu ghe qua lại mấy lần hỡi anh?
Thần rằng qua đợt chiến tranh
Hỏi ông Bảy Đụng thì rành hơn tôi”...*

Theo Đảng, dân tộc ta đã biến thành bão táp cách mạng vùi chôn âm mưu bòn thực dân, đế quốc phản động. Với lòng tin yêu Bác Hồ, giới Phật tử Mỏ Cày nói riêng - cùng đồng bào và giới Phật tử cả nước nói chung đã hóa thân thành những cơn sóng lớn nhấn chìm từng mảng bộ phận xâm lược - tay sai, góp phần chiến thắng vẻ vang cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Trong hơn tám ngàn liệt sĩ, anh hùng và mấy mươi ngàn đồng

(13) Hòa thượng Niệm Ngọc - Niệm Bình có thời gian dài ở chùa Tuyên Linh, xã Minh Đức.

bào Mỏ Cày bị quân thù sát hại có cả những người tin Phật hôm qua. Và hôm nay, những người còn lại vẫn đang tiếp tục hòa nhập vào cuộc sống dân tộc, chắt chiu, sáng tạo góp cả tâm hồn và trí tuệ của mình vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh vô vàn kính yêu.

Năm nay, nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới - dù chưa một lần được gặp Bác nhưng hình ảnh và tiếng nói Bác Hồ vẫn mãi mãi là ánh đuốc sáng ngời giữa tấm lòng son sắt thủy chung của đồng bào Phật tử Mỏ Cày; tin Phật là yêu nước, yêu Bác Hồ và các anh hùng, liệt sĩ... là “*Sống - chiến đấu - lao động - học tập*” góp phần vinh quang cho thời đại Hồ Chí Minh.

Mỏ Cày, ngày 01 tháng 10 năm 1990



NIỀM VINH DỰ VÀ HẠNH PHÚC LỚN TRONG ĐỜI TÔI

Sưu tầm và ghi chép về lần đầu gặp Bác
của Anh hùng TẠ THỊ KIỀU,
xã An Thạnh, Mỏ Cày, Bến Tre

ĐỖ CHUNG

Sau đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn miền Nam lần thứ nhất, tôi và các anh hùng: Huỳnh Văn Đảnh, Trần Dưỡng, A Vai, Lê Chí Nguyên được Bộ Chỉ huy Quân sự Miền cho ra thăm miền Bắc.

Tránh sao khỏi lưu luyến khi tôi phải tạm chia tay cùng đồng đội, những người đã cùng tôi vào chết, ra sống, cùng chia ngọt sẻ bùi suốt chặng đường máu lửa. Nhưng, để bù lại tôi nghĩ: “Ra Bắc thế nào mình sẽ được gặp Bác Hồ”.

Trên đường đi và ngay ngày đầu tiên ở Hà Nội, nghỉ ở Nhà khách Tổng cục Chính trị, như mọi đồng chí trong đoàn, lòng tôi những ấp ủ, mong ngóng được vào thăm Bác.

Một hôm, các đồng chí trong Tổng cục Chính trị báo đoàn sẽ được gặp Bác. Chúng tôi reo lên như đứa trẻ xa mẹ lâu ngày gặp lại.

Hoạt động ở chiến trường, tôi được nghe kể nhiều câu chuyện về Bác...

...Bác quan tâm đến đồng bào miền Nam, nghĩ đến đồng bào



Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng đoàn đại biểu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam trong vườn xoài ở Phủ Chủ tịch, ngày 15/11/1965 - Ảnh tư liệu.

Anh hùng Tạ Thị Kiều - người thứ hai từ trái sang.

miền Nam, Bác ăn không ngon, ngủ không yên... Tôi được nhìn Bác qua hình ảnh. Nhưng tôi không thể hình dung ra Bác. Tôi tưởng tượng khi gặp Bác có thể Bác rất nghiêm, giọng nói chậm rãi, rắn chắc. Tôi lo, biết gặp Bác sẽ nói sao với Bác.

Thế rồi tôi nghĩ suy, sắp xếp, dự kiến những điều Bác hỏi và mình sẽ thưa lại.

Tôi đang suy nghĩ miên man, thì xe đón chúng tôi đi thăm Bác đã dừng ở sân.

Vừa đến cổng Phủ Chủ tịch, bước xuống xe, chân giẫm nhẹ trên thảm cỏ non nơi sân nhà Bác, mỗi bước một hồi hộp xốn xang, mừng lo lẫn lộn.

“Bác! Bác!” - Tôi bật reo lên, lòng tràn ngập mừng vui, khi thấy Bác cùng các đồng chí Phạm Hùng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chờ sẵn ở tam cấp Nhà khách Chính phủ. Đồng chí cảnh vệ muốn kèm chúng tôi lại trong nề nếp qui định nhưng chúng tôi bất chấp, tất cả chạy ủa đến với Bác. Tiếng người nào cũng nghẹn ngào gần như khóc: “Bác! Bác!”. Nhưng rồi các anh cố kìm hãm tình cảm của mình, chậm lại, nhường tôi và A Vai vượt lên trước. Bác giang hai cánh tay rộng đón chúng tôi. Tôi ôm Bác đi một bên, còn bên kia là A Vai.

Bác không nói gì, nhưng chúng tôi đều khóc. Tôi nghẹn ngào thưa với Bác:

- Bác ơi. Chúng cháu nhớ Bác quá. Đồng bào miền Nam nhớ Bác quá!

Âu yếm nhìn chúng tôi Bác nói:

- Bác mong các cháu lắm! Bác nhớ đồng bào miền Nam lắm! Kia sao các cháu lại khóc? Các cháu ra thăm Bác phải vui lên chứ! Nào các cháu cười lên cho Bác vui!

Cả đoàn cùng cười, nhưng thực ra cười ra nước mắt. Bác nhanh chóng bảo chúng tôi dàn hàng ngang theo hai cánh tay của Bác dạo chơi quanh Phủ Chủ tịch. Hôm ấy trời nắng dịu, Bác dẫn chúng tôi đi dưới những hàng cây cao to, tán rộng ngan ngát hương vườn. Vừa đi, Bác vừa nhìn kỹ từng người, hỏi sức khỏe, hỏi đường đi, hỏi đồng bào, đồng chí đang chiến đấu...

Trong phút chốc, Bác đã đưa chúng tôi vào bầu không khí vui tươi, đầm ấm, gần gũi như cha với con, như ông với cháu lâu ngày về sum họp.

Đi dạo chừng 30 phút, thì Bác bảo chúng tôi dừng lại bên dãy bàn dài dưới bóng cây.

Phân chỗ ngồi cho mỗi chúng tôi xong. Bác bảo chúng tôi kể chuyện.

Âu yếm nhìn tôi Bác hỏi :

- Cháu có khỏe không? Mỗi bữa ăn được mấy chén?

- Dạ thưa Bác, cháu khỏe! Bình thường cháu ăn mỗi bữa được

hai chén. Gặp hôm mệt, cháu chỉ ăn được một chén.

Bác cười:

- Cháu ăn ít thế thôi à? Cháu phải ăn khỏe để đánh thắng giặc Mỹ chứ!

Bác hỏi tiếp: - Cô Út Tịch có khỏe không?

- Dạ chị Út vẫn khỏe ạ! Cháu xin thưa với Bác: Chị Ba Định, chị Út Tịch và tất cả các cô, bác, anh chị trong Mặt trận và bộ đội giải phóng cùng đồng bào quê hương cháu đều kính chúc Bác mạnh khỏe sống lâu.

Bác vui vẻ hỏi:

- Vậy các cháu xem Bác có khỏe không?

Chúng tôi ngẩng nhìn Bác thấy khuôn mặt Bác hồng hào. Chòm râu trắng gần hết, vàng trán mênh mông và đôi mắt sáng. Chân Bác bước dẻo, nhanh, Bác còn khỏe thật là mừng.

Tôi trả lời:

- Dạ được gặp Bác, thấy Bác mạnh khỏe chúng cháu mừng lắm. Trong Nam, bà con nghe đài Hà Nội chỉ mong được nghe tiếng Bác nói, nhất là đến giao thừa hàng năm để theo dõi sức khỏe của Bác, ai cũng chỉ mong Bác mạnh khỏe.

Bác cười.

- Mỗi năm thêm một tuổi, Bác cháu ta càng lớn, càng mạnh. Các cô, các chú càng đánh thắng giặc Mỹ, Bác càng mạnh khỏe không lo.

Bác lại hỏi tôi về đội quân tóc dài của Bến Tre.

Tôi thưa với Bác về cuộc chiến đấu của người dân quê tôi, về những đêm Đồng khởi đỏ trời lửa đuốc và những cuộc đấu tranh chính trị của “đội quân tóc dài”, những cảnh địch tàn phá bằng máy bay, pháo, chất độc hóa học, những cuộc đàn áp dã man của địch bằng súng và lưỡi lê đối với những người tay không vũ khí... Bác chăm chỉ theo dõi, mỗi lần nhắc tới đồng bào miền Nam gian khổ, tôi thấy trong đôi mắt sáng ngời của Bác long lanh nước mắt và từ từ chảy ra đọng trên hàng mi. Mỗi lần như thế cả đoàn đều im lặng. Sau cùng, chúng tôi lắng nghe lời nói

sâu sắc, những điều chỉ bảo ân tình, chu đáo của Bác.

Sau buổi chiều tiếp xúc lịch sử ấy, chúng tôi vinh hạnh được Bác cho ở lại ăn cơm.

Sau khi phân chỗ ngồi cho mỗi chúng tôi, bằng giọng nói ấm cúng Bác bảo: *"Về với Bác như về nhà, đừng ngại, cứ ăn cho no"*.

Thức ăn nhiều và rất ngon nhưng chẳng mấy ai trong chúng tôi ăn được nhiều. Chúng tôi đang tràn ngập trong bầu không khí vui tươi, đầm ấm lạ lùng.

Chúng tôi muốn tranh thủ hết thời gian để được ngắm nhìn Bác, thật nhiều, thật kỹ, được lắng nghe tất cả những lời nói của Bác.

Bác biết chúng tôi vì quá vui sướng ăn không được nhiều, nên Bác nhắc nhở nhiều lần bảo chúng tôi ăn.

Khi sắp chia bàn tay rộng lớn thân yêu tạm biệt chúng tôi. Bác còn bảo chúng tôi chụp ảnh chung với Bác. Điều ấy làm thỏa lòng, thỏa dạ với những ước mong thầm kín của mình. Tấm ảnh ấy được treo ở nơi trang trọng được giữ gìn như một kỷ vật quý giá của tôi và gia đình tôi...

Ra về, tôi vẫn ngoảnh đầu nhìn Bác mà lòng quyến luyến chẳng rời.

Những năm sau đó tôi được Tổng cục Chính trị cho ở lại miền Bắc học tập, tôi rất buồn, nguyện vọng về góp sức với đồng bào mình thế là chưa được thực hiện.

Từ ấy đã 25 năm trôi qua, và hôm nay Bác không còn nữa, Bác đã đi xa, Bác đi gặp cụ Các Mác, Lê-nin nhưng hình ảnh Bác, hình ảnh sáng tươi, đôi mắt sáng, vầng trán cao, bộ râu bạc, đôi dép lốp, bộ quần áo ka ki giản dị... Tất cả, tất cả mãi mãi còn in sâu trong tâm trí của tôi.



LÒNG NGƯỜI PHỤ NỮ THÀNH TRIỆU ĐỐI VỚI CỤ HỒ

THANH NHÂN

Những năm nay, nhân dân ta và nhân dân tiến bộ nhiều nước trên thế giới tiến hành tổ chức kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Là người Việt Nam yêu nước, không ai mà không cúi đầu tưởng nhớ Bác. Bác là hiện thân của chủ nghĩa yêu nước văn minh cao cả, là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng đối với một dân tộc vốn có truyền thống lịch sử bất khuất. Bác đã tỏa rộng sức sống tràn đầy niềm tin và hy vọng cho mọi người.

Từ thuở bé, tôi đã được mẹ tôi truyền cảm cho tinh thần yêu nước, xây dựng định hướng chính trị đúng đắn bằng những câu chuyện kể về Bác Hồ. Tuy thời gian trôi qua đã khá xa, nhưng tôi vẫn còn nhớ rõ những gì mà Mẹ tôi khi nhắc tới Bác Hồ. Theo Mẹ tôi thì Cụ Hồ là nhà cách mạng lớn, là nhà yêu nước có đủ tài năng và đức độ. Cụ Hồ đã nghe lời dạy của cụ Sắc (Nguyễn Sinh Sắc – thân sinh của Bác Hồ) bốn ba hải ngoại tìm đường cứu nước. Cụ Hồ là người lập ra Việt Minh để đánh đuổi giặc Tây, giành độc lập cho nước nhà. Cụ Phan Bội Châu đánh Tây bị thất bại, nhưng cụ Hồ sẽ đuổi được giặc Tây.

Về đức độ của Bác, Mẹ tôi kể: Cụ Hồ không có vợ con gì cả, không có lo gì riêng tư cho cá nhân và gia đình, ngày đêm chỉ lo việc dân, việc nước. Bọn Tây sợ Cụ Hồ lắm! Cụ Hồ rất thương nước, thương dân, thương người nghèo và đặc biệt là rất thương yêu nhi đồng. Cụ Hồ rất ghét bọn tà gian bán nước. Mẹ tôi còn

nói Cụ Hồ là người theo Đệ tam Quốc tế, nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ nghe biết vậy chứ không hiểu gì thêm. Và từ đó, tuy chưa lần nào gặp Bác, chưa hiểu rõ cách mạng là gì, Việt Minh là như thế nào, nhưng lòng tôi cảm thấy rất gần gũi và kính yêu Bác, rất thích cách mạng, rất thương Việt Minh, thương các anh bộ đội Cụ Hồ và muốn được đi theo Bác Hồ để đánh Tây.

Bây giờ ngồi ngẫm lại mới thấy chính Mẹ tôi là người thông qua từ tình cảm kính yêu và lòng tin son sắt ở Bác mà đã dìu dắt, hướng dẫn đàn con cháu đi đúng theo con đường Bác Hồ đã chọn.

Ngoài người Mẹ thân thương, tôi cũng không sao quên được người cô thứ Chín - người cán bộ giao liên công khai - lúc trên đường đưa tôi vào vùng chiến khu - đã ân cần khuyên nhủ: Con đi sẽ gặp nhiều gian nan thử thách lắm, nhưng phải kiên trì chịu đựng đến thành công. Đây là con đường mà Cụ Hồ đã chọn, không còn con đường nào khác đâu. Thằng con của cô rồi cô cũng sẽ tìm cách đưa đi theo với con luôn. Nếu có dịp may được gặp Cụ Hồ, con nói bà con trong này nhớ Bác lắm, mong cách mạng sớm thành công để được gặp thăm và thấy mặt Bác...

Hôm nay Bác đã đi rồi! Cô tôi thì bị bệnh bán thân đang nằm một chỗ. Tuy ước mơ gặp Bác không còn nữa, nhưng lòng thương nhớ Bác vẫn không hề nguôi, những lúc tỉnh táo, cô tôi lại hát ngân nga *"Bác ơi chúng con nhớ Bác lắm!"*. Rồi cô lại sụt sùi khóc làm cho mọi người xung quanh phải xúc động theo.

Cũng lúc tôi còn bé, tôi không nhớ được là năm nào, nhưng bây giờ tôi vẫn còn nhớ rất rõ hai bức ảnh màu xanh lá trâm bầu do chính tay dì Phan Thị Ngọc Thôi - Ban Chấp hành Hội Phụ nữ Cứu quốc tỉnh - thuê đưa về tại chợ Sài Gòn mới (chợ Thành Triệu) để đấu giá gây quỹ cho Hội. Một là bức ảnh anh bộ đội Cụ Hồ đầu đội ca-lô, tay ôm khẩu súng trường đang trong tư thế nằm nhắm quân thù mà bắn rất dễ thương. Một là bức ảnh Bác ngồi nghiêng với vầng trán cao, đôi mắt sáng, sâu chứa đầy vẻ nghiêm nghị và phúc hậu, hàm râu hơi thưa, gương mặt hơi gầy nhưng đầy vẻ uy nghi quắc thước. Chị em phụ nữ xã đã bàn tính đầu tư trước hạ quyết tâm rước cho kỳ được ảnh Bác Hồ về với chị em. Quả nhiên sau một hồi thách thức thi đua, các chị đã vui

sướng lên lễ đài đón nhận bức ảnh Bác trong niềm vui sướng vô hạn giữa những tràng pháo tay, những lời hoan hô vang dội cả nhà lồng chợ. Còn bức ảnh anh bộ đội cụ Hồ thì được chú Tàu Khoanh đón về để tại khu phố chợ.

Một hình ảnh xúc động khác mà tôi vẫn nhớ mãi bên lòng về một người con gái của Thành Triệu vẫn tỏ rõ một lòng kính yêu Bác trước sự hung hăng tàn bạo của quân thù, cuối cùng buộc chúng đành phải chịu khuất phục. Vào một buổi sáng của những ngày đầu Đồng Khởi, chị em đi kéo đến đấu tranh trực diện tại bót xã Thành Triệu, bọn ác ôn thuộc vi cánh của Tám Bình, trong đó có tên Xiếu thẳng tay đánh đập tàn nhẫn. Chị em phẫn uất thét to “Đả đảo những hành động khủng bố!”, “Đả đảo Ngô Đình Diệm!”. Bọn ác ôn hần học xông vào đội quân tóc dài vừa khủng bố vừa phân hóa tìm chỉ huy. Sau cùng chúng lôi chị Nguyễn Thị Lệ (tức là Tám Lệ – em đồng chí đại tá Sơn đương nhiệm Chỉ huy phó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) ra khỏi lực lượng đấu tranh và dở trò khủng bố điển hình. Chúng càng đánh đập tàn nhẫn, chị Lệ và lực lượng đấu tranh càng thét to “Đả đảo hành động khủng bố ác ôn!”, “Hoan nghinh binh sĩ đồng tình ủng hộ chị em đấu tranh!”, “Đả đảo Ngô Đình Diệm!”.

Bọn ác ôn càng điên tiết, vừa đánh vừa bắt chị Lệ phải hô “Đả đảo Hồ Chí Minh”, “Đả đảo Việt Cộng”. Nhưng chị Lệ vẫn làm thỉnh cần răng chịu đòn. Bọn ác ôn càng lồng lộn chân đá, tay thui, cây đập chực ăn tươi nuốt sống người con gái. Đánh đập một hồi thấm mệt, bọn ác ôn dừng tay hần học quát hỏi: “Hồ Chí Minh là ông nội mày sao mà mày không chịu đả đảo?”. Chị Lệ vẫn làm thỉnh và quắc cặp mắt rực lửa căm hờn nhìn lũ ác ôn và bỗng nhiên chị lại thét to: “Đả đảo Ngô Đình Diệm, đả đảo bè lũ tay sai bán nước!”. Bọn ác ôn lại lồng lộn xông vào đánh đập chị túi bụi và buộc chị phải hô theo chúng “Đả đảo Hồ Chí Minh”. “Ngô Tổng Thống muôn năm”. Một lần nữa chị lại hiên ngang hô to: “Đả đảo Ngô Đình Diệm!”, “Hồ Chí Minh muôn năm!”. Dịch lại đánh, chị lại làm thỉnh chịu đựng. Chúng vừa thẳng tay đánh đập vừa gầm thét: “Giới cho mày gan lì, cho mày trung thành với Hồ Chí Minh”.

Giằng co khá lâu, nhưng thấy không lay chuyển được lòng

kiên trinh bất khuất của người con gái bé nhỏ, bọn ác ôn xuống giọng dụ dỗ: “Mày chỉ hô một lần thôi, tụi tao sẽ thả mày ngay”. Chị vẫn làm thinh không hé môi. Bọn ác ôn lại nổi cộc xông vào đánh đập chị túi bụi. Thật là đáng thương cho tình cảnh người con gái bé nhỏ của xã Thành Triệu lúc bấy giờ, không hô theo chúng, hoặc hô ngược lại thì chúng đánh, làm thinh, chúng cũng đánh, còn nếu hô theo chúng thì coi như chịu khuất phục nhục nhã và cũng không lòng nào mở miệng hô theo chúng được.

Làm thế nào để giành thắng lợi cho cuộc đấu tranh, nâng cao thanh thế cho lực lượng đấu tranh chính trị, đồng thời hạ cho được uy thế bọn ác ôn, tranh thủ lôi kéo sự đồng tình ủng hộ của số binh sĩ lưng chừng? Một cuộc thi gan, đấu trí không cân sức và khi gay go đối với người chiến sĩ tóc dài trước bấy thú dữ! Giữa giây phút đang căng thẳng, bỗng chị Lệ thét to: “Đả đảo ảng!”, “Ủng hộ tường!”.

(Sau đó, có dịp gặp tôi, chị Lệ bộc bạch tâm trạng lúc bấy giờ rất là khó xử, nhưng vẫn tự nhủ với lòng mình là thà chết chứ không thể hô đả đảo Bác Hồ được, nhưng trước hết phải làm sao cho lũ ác ôn không đánh, không bắt ép mình nữa. Từ đó chị mới suy nghĩ “ảng” và “diệt” đều là thứ để chứa nước giống nhau, đả đảo “ảng” tức là đả đảo “diệt”. Còn “tường” thì bao giờ cũng phải có “hồ” để xây, ủng hộ “tường” tức là ủng hộ Bác Hồ chúng ta. Vừa suy nghĩ được thế, chị vừa hô to lên ngay.)

Bọn ác ôn dừng tay, ngơ ngác nhìn nhau cười, có lẽ chúng cho chị Lệ bị đánh đau quắn trí nên la hoảng. Trong lúc đó lực lượng bên ngoài vận động được một số binh sĩ đồng tình ủng hộ nên đấu tranh đòi thả chị Lệ ra quyết liệt. Cuối cùng buộc địch phải thả chị Lệ về với đội quân tóc dài trong bài ca chiến thắng.

Lòng người phụ nữ Thành Triệu đối với Bác Hồ vô vàn kính yêu của chúng ta là như thế đấy, lúc nào cũng vẫn một lòng tin tưởng và kiên trì đi theo con đường Bác đã chọn, nguyện thực hiện trọn vẹn di chúc thiêng liêng của Người để lại.

Hè năm 1990



MÙA XUÂN ĐẸP NHẤT

VÕ VĂN MẠNH *kể*
LÊ VĂN NÊ *ghi*

Năm 1954 tập kết ra Bắc, tôi được phân công công tác tại Hội Hữu nghị Việt - Pháp. Nói là Hội Hữu nghị nhưng trong cơ quan chúng tôi hồi ấy chỉ có bảy đồng chí. Đa số các đồng chí quê miền Bắc. Tôi là Phó Văn phòng lại không có nhà riêng nên tôi ăn nghỉ tại cơ quan để tiện công tác và giải quyết công việc chung.

Đã giáp Tết (năm 1955), lòng tôi không khỏi bồi hồi, thương nhớ. Trong cái nhớ, cái mong của tôi còn có cái nôn nao bứt rứt. Nôn nao mong ngày trở về giải phóng quê hương, bứt rứt vì cảnh chết chóc, tang thương đang diễn ra với đồng bào mình trong đó.

Chiều 30 Tết, nhận được giấy của Ban Tổ chức Trung ương mời đại biểu miền Nam đi nghe nói chuyện về tình hình miền Nam, lòng tôi náo nức và sắp xếp công việc đi ngay để theo dõi tình hình ở quê nhà sau bao ngày xa cách. Ngồi trong hội trường ấm cúng của Phủ Chủ tịch tôi thấy có khoảng 50 đồng chí hầu hết là anh em Nam bộ công tác ở các ngành khác đến dự.

Tôi thầm nghĩ có lẽ hôm nay mình sẽ được gặp Bác Hồ, cho nên ngay từ khi bước chân vào Phủ Chủ tịch lòng tôi sao mà hồi hộp.

...Khi còn hoạt động ở miền Nam, tôi cùng đồng đội đi theo con đường Bác Hồ đã chọn, qua sách báo và những câu chuyện

kể truyền miệng, tôi đã hiểu đôi điều về Bác. Tôi thấy hình ảnh Bác trong những trang sách, báo.

Tôi đang miên man suy nghĩ, thì từ trên gác của hội trường Phủ Chủ tịch, Bác Hồ cùng đồng chí Phạm Hùng đi xuống. Dù chưa được nhìn thấy Bác lần nào, nhưng tôi đã nhận ra Bác ngay, bởi dáng người cao cao, thanh thanh, mái tóc bạc, chòm râu thưa, vầng trán mênh mông và đôi mắt sáng của Người.

Chúng tôi đều reo lên: *"Bác Hồ! Bác Hồ đến!"*. Cả hội trường sôi động hẳn lên. Tiếng reo mỗi lúc một to, rồi có tiếng vỗ tay rền vang.

- Bác Hồ muôn năm! - Nhiều tiếng đồng thanh hô theo: - Muôn năm!

Bác tươi cười giơ tay vẫy chào và ra hiệu, mọi người ngồi xuống.

Bác bắt đầu nói chuyện:

- Bác thay mặt Đảng, Chính phủ tới thăm các chú, các cô. Từng đợt vỗ tay lại vang lên.

Rồi Bác nói về tình hình miền Nam hiện nay:

- ...Mỹ Diệm rắp tâm phá hoại cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước, làm cho tình hình thêm phức tạp... - Người khen ngợi đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết giác ngộ rất cao... Người tin chắc đồng bào miền Nam sẽ thắng... Bác nói tiếp: - Các cháu tạm xa đồng bào miền Nam tập kết, cùng đồng bào miền Bắc xây dựng miền Bắc vững mạnh để cùng nhân dân cả nước đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tiếng Bác rõ và ấm, vẫn mang âm thanh của xứ Nghệ. Tiếng nói sao mà ngọt ngào, thân thương vừa tha thiết vừa hùng tráng. Cử chỉ, giản dị gần gũi với lời nói ấm áp thân tình của Bác đã làm cho không khí trang nghiêm của lễ nghi đón tiếp vị Chủ tịch nước chuyển sang một cuộc gặp gỡ gia đình, ấm cúng giữa Bác và đàn con cháu.

Sau khi nói chuyện về tình hình miền Nam, Bác dặn dò:

- Ra đây các chú, các cô ráng học tập, nếu công tác ở miền

Bác thì phải có chất lượng, còn sau này về miền Nam thì phải cho ra vẻ. Các cháu có đồng ý không?

Cả hội trường vang lên: “Đồng ý!”. Như một lời thề: “Chúng cháu nguyện làm đúng theo lời Bác dạy!”.

Lời Bác như ngọn lửa chuyền cho tôi hơi ấm, lời nói chân tình ấy như có một sức mạnh lạ kỳ. Sau này trong công tác, những lúc gặp khó khăn, nhớ lời Bác khuyên nhủ: “...Công tác có chất lượng... cho ra vẻ.” thì nó lại là động lực giúp tôi vượt mọi trở ngại.

Bác trìu mến nhìn chúng tôi và nói thêm:

- Bây giờ các chú, các cô hãy về nghỉ, mai, ngày mùng một Tết mời các chú các cô đến vui Tết với Bác - Sau đó Bác đứng dậy.

Lúc ấy chúng tôi mới sức tỉnh. Chúng tôi chạy ủa lên với Bác. Vất vả lắm đồng chí Phạm Hùng mới ngăn được chúng tôi để Bác về nghỉ.

Ra về, chúng tôi còn khoe với nhau:

- Tở rờ được râu Bác!
- Mình vuốt được áo Bác!
- Còn mình nắm được tay Bác!

Tôi chen lấn mãi mới rờ được tay Bác. Ước mong của tôi là muốn ôm chầm lấy Bác, dù chỉ một lần, nhưng sợ Bác mệt, phần vì còn để anh em khác được gần với Bác.

Sáng mùng một Tết.

Vào phòng khách của Phủ Chủ tịch, tôi đã thấy trên bàn bày những đĩa trái cây và bánh kẹo đầy ắp.

Chúng tôi đều sửng sỡ, cảm động. Là một lãnh tụ, Bác lo nhiều việc lớn của toàn Đảng, toàn Dân, nhưng Bác vẫn không quên lo cho chúng tôi vui Tết. Phải chăng đây là sự chăm sóc của Bác đối với miền Nam nói chung mà chúng tôi là đại diện.

Chúng tôi không dám nhận cho riêng mình món quà quý báu ấy. Trước những đĩa bánh kẹo đầy ắp, tôi cũng như mọi người đều không ăn mà thẳm bảo: “Ta sẽ không ăn, đây là quà đầu xuân của Bác Hồ tất cả mọi người đều phải được hưởng”.

Về đến cơ quan tôi thuật lại chuyện Bác Hồ tổ chức ăn Tết cho mọi người nghe, ai cũng xuýt xoa, tiếc rẻ... *“Phải lúc này mình đi với cậu...”*.

Sau đó tôi đem kẹo phát cho anh em, nhưng lạ thay không ai ăn cả mà nâng niu hoặc lấy giấy gói cất đi. Phải chăng đó là những chiếc kẹo nghĩa tình của Bác mà chúng tôi luôn giữ mãi.

Cho đến hôm nay, ba mươi sáu năm đã trôi qua tôi vẫn không bao giờ quên được ngày xuân đầy kỷ niệm ấy, hình ảnh Bác sáng tươi, những lời dặn dò và những chiếc kẹo Bác cho như vẫn còn đọng mãi trong tôi, như thôi thúc tôi tiếp nối những kỷ niệm và tiếp bước nữa trên con đường đã đi qua.

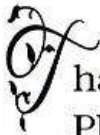


TRÊN CHUYẾN TÀU RỜI NƯỚC PHÁP

Trích bài “*Hiến trọn cuộc đời cho đất nước*” của XUÂN THU

(Báo Đại Đoàn Kết, số 18, ra ngày 28/8/1985)

Sưu tầm: ĐỖ CHUNG

 háng Giêng năm 1947. Trong khi tuyết phủ đầy trời nước Pháp thì trên hải cảng Bờ-rét, một chiếc tàu nhỏ neo, kéo còi rời bến chở hơn một nghìn “*lính thợ không nghề Việt Nam*” (ONS) từ già đất Pháp, sau khi chính phủ Pháp bắt họ đưa sang “*mẫu quốc*” làm phu phục dịch cho cuộc chiến tranh chống Đức suốt mấy năm dài đầy chết chóc và đói khát.

Trong số người trên tàu có một chàng thanh niên, người mảnh khảnh, đôi mắt sắc sảo, nét mặt thông minh, suốt từ lúc tàu rời bến chiều qua tới giờ, anh đi lại xông xáo, lúc ở dưới hầm tàu, lúc trèo lên “*boong*” hỏi chuyện hết người nọ đến người kia. Câu chuyện đang làm xôn xao trên tàu bấy giờ là chuyện quân viễn chinh Pháp gây hấn nổ súng đánh chiếm Hà Nội, đưa chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương. Những đám mây đen đang ùn ùn kéo đến phủ kín bầu trời quê hương họ. Số lính thợ trên tàu người Hà Nội có, người Bắc Ninh, Sơn Tây, Nam Định, Nghệ An có cùng với người Huế, Sài Gòn, Qui Nhơn, Bến Tre, Mỹ Tho, Rạch Giá, Cà Mau... Họ đang hy vọng sắp được gặp lại làng mạc, vợ con thì chiến tranh mỗi ngày một lan rộng. Tất cả những người trên tàu đều mới xa quê hương sang đất Pháp sáu bảy năm. Còn chàng thanh niên, anh đã ở Pháp gần mười lăm năm. Anh mù tịt về đất nước. Và có lẽ trong số người trên tàu cũng duy nhất có anh không phải là “*thợ*”, cứ nhìn hai bàn tay thon mềm,

dáng đi đứng của anh đủ biết anh thuộc loại người khác. Chàng thanh niên đó chính là kỹ sư cầu cống, tốt nghiệp vào loại xuất sắc ở Pháp - Kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhựt.

Sau này, những ngày lênh đênh trên biển cả gần một tháng trời, anh đã làm quen, trở thành bạn thân với một số người, anh cởi mở tâm sự:

- Tôi vào làng Tây, lấy vợ đầm... Tôi sống ở một đất nước rừng nho và lúa mì bạt ngàn, mùa đông tuyết phủ, khác hẳn cánh đồng quê ngợp lúa mà tôi thấy ở quê nhà hồi còn nhỏ. Tôi ở bên bờ sông Xen, hằng ngày nhìn thấy tháp Ép-phen... Chiến tranh thứ hai, tôi như những người Pháp dưới ách Đức chiếm đóng, tuy không dám chống Hit-le nhưng ghét chúng. Ngày tướng Lơ-cờ-léc về Pa-ri, tôi hô khan cổ khẩu hiệu chào mừng "Tổ quốc" Pháp giải phóng, say sưa đi đón vị cứu tinh dân tộc Đờ-gôn. Tuy tôi biết tôi là người Việt Nam vì trước chiến tranh tôi vẫn liên hệ thư từ với anh, chị, ba má tôi bên nhà. Cuối năm 1941, tôi lấy vợ Pháp. Bố cô ta là kỹ sư nổi tiếng trong ngành xây dựng, từng giúp đỡ tôi học hành suốt thời chiến tranh, đứt liên lạc với gia đình. Sau khi tốt nghiệp kỹ sư, tôi làm ở một Công ty xây cất do bố vợ tôi làm giám đốc. Chiến tranh chấm dứt, công việc xây dựng nhiều, nghề tôi được ưu đãi, bố vợ tôi tặng vợ tôi một tòa biệt thự ngoại ô Pa-ri coi như cửa hồi môn... Cuối năm 1945, tin tức về Đông Dương đầy các báo, tuy không thích chính trị nhưng tôi cũng chú ý. Tôi hiểu rằng Đông Dương, Việt Nam đang rối loạn. Tổ chức gọi là Việt Minh đi theo Cộng sản nổi dậy chống Pháp. Bố vợ tôi không lên án Việt Minh, cũng không biểu lộ cảm tình rõ rệt. Còn báo chí thì đa số đả kích Việt Minh như một trào lưu mạnh động, tàn bạo, kỳ thị chủng tộc. Tôi hiểu lơ mờ cho tới lúc nhận được thư của anh tôi...

Anh của Kỹ sư Nhựt là ông Nguyễn Ngọc Bích, cũng du học ở Pháp, cũng tốt nghiệp kỹ sư cầu cống và cũng vào làng Tây, vợ đầm nhưng đã về nước trước chiến tranh. Nếu hai anh em có điểm giống nhau về học lực, về lập gia đình thì cũng rất khác nhau về tính tình, về hình dáng. Kỹ sư Nhựt khổ người nhỏ nhắn, tính nết điềm đạm, ít nói bao nhiêu thì kỹ sư Bích, trái lại,

vóc người to lớn, tính tình sôi nổi, thích ăn to nói lớn. Khi bọn thực dân Pháp trở lại nổ súng đánh chiếm Sài Gòn (tháng 9 năm 1945) Kỹ sư Bích tham gia chiến đấu ngay từ đầu. Ông làm Khu bộ phó Khu 9, vừa trông coi sản xuất vũ khí, vừa chỉ huy đánh giặc. Ông viết thư cho em từ làng Nhơn Ái, tỉnh Cần Thơ đầy cây trái và nước ngọt. Ông cho em biết nước nhà đã độc lập nhưng thực dân Pháp không muốn cho dân Việt Nam độc lập, tự do nên đã đem quân xâm lược trở lại. Bốn phận người Việt Nam bất kể già trẻ gái trai là phải đứng lên chống giặc, không có con đường nào khác, phải kháng chiến như người Pháp đã kháng chiến chống lại Phát-xít Đức khi chúng tới xâm chiếm. Ông hỏi em có sung sướng khi biết anh mình đi kháng chiến không? Thư viết bằng tiếng Việt, nhiều danh từ mới lạ, ông Nhựt không hiểu - hai anh em trước đây quen viết cho nhau bằng tiếng Pháp. Kỹ sư Nhựt bắt đầu quan tâm đến thời cuộc trong nước, đi sinh hoạt với Việt kiều.

Một bữa ông đọc báo, thấy tin anh ông - Kỹ sư Bích - bị quân Pháp bắt vì “tội” đã đánh nổ cầu Cái Răng, một cầu loại lớn trong tỉnh Cần Thơ. Được tin, ông bàng hoàng. Bố vợ ông xem báo hay tin, cầm tờ báo đến tận nhà vợ chồng ông, vừa giơ lên vừa hét tướng:

- Quân khùng bố! Người ta tạo lập, còn chúng thì xóa bỏ!

Ông Nhựt bình tĩnh đáp :

- Người Pháp cũng đã làm như thế với bọn Phát-xít Đức.

Ông bố vợ quát lại:

- Đó là người Pháp và đó là bọn Đức! Còn đây là Việt Minh!

Ông Nhựt nhách miệng :

- Đây cũng là người Việt Nam yêu nước và kia cũng chính là bọn Phát-xít mới.

Hai bố con trừng mắt nhìn nhau, kinh dị.

- Như vậy anh cho rằng nước Pháp phạm tội ác?

Ông Nhựt trả lời:

- Không phải nước Pháp phạm tội mà chỉ có một số bọn Pháp.

Nước Pháp vẫn có La-van đấy!

Ông bố vợ giận dữ hầm hầm cầm tờ báo bỏ đi. Gần như từ đấy hai người không nói với nhau điều gì nữa.

Hiệp định sơ bộ 06 tháng 3 được ký kết, Kỹ sư Nhựt hy vọng.

Nhờ thế lực của gia đình - ông Nhựt và Ông Bích là con ông Đốc phủ sứ Nguyễn Ngọc Tương ở Bến Tre, một điền chủ lớn kiêm giáo chủ đứng đầu một giáo phái Cao Đài mà bọn Pháp đang muốn tranh thủ, vì thế, ông Nguyễn Ngọc Bích được chúng tha nhưng không cho ở Việt Nam, chúng trục xuất ông sang Pháp để “*quản thúc*”, không cho cách mạng, kháng chiến móc nối. Ông Bích đến Pa-ri không báo trước cho em biết, ông Nhựt đang ngồi xem báo thì anh ông lù lù hiện ra. Hai anh em gặp nhau sau gần bảy năm xa cách, ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Ông Bích khoác chiếc pa-đờ-xuy màu cỏ úa, quần áo ka-li vàng, chân đi boots, trông hùng dũng như một chỉ huy du kích. Ông cho em biết: “*Cụ Hồ về lãnh đạo khởi nghĩa kháng chiến, cả nước đứng bên Cụ, dân ta đã thực sự làm chủ, tụi tay đang viết lại trang lịch sử huy hoàng...*”.

- Anh nói tiếng Việt chen tiếng Pháp, tôi nghe một cách say mê. Tay tôi nắm chặt thành quả đấm lúc nào không biết! - Kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhựt vui sướng thuật lại với mấy người bạn tâm giao trên tàu.

- Việc tôi về nước gặp rất nhiều khó khăn - Kỹ sư Nhựt nói tiếp
- Khó từ Chánh phủ Pháp. Họ theo dõi tôi từng hoạt động trong giới Việt kiều trí thức, nhất là từ sau dịp tôi được tiếp kiến với phái đoàn ta tại Hội nghị Phong-ten-nơ-bờ-lô (Fontainebleau), với Hồ Chủ tịch. Tôi không tài nào xin được chiếu khán. Anh tôi tích cực giúp đỡ, cuối cùng tôi làm căn cước giả nhập vào sổ “*thợ không nghề*” để cùng các anh, các bác trở về nước hôm nay...



VỮNG MỘT NIỀM TIN

NGUYỄN KIM HỒNG

*Nhớ mãi ơn Người, lo giữ nước.
Vâng theo lời Bác, dựng xây đời.
Kính dâng Bác lòng kính yêu của con.*

*N*ăm 1956.

Trời Mỹ Lồng cuối đông rất ảm đạm. Trên đường vô “xóm Đạo”, từng tốp năm ba người lặng lẽ đi, suy tư, buồn thảm.

Cũng như hàng năm, vào ngày này, một số bà con khu phố, tuy không phải là thân nhân ruột thịt, tụ tập đến nhà thím Tư Tiểu ở cuối xóm đạo này để cúng cơm cho cô Thảo. Thảo là một cô gái đoan trang, một giáo viên dân lập hiền hậu nhất trong vùng. Cô bị giặc giết trong trận thảm sát Cầu Hòa cuối năm 1946.

Ông Bảy Thi, một cụ già lớn tuổi nhất, lần từng bước đến trước bàn thờ cô Thảo đốt nén hương và trở lại ngồi ở chiếc bàn bị một ăn loang lổ đặt ở giữa nhà, run run nói.

- Nhớ đến cháu Thảo, tôi thương quá! Cháu rất thùy mị, ít có đứa nào bằng. Hôm đó, tôi đang đập lúa, thấy cháu công con anh Bộ vô Cầu Hòa. Hỏi ra mới biết con nhỏ đi học thành linh ngã bệnh nên cháu công về nhà nó. Lát sau, súng nổ rộ, rồi từng búng khói ngùn ngụt bay lên, lửa cháy đỏ xóm Cầu Hòa...

Hớp một ngụm nước, ông tiếp tục với giọng đầy uất hận.

- Hôm đó, bọn lính UMDC⁽¹⁾ của tên Một On⁽²⁾ tàn sát hàng trăm bà con mình không kể trẻ già trai gái, trong đó có cháu Thảo, rồi quăng vào lửa. Cả xóm Cầu Hòa nhuộm màu tang tóc.

Bà Ba Chi đang ngoái trầu, từng giọt lệ lăn trên má hóp, tức tưởi:

- Thật là quân tàn ác. Dân mình có tội tình gì mà chúng đến đây bắn giết. Hồi Tây trở lại chiếm tỉnh nhà, chú Năm, ba cháu Thảo cũng bị nó giết chết rất thảm thương. Tưởng còn mẹ góa con cô, được bà con đùm bọc, hui hút làm ăn, nào ngờ...

Không khí yên lặng nặng nề trùm lên mái lá nhỏ hẹp của thím Năm. Có tiếng sụt sùi, nước nở khắp nhà trên, nhà dưới.

Lúc đó, anh Ba Tường, chủ hiệu thuốc tây Mỹ Lồng đến. Anh thấy thằng Lợi ở hướng Cầu Hòa đi ra, bảo bà con nên cảnh giác.

- Lợi nào? - Chị Hai Sang hỏi - phải Lợi “đơ-dèm”⁽³⁾ không? Cái thằng hết ôm cẳng Tây đến bợ dít Mỹ...

Chú Tư Ròm ngồi đối diện với ông Bảy, nãy giờ lặng thinh, nghe nói tới thằng Lợi, tay se se chòm râu ngạnh tre, nói :

- Nó tưởng đâu mình không biết nó làm mật thám. Hôm rồi, nó dẫn bọn “bình định” vô tui, tuyên truyền cái “chánh nghĩa quốc gia quốc diếc” gì đó và nói: “Mỹ rất thương dân mình, viện trợ cho mình đủ thứ”, rồi biểu tui ra nhà làng chở phân về bón ruộng...

- Rồi ông có đi chở không? - Có tiếng cắt ngang.

Chú chưa trả lời thẳng mà vuốt đầu đứa cháu năm tuổi đang đứng trong lòng:

- Con nói cho nội nghe cái gì mà “ai đời...”

(1) Unité mobile de dépense de la chrétienté (nhân dân thường gọi là “uống máu dân chúng”).

(2) Sous-lieutenant Léon Ieroy.

(3) Deuxième bureau (mật thám Pháp)

- “Ai đời bánh đúc có xương, ai đời giặc Mỹ lại thương dân mình”.

- Cũng chờ vậy! - Chú trả lời - Nhưng còn lâu. Vậy mà bữa sau, mấy thằng đó lại khiêng phân vô bỏ ở sân tui, biểu con Út đem vô để dành bón ruộng...

- Chà! Chú được “ân huệ” của “Tổng thống” dữ lắm! - Tiếng của anh Mười Xích Lô từ hàng ba xen vào.

- Ân với huệ gì! Bọn nó muốn “dê” con Út nhà tui nên mới “chiếu cố” như vậy đó chứ!

Anh Sáu Dân, công nhân nhà máy liên hiệp, có ý kiến :

- Bọn chúng phá hoại Hiệp định nên qua hai năm rồi, chúng không chịu Hiệp thương tổng tuyển cử. Nó còn “dụ” dân mình để nếu khi có bầu cử thì bỏ nhiều phiếu cho nó!

- Cũng “bỏ vậy” - Có tiếng từ nhà dưới vọng lên - Bỏ vô cái “việt” giặt “đồ dơ” của tôi là vừa!

Cô Chín Thợ May hỏi chú Tư Ròm:

- Cháu xin hỏi thiệt chú: Nếu có tổng tuyển cử, chú bỏ thăm cho ai?

Không chờ chú trả lời, có tiếng đồng thanh: - Cho ông Cự⁽⁴⁾

Tên Lợi vừa đi ngang nhà, nhìn vào. Anh Sáu Dân chộp xì rượu để trên bàn, rót và nói:

- Đây, cho ông cụ một ly đây...

Lợi bỏ đi.

Ở khu phố nhỏ hẹp này, giặc đã đặt bộ máy kềm kẹp rất nặng nề: Một văn phòng Tổng với Tổng đoàn dân vệ, một đại đội bảo an, một toán bình định và nhiều tên do thám thường xuyên lui tới. Nhưng có gì bạo ngược là phi nghĩa, là mất lòng dân, nghịch lý trời. “Sắt thép tinh ròng binh lính dữ; Không sao thắng nổi trái tim người”⁽⁵⁾. Bà con khu phố lúc nào cũng hướng về cách mạng.

(4) Cự Hồ.

(5) Ý rút ra từ bài thơ “Một thế kỷ mấy vần thơ” của Truy Phong.

Bà con chống chúng từ không chịu đốt đèn để trước nhà cho chúng dễ kiểm soát lúc ban đêm đến đập phá bảng liên gia, chống vào phòng vệ dân sự v.v... Cô Bảy Đang, nhà ở sát chợ, ngay cổng nhà làng vẫn chứa một cán bộ tỉnh đang công tác ở vùng này. Nhà ông Giáo Lắm sát tường nhà tên thư ký đặc biệt của Tổng, là nơi hội họp bí mật của anh em lãnh đạo khu phố. Anh Tư Hòa thợ mộc, nhà ở sát đường cái, vẫn bảo vệ đồng chí Huyện ủy ăn ở hoạt động công khai...

Năm 1957.

Sinh nhật Bác Hồ đến, trong khi ở miền Nam, bọn Mỹ nguy trắng trợn phá hoại hiệp định Giơ-neo-vơ.

Theo chỉ đạo của khu phố, bà con tổ chức kỷ niệm trước một vài ngày. Khắp các xóm: Xóm Nhà máy, xóm Bến đò, xóm Đình, xóm Đạo... để tổ chức đám giỗ⁽⁶⁾. Bà con tập hợp hợp pháp để mừng ngày sinh của Bác.

Ở xóm Đình, khi nghe kể đến cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian truân của Bác, ông Chín Tui nói:

- Nếu không có cụ Hồ, không có cách mạng thì gia đình tui phải luôn chịu cảnh đói nghèo. Hồi trước, ba tui làm ruộng, đầu tắt mặt tối nhưng cùng năm mần tháng vẫn trắng tay. Thiếu lúa ruộng nhiều năm, lúa vay chồng chất, ba tui bị “đóng trần”⁽⁷⁾, tui phải ở đợ cố công cho điền chủ. Cụ Hồ về, cách mạng về, gia đình tui được cấp đất, thoát được cảnh bị áp bức bóc lột. Ổn của Cụ Hồ, của cách mạng, không biết đến bao giờ tui mới quên.

Ngày tháng trôi qua nhưng độ dài thời gian còn hằn sâu trong ký ức bà con, những nỗi đau buồn khi nhớ lại cuộc đời lầm than cơ cực. Cái xóm nhỏ này cũng như biết bao xóm khác, chỉ biết sống âm thầm, tủi nhục, nghèo xác xơ chen chúc lợp cùng đình. Càn cù lao động đem lại sức sống cho đời nhưng đến cuối mùa, phải cắn răng gặt lệ để những “nàng thơm”, “nàng hương...” ngậm ngùi ra đi vào lăm của điền chủ. Phải chăng những nông

(6) Đám giỗ để nghi trang.

(7) Một hình phạt dân đen thời Pháp thuộc.

dân tạo ra nó không có quyền thụ hưởng thành quả của mình mà kẻ được hưởng phải là những kẻ giàu sang, ngồi mát ăn bát vàng, bọn cường hào ác bá?! Từ ngày có Bác, có cách mạng, những “nàng hương”, “nàng thơm”, “nàng tiên”, “nàng trích” được trở về chủ cũ.

Nhưng, bình minh vừa ló rạng thì những áng mây mù đã kéo đến. Bọn địa chủ cường hào ác bá dựa vào thế lực của cái gọi là “Việt Nam Cộng hòa” này mưu toan tước đoạt lại cuộc sống của bà con. Viễn ảnh tiếp tục bị áp bức bóc lột, chân lý, quyền sống tiếp tục bị chà đạp dưới gót sắt của bọn giả nhân giả nghĩa tự xưng là “dân chủ tự do”. Bà con càng căm thù bọn mặt người dạ thú, càng gắn chặt với cách mạng vì chỉ có Bác Hồ, có cách mạng mới đem lại ấm no hạnh phúc thật sự.

Ở xóm Nhà máy, khi nghe nói đến Bác Hồ lúc nào cũng nhớ tới đồng bào miền Nam ruột thịt. Ông thợ rèn Thép nói:

- Cụ Hồ là một nhà yêu nước vĩ đại. Cụ cũng yêu cả nhân loại cần lao. Không có Cụ Hồ, không có độc lập tự do. Nhờ Cụ, mình phải đòi⁽⁸⁾ thi hành Hiệp định, Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà để bà con mình sớm rước Bác vào thăm.

Ở trường Trung học tư thực Mỹ Lồng, cách văn phòng Tổng và đại đội bảo an không xa, giáo viên, hội cha mẹ học sinh tập hợp dưới hình thức tổng kết học kỳ để kỷ niệm sinh nhật Bác.

Sau khi nghe anh em kể về tiểu sử và đạo đức cách mạng của Bác, một số phụ huynh nói nhiều mẫu chuyện về Bác. Đến phần văn nghệ, anh Giáo Tám ngâm thơ “*Nhật ký trong tù*” của Bác, anh Giáo Lê thuật phim “*Trên bờ sông Imbre*”, học sinh múa “*Mùa hoa nở*”, “*Giải phóng quân nhập thành*”....

Sáng 19 tháng 5.

Nhiều truyền đơn đòi thi hành Hiệp định Giơ-neo-vơ, đòi hòa bình thống nhất, đòi tự do dân chủ..., những khẩu hiệu “*Hồ Chủ tịch muôn năm!*”, “*Đả đảo Ngô Đình Diệm!*” hiện lên khắp khu

(8) Bọn Mỹ Ngụy.

phố. Bọn tề không dám đến nhà hàng, tên tổng giả bệnh không đi công sở. Bọn bảo an, dân vệ mặt dáo dác, uể oải nhặt từng lá truyền đơn.

Hôm nay, bà con đi chợ rất đông, mặc quần áo đẹp, nói cười vui vẻ. Bán buôn có trật tự hơn thường ngày.

Cũng hôm nay, địch chọn ngày “*Tố Cộng*”(!). Chúng gom bà con lại rạp hát Long Châu nhưng bà con kháng cự phải giằng co. Bọn bảo an, dân vệ với vẻ mặt đầy âu lo, sợ sệt, làm ngơ không thúc ép.

Lúc tên Đội Bốn, Trưởng đoàn “*Công dân vụ*”⁽⁹⁾ lên bục trước mọi người thì ông Giáo Lương tới. Ông là người kháng chiến cũ, đặc biệt là có nhiều mưu trí. Khi hòa bình được lập lại, địch thường rình rạp nhà ông. Ông đã quấy mừng mền chiếu gối đến gặp tên tỉnh trưởng để xin ở tù còn sướng hơn ở nhà mà luôn bị theo dõi, buộc tên tỉnh trưởng phải can thiệp.

Nay nghe chúng “*Tố Cộng*” ngay ngày toàn dân mừng sinh nhật Bác nên ông quyết tâm phá tan cái trò bỉ ổi này.

Ông mặc chiếc quần mốt có nhiều miếng vá, áo dài xuyên cũ xưa, mang giày “*hàm ếch*”⁽¹⁰⁾ rách, quấy xoong ấm củi đuốc đến rạp Long Châu và đi thẳng vào. Bọn lính gác thẳng này ngó thẳng kia, chúm cười không dám ngăn lại. Bà con lúc bấy giờ, không ai bảo ai, tập trung trước rạp hát ngày càng đông, gây ồn ào náo động.

Khi tới giữa rạp, ông để gánh xuống, ung dung nấu nước. Khói lá dừa chưa được khô tỏa ra mù mịt.

Tên Đội Bốn nhảy xuống quát:

- Sao ông làm mất trật tự vậy?

Ông không thèm nhìn tên ác ôn, mỉm cười và chậm rãi nói:

- Lính lừa tôi tới đây trong khi tôi chưa uống trà sáng, buộc lòng tôi đem theo để nấu uống. Và trưa nay, tôi cũng nấu cơm ăn

(9) Thực chất là bọn Phượng hoàng - Thiên nga.

(10) Còn gọi là giày Gia Định.

tại đây để nghe ông “tố” suốt ngày. Của tôi, tôi nấu mặc tôi, còn ông, ông “tố” cứ “tố”, can chi mà mất trật tự?

Tên Đội Bốn chưa kịp nói gì thêm, ông Giáo tiếp:

- Ông đội ạ, tôi nghĩ thì không biết ai tố ai. Trước đây tôi là một công chức của Pháp. Nếu như Pháp trở lại xâm chiếm nước ta, tôi ở lại cộng sự với Pháp thì có lẽ sẽ được “trọng dụng”(!). Nhưng tôi cũng như bao người khác, không muốn khom lưng làm nô lệ. Tổ tiên ta đã từng đứng lên chống ngoại xâm để bảo vệ độc lập của Tổ quốc. Đó là lòng yêu nước. Như vậy, yêu nước là có tội sao? Còn ôm chân bọn xâm lược để giết hại đồng bào như vụ tàn sát ở Cầu Hòa chẳng hạn, đó lại là có công sao? Như vậy ai là người có tội?

Tên Đội Bốn hậm hực:

- Thôi đi! Dẹp luận điệu cộng sản của ông đi!

- Không! Không phải là luận điệu của cộng sản mà chính đó là lẽ phải, là chân lý. Theo tôi nghĩ, ông làm công dân vụ là vì đồng lương, vì cuộc sống của ông thôi, chứ trong thâm tâm ông; không lẽ ông không thừa nhận những người chống xâm lăng là yêu nước. Chỉ có những kẻ vô lương tri mới theo bọn cướp nước chà đạp trên mồ mả ông cha đã từng hy sinh xương máu để bảo vệ non sông gấm vóc này.

- Ông muốn gì? - Tên Đội Bốn hăm dọa.

- Tôi muốn cũng như ông muốn, là nước nhà được hòa bình thống nhất, bà con được dân chủ tự do. Hay lời ông hỏi tôi còn hàm ý là ông hăm dọa tôi, là ông bảo rằng có lẽ tôi muốn ông bắt bỏ tù. Nếu như thế càng hay vì những người yêu nước, không riêng gì tôi, đã chấp nhận mọi gian khổ hy sinh. Nếu tôi sợ chết tôi không theo Việt Nam chống Pháp, nếu tôi sợ ở tù thì vừa qua tôi không dám đến xin tỉnh trưởng cho tôi ở tù. Nói lẽ phải dù có bị ông bắt bỏ tù, tôi tin rằng bà con không bao giờ ghét bỏ tôi.

Có tiếng đồng thanh:

- Hoan hô ông Giáo Lương! Hoan hô ông Giáo Lương! Hoan hô...

Trước khí thế đông đảo của bà con, tên Đội Bốn và đồng bọn
bèn lên rút đi.

Bà con khu phố Mỹ Lồng trước sau vẫn một lòng một dạ theo
cách mạng, kính yêu Bác Hồ. Càng kính yêu Bác, bà con càng
căm thù bọn Mỹ và tay sai đã phá hoại Hiệp định nhưng bà con
vẫn vững một niềm tin: Có Bác Hồ, có Đảng, nhất định nước nhà
thế nào cũng được hòa bình, thống nhất, độc lập, tự do.

Năm 1990



NHỚ LẠI LẦN GẶP BÁC CỦA ĐOÀN KỊCH NÓI NAM BỘ

HOÀNG NAM

Cách đây 22 năm, hồi ấy tôi là một diễn viên của Đoàn Kịch nói Nam bộ thuộc Nhà hát Kịch Việt Nam.

Trong những năm giặc Mỹ ném bom ở miền Bắc, chúng đánh mạnh nhất là ở Khu 4 cũ như: Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Bình và khu Vĩnh Linh phía Bắc của giới tuyến 17.

Nhân dân miền Bắc thường gọi ba tỉnh nói trên là tuyến lửa Quảng Bình.

Do đó mà hàng năm Đoàn Kịch Nam bộ xin với Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) được đi phục vụ cho quân và dân vùng tuyến lửa.

Ý nghĩ của anh chị em trong Đoàn, dù sống trên đất Bắc nhưng cũng hiểu biết một phần nào chiến tranh, qua thực tế cũng bị ngạt thở vì sức ép của bom, quần áo cũng bị thương nhiều lỗ vì bom bi và mảnh rốc két.

Phục vụ ở tuyến lửa khác hơn ở Hà Nội. Đoàn chúng tôi diễn không có phong cảnh, không sân khấu, diễn bờ suối, ở rừng thông, diễn ban ngày.

Khán giả ngồi xem, chỗ diễn viên biểu diễn cách nhau không đầy một mét, nhưng lạ thay, sự truyền cảm giữa diễn viên với khán giả không khác gì ở Hà Nội mà có phần trội hơn nữa là khác. Có những trận cười vang cả núi rừng, có những tràng vỗ tay

còn hơn pháo Tết và có lúc im lặng tưởng chừng như không có người xem. Chúng tôi biểu diễn những lúc như vậy, chúng tôi chỉ thấy những giọt nước mắt của khán giả lăn tròn trên đôi má của họ.

Mỗi ngày, Đoàn chúng tôi diễn hai, ba đợt, đối tượng phục vụ ưu tiên của chúng tôi là những đơn vị sắp vượt Trường Sơn vào tuyến đầu của Tổ quốc.

Chúng tôi đi đến đâu cũng được đón tiếp nồng nhiệt và ngược lại chúng tôi cũng đem hết khả năng mình phục vụ như nói ở phần trên.

Mỗi đợt công tác như vậy thường là mùa nắng, đầu mùa mưa là chúng tôi trở về Hà Nội. Về đến Hà Nội chưa đầy một tháng thì một vinh dự bất ngờ đến với Đoàn Kịch nói Nam bộ.

Vào khoảng trung tuần tháng 6 năm 1967. Đoàn chúng tôi được một tin báo của Ban Giám đốc Nhà hát Kịch.

- Đêm nay Đoàn Kịch Nam bộ sẽ phục vụ cho một phái đoàn đặc biệt, địa điểm phục vụ sẽ báo sau. Năm giờ xe đến đón các đồng chí, tiết mục biểu diễn là những tiết mục vừa rồi các đồng chí phục vụ ở tuyến lửa Quảng Bình - Lời của đồng chí Bí thư Chi bộ Nhà hát Lê Trọng Sâm.

Thế là một cuộc bàn luận của anh chị em trong Đoàn nổi lên rôm rả.

- Phái đoàn này nhứt định là từ miền Nam ra.

- Tôi cho là Ban Tuyên huấn Trung ương muốn xem lối phục vụ của Đoàn mình để rút ra kinh nghiệm. Rồi từ đó chỉ đạo cho hướng phục vụ tới ở chiến trường.

- Tốt hơn hết là chúng ta nên ôn lại lời kịch để tối nay diễn cho tốt, còn phục vụ ai tối chúng ta sẽ rõ.

- Tất nhiên điều đó không ai chối cãi được.

Cuộc luận bàn chấm dứt, ai làm việc nấy.

Đúng 5 giờ, xe đến đón Đoàn như đã hẹn. Đoàn mang theo ba tiết mục - Số anh chị em đi phục vụ đêm nay chỉ có 20, còn gần một nửa phải ở lại để học văn hóa - Trong số người ở lại có tôi.

Khoảng 10 giờ thì Đoàn về - đồng chí Lê An gặp tôi và nói:

- Sáng mai 7 giờ làm việc... Anh nhớ nấu cho tôi hai phích nước, tôi sẽ báo cho anh và các đồng chí ở nhà nghe một tin đặc biệt. - Đồng chí nói xong lấy xe đạp về nhà riêng.

Sáng hôm sau Đoàn họp đúng giờ – Tin đặc biệt đồng chí kể lại như sau:

Xe chạy về hướng hội trường Ba Đình, nhưng đến Hội trường xe không dừng lại, khi xe chạy đến Phủ Chủ tịch thì xe dừng lại, anh em nhìn nhau không hiểu gì cả.

Các đồng chí bảo vệ Phủ Chủ tịch mở cổng rồi nói với Đoàn:

- Đêm nay các đồng chí sẽ diễn cho Bác xem. Vậy các đồng chí và chúng tôi phải có trách nhiệm bảo vệ Bác. Ngừng một chút rồi các đồng chí tiếp:

- Các anh các chị nên kiểm tra lại trong va ly hóa trang xem có những gì mà không phải của mình không, kể cả trong túi quần áo của các đồng chí nữa.

Lời của các đồng chí bảo vệ vừa làm chúng tôi lo sợ vừa là vui sướng.

Nỗi lo của Đoàn thì ai cũng biết là Bác phải được an toàn. Vì vậy mà anh em kiểm tra đi kiểm tra lại mặc dù những thứ mà hằng ngày quá quen với nó như: Son, phấn, lược, gương rồi đến cho tay vào túi áo túi quần hết túi này đến túi nọ.

- Thôi được rồi. Các đồng chí xuống xe vào phòng khách của Bác - Rồi anh chị em trong đoàn đi theo các đồng chí bảo vệ.

- Kia Bác kia rồi! - Đồng chí Trần Biên nói làm anh em lo sợ quá.

Thật vậy! Bác ra tận cửa phòng khách đón anh em,

Do lòng kính trọng và nỗi khao khát từ lâu được tiếp cận bên Bác nên không ai bảo ai mà gần như đồng loạt có tiếng hô:

- Bác Hồ muôn năm! Chúng cháu chúc Bác sống lâu muôn tuổi!

- Được rồi! Bác sống đến ngày miền Nam giải phóng để Bác cùng đi với các cô chú vào thăm đồng bào trong đó - Bác nói như vậy rồi Bác đi đầu để anh em theo Bác vào phòng khách.

- Các cô chú ngồi đi! Bác chưa có gì để khao các cô chú ngay

bây giờ đâu... - Bác nói và cười y như một người cha đối với đàn con còn thơ ấu.

Anh em chưa dám ngồi thì các đồng chí bảo vệ nói nhỏ:

- Bác mời thì các đồng chí ngồi đi! Đêm nay khoảng 10 giờ Bác còn tiếp một vài vị khách quốc tế nữa.

Anh em ngồi xuống nhưng mắt thì cứ nhìn Bác chăm chăm.

Sau này có một vài anh chị em nói:

- Lúc đó tớ định đếm chòm râu của Bác coi được bao nhiêu sợi, nhưng nước mắt muốn chảy ra làm mắt mờ đi không đếm được.

- Bác nghe Bộ Văn hóa và các đồng chí Tỉnh ủy Quảng Bình báo với Bác là các cô chú Đoàn Kịch Nam bộ phục vụ nhân dân và bộ đội trong các tỉnh Khu 4 cũ tốt lắm. Vậy đêm nay các cô chú cho Bác xem những tiết mục và cách diễn như ở trong ấy được chớ?

- Thưa Bác chúng cháu xin sẵn sàng!

- Diễn không sân khấu không có màn nhưng: Bác ngồi đây xem - rồi Bác đưa tay chỉ về trước mặt - Sân khấu ở chỗ đó. Các cô chú đồng ý không?

- Dạ thưa Bác! Chúng cháu sung sướng lắm!

- Vậy thì các chú trong cơ quan - Bác chỉ các đồng chí bảo vệ - Hãy phụ dịch một số bàn ghế sang một bên để cho đoàn biểu diễn.

Biết Bác không có thời gian như các đồng chí bảo vệ đã nói nên Đoàn chuẩn bị trong 20 phút là diễn ngay.

- Thưa Bác! - Chúng cháu chuẩn bị xong rồi xin phép Bác cho đoàn biểu diễn. - Tôi trình với Bác như vậy.

- Khán giả hôm nay có ít, không rõ các cô chú có hào hứng hay không?

- Dạ có ạ - Tiếng nói của anh em trong Đoàn.

Bác nói với các đồng chí bảo vệ:

- Các chú trong cơ quan xuống đây cùng xem với Bác.

Tôi bước ra trong bộ trang phục bà ba màu đen - với những lời ngắn gọn để đại diện cho Đoàn tỏ lòng biết ơn đối với Bác.

Đoàn diễn liền ba tiết mục, nội dung là ca ngợi nhân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước, thời gian chừng một tiếng. Mỗi tiết mục diễn xong đều được Bác vỗ tay cổ vũ.

Lần thứ hai tôi bước ra cùng với anh chị em trong Đoàn để chào Bác và báo cáo với Bác là buổi biểu diễn kết thúc.

- Các cô chú lo cho sức khỏe của Bác phải không? Lúc này Bác khỏe lắm. Các cô chú đến đây với Bác, chúng ta cùng liên hoan một bữa! - Bác cười và nói tiếp:

- Các cô chú là khách riêng của Bác! Nên tiêu chuẩn tiếp khách có khác, Bác mới lĩnh lương một phần Bác gửi tiết kiệm một phần Bác dành cho các cháu thiếu nhi trong dịp Trung thu - Do đó mà Bác tiếp các cô chú chỉ có trà kẹo và thuốc lá mà thôi.

Lời nói tuy đơn giản của Bác nhưng làm cho anh chị em nước mắt cứ trào ra!

Các đồng chí giúp việc cho Bác đem kẹo, thuốc, nước trà đến mấy cái bàn gần chỗ Bác ngồi rồi thưa với Bác:

- Thưa Bác! Chuẩn bị xong rồi!

- Các chú ngồi xuống gần đây tiếp khách cùng với Bác.

- Nào! Bác cháu ta cùng liên hoan, ưu tiên cho các cháu nữ, không hút được thuốc thì ăn kẹo nhiều hơn! - Bác quay sang anh em nam giới - Các chú cứ tự nhiên hút thuốc ăn kẹo, uống trà. - Bác nhắc hai, ba lần anh chị em mới cầm mỗi người một viên kẹo, nhưng nào có ai ăn chỉ trùi mền nhìn Bác mà thôi!

- Đoàn Kịch Nam bộ quân số được bao nhiêu? - Bác hỏi:

- Dạ thưa Bác, diễn viên 36, các bộ phận khác 10! - Tôi nói với Bác như vậy.

Bác nhìn anh em trong đoàn một lúc rồi Bác nói:

- Vắng mặt gần phân nửa, các cô chú ấy có ốm đau gì không?

- Dạ thưa Bác, các đồng chí đó vẫn khỏe! Lý do vắng mặt hôm nay là các đồng chí ấy bận học văn hóa.

- Vậy là tốt! Muốn cho nghệ thuật đừng có tuổi già thì người làm công tác nghệ thuật phải có trình độ văn hóa nhất định.

Một đồng chí (hình như thư ký riêng của Bác thì phải) đến gần

Bác nói: - Thưa Bác, còn 30 phút nữa là 10 giờ ạ.

- Vậy là Bác cháu ta phải tạm chia tay. Các cô chú cố gắng phục vụ bộ đội và đồng bào trong những đợt tới thật tốt. Một dịp nào đó Bác cháu ta sẽ nói chuyện lâu hơn. Bác đứng dậy nói với tôi:

- Cháu là người phụ trách, Bác nhờ cháu chuyển hộ Bác hai gói trà, ba gói thuốc và một số kẹo cho các cô chú ở nhà, cháu phải chia đều đừng để sót một ai và cả người trong gia đình của các cô chú.

Các đồng chí bảo vệ trao quà cho tôi, tôi đưa hai tay nhận lấy mà lòng xúc động không sao nói được.

Bác nói với các đồng chí bảo vệ.

- Các chú ở đây tiếp khách giúp Bác. – Nói xong Bác bước ra khỏi phòng đi về hướng nhà khách của Chánh phủ.

Anh em trong đoàn nhìn theo hướng Bác đi ngậm ngùi không ai nói một lời. Chẳng hai phút sau tiếng còi ô tô bên ngoài đã giục.

Anh em lần lượt ra khỏi phòng khách riêng của Bác – đồng chí Lê An kể xong cuộc gặp mặt của Đoàn Kịch nói Nam bộ với Bác Hồ là như vậy.

Rồi đồng chí đem quà của Bác ra chia cho anh chị em trong Đoàn như lời Bác dạy chỉ có nước trà là uống chung.

Tôi nhận bốn viên kẹo và hai điếu thuốc của Bác mà lòng tôi tự nghĩ: Không biết ngày nào mình được ngồi gần Bác như các đồng chí vừa rồi?

Cũng từ ý nghĩ đó mà năm nào tôi cũng có mặt trong những chuyến đi phục vụ ở tuyến lửa và có lần đi xa hơn nữa vào con đường mòn mang mã số 559 do đồng chí Đồng Sỹ Nguyên hồi ấy làm Tư lệnh trưởng.

Món quà tôi nhận của Bác trên 20 năm nhưng tôi có cảm nghĩ như tôi mới nhận hôm nào chứ không phải thời gian dài như tôi đã nhớ.



Ký

KỶ NIỆM KHÔNG QUÊN

Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Bác Hồ

DƯƠNG SINH

 hẳng Hà đi đã lâu mà ông Vân vẫn còn ngồi lặng bên bàn nước. Những lời của đứa con ngỗ ngược tuy làm ông đau nhưng ông vẫn đủ tỉnh táo để hiểu rằng những điều nó nói không phải hoàn toàn vô lý: “Ba trách tội con ăn điện, xài phí hả? Ba nói rằng hồi xưa ba cực lắm? Vậy chớ con hỏi ba: Nếu tội con bây giờ cũng như ba ngày xưa thì ba đi làm cách mạng gian khổ mấy chục năm để làm gì?...”. Bỗng nhiên kỷ niệm cũ lại kéo về, cái kỷ niệm mà cứ mỗi lần ông đứng trước sự cám dỗ của vật chất thì nó lại hiện về nâng đỡ ông vượt qua được những khi sắp trượt ngã...

* * *

Ngày theo cha ra Bắc tập kết và ở tại thành phố Vinh, cậu bé Vân mới hơn mười tuổi. Trong trí óc non nớt của Vân, Vinh là một thành phố nhỏ, xinh đẹp, thơ mộng nhưng nghèo quá. Nhưng ấn tượng để lại trong Vân cho đến tận bây giờ (lúc đã thành “Ông Vân”) là người dân ở đây sống kham khổ cực nhọc nhưng đầy lòng vị tha, chân thực vô cùng. Tình cảm của bà con, cô bác ở đây đã sưởi ấm cho lòng cha con Vân trong những năm dài xa quê, nhất là vào những ngày lễ Tết, hội hè gợi nhớ quê hương. Có lần Vân đã nghe ba nói: “Người dân ở đây cơ cực lắm con à! Nhưng họ có tấm lòng nhân hậu, chất phác như người dân quê mình vậy, đây là quê hương Bác Hồ!”. Lần đó Vân đã hỏi ba:

“Ba ơi! Đây là quê Bác Hồ, sao không khi nào con thấy Bác về thăm quê cả?”. Ba xoa đầu Vân và nói:

- Bác Hồ đang ở Hà Nội, Bác bận lắm, Bác phải lo chung cho cả nước nên chưa về thăm quê được con à! Nhưng con cứ ráng ngoan rồi mai một Bác Hồ về thăm quê thế nào con cũng được gặp!

Lúc đó có lẽ ba của Vân chỉ nói vậy để động viên cậu thôi, nhưng với Vân thì đó là một ước muốn lớn lao và không bao giờ rời bỏ cậu. Rồi quả thật, Vân đã được gặp Bác Hồ trong dịp Người về thăm quê lần đầu tiên (1957), nhưng lại vào lúc mà Vân không ngờ nhất.

Đó là một buổi sáng đầu hè, trời đẹp lạ lùng, nắng vàng rải khắp cả khu nhà tập thể của Tỉnh ủy Nghệ An (là nơi ba của Vân đang làm Trưởng ban Bảo vệ cơ quan). Vân tha thẩn chơi một mình, cậu vừa mới khỏi bệnh nên ba không cho đi chơi xa. *“Không hiểu hôm nay tụi nó đi đâu rảo trại, không thấy một đứa nào hết!”* – Đang nghĩ về bè bạn như vậy, Vân bỗng thấy từ phía nhà ăn của cơ quan (lúc đó ở miền Bắc gọi là nhà tập đoàn) có một đoàn rất đông người đi lên. Dẫn đầu đoàn người là một ông già trạc tuổi ông nội, bận bộ đồ ka ki trắng, đầu đội mũ xin-ga-po, chân đi đôi dép cao su, bên cạnh là bác Bí thư tỉnh và sau là các cô các chú trong cơ quan cùng nhiều người lạ khác. Lũ bạn cậu thì chạy lăng xăng phía trước, phía sau, có đứa chạy vượt lên rồi quay mặt lại nhìn chằm chằm vào ông già. Ông cụ dẫn đoàn người đi thẳng lại phía khu nhà tập thể. Tự nhiên Vân thấy hồi hộp, tim cậu đập mạnh, linh cảm của cậu mách chính ông cụ ấy là Bác Hồ, Bác Hồ mà đã bao lâu nay vẫn mong được gặp, nhưng Vân vẫn không dám tin... Đang ở trong tâm trạng như vậy, Vân đã thấy đoàn người đến ngay trước mắt cậu, rồi tiếng ông cụ cất lên ấm áp:

- Sao cháu lại ở đây một mình?

Vân vẫn đứng ngẩn người, không sao trả lời được... *“Bác... đúng Bác thật rồi!”*... Vân như người ở trong mơ, bỗng Vân nghe thấy tiếng ba.

- Kia Vân, Bác Hồ hỏi, con trả lời Bác đi chứ! Rồi ba quay lại thưa với Bác:

- Thưa Bác, đây là con của cháu, nó mới bệnh khỏi nên không đi đón Bác được.

Bác Hồ xoa đầu Vân âu yếm và quay lại gọi: *"Cô phục vụ đâu, cho Bác đĩa kẹo"*. Khi cô phục vụ đưa kẹo đến, Bác Hồ lấy mấy chiếc kẹo đặt vào tay Vân và âu yếm nói:

- Thôi, cháu nghỉ cho khỏi nhé !....

Đoàn người đã đi sang hội trường mà Vân vẫn cứ đứng lặng đi, tay vẫn cầm chặt mấy chiếc kẹo Bác Hồ cho...

Buổi chiều, Bác có cuộc tiếp chuyện với các vị nhân sĩ tri thức trong thành phố. Thấy các cháu đến đông, Bác đề nghị các chú trong cơ quan thu xếp cho các cháu ngồi dón lên hai hàng ghế đầu, rồi Bác nói:

- Bây giờ Bác cần nói chuyện với các cụ, các cháu phải yên lặng cho Bác nói nhé! Các cháu đồng ý không?

Sau tiếng *"dạ"* tập thể của các cháu, hội trường im phăng phắc. Bỗng Vân nghe ở hàng ghế sau cậu (dãy ghế của các cụ cao niên nhất), có tiếng nói nho nhỏ, giọng xúc động gần như nghẹn ngào! *"Trời ơi! Cụ Chủ tịch nước giản dị đến thế ư?"*... Gần cuối buổi nói chuyện, một cụ đứng dậy xin nói. (Hình như vẫn là cụ đã nói lúc nãy): *"Thưa Bác, được thấy vị Chủ tịch nước giản dị, gần dân, thương các cháu nhi đồng như vậy, chúng tôi rất mừng. Nhưng tôi nghĩ dù đất nước ta còn rất nghèo nhưng dù thế nào cũng không nên để một vị Chủ tịch nước ăn mặc đơn sơ như Bác được!"*. Cả hội trường bỗng xôn xao, nhiều tiếng nói: *"Phải, phải!..."*. Khi mọi người đã im lặng, Vân thấy Bác Hồ cười hân hậu và giọng Bác nói ấm áp:

- Thưa các cụ, nước ta dầu còn nghèo nhưng cũng thừa sức may cho vị Chủ tịch nước bộ quần áo đẹp hơn thế này nhiều. Và tôi, tôi cũng rất thích ăn mặc đẹp, thật đẹp càng tốt. Nhưng đất nước ta vừa qua chiến tranh, dân ta lại vừa bị một nạn đói khủng khiếp, đồng bào còn nhiều người ăn cháo, ăn rau, nên tôi được ăn mặc thế này cũng là quá tốt rồi. Vả lại, tôi là đứa con xa quê

lâu ngày về thăm quê chứ có phải khách đầu mà phải ăn mặc thật trịnh trọng!.

Hình như đầu đó trong hội trường bật lên tiếng nấc nghẹn ngào, nhiều người lau nước mắt.

* * *

Ba ông đã ngã xuống trên mảnh đất thành phố Vinh năm 1966, trong một trận chiến đấu với máy bay giặc Mỹ, nhưng kỷ niệm về lần gặp Bác Hồ vẫn theo ông Vân suốt đời... *“Tiếng Hà nói cũng có lý của nó. Nhưng đã đến lúc chỉ nghĩ đến hưởng thụ chưa?...”* Đúng rồi! Ông sẽ kể cho nó nghe về kỷ niệm này của chính ông, để nó hiểu thêm được công lao tình cảm của Bác Hồ và cũng là tấm lòng của những người đi trước!.



ĐAU THƯƠNG, NHỚ BÁC ĐI LÊN

Bác NGUYỄN VĂN ĐIỂN *kể*
TRẦN VĂN THỌ *ghi*

Năm 1969, Nich-xơn tuyên bố rút quân, nhưng cũng chính năm ấy, chính quyền Thiệu có một chương trình “*bình định cấp tốc*” để rồi đây có thể tự mình đối đầu với Mặt trận.

Chúng sử dụng quân chủ lực, quân địa phương phối hợp càn quét liên tục hòng chiếm lại vùng nông thôn đã mất. Các đường giao thông của ta bị địch phong tỏa, phong tỏa bằng đóng chốt hay phục kích, bằng pháo, bằng trực thăng, bằng giang thuyền, bằng mìn và bom tử trường... Vùng giải phóng của ta bị thu hẹp dần...

Trước tình hình khó khăn, các cơ quan của tỉnh phải dời sang cù lao Minh.

Tháng 6 năm 1969, cơ quan Ban Thi đua của chúng tôi bố trí đóng “*chốt*” tại nhà bác Chín Phát, ấp An Thạnh, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày.

Thực ra Ban Thi đua của tỉnh lúc ấy chỉ vắn vện có ba người: Tôi, anh Tám Bình và một thư ký đánh máy.

Anh Năm Nhất là cán bộ nghiên cứu công tác chính quyền của tỉnh, thành viên của Hội đồng Thi đua được bố trí ở chung với chúng tôi.

Sống trong lòng dân, được đồng bào nuôi dưỡng chở che nhưng đến đâu, dù ở lâu hay mau chúng tôi cũng phải đào hầm

bí mật, đồ đạc mọi thứ phải thu xếp gọn nhẹ để kịp thời đối phó trong trường hợp địch cần quét bất ngờ.

Cơ quan tôi có chiếc radio nhỏ. Mỗi khi rảnh rỗi mở đài, chúng tôi nhanh chóng nắm bắt được tình hình chiến sự và tin vui chiến thắng từ các nơi vọng về, lòng tin của chúng tôi được củng cố.

Buổi sáng hôm ấy – ngày mùng 3 tháng 9 năm 1969.

Tin Bác bị bệnh nặng qua làn sóng điện tử Hà Nội làm chúng tôi vô cùng lo lắng. Chúng tôi linh cảm một điều gì chẳng lành, nhưng không dám nói ra.

Trong ngày, ai nấy làm việc với một vẻ mặt ưu tư. Chốc chốc lại mở đài nghe ngóng xem tình hình sức khỏe của Bác ra sao rồi?

Một ngày dài dằng dặc, trì trệ, nặng nề... Đã hết buổi phát thanh trong ngày, không nghe đài báo thêm gì về tình hình sức khỏe của Bác.

Sáng ngày 4, trời chưa sáng rõ, như thường lệ tôi trở dậy nấu nước pha trà, cầm cái ra-di-o, kéo cần ăng-ten tìm đài Hà Nội.

Tiếng nhạc hiệu hôm nay sao lạ. Không phải bài hành khúc hùng tráng thường ngày. Rồi một giọng nam trầm thống thiết cất lên... *“Xin báo tin buồn cho đồng bào cả nước...”*

- Trời ơi! Các đồng chí ơi! Bác mất rồi! Tôi bàng hoàng, buông cái ra-di-o trên tay, cố nén tiếng nức nở chỉ chực bật ra khỏi cổ.

Anh Tám Bình, anh Năm Nhất ngồi bật dậy, cả gia đình xôn xao.

Anh Tám Bình ôm lấy tôi, nghẹn ngào, lòng xốn xang, hai hàng nước mắt từ từ lăn trên má, giọng nói đứt quãng:

- Bác mất thật rồi sao?

Thế rồi tin Bác mất truyền đi nhanh chóng. Hai tiếng *“trời ơi”* bàng hoàng, thẳng thốt vọng ra từ các căn nhà.

Anh em trong cơ quan, bà con quanh nhà chúng tôi ở cũng chạy đến, ngồi quanh chiếc ra-di-o, lắng nghe từng lời, từng lời... như xé ruột gan.

Lúc ấy đã hơn 8 giờ sáng, tôi gạt nước mắt, hội ý với anh em cơ quan và theo sự hướng dẫn của đài Hà Nội, chúng tôi thống nhất sẽ để tang Bác một tuần lễ và triển khai việc tổ chức Lễ truy điệu.

Không ai bảo ai, mỗi người một việc nhanh chóng lập bàn thờ thọ tang Người. Dưới lá cờ Đảng, tấm chân dung Bác viền băng đen đặt trang trọng trên bàn và bên cạnh chiếc độc bình được cắm lên những bông trang tươi tắn.

Anh em trong cơ quan và cả mấy dì, mấy bác trong các gia đình chúng tôi ở đều tề tựu đông đủ.

Không khí trầm lắng, trang nghiêm, xót xa...

Mỗi người đều tự gắn cho mình một mảnh băng tang trên ngực và cắm một nén hương tiễn Bác đi xa.

Tôi thay mặt cơ quan đọc bài điệu văn. Tôi nhắc đến công lao to lớn của Người... *"Bác đã hy sinh trọn đời mình cho nước, cho dân..."* lúc ấy tôi chỉ còn nghe xung quanh tiếng nức nở, sụt sùi...

Phút mặc niệm đã qua...

Anh Tám Bình đến trước bàn thờ Bác nghẹn ngào - *"Con ước ao một lần được gặp Bác, thế mà nay, Bác đã đi xa..."*.

Nhìn khòe mắt của anh buồn, nhưng rắn rỏi, giữa hai hàng lông mày hằn lên một nếp nhăn căng thẳng.

Bác Chín đứng lặng trước chân dung Bác kể lại cuộc đời đau khổ của mình trước đây:

- Đời tôi không có Bác, không có cách mạng thì vẫn chỉ là người tá điền, làm thuê, ở mướn cho bọn địa chủ, rồi cuộc đời tôi không biết sẽ ra sao?

Trước bàn thờ Bác, mỗi người ôn lại một ký ức sâu sắc về Người.

Mấy dì này giờ ngồi ở một góc nhà, khóc thút thít như con trẻ.

Riêng tôi, trong trái tim nóng bỏng của mình luôn nghĩ về Bác, hướng về Bác. Trong những tháng năm kháng chiến gian khổ chúng tôi vẫn đinh ninh, tin tưởng ngày mai chúng tôi sẽ chiến thắng; miền Nam hoàn toàn giải phóng để Bác được nhìn thấy

non sông một dải, để đồng bào Bến Tre được đón Bác về thăm,
được nhìn thấy Bác cho thỏa nỗi nhớ mong.

Dau đớn thay! Điều mơ ước ấy đã không đến sớm.

Chúng tôi ân hận biết chừng nào!

Đêm ấy, chúng tôi không ai ngủ, nỗi đau quặn thắt,

Nằm bên nhau vẫn cứ trần trọc nghĩ về Bác, về sự nghiệp
cách mạng.

Ngoài trời mưa rả rích, đêm mưa thu lành lạnh. Tiếng mưa
đêm lại làm cho chúng tôi tê buốt cõi lòng.

* * *

Vậy là Bác đã đi xa thật rồi, nhưng Bác vẫn còn sống mãi với
cháu con, với dân tộc Việt Nam. Ai cũng nhận rõ điều đó, nhưng
trong mỗi chúng tôi vẫn thấy mất đi một cái gì to lớn lắm, cao
quý lắm trong đời sống tình cảm và nỗi đau trong lòng sẽ mang
theo suốt năm, tháng.

Chỉ có hành động, hành động theo những lời dạy bảo của
Bác, yêu những cái Bác yêu, ghét những cái Bác ghét, làm
những việc Bác làm thì mới có thể bù đắp lại.

Từ ý nguyện đó, chúng tôi gạt nước mắt, nén chặt đau thương
lao vào cuộc sống chiến đấu.

Trên đường ra phía trước, chúng tôi đều như thấy Bác đang
vẫy gọi tiến lên!



NHỚ BÁC

HUY HÀ

Bác đã lên đường sao Bác ơi!
Đồng bào, đồng chí lệ tuôn rơi.
Miền Nam đón Bác đâu còn nữa!
Phải chi Bác sống giúp thêm đời.

Ảnh Bác. Cầm lên con ngắm nhìn
Nhìn chòm râu bạc, trán mênh mông
Dịu hiền thương xót dân nô lệ
Hiến cả đời người cho núi sông.

Quạnh quẽ vườn rau buổi sớm chiều
Đâu còn thấy Bác đến thăm nom
Kìa cây vú sữa, ai chăm sóc
Càng nhắc, càng thương nhớ Bác nhiều.

Có những đêm dài chẳng ngủ ngon
Bác nhớ miền Nam - Mỹ hãy còn
Bác theo từng bước tin ta thắng
Rất đổi vui mừng với chúng con.

Bác ơi! lòng Bác rộng bao la
Sữa để em thơ, lụa tặng già
Thương khắp kiếp người, vì áp bức
Áo vải mong manh, chẳng lụa là.

Suốt đời nào được chút thanh thoi
Tâm hồn yêu nước, nặng yêu đời
Bác ơi! Lòng Bác mệnh mông quá
Lo hôm nay và cả... mai sau!

Bác ơi! Đi mãi đến nơi đâu...
Dân tộc đau lòng, khắp năm Châu
Ngày xuân, tiếng Bác không nghe nữa!
Tìm lại giọng người, cuộn băng thâu.

Muôn vãn, thương nhớ Bác Hồ ơi!
Thương Bác, là con mãi nhớ lời
Bắc Nam ruột thịt ai chia được
Dòng giống Rồng - Tiên chẳng tách rời.

Ơi! Bác Hồ ơi! Bác kính yêu
Miền Nam thương tiếc Bác bao nhiêu
Trọn đời tranh đấu cho giai cấp
Dân tộc nhớ ơn Bác rất nhiều

Muôn vạn tình thương cho chúng con
Đời người thanh bạch chẳng vàng son
Cứu quốc, anh hùng duy có một
Và luôn chăm sóc đến mầm non.

Ơn Bác cao thâm thể biển trời
Nhớ lời Bác dạy, chẳng hề lời
Quyết tâm chiến đấu không lùi bước
Để có ngày vui đến mọi nhà.

Năm 1969



ANH BA ĐÂY ĐỂ TANG BÁC HỒ

Người sưu tầm và viết truyện LÊ DÂN

Cho đến nay, bà con xã Bình Hòa vẫn còn nhớ một sự kiện khác thường. Anh Ba Đây, một người bị câm, điếc để tang Bác Hồ trong vùng giặc kềm kẹp.

Anh tên thật là Võ Văn Đây, sinh năm 1924, tại ấp 3, xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo, bản thân anh phải chịu khuyết tật bẩm sinh: câm, điếc. Nhưng anh Ba Đây chịu khó tìm hiểu và rèn luyện cho mình một khả năng hiểu biết như người bình thường. Đặc biệt là anh rất căm ghét bọn giặc, một lòng kính yêu Bác Hồ và rất mực trung thành với cách mạng.

Từ thuở nhỏ, cha mẹ nghèo lại bị tật nguyên, anh Ba Đây đã phải sống bằng nghề đóng đáy sông. Hồi kháng chiến chống Pháp, mặc dù còn nhỏ nhưng anh đã có ý thức ủng hộ kháng chiến. Mỗi lần đi bán tép, cá ở chợ Giồng Trôm, hề thấy bọn lính Tây chuẩn bị đi ruồng bố, anh quay về ngay và tìm anh em cán bộ để báo tin. Khi có lính Tây, anh ra dấu bằng cách vuốt mũi, tay chỉ về hướng chợ và làm động tác cầm súng. Dần dần anh em cán bộ quen với cách báo tin ấy và anh Ba Đây thật sự trở thành “Trình sát công khai” của anh em cán bộ xã Bình Hòa,

Trong những ngày đầu Đồng khởi năm 1960, mặc dù không thể nghe được tiếng trống, tiếng mõ của bà con đánh tác động

tinht thần kẻ thù. Nhưng, anh Ba Dây hiểu rõ tác dụng của tiếng trống, tiếng mõ ấy. Anh tham gia đánh mõ hằng đêm rất tích cực.

Bom đạn Mỹ chà xát quê anh rất dữ, song, anh Ba Dây vẫn kiên quyết bám đất. Anh bị pháo địch bắn bị thương hai lần nhưng anh vẫn ở lại bám mảnh đất, bám cái sào đáy để sống, để đi bán cá, tép ở chợ, để nắm tin tức và báo cho cách mạng.

Khi Bác Hồ qua đời, thấy mọi người sao lại khóc, lại đeo cái băng tang khác thường, anh Ba Dây tìm cán bộ để hỏi. Mọi người giải thích cho anh hiểu rằng Bác Hồ đã mất, anh Ba Dây hiểu ra và xúc động thật sự. Anh khóc suốt ngày và xin cho được một cái băng tang cài lên ngực áo như mọi người. Hôm sau, đi bán tép, cá ở Cống Cát Lở (vùng địch kềm kẹp) anh vẫn khóc và vẫn đeo cái băng tang. Bọn giặc thấy vậy liền bắt anh, chúng đánh đập anh tàn nhẫn và giật phăng cái băng tang quăng đi. Anh Ba Dây tức tối dấm ngực, cắn răng, hai hàng nước mắt căm giận trào ra.

Thấy anh bị căm điếc, bọn giặc không thể giam giữ, chúng phải thả anh về. Về đến nhà, anh tìm cán bộ và bà con xung quanh, ra dấu kể lại việc bọn giặc bắt đánh anh như thế nào, rồi anh lại xin một cái băng tang khác cài lên ngực áo.

Năm 1972, trong lúc bơi xuống đi đóng đáy, anh bị một quả pháo địch nổ làm bị thương nặng và chết.

Cho đến nay, khi nhắc lại sự kiện này, mọi người đều xúc động thương tiếc anh Ba Dây, một con người bị tật nguyền nhưng tấm lòng thật sáng trong.

Tháng 3 năm 1990



BIẾN ĐAU THƯƠNG THÀNH SỨC MẠNH

TRỊNH HOÀNG HOANH *kể*
NGUYỄN KIM ỨNG, HUỲNH THỊ KIM CHI *ghi*

Năm 1958, tôi gặp chuyện rủi ro: bị bắt trong lúc công tác tại Huyện ủy Giồng Trôm (Bến Tre). Năm 1961, chúng đẩy tôi ra Côn Đảo. Anh em, đồng chí nào đã từng bị đẩy ở Côn Đảo thì chắc là biết được cái “*địa ngục trần gian*” này. Số anh em Bến Tre ra ngoài này cũng không phải là ít. Tôi ở chung với các anh cùng quê như anh Phạt, anh Túc, anh Bảy Lượng, anh Hoàn (Tư Nguyên), anh Mười Phòng, anh Hải... (có người hiện còn công tác, có người về hưu và cũng có người không còn). Tuy sống xa đất liền, không được tin tức gì của anh em, đồng bào, gia đình trong ấy, tuy thiếu thốn mọi bề nhưng chúng tôi vẫn hoạt động có tổ chức, có ban lãnh đạo, vẫn có những phong trào học tập văn hóa, chính trị. Anh em tổ chức những đường dây bí mật để thu lượm tin tức từ đất liền, do đó chúng tôi vẫn nắm được một số tình hình thời sự (anh em xin đi đổ rác, đổ phân, giả bệnh đi xin thuốc, tranh thủ bọn lính gác trong lúc lao động...). Và một điều đặc biệt là giữa bốn bức tường đá của nhà tù, giữa những họng súng đen ngòm của bọn lính, chúng tôi vẫn không quên những ngày lễ lớn (3 tháng 2, 2 tháng 9, 19 tháng 5). Không có điều kiện tổ chức, chúng tôi cũng tập hợp sinh hoạt nói chuyện về ý nghĩa của những ngày lễ, những mẩu chuyện vui trong bước

đường hoạt động cách mạng, những mẫu chuyện về Bác Hồ, rồi liên hoan văn nghệ... Chính đây là liều thuốc bổ củng cố niềm tin, gây phấn khởi cho anh em chúng tôi giữa cái địa ngục này.

Những lần chúng tôi tập hợp nói chuyện chính trị, bọn lính mà biết được chúng đánh đập rất dã man. Chúng càng đàn áp, phong trào đấu tranh càng lên cao, lan rộng khắp nơi (chúng tôi chống chào cờ, chống suy tôn Ngô Đình Diệm như: khi chào cờ không mặc áo, chân không khép lại...). Anh Mười Phòng (Nguyễn Hữu Phòng - trước hoạt động hợp pháp ở Bến Tre là thợ điện - sau bị bắt vì nằm trong tổ nội tuyến cướp chính quyền Bến Tre năm 1961) sau những lần đấu tranh bị chúng đánh đập dữ dội. Bọn chúng hỏi anh: *"Vì sao mày chống chào cờ?"*. Anh trả lời: *"Vì tôi thấy lá cờ này không chính nghĩa"*. Bọn chúng hét lớn: *"Vậy lá cờ nào mới chính nghĩa?"*. Anh trả lời ngay: *"Lá cờ Mặt trận Tổ quốc!"*. Thế là chúng lại đánh. Sau đó, chúng đưa anh xuống ở chuồng cọp. Dù bị tù đầy tra tấn, anh em chúng tôi vẫn một lòng tin tưởng vào Bác, vào Đảng, tin một ngày cách mạng sẽ thành công.

Giữa lúc ấy, chúng tôi nhận được một tin vô cùng đau xót. Bác Hồ - vị lãnh tụ vô vàn kính yêu đã mất. Không có bút mực nào có thể diễn tả lại nỗi đau như xé lòng của anh em chúng tôi lúc bấy giờ. (Bác mất ngày 3 tháng 9 năm 1969, nhưng mãi đến khoảng 10 ngày sau chúng tôi mới biết. Chúng tôi biết được tin này là do những người lính mà chúng tôi tranh thủ tình cảm đã cung cấp cho. Sau đó chúng tôi tìm cách truyền tin cho nhau khắp nơi). Nhiều anh em òa lên khóc nức nở như đứa trẻ, có anh chỉ lặng ngồi yên trong góc phòng mà nước mắt tuôn trào. Không ai nói lời nào nhưng trong lòng chúng tôi cùng chung một ý niệm: Đây là nỗi mất mát quá lớn của cách mạng. Trong nỗi niềm đau thương ấy, chúng tôi cùng đi đến một quyết định là tổ chức lễ tang Bác dù bất cứ hình thức nào.

Từng phòng giam đều có Ban lãnh đạo, số lượng, có phòng nhiều, phòng ít. Số lượng đảng viên cũng vậy. Lúc đó tôi nằm trong cấp ủy của phòng, phòng tôi có khoảng 400 người. Chúng tôi bí mật truyền đến Ban lãnh đạo các phòng hội ý với nhau để

cùng tổ chức lễ tang như thế nào. Lần này lễ tang phải được tiến hành một cách công khai. Nhân lợi dụng số anh em được tự do đi lại hoặc trong lúc lao động... chúng tôi kêu gọi, thông báo, động viên các đảng viên, quần chúng ở các trại cũng chuẩn bị. Một số anh em tù thường phạm, ít nhiều cũng đã nghe đến Bác nên cũng nhiệt tình ủng hộ để chia sẻ nỗi đau này với chúng tôi.

Vì điều kiện không cho phép nên chúng tôi không thể tổ chức lễ tang như ý muốn. Nhưng sáng hôm đó, bọn lính mở cửa ngục đưa khoảng mười ngàn tù nhân ra sân để lao động thì tất cả đã chuẩn bị trước đều mặc đồng phục đen (chúng tôi cố gắng chọn lấy bộ đồ sạch sẽ, thơm tất nhất), trên ngực áo ai cũng gài một băng tang đen. Tất cả lặng lẽ làm việc, không một tiếng cười đùa. Trước không khí này hoặc qua ánh mắt nhìn của những người đồng chí, nhiều anh không cầm được nước mắt. Lúc đầu bọn lính không để ý gì, vẫn đi đi lại lại hò hét quát tháo anh em làm việc. Nhưng sau đó bọn chúng giật mình khi nhận ra những nét mặt ưu tư, những đôi mắt còn hoen đỏ, và nhất là những bộ đồ đồng phục với mảnh băng tang. Chúng hoảng sợ tập trung lại hò hét đàn áp và gọi điện cho bọn sĩ quan. Vừa lúc đó tiếng hô phản đối của anh em khắp nơi vang lên. Chúng tập trung một trung đội bảo an để giữ trật tự. Nhưng ngày hôm đó, cả Côn Đảo như vùng lên, một phong trào đấu tranh được phát động mạnh mẽ với tất cả tâm huyết *“Biến đau thương thành sức mạnh”* chống kẻ thù.

Hình thức đấu tranh trong tù hô, la tập thể là cao nhất. Đã trên 10 năm, Côn Đảo chưa có cuộc đấu tranh nào mà ta sử dụng đến hình thức này. Mãi đến khi Bác mất, tù nhân Côn Đảo củng cố đội ngũ vùng lên đấu tranh với hình thức cao như tuyệt thực tập thể, hô la tập thể, đấu tranh chống khổ sai, chống áp bức, Đấu tranh mạnh nhất là Trại Chuồng bò (trại này trước chúng dùng nhốt trâu bò, sau chúng sửa lại dành nhốt cấm cố tù chính trị), sau đó đến Trại Hai, Trại Sáu và dần dần lan rộng khắp nơi...

...Tôi còn nhớ, sau cái buổi chúng tôi để tang Bác, về phòng, anh em chúng tôi không thể nào chợp mắt. Hình ảnh Bác cứ mãi

bên chúng tôi. Anh em cùng thức ngồi nói chuyện về Bác, anh thì kể những mẩu chuyện nhỏ trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác. Anh thì đọc những bài thơ Bác đã làm cho anh em cùng nghe. Chúng tôi còn nhắc lại những lời căn dặn, chỉ bảo trước đây của Bác... rồi nhớ Bác, thương Bác chúng tôi lại ghen ngào. Không nén nổi xúc động tôi liền làm thơ để bày tỏ tấm lòng của anh em chúng tôi trước sự ra đi của Bác:

... Vào giữa thu một ngày mưa gió
Cúc rũ buồn lá đỏ hoa sầu
Trời màu đen sẫm một màu
Bể tràn uất hận, sóng gào đại dương.

Một nguồn tin đau thương, tan nát
Bác Hồ thương đã thác mất rồi!
Mặt đường chẳng thấy mặt trời
Chân như không đứng côi đời nữa đây.

Đầu choáng váng tựa say cơn sóng
Cổ ghen ngào lệ nóng tràn mi
Thẩn thờ chân biếng bước đi
Buồn này còn có buồn gì lại hơn.

Nhớ Bác càng căm hờn giặc Mỹ
Thương Bác càng thù ngụy tay sai
Dù cho năm tháng bao dài
Các con quyết trả thù này Bác ơi!

Bác dù vắng côi đời chẳng nữa
Hình Bác còn đứng giữa trần gian
Bao nhiêu lời ngọc tiếng vàng
Bác từng dạy bảo, con hằng ghi tâm.

Các con nguyện làm theo lời Bác
Thương giống nòi giai cấp cần lao
Kết đoàn tay nắm tay nhau
Đánh cho Mỹ cút ngụy nhào mới thôi.

Các con nghe theo lời Bác dặn
Phải hết lòng vì Đảng, vì Dân
Tiêu trừ chủ nghĩa cá nhân
Đạo đức cách mạng ăn cần rèn trui.

Nhớ đến Bác ngậm ngùi thương tiếc
Con ghen ngào còn biết nói gì
Dâng lên hồn Bác lời thề
Những điều Bác dạy không hề lãng quên!

Các con nguyện đáp đền ơn Bác
Không để cho lũ giặc bạo tàn
Thực hành dụ dỗ chiêu hàng
Giết chết sinh mạng hàng ngàn tù nhân.

Tin Bác mất, tràn lan khắp nẻo
Lòng các con thất thểu xót xa
Tổ lòng kính mến Cha già
Để tang cho Bác gọi là nhớ ơn

Trong một ngày Côn Sơn buồn tẻ
Mười ngàn tù lặng lẽ bước đi
Áo quần tẻ chỉnh ụy nghi
Mặc toàn đồng phục ngực cài băng đen.

Tuy cuộc lễ không kèn, không trống
Nhưng oai nghiêm tôn trọng làm sao
Dù cho giặc muốn thế nào
Cũng không ngăn được phong trào dâng lên.

Lòng nhớ Bác trở nên sức mạnh
Đâu sợ gì trong cảnh lao lung
Chen vai sát cánh nhau cùng
Tù nhân “Đồng khởi” vẫy vùng từ đây...
(Tháng 9 năm 1969)

Vì điều kiện trong tù làm sao có giấy để ghi, cho nên sau khi nghĩ ra một câu, tôi đọc lên cho anh em cùng nghe, cùng góp ý chấp vá và học thuộc.

Mãi đến 1973, tôi được trao trả về Lộc Ninh, gặp lại một số anh em cũ còn nhớ, chúng tôi cùng gom góp lại cho trọn vẹn.

Bác Hồ sống mãi trong lòng chúng tôi ngay cả trong những giờ phút gian lao nhất, khổ ải nhất của những tháng năm bị tù đày ở Côn Đảo xa xăm... Bác là niềm tin, là sự động viên to lớn giúp tôi đứng vững trước sự đàn áp, đày ải của kẻ thù để cùng chung vai sát cánh bước tiếp trên con đường cách mạng.



BÁC HỒ - “MỘT VĨ NHÂN SIÊU VIỆT”

Tu sĩ THÍCH THIỆN HOÀNG
(Nguyên Phó Tiểu ban Phật giáo tỉnh Bến Tre) *kể*
LƯU SƠN BẢO *ghi*

 hế là Bác đã ra đi và để lại trong lòng mỗi người Việt Nam niềm đau xót vô hạn. Bác ra đi giữa muôn tiếng khóc nức nghẹn của hàng triệu người dân miền Nam vì chưa một lần được gặp Bác:

*Đầm đìa mưa ướt Sài Gòn,
Trời như chia sẻ nỗi buồn mất Cha.*
(Hưởng Triều)

Sau vài ngày Bác mất, tờ báo “Chánh Đạo” của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất cho đăng một bài được đóng khung trân trọng trên trang nhất với dòng chữ lớn: “*Một bậc vĩ nhân siêu việt*”.

Ở đây, tôi xin ghi lại nguyên văn lời kể theo ký ức của một Hòa thượng ở Bến Tre đã đọc báo lúc đó.

* * *

...Thế là Cụ Hồ Chí Minh - Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đi và vĩnh biệt chúng ta.

Cụ Hồ Chí Minh là ai ?

Là một người đã bôn ba tìm đường cứu nước, sau đó, Cụ về nước thành lập bộ đội để chống xâm lăng, giành độc lập cho nước Việt Nam, cụ thể là đánh Pháp, đuổi Nhật. “Đoàn quân ồm đỏi” của Cụ đã làm nên chiến thắng. Ở một lần họp báo, có đủ mặt ký giả trong và ngoài nước, tôi ngồi gần một ký giả người Mỹ, tôi đem chuyện ấy nói lại, người ký giả Mỹ đó nhún vai, trề môi và đáp: “Giỏi gì, đó là Liên Xô và Trung Quốc đánh!”. Người ký giả Mỹ đâu thể đoán được rằng, “đoàn quân ồm đỏi” đó rồi đây sẽ làm nên chiến thắng một lần nữa.

Khi viết bài này, tôi biết là sẽ lãnh hậu quả vô cùng to lớn nhưng tôi đã làm được một việc: Lòng biết ơn và tôn thờ một bậc vĩ nhân siêu việt của nước Việt Nam - Cụ Hồ Chí Minh!...

Ngay sau đó, tòa báo bị đóng cửa. Và người ta có hỏi nhà báo này rằng: “Tại sao viết mà không xin phép Nhà nước?” - thì được trả lời: “Đã là việc chống Chánh phủ mà cần gì xin phép!” (Lời của Thượng tọa Thích Thiện Hoa, Viện trưởng Viện hóa đạo Phật giáo Việt Nam thống nhất)

Cũng trong thời gian này, Phật giáo ở Bến Tre rất nhiệt tình ủng hộ ý kiến đó bằng việc: Xe của báo “Chánh Đạo” đã chở báo đến Bến Tre và Hội Phật giáo Bến Tre trực tiếp phân phát xuống các quận, xã.

Khi đọc được bài báo này, có nhiều người hỏi: “Tại sao Phật giáo quá yêu kính Bác Hồ?” - thì được vị đại diện cho Phật giáo Bến Tre trả lời: “Chúng tôi là người tu theo pháp môn nhập thế. Nghĩa là cùng sống cùng chết với Tổ quốc, đồng cam cộng khổ với dân tộc, đồng an đồng nguy với nhân dân, biết tôn thờ những bậc vĩ nhân siêu việt!”.

Như vậy, những điều trên chứng tỏ rằng, giáo lý đạo Phật đòi hỏi người hành giả phải thực hành chứ không phải nói suông trên kiến giải “văn tự ngữ ngôn” mà quên đi nội tại của chính mình, vì chỉ có quay lại với chính mình mới tìm được nguồn giải thoát. “Giải thoát” trong đạo Phật không phải là từ để chỉ trạng thái sau khi chết như một số học giả đã lầm tưởng. Từ “giải thoát” của đạo Phật có ý nghĩa cởi những trói buộc trong tâm thức từng con người chứ không phải giải thoát về thân xác. Điều

này, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã tỏa sáng qua những suy nghĩ và hành động của mình. Sự nghiệp đấu tranh cách mạng do Bác vạch ra chính là nhằm giải thoát con người khỏi cảnh bất công để đi đến bình đẳng, hạnh phúc, ấm no. Chính những lý tưởng của con người siêu việt này đã nhanh chóng thâm nhập vào hệ tư tưởng Phật giáo.

Do đó, trong lòng tín đồ Phật giáo Bến Tre nói riêng thì hình ảnh Bác Hồ luôn sống mãi với niềm tôn kính.



TỪ MỘT LẦN RA THĂM DI TÍCH CỦA BÁC

DIỆP HÀ

Tôi được nghe kể và đọc sách báo nói về những tấm gương của Bác. Tôi thầm ước ao có dịp nào đó được đến Thủ đô và vào Lăng viếng Bác. Năm 1978, cuộc xâm lấn biên giới Tây Nam của bọn Pôn-pốt đến lúc đã man rùng rợn chưa từng có. Nhiều câu hỏi hoài nghi chưa được giải đáp, tôi ra thăm di tích Bác.

Người hướng dẫn đoàn chúng tôi đi tham quan là đồng chí Vũ Kỳ – bảo vệ Bác suốt thời kỳ Bác hoạt động cách mạng trong nước cho đến khi Bác mất. Đồng chí dẫn chúng tôi vào Chủ tịch phủ - tức là Phủ toàn quyền Pháp trước đây. Đó là một ngôi nhà kiên cố, kiến trúc theo kiểu cổ điển Pháp, có nhiều phòng rộng mát, có cả phòng dành riêng để giải trí, xem phim nữa. Đúng như người ta thường nói “*ăn cơm Tàu, ở nhà Tây*”. Đặc biệt tòa nhà này không có quạt máy, máy điều hòa nhưng vào mùa hè vẫn mát rượi.

Đồng chí Kỳ kể rằng, khi Bác từ vùng căn cứ về Thủ đô, Bộ Chính trị muốn Bác ở đây. Hôm đó, Bác chống ba-ton bước lên thềm tam cấp đi quan sát khắp nơi khu nhà. Cuối cùng khi đi qua gian phòng trung tâm dùng làm nơi tiếp khách quốc tế,

trang hoàng thật là lộng lẫy. Thảm dệt hoa dưới sàn nền, những bức tranh rất đắt giá, những ghế ngồi chạm trổ bóng nhẵn và những đồ cổ rất quý dùng trang trí. Bác nhìn quanh quất, cái balon nhíp nhẹ nhàng xuống nền nhà và hỏi: *"Ở đây sao hơi Tây quá!"*. Và Bác bảo dọn cho Bác ở tại nhà xe của người lái xe cho tên toàn quyền trước đây. Sau này Bác muốn cất một cái nhà sàn như chúng ta đều biết. Nhiều mẫu vẽ được trình cho Bác xem. Kiểu nào cũng là công trình kiến trúc công phu đắt giá, dùng toàn gỗ quý. Bác lắc đầu, cuối cùng Bác tự vẽ thiết kế và dùng gỗ thường. Do đó, bây giờ muốn bảo tồn được ngôi nhà sàn ấy, phải dựng hành lang đi bên ngoài nhìn vào. Các đồng chí bảo vệ đề nghị với Bác xây nhà tắm và nhà vệ sinh ngay từng dưới ngôi nhà để cho Bác tắm giặt tiện lợi. Nhưng Bác không đồng ý bảo rằng không có ngôi nhà sàn dân tộc nào người ta làm như vậy. Và suốt thời gian sống và làm việc tại đây, Bác đều qua nhà tắm phía bờ ao cá bên kia - chỗ ở cũ để dùng cơm và tắm giặt.

Những lúc mưa dầm, các đồng chí bảo vệ sợ Bác qua lại mưa gió sinh bệnh, nên đem cơm đến nhà sàn cho Bác. Bác kêu lại bảo: *"Các chú đi đem cơm cho Bác ăn, tốn ba người và ba cái ô che. Còn Bác qua bên ấy chỉ tốn một người và một cái ô thôi. Từ rày trở đi cứ để Bác qua bên ấy"*. Tuy Bác muốn giữ nguyên kiểu nhà sàn dân tộc như vậy, nhưng ngay phần dưới ngôi nhà, chỗ dành cho Bộ Chính trị họp với Bác, Bác bảo kê những tấm ván bao quanh. Các đồng chí bảo vệ rất ngạc nhiên hỏi, Bác nói: *"Thấy các cháu tới thăm đứng lóng nhóng chắc mỗi chân lấm nên làm chỗ cho các cháu ngồi"*. Chỉ một cử chỉ nhỏ này đủ chứng tỏ lòng thương các cháu bé đối với Bác thật là bao la như trời biển.

Chỗ cầu thang bước lên nhà sàn của Bác có một cái cửa chắn song cây, nơi đó có treo một cái chuông nhỏ như chuông bán cà-rem mà ta thường thấy. Đồng chí Vũ Kỳ giải thích rằng: Trước đây chúng tôi xin với Bác cho mắc chuông điện để khi có khách đến, bấm nút chuông reo cho Bác hay, Bác cười và bảo: *"Các chú làm chi cho mất công vậy, tìm cho Bác cái chuông nhỏ treo nơi cửa chắn này. Khi nào các chú lên gọi Bác chắc phải đẩy cánh cửa ra thì chuông reo, Bác hay rồi"*.

Cạnh bờ ao cá, nhà tài xế - chỗ ở cũ của Bác có một loại cây lá màu xanh thắm, dày như lá gừa trong ta. Chúng tôi hỏi cây gì và tại sao trồng ở đây. Đồng chí Vũ Kỳ cho biết là cây không tên, thường gọi là cây xanh và kể rằng lúc Bác còn nhỏ, những đêm đông giá buốt, tuyết rơi lạnh lẽo, nghe tiếng chổi quét đường Bác rất xót xa, Bác ước ao có loại cây gì trồng mát đường mà không rụng lá đè đỡ nhọc nhằn, vất vả cho những người làm vệ sinh đường phố.

Trong một chuyến đi công tác nước ngoài, Bác đem về loại cây này có cái đặc biệt là lá xanh xanh mãi, không bao giờ cỗi lá rụng xuống. Bác nói: *“Các chú cố gắng nhân ra để sau này trồng theo đường phố cho đỡ công sức của công nhân quét rác”*.

Cũng dựa theo bờ ao ấy gần vườn bưởi của Bác trồng, có một gốc cây to đã được cắt ngang trên hai thước, được niềng thiếc cẩn thận. Trên thân gốc còn lại có nhiều vết vôi và có chỗ trét xi măng lên đó. Đồng chí Vũ Kỳ cho biết đây là cây *“bụt mọc”* (bụt là ông Phật), vì rễ cây nhô lên tròn tròn, Bác đưa từ Ấn Độ về trồng, đến lúc chúng tôi ra đã có mười mấy cây mọc ở chung quanh ao, cây nào cây nấy cũng lớn cao, tàn che râm mát mặt hồ. Lúc Bác còn sống, cây này bị sâu đục làm chết mấy nhánh to. Anh em bảo vệ xin với Bác cho đốn xuống, sợ sâu sẽ lây lan ra các cây khác, Bác ra xem, thấy còn một nhánh sống, Bác bảo: *“Nó còn sống thì tìm cách cứu lấy nó”*. Thế rồi Bác cùng với các đồng chí bảo vệ xịt thuốc, quét vôi và trét xi măng những chỗ đã hỏng. Quả nhiên sau đó cây tốt tươi trở lại. Trước năm chúng tôi ra, có bão lớn, cây đổ. Các đồng chí bảo vệ cửa gốc trên cao như thế để giữ lại những di tích của Bác, giữ lại cái tình cảm bao la bác ái của Bác thương xót đến cả cây cỏ trên đời.

Trong phạm vi bài viết này, tôi xin nêu lên một ít mẩu chuyện nhỏ xung quanh sinh hoạt của Bác. Những vết tích Bác còn để lại mỗi lần nhớ đến làm cho tôi vô cùng xúc động và nghĩ rằng: *“Bác thật là người cộng sản vĩ đại”*. Trong nhân sinh quan của Bác, trong lối sống của Bác có cái gì thâm thúy cao xa khi nghĩ về cái chung thì Bác hy sinh tất cả. Và khi cần hưởng thụ cho cá nhân, bao giờ Bác cũng nghĩ đến tiết kiệm công sức và tiền bạc

của nhân dân và chỉ xin hưởng một cách rất khiêm tốn, mặc dù Bác rất xứng đáng để cho toàn thể dân tộc lo cho Bác. Nhưng Bác muốn nhường tất cả những ưu ái ấy lại cho toàn dân và mong muốn trao cho các thế hệ mai sau cái phẩm chất cao quý của mỗi con người. Đó là đạo đức Việt Nam “*Mỗi người vì mọi người*”.

Và cũng từ lần ra thăm di tích của Bác làm cho tôi hiểu rõ hơn vì sao chúng ta phải tình nguyện cứu lấy dân tộc Cam-pu-chia, chặn đứng âm mưu thôn tính, diệt chủng và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Năm 1983



NGƯỜI LÀ NIỀM TIN

NGUYỄN NAM HỒNG

*H*iệp định Giơ-neo-vơ (1954) được ký kết, đình chỉ chiến sự cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Lúc ấy tôi và đồng chí Năm Bảo (nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh), đồng chí Ba Tường (nguyên Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh) đang học ở Trường nghiệp vụ Sở Công an Nam bộ, tại Bà Hính, huyện Ngọc Hiển (Bạc Liêu cũ), được Ban Giám hiệu thu xếp cho về địa phương ở lại chiến đấu. Trong buổi tiễn chân học viên, đồng chí Phạm Lê Thanh (một người trong Ban Giám hiệu nhà trường) nói: *“Các đồng chí trở về địa phương chiến đấu chắc chắn sẽ gặp khó khăn. Nhưng càng gặp khó khăn thì càng nhớ đến Hồ Chủ tịch là có thể vượt qua được”*. Ra đi trên chiếc tam bản hai chèo, tôi suy nghĩ rất nhiều lời dặn dò ấy và về sau tôi nhớ mãi...

Năm 1955, tôi được điều động từ Huyện ủy Mỏ Cày về phụ trách Trưởng ban Bảo vệ Tỉnh ủy. Lúc bấy giờ Tỉnh ủy ở tại Giồng Lợc, xã Tân Hào; đồng chí Nguyễn Văn Khước làm Bí thư Tỉnh ủy. Tôi còn nhớ một đêm trời sáng trăng, đồng chí Nguyễn Văn Khước kêu tôi đến phổ biến tin tuyệt mật: *“Đồng chí Lê Duẩn sắp đến Bến Tre, cần có sự bảo vệ chu đáo”*. Và đồng chí quyết định điều đồng chí Năm Bảo, lúc đó là Phó Bí thư Huyện ủy Châu Thành và đồng chí Năm Ngay, trước đây là Huyện đội phó Châu Thành, trực tiếp lo việc bảo vệ đồng chí Lê Duẩn. Tôi rất bất ngờ

lặng người và suy nghĩ đúng là Hồ Chủ tịch với Trung ương Đảng phân công đồng chí Lê Duẩn ở lại miền Nam để chỉ đạo phong trào. Sau đó đồng chí Phạm Thái Bường, Xứ ủy viên phụ trách Vĩnh - Trà - Bến đến và cùng với đồng chí Khước hằng đêm đi gặp đồng chí Lê Duẩn. Tôi rất phấn khởi tin rằng sự sáng suốt của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng lãnh đạo rất sát ở miền Nam.

Lúc này tôi thường nói chuyện với các anh Tám Xinh, Mười Điện, Hai Ty, Chín Hiển (cơ sở ở Giồng Lược) về Hồ Chủ tịch và chánh sách ruộng đất của Bác Hồ đối với nông dân. Lúc đó địch đưa tên Ách Lều đến Tân Hào để thi hành âm mưu giựt đất tăng tô của Mỹ - Diệm. Bà con nông dân ở Giồng Lược có nhiều cuộc đấu tranh chống tăng tô và giựt đất rất quyết liệt, làm cho tên Ách Lều gặp trở ngại lớn. Có lần nhân nói truyện Tam quốc, tôi nói với anh Tám Xinh: *“Khổng Minh bố trí cho Lưu Bị sang cầu hôn Giang Tử có Triệu Tử Long đi theo bảo vệ Lưu Bị kể ấy rất hay, nhưng Hồ Chủ tịch của chúng ta còn tài giỏi gấp bội so với Khổng Minh”*. Anh Tám Xinh nói: *“Tôi quyết đấu tranh giữ đất đến cùng theo lời Cụ Hồ dạy”*.

Giữa năm 1956, tôi được Tỉnh ủy điều ra Thị xã Bến Tre, phụ trách công tác điệp báo của tỉnh. Có bữa tôi đến nhà anh Ba Huyền (nay thuộc phường 4, thị xã Bến Tre) gặp anh bà con với anh Ba Huyền làm việc từ Sài Gòn về. Anh biết tôi là cán bộ hoạt động, anh hỏi tôi về cuộc đời Hồ Chủ tịch và chủ trương đấu tranh thống nhất nước nhà. Tôi hỏi ấy biết về cuộc đời Hồ Chủ tịch cũng ít, nhưng tôi trả lời: *“Hồ Chủ tịch có uy tín lớn trên thế giới và lúc nào Người cũng nghĩ đến cuộc đấu tranh ở miền Nam và thống nhất nước nhà”*. Anh này nói ở Sài Gòn có nhiều người tin tưởng sự sáng suốt của Hồ Chủ tịch.

Năm 1957, tôi được phân công làm công tác binh vận phụ trách Châu Thành, Bình Đại, Sóc Sãi. Đến thị trấn Bình Đại, ấp Xoài Bông ở nhà anh Tư Phương, anh Tư Đính, chị Sáu Đượm v.v... Các anh chị này nói với tôi, hồi sau đình chiến, ở Bình Đại có cuộc biểu tình lớn, kéo tới dinh quận đấu tranh đòi tự do dân chủ, mừng hòa bình, hô khẩu hiệu *“ủng hộ Hồ Chí Minh”* bị địch

đàn áp bắn giết mấy người, nhưng bà con ở đây không nao núng và một lòng tin tưởng ở Hồ Chủ tịch lãnh đạo. Có một đêm tôi ngủ tại nhà anh Tư Đình, địch đến bao nhà, chị Tư Đình hay trước mở nhẹ nắp hầm bí mật và kéo tôi vào hầm. Sau khi địch rút đi, tôi ôm một cái nốp chạy ra mé sông chui vào lùm rau muôi ở đó, cho đến trưa hôm sau, chị Sáu Đạm đi kiếm tôi, đem cho tôi một ổ bánh mì và chị nói: *"Cậu yên tâm và vững lòng, bà con ở đây không bỏ cậu đâu. Hễ con cháu Cụ Hồ là phải như vậy"*. Tôi nhớ mãi lời này.

Thời gian này, tôi tiếp xúc được một số binh sĩ và sĩ quan là nội tuyến hoặc có cảm tình với cách mạng, nhất là cơ sở nội tuyến được phát chứng minh thư có ảnh Hồ Chủ tịch, là anh em rất phấn khởi và mừng đến chảy nước mắt, như anh Thượng sĩ Bông ở Phú Hưng và anh Một Luông ở xã Tân Phú Trung v.v...

Năm 1958 và bước sang đầu năm 1959, địch *"tố Cộng, diệt Cộng"*, đánh phá cơ sở ác liệt, Ban Binh vận Tỉnh ủy từ chỗ có 50 cán bộ (là Ban mạnh nhất của Tỉnh ủy) đến bây giờ địch đánh và bắt chỉ còn 3 cán bộ (tôi, anh Ba Cầu và anh Bảy Văn). Lúc này Huyện ủy Sóc Sãi cũng bị địch bắt hết. Tỉnh ủy phân công tôi, anh Lê Hữu Nghĩa (nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) và anh Phạm Hữu Trực - tức là anh Tư Lập (nguyên Trung tá ở Quân khu 9) thành lập Ban cán sự Đảng ở huyện Sóc Sãi để xây dựng cơ sở Đảng. Tôi và anh Hai Nghĩa về xã An Khánh để gặp đồng chí Hai Lân nhận chỉ thị (anh Hai Lân lúc này là Tỉnh ủy viên phụ trách Châu Thành và Sóc Sãi). Nhưng đến xã Tam Phước trời sáng, vào một gia đình cơ sở không dám cho ta ở, nên hai đứa tôi phải lén ra vườn rồi leo lên ngọn cây ngòai đó, nhưng gia đình rất sợ không cho chúng tôi ngồi trên ngọn cây, chúng tôi đành phải tuột xuống đi ra ngoài ruộng chém về trong một cái lùm cây nhỏ, nằm đó hết một ngày tối lại mới đi được.

Về đến xã An Khánh gặp đồng chí Tư Lập chúng tôi mới ngồi bàn lúc này làm sao làm công tác tư tưởng lãnh đạo trong quần chúng, vì Luật 10/59 quá ác, quần chúng nòng cốt thì thương ta, thấy ta đi thì khóc mướt nhưng không dám cho ta ở. Chúng tôi bàn đi bàn lại tính hết mưu này kế nọ nhưng không ra, rốt cuộc chúng tôi thấy chỉ có con đường là làm cho quần chúng tin tưởng

ở Hồ Chủ tịch, tin tưởng ở Trung ương Đảng và miền Bắc xã hội chủ nghĩa mà thôi.

Tại xã An Khánh chúng tôi ở ngoài vườn và lùm bụi, gia đình bà con bên vợ đồng chí Tư Lập đem cơm, nhưng bà thím và cô em gái đem cơm cho chúng tôi để một chỗ khác, chúng tôi ở một chỗ gần đó đến lấy cơm, chớ gia đình không dám đem trực tiếp với chúng tôi. Có lúc bà thím đem cơm đến gần chỗ chúng tôi ngồi thì xây mặt lại đi ngược rồi để cơm đó và đi vô.

Tôi thấy nhiều lần như vậy, có bữa tối đón bà lại, mời bà ngồi xuống và tôi nói: *“Cách mạng hiện giờ tuy gặp khó khăn, nhưng còn Hồ Chủ tịch, người lãnh đạo sáng suốt không để mãi như vậy, ta còn Trung ương Đảng và miền Bắc xã hội chủ nghĩa ở phía sau của chúng ta, có ngày chúng ta lật ngược thế cờ”*. Thím nghe nói Hồ Chủ tịch thím chịu ngồi nghe và thím hỏi tình hình như vậy Cụ Hồ có biết không? Tôi nói Cụ Hồ biết chớ, để rồi đây thím sẽ thấy. Từ đó đến sau chúng tôi vô trong nhà thím được, có bữa canh gác ngồi uống trà được. Kết quả đó chúng tôi rất mừng và rút kinh nghiệm.

Sau đó chúng tôi chuyển hướng về xã Long Thới (Chợ Lách) để mở đường về xã Sơn Hòa. Chúng tôi ở sát mé sông Hàm Luông trong một lùm cây, trong có đào một cái hầm bí mật. Cơ sở quần chúng ở đây lúc bấy giờ có ông Sáu Trình (một tín đồ Cao Đài) bưng cơm nước cho chúng tôi. Có lần Ông Sáu Trình bưng cơm cho chúng tôi và ngồi hỏi: *“Cụ Hồ có nói gì về tình hình miền Nam không, chớ đấu tranh như thế này rồi miền Nam sẽ đi tới đâu? Cụ Hồ có biết tình hình này ở miền Nam không?”*. Như vậy là chúng tôi rất phấn khởi và nói huyền thuyên về Hồ Chủ tịch.

Lúc này có một cái ra-di-ô bắt được tin Đài phát thanh Hà Nội là củng cố lòng tin đối với cách mạng ngay. Nhưng lúc đó làm sao có ra-di-ô được. Có một lần tôi bị địch truy ở An Khánh, tôi vọt ra chợ Tân Thạch vô trong buồng chị Ba bán cháo lòng, tôi lên vặn ra-di-ô nghe rất nhỏ, trong lúc đài phát thanh Hà Nội tố giác âm mưu tổ Cộng diệt Cộng ở miền Nam và lên án bọn Mỹ - Diệm, lòng tôi vui lên như được tiếp sức, thêm lòng hăng hái và vững tin ở Hồ Chủ tịch.

Tôi và anh hai Nghĩa ở Long Thới móc được cơ sở ở Sơn Hòa đem ghe lên rước. Chúng tôi đi bán công khai, chiều tối đến xã Sơn Hòa ở nhà chị Hai Nhứt. Nhà chị ở sát lộ và gần công sở tề, xã, hàng ngày lính đi đầy đường, nhưng nó không vô nhà chị. Chị là một đảng viên nhưng rất vững vàng, chị nói: *“Các anh chết thì tôi chết, dù có chết cũng làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Hồ Chủ tịch”*. Lời nói ấy lúc bấy giờ hết sức có giá trị, có trọng lượng, vì củng cố được tư tưởng chúng tôi, chịu đựng được tất cả và vượt mọi khó khăn, trong tình thế cách mạng gay go đen tối nhất.

Lúc bấy giờ trong tỉnh, bọn Công an Ngô Quyền, bọn Đặc cảnh miền Đông, đến Bến Tre rất đông. Đình Hội Yên (Mỏ Cày), đình Bình Hòa (Giồng Trôm), đình Tân Xuân (Ba Tri) địch bắt quần chúng, nòng cốt, đảng viên về giam cầm tra tấn dã man. Chúng đánh đập và tra nước, nước và máu tràn ngập lên khỏi bàn chân. Chúng tố Cộng bắt xé cờ và bắt buộc giẫm chân lên ảnh Hồ Chủ tịch, nhưng chết thì chết không một ai xé cờ Đảng và giẫm lên ảnh Bác. Đó là những hình ảnh vô giá về tinh thần và vật chất, tạo nên cơ sở để giáo dục và làm công tác chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng, trong tình thế cách mạng hết sức khó khăn.

* * *

Ngày 17 tháng 01 năm 1960, lệnh Đồng khởi của Tỉnh ủy được truyền ra và đi vào lòng người như một luồng gió mát, như những Phật tử hứng được những giọt nước lành dương thoát khỏi cảnh trầm luân khổ ải. Từ đó khí thế quần chúng nổi dậy như vũ bão, như nước lũ tràn về và cuộn cuộn dâng lên, có nơi có lúc không lãnh đạo kịp với sức phát triển vượt bậc của phong trào, do chất chứa căm thù và lòng tin yêu vô bờ bến đối với Hồ Chủ tịch. Hồ Chủ tịch đã in sâu trong lòng dân, trong những năm cách mạng miền Nam gặp khó khăn đen tối, mỗi người dân đều nhắc đến Hồ Chủ tịch và họ coi đó là vị cứu tinh của họ.

Hồ Chủ tịch đã trở thành lãnh tụ của Đảng, của giai cấp công nhân và của cả dân tộc ta.

Nhớ lại lời dặn của đồng chí Phạm Lê Thanh rất có giá trị

trong thực tiễn là: *“Càng khó khăn càng nhớ đến Bác Hồ”*.

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, lúc Người mất, tôi công tác tại Khu ủy Khu Trung Nam bộ. Trong buổi lễ truy điệu Người tôi không khóc, nhưng tôi đứng lặng người để hình ảnh của Người lắng đọng đi vào tâm hồn sâu kín của mình. Cho nên tôi rất thích hai câu thơ của Nhà thơ Tố Hữu.

“Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà.

Miền Nam mong Bác nỗi mong Cha”.

Cuối năm 1976, tôi được ra Hà Nội dự Đại hội Đảng lần thứ tư. Tôi được vào Lăng viếng Bác. Tôi nhìn kỹ vầng trán rộng, chòm râu dài và coi như Bác đi vào con đường bất tử, coi như Người sống mãi mãi bên cạnh chúng ta.



CÁI CHẾT VINH QUANG

Bác HAI LIÊU, NĂM HOÀNG kể
PHẠM NGHĨA ghi

Đền thật của bác là Trần Văn Thế, nhưng bà con ấp 1, xã Tân Hưng thường gọi bác với cái tên thân quen là: Sáu Giới.

Cuối năm 1968, lúc mà Mỹ ngụy liên tiếp mở những cuộc càn quét những xã còn lại của Ba Tri để thực hiện cái gọi là kế hoạch “*bình định trọng điểm*”, trong đó có xã Tân Hưng. Năm ấy bác Sáu Giới là Phó Ban an ninh xã, dù cho giặc càn quét khốc liệt nhưng bác cùng với chi bộ quyết tâm bám đất, giữ làng.

Sáng hôm ấy, bác Sáu đang ngồi uống trà, mở ra-đi-ô nghe tin tức. Nghe tiếng con gọi: Cha ơi lính càn, bác vội tắt ra-đi-ô xuống hầm bí mật rồi lên miệng hầm thứ hai và lủi vào đám lúa bỏ đi. Lúa tháng mười xanh tốt, cao ngê.

Ngoài sân, lính bảo an đã tới, súng lăm lăm xông vào nhà. Chúng lục soát không thấy gì, rồi lôi hai đứa nhỏ tra hỏi hầm bí mật, nhưng bọn trẻ chỉ lắc đầu, ngơ ngác.

Tên chỉ huy tức tối la hét om sòm.

- Nó ở quanh đây chứ hổng đâu? Tụi bây lục soát kỹ coi. - Bọn lính tỏa ra tiếp tục tìm kiếm hồi lâu. Bỗng có một tên la lớn:

- Bậy đi có dấu chân trong lúa... thằng này khôn thật... Nó bò ngược.

Chúng lần theo dấu chân phát hiện được bác Sáu. Tên chỉ huy

bắn một loạt súng hồng áp đảo tinh thần và gọi bác ra hàng. Nhưng bác Sáu vẫn ngồi yên thủ thế.

Mấy tên lính xông tới. Bằng ngón võ gia truyền nên tên lính nào xông vào đều bị bác đánh ngã. Cuối cùng cả tốp lính nhất loạt nhào tới, bác Sáu nhanh tay giựt trái lựu đạn gài bên hông của một tên lính gần đó, định “chia đôi” với chúng. Song ý đồ đó không thực hiện được.

Chúng liền trối gô bác lại, dẫn đến trước mặt tên chỉ huy để tra hỏi.

- Chi bộ bây có mấy người?

- Mày làm việc với ai trong xã?

Tên chỉ huy vừa hỏi, vừa ghì cây súng ngắn.

- Tao làm việc một mình - Bác Sáu trả lời.

Tức thì mấy tên lính nhẩy tới dậm đá bác túi bụi, bác chới với, ngã vật ra bất tỉnh.

Ba, bốn tên bảo an túm lấy bác lôi bác dậy.

- Ai biểu mày theo Việt cộng? - Tên chỉ huy lại hỏi.

Bác Sáu cố nén cơn đau đông dặc trả lời:

- Ông Hồ Chí Minh dạy tao làm cách mạng!.

Thằng chỉ huy cung tay dậm một cú như trời giáng vào mặt, máu trong miệng bác Sáu trào ra.

Bọn lính lôi bác xuống vũng nước gần đó dìm bác cho ngập nước rồi lại lôi lên tiếp tục tra hỏi.

Trấn nước, đánh tay đủ kiểu, bọn giặc vẫn không moi ở bác một lời khai nào.

Điều tra thấy không kết quả, bọn lính dẫn bác Sáu đến trước tên cố vấn Mỹ.

Tên cố vấn ngon ngọt đem tiền bạc ra dụ dỗ. Bác Sáu trả lời thẳng vào mặt tên cố vấn Mỹ.

- Quân bầy cướp nước, phi nghĩa, còn cách mạng là chính nghĩa. Tao không thèm những thứ đó đâu? Đừng bày trò bần thủ.

Nghe rõ tiếng thở ra bất lực của tên cố vấn. Nó hất hàm ra hiệu, hai tên lính xông vào trói thúc kẻ dẫn bác đi về phía cầu Tư Tự.

Dư biết sinh mạng mình trong tay bọn địch, nhưng không vì thế mà mất bình tĩnh, sa ngã. Thường ngày bác vẫn nói với anh em trong Chi bộ: *“Suốt đời hy sinh vì lý tưởng cao đẹp, mình là người Việt Nam máu đỏ da vàng, đều là con cháu Bác Hồ. Sống hay chết mình cũng phải để lại tiếng thơm...”*

Tối đầu cầu Tư Tự, bác Sáu nói:

- Mở trói để tôi qua cầu, trói như vậy làm sao tôi đi.

Tên chỉ huy ra lệnh cho bọn lính mở dây cho lỏng hơn. Đến giữa cầu, bất ngờ bác Sáu đập gãy tay vịn, ba tên lính mất đà rơi tõm xuống kênh, còn một tên chơi vơi trên cầu, bác gạt xuống luôn. Tốp lính đi trước vừa qua khỏi cầu, giật mình quay lại. Bốp!... Bốp!... một loạt súng nổ vang, xé tan bầu không khí trưa im ắng, bỗng thấy bác quỵ xuống. Trước khi trút hơi thở cuối cùng bác đã hô lớn:

- Đảng Cộng sản muôn năm... Bác Hồ...

Máu bác Sáu Giỏi tuôn ra hòa vào dòng kênh quê hương. Hôm đó là 14 tháng 11 (âm lịch) năm Mậu Thân.

Nhiều năm đã trôi qua, thế mà hôm nay mỗi lần về lại Tân Hưng, chẳng ai không kính cẩn nghiêng mình trước tấm gương sáng ngời ấy và hân lòng sẽ trào dâng niềm tự hào vô hạn.



MỪNG SINH NHẬT BÁC GIỮA NGỤC TÙ MỸ - DIỆM

NGUYỄN KIM HỒNG *kể*
KIM CHI *ghi*

*N*ăm đó tôi dạy học ở trường Lê Lợi II Giồng Trôm và vẫn bí mật hoạt động cách mạng, phụ trách Đảng bộ Mỹ Lồng. Có kẻ chỉ điểm, bất ngờ, tôi bị địch bắt trên đường đi thị xã, bây giờ đang vào mùa thi của học sinh năm 1958.

Thời gian sau, địch giải tôi cùng một số anh em tù khác ở Bến Tre lên Sài Gòn ở Khám Chí Hòa, khu 3 FG - chỗ này giam giữ đa số anh em tù chính trị. Lúc này, vừa sau tết Nhâm Dần, dù bị đàn áp nhưng phong trào đấu tranh với địch, phản đối chế độ nhà tù, phản đối chế độ Ngô Đình Diệm đang lên mạnh. Thậm chí, ngay cả một người lính già gác nhà lao được đặt biệt danh là “ông Ống Điếu” cũng ủng hộ chúng tôi. Anh ta có lúc sửa lại lời bài hát suy tôn Ngô Đình Diệm: Ê, dứa nào hát “Hoan hô Ngô tổng thống muôn năm”, tao không cho tắm; “Hoan hô ông Ống Điếu, ông Ống Điếu muôn năm”, tao cho tắm thả ga!

...Lúc ấy sắp đến kỷ niệm ngày 19 tháng 5 lần thứ 72 của Bác, chúng tôi quyết định tổ chức mừng sinh nhật Bác Hồ trong nhà tù cho thật có ý nghĩa.

Âm thầm và ròng rã chuẩn bị buổi lễ gần hai tháng trời; thấm thoát, ngày mong đợi của chúng tôi đã đến. Mới sáng sớm chúng tôi đã thức dậy, phá vỡ giờ trang nghiêm theo lệ thường của

Khám Chí Hòa. Anh em ăn vận tươi tốt hơn ngày thường một cách tự giác, nghiêm túc. Chúng tôi cố tình bỏ lệ hát suy tôn Ngô Đình Diệm và hướng anh em nghĩ về Bác, chuẩn bị nghi thức trang trọng chào mừng sinh nhật Bác.

Bọn “sếp” nhà lao cũng đánh hơi, dự đoán ít nhiều về công việc của anh em tù chính trị chúng tôi. Phải bất ngờ chứ! Và cũng phá lệ “thăm viếng” tù vào ngày thứ hai chứ! Tên trung tá Luyến (một gã sếp nhà lao khét tiếng ác ôn) đột xuất viếng phòng anh em tù chính trị. Hắn nện gót giày cồm cộp nghe thật khó chịu trong phòng. Chẳng ai thèm chào hắn. Hắn bắt đầu chửi thề và công kích xúc phạm đến các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta ở Trung ương (duy chỉ một điều hắn không dám gọi tên Bác, không dám xúc phạm đến Bác). Anh em căm phẫn, anh Liên - một công nhân đứng lên quyết liệt phản đối luận điệu và thái độ của tên trung tá Luyến!

- Ông không được quyền xúc phạm đến các đồng chí lãnh đạo của chúng tôi. Chúng tôi là những người yêu nước chống lại chế độ Ngô Đình Diệm, nhưng mặc dù vậy, chúng tôi vẫn chưa gọi Ngô Đình Diệm là thằng này, thằng nọ; còn ông, bây giờ, đâu ông thử lặp lại những lời ban nãy, tôi coi!

Anh Liên sấn tới, đứng thẳng hùng dũng. Lập tức anh em vây quanh anh và cũng kiên quyết không kém. Trung tá Luyến sững sờ. Hắn lùi lại, có lẽ thái độ của anh em làm hắn e ngại, hắn hậm hực quay ra, chửi thề và bỏ đi.

Tưởng Luyến đi đâu, hắn lại sang phòng giam chị em tù chính trị. Chị em chuẩn bị chào mừng sinh nhật Bác như thế nào không biết, chỉ biết lúc Luyến bước vào, chị em kể nằm, người ngồi, quần xắn ống cao, ống thấp, chẳng ai buồn chào hắn một lời. Luyến cáu giận, văng tục:

- Mấy con đĩ chó không biết tao là ai sao không chào?.

Ai nấy cũng thản nhiên. Luyến hùng hổ, hống hách đi lại nện gót giày giận dữ vang dội trong phòng. Bực tức chịu không nổi, cô gái tên Oanh - một nữ sinh trẻ tuổi nhất phòng - đứng ra đồng đặc đầu lý với hắn:

– Ông là ai mà buộc chúng tôi phải chào. Thôi được, nếu ông trả lời được mấy câu hỏi của tôi, chúng tôi sẽ chào. Tôi hỏi ông, vậy chứ bộ quân phục ông đang mặc, ai cấp? Cái “ga lông” (lon) ông đang đeo, ai ban? – Rồi không đợi Luyến kịp mở miệng, cô Oanh “tuyên án” hấn ngay – Tôi biết ông là Trung tá Luyến chứ, là kẻ đang mặc bộ đồ Mỹ cấp; còn “ga lông” ông đeo là vì ông có công đàn áp, sát hại những người yêu nước, Mỹ - Diệm đã ban cho ông. Chúng tôi là những người yêu nước, chống lại Mỹ và tay sai, tại sao chúng tôi phải chào kẻ thù. Chúng tôi phải chào ông là chào làm sao...!

Tên Luyến cũng hòng. Hấn giận đỏ mặt và một lần nữa, không biết làm gì hơn, hấn chửi đồng, văng tục rồi bỏ đi. Hấn hiểu rõ anh em đang sôi sục căm hờn và ý chí đấu tranh của những người tù cộng sản trong ngày kỷ niệm sinh nhật Bác thật dũng cảm đến đáng sợ. Hấn chịu thua.

Trưa hôm đó, anh em tổ chức “liên hoan” cả phòng. Đầu tiên là chuyện ngồi cùng nhau, “xóa mâm” theo lệ nhà tù và một số anh em bắt đầu kể chuyện về Bác, về cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác. Tất cả anh em đều hướng về Bác với tất cả tấm lòng tôn kính, triu mến. Buổi tối, bất kể bọn an ninh nhà lao, chúng tôi tổ chức ca diễn, ngâm thơ chào mừng kéo dài, phá cả giờ giới nghiêm nhà tù của địch. Những bài “Lãnh tụ ca”, “Công nhân Việt Nam”, “Tiểu đoàn 307”, “Mấy thế kỷ một vần thơ” chưa bao giờ vang lên hào hùng và xúc động đến thế.

Riêng tôi, tôi nhớ lại những bài thơ trong tập “Nhật ký trong tù” của Bác, những bài thơ cách mạng, tôi đã ngấm ngấm truyền bá cho một số học sinh thân yêu, đồng chí hướng theo những ngày dạy học ở Giồng Trôm trước đây. Và bây giờ, tôi lại đọc và bình thơ Bác cho anh em trong tù nghe về con người cách mạng vĩ đại ấy.

*“Thân thể tại ngục trung
Tinh thần tại ngục ngoại
Dục thành đại sự nghiệp
Tinh thần cánh yếu đại.”*

Nhớ lại, con người vĩ đại ấy như một nguồn sáng, một niềm tin cách mạng tất thắng trong lòng anh em chúng tôi lúc bấy giờ. Mừng sinh nhật Bác, anh em đã tâm niệm: “*Không tìm mọi cách đấu tranh với địch là xa rời Đảng, xa rời cách mạng*”. Mừng sinh nhật Bác giữa ngục tù Mỹ - Diệm, chúng tôi đã tổ chức thật đơn giản nhưng công phu, trang trọng và đầy ý nghĩa như thế.

Mới đó mà đã gần 30 năm...!



HỒ CHÍ MINH MUÔN NĂM!

THANH NHÂN

Đuy chưa một lần Bác về thăm quê hương Bến Tre, nhưng tấm lòng của bà con Bến Tre lúc nào cũng cảm thấy gần gũi bên Bác. “Cụ Hồ” hay “Bác Hồ” là những tiếng gọi thân thương và triu mến của người dân Bến Tre đối với Bác.

Trong suốt cuộc hành trình chống Pháp, chống Mỹ, từ già đến trẻ, từ gái đến trai hầu như ai cũng đều đồng cảm bên mình ta luôn có Bác. Đối với mọi người, Bác là cứu tinh của dân tộc, là vị Cha già anh minh lỗi lạc, là niềm tin của cuộc sống, là nguồn hy vọng của tương lai. Càng gian nguy thử thách, mọi người càng nhớ Bác và thầm gọi tên Bác. Ở Bác, bao giờ mọi người cũng cảm thấy luôn tỏa ra một tình cảm ấm áp quyện chặt với lòng tin, bao giờ cũng tỏa sức sống diệu kỳ đầy nghị lực và đức độ. Mọi người rất mực kính yêu Bác trong tình cảm yêu độc lập, tự do. Tình cảm thiêng liêng và sâu sắc đó được ghi chặt tận đáy lòng ở mỗi người. Đến đổi trong giây phút trút hơi thở cuối cùng, người ta vẫn nhớ và gọi đến tên Bác!

Vào những năm 1957, 1958, 1959, thời kỳ bè lũ Mỹ - Diệm tăng cường đàn áp, bắt bớ giam cầm, giết hại hàng vạn đồng bào miền Nam yêu nước. Tại KháM Lá Bến Tre, nhiều đồng chí, đồng bào bị địch dùng mọi cực hình tra khảo, đến lúc kiệt sức tàn hơi vẫn cố sức thét vào mặt bọn ác ôn “Đả đảo Mỹ - Diệm!”, “Hồ Chí Minh muôn năm!”. Cũng có những người trong cơn hấp hối, oằn

oại trong phòng biệt giam vẫn cố cắn tay lấy máu mình viết nguệch ngoạc trên tường dòng chữ: “*Bác Hồ muôn năm!*”. Nét chữ sau cùng sổ xuống dài theo chiều rơi của bàn tay đã chết!

Trong phong trào đấu tranh chính trị của chị em phụ nữ, nhiều người đã bị địch đánh đập khủng bố tàn nhẫn, buộc chị em phải hô đả đảo Bác. Nhưng chị em thà chịu sự đánh đập dã man, chịu bị ngâm nước “*ao tù*”, chịu cho đĩa cắn - dù rằng chị em rất sợ đĩa - chịu sự phơi mưa, phơi nắng, chớ nhất định không làm theo địch. Địch vẽ chữ đả đảo Bác vào áo. Chị em cởi áo không mặc. Bọn địch lại vẽ trên nón lá. Chị em tô bùn bít hai chữ “*đả đảo*”, còn lại ba chữ Hồ Chí Minh và hiên ngang đội tên Bác trên đầu tiếp tục cuộc đấu tranh trực diện với quân thù.

Một hình ảnh vô cùng xúc động mà tôi vẫn nhớ mãi - Anh Sáu Trung, người Trung đội trưởng Trung đội Địa phương quân đầu tiên của Châu Thành vào năm đầu “*Đồng khởi*”. Chẳng biết ở đâu và tự lúc nào, anh có được một bức ảnh Bác rất nhỏ mà anh luôn giữ kỹ bên mình. Đặc biệt là sau mỗi trận đánh hoặc qua một cuộc hành quân vất vả, nằm nghỉ một mình trên chiếc võng đơn giản là anh mở ảnh Bác ra xem với vẻ nâng niu và quý trọng. Trang bị của trung đội này toàn là vũ khí lấy được từ tay địch, hầu hết là trường “*mát*”, “*oanh tằm sào*”, và mấy khẩu “*mix-ten*”, “*tôm-xông*”. Anh hằng ao ước làm sao lấy thêm được khẩu trung liên để tăng hỏa lực mạnh cho trung đội. Lòng ao ước của anh cả Huyện ủy Châu Thành đều biết, nhưng chưa thực hiện được. Thế rồi vào một trận phục kích bọn Bảo an quận Hàm Long tại khoảng cầu Đình trên Lộ Thợ - Thành Triệu, trong lúc anh xung phong truy kích địch thì bị trúng đạn ngã quỵ. Trong tích tắc của cơn tử sinh ly biệt mà anh vẫn nhớ và gắng giọng thều thào kêu lên được hai tiếng “*Bác Hồ*” rồi vĩnh viễn ra đi! Kết quả trận đánh đó ta diệt gọn địch, thu một số súng, trong đó có một khẩu trung liên Mỹ, khẩu trung liên đầu tiên của huyện Châu Thành sau ngày Đồng khởi. Ước mơ anh Sáu Trung đã thành hiện thực, nhưng anh không còn nữa, anh đã ra đi mang theo hình ảnh Bác sâu đậm trong lòng và để lại bao niềm thương tiếc cho đồng bào, đồng chí!

Tôi cũng còn nhớ khá rõ sau khi địch phản bội hiệp định Giơ-neo-vơ, chúng giở trò đàn áp khủng bố những người kháng chiến cũ và đồng bào yêu nước. Chúng vừa khủng bố vừa tổ chức những hình thức kèm kẹp đồng bào. Chúng dùng mọi thủ đoạn hòng xóa mờ tình cảm cách mạng, lòng yêu kính Bác Hồ vốn đã được khắc sâu trong trái tim, khối óc người dân Bến Tre. Từ khu dinh điền đến khu trù mật, áp chiến lược, từ xé cờ tổ Cộng đến bắt mỗi gia đình phải treo những khẩu hiệu phản động “Đả đảo Cộng sản”, “Gia đình không chứa Việt Cộng” v.v... Nhưng chúng càng hung hăng kèm kẹp, đồng bào càng thể hiện rõ tình cảm gắn bó với Bác, với cách mạng sâu đậm hơn bao giờ hết. Bà con đã có nhiều sáng kiến công khai bộc bạch tình cảm quý báu đó mà bọn địch không làm gì được. Nhiều gia đình trồng bồn bông hình ngôi sao to lớn trước sân nhà. Vòng tròn quanh là bông “đông hầu” màu đỏ thắm, hình ngôi sao giữa là bông “mười giờ” màu vàng tươi. Mỗi sáng khi ánh nắng ban mai chiếu dọi là những lá cờ đỏ sao vàng tươi thắm xuất hiện trước sân mỗi gia đình. Và mỗi khi đến ngày 19 tháng 5 và ngày 2 tháng 9 thì địch tủa ra rình rập, lùng sục khắp nơi. Nhưng nhiều gia đình vẫn lập bàn thờ Tổ quốc kỷ niệm hoặc bằng một bình bông điệp hay bình bông trang với hai màu phân biệt giữa vàng ngoài đỏ hoặc bằng dán một tờ giấy hồng đơn, giữa cắm một lọ hoa màu vàng tượng trưng cho lá cờ Tổ quốc.

Thú vị hơn là có một gia đình đã công khai treo câu khẩu hiệu “*Hồ Chí Minh muôn năm*” bằng một bài thơ tứ cú chữ nho đình huỳnh ở giữa nhà mà mãi tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ. Đó là gia đình ông Phạm Kim Hiến ở xã Thành Triệu. Ông là một người có học nho, có quan hệ cách mạng từ trước năm 1945 và có uy tín trong làng. Địch luôn để ý theo dõi nhưng phần nào có kiêng nể. Từ đó ông chẳng những đã khéo léo tranh thủ được bọn tề xã chấp nhận nhà ông khỏi phải treo những câu khẩu hiệu phản động mà ông còn dán trên tấm vách ở giữa nhà phía sau bàn thờ “*Chư vị Năm Ông*” một tờ hồng đơn lớn với bốn câu thơ chữ nho mà nhờ người con ông - là bạn học tôi - đọc và dẫn giải nên tôi mới biết và còn nhớ tới ngày nay.

“Hô lên một tiếng hát huyền mơ (Hô).
Bóng ấy giương cao phá mặt mờ (Chí Minh)
Tôi muốn mà không phải muốn sắc (muôn)
Bốn mùa đủ cả một vần thơ! (năm)”

Bài thơ thắm đượm tình Bác sâu sắc ấy, được ghi lại ở đây. Nếu thằng Tam Bình - Cảnh sát trưởng ác ôn xã Thành Triệu, Kiến An - mặt vụ, Lê Hiền - Phó Ty Công an Mỹ Tho, Trần Văn Tư - công an Ngô Quyền v.v... là những bọn thường xuyên lui tới theo dõi gia đình này còn sống được đọc và hiểu nghĩa mấy dòng thơ trên sẽ không khỏi thốt lên hai tiếng “không ngờ”.

Hè 1990



NHỮNG BỨC ẢNH BÁC HỒ

TRUNG HIẾU

(Dựa theo mẫu chuyện “Ảnh Bác” của BÍCH THỦY
viết về Giáo viên NGUYỄN QUANG TUẤN)

Năm 1976, tôi là giáo viên giảng dạy lao động công nghiệp của Trường phổ thông cấp III Nguyễn Đình Chiểu. Sáng hôm ấy, đồng chí Hiệu trưởng của trường mời tôi đến văn phòng bàn công việc. Đồng chí nói:

- Tỉnh ủy giao cho trường mình một nhiệm vụ là ghép ba bức chân dung Hồ Chủ tịch bằng đặc sản quê hương để làm quà mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV. Về phía nhà trường, tôi giao cho đồng chí đứng ra tổ chức thực hiện nhiệm vụ ấy.

Tôi rất mừng. Tuy nhiên tôi không khỏi băn khoăn, lo lắng. Mừng vì được Tỉnh ủy tin cậy giao trách nhiệm, mà đây cũng là một dịp bày tỏ tấm lòng thành kính của tôi đối với Bác Hồ kính yêu. Nhưng cũng lo vì từ trước tới nay tôi chỉ chuyên ghép hình với những loại ván thông mềm, xốp, giở phải cửa gáo dừa để ghép hình ảnh Bác thật là một chuyện không đơn giản.

Công việc mới quá, lại là công việc hoàn toàn chưa một ai trong chúng tôi có chút kinh nghiệm nào. Phần chưa có kinh nghiệm, dụng cụ thiếu, phần thời gian quá gấp. Nhưng vì tính chất thiêng liêng của việc làm tôi không từ chối.

Chân dung của Bác tôi nhờ anh Lưu Huỳnh Truyền - họa sĩ của trường - vẽ mẫu trên khổ rộng bảy tấc rưỡi, cao một mét mốt. Sau đó tôi sao thành nhiều bản, trong mỗi bản chia làm nhiều ô nhỏ, trung bình từ một ngàn hai trăm ô, đến một ngàn năm trăm ô.

Việc phân ô phải được suy tính kỹ, nếu nhỏ quá sẽ tốn nhiều thời gian, nếu lớn quá khi ghép lại sẽ không khít và không tạo được những góc cạnh đặc biệt tôn sự sinh động của ảnh Bác.

Lúc đầu tôi dự chi một trăm lưỡi cưa, nhưng từ bức thứ nhất qua bức thứ hai chúng tôi đã thu thập được một số kinh nghiệm nên cưa có nhanh và tốt chỉ tốn sáu mươi tám lưỡi cưa. Những mảnh gáo dừa cưa xong phải được mài mỏng cho độ dày bằng nhau. Dừa quá cứng, lúc đầu tôi dùng giữa kim loại, làm rất lâu, mòn cả đầu móng tay, đôi khi sơ suất bị chảy máu, lần lần đã cải tiến dùng hai que cứng ghép chặt miếng gáo lại, mài vừa nhanh lại an toàn hơn.

Cùng với tôi còn có hàng trăm em học sinh của trường cộng tác, mỗi em học sinh như đều muốn góp phần nhỏ bé của mình vào tác phẩm mỹ thuật, mà tác phẩm này lại là chân dung Bác Hồ.

Các em học sinh đã mang đến trường hàng ngàn miếng gáo. Nhưng gáo dừa cũng phải được chọn kỹ, không quá đen, mà cũng không xám và chỉ lấy một phần phẳng của mặt dưới của chiếc gáo.

Cả đến keo dán cũng phải tính toán, keo có nhiều loại, và tôi quyết định chọn keo sữa, tuy có đắt tiền nhưng có lợi về mặt kỹ thuật, khi khô mủ vẫn giữ được trong suốt và được pha thuốc để chống mối, mọt. Trong thời tiết bình thường tác phẩm mỹ thuật sẽ bảo đảm trong 10 năm.

Khung ảnh, chúng tôi lấy vỏ thân cây dừa phơi khô, cắt nhỏ dán vào. Vậy là toàn bộ bức chân dung Bác làm bằng đặc sản của quê hương.

Trong những ngày làm việc gần như đêm nào tôi cũng trần trọc, suy nghĩ. Tôi lo tác phẩm chưa toát hết những gì mình suy nghĩ, trần trọc. Nhìn ảnh Bác tôi vẫn nghĩ đến vầng trán mênh

mông, chòm râu bạc trắng và tưởng như đôi mắt sáng long lanh của Bác đang hiền từ nhìn tôi, cổ vũ tôi. Tôi bỗng thấy lòng mình thanh thản, hăng hái lên, can đảm thêm.

Tôi cũng như nhiều người của trường, là những người chưa một lần được gặp Bác. Nhưng khi tấm ảnh thứ nhất hoàn thành, mọi người xúm lại, khen chỗ này giống, chê chỗ kia chưa đẹp và gợi ý cho tôi sửa chữa! Thường thường sự khen chê ấy lại dễ đi đến nhất trí. Bởi vì, mọi người đều mang trong lòng mình một hình ảnh giống nhau về vị lãnh tụ anh hùng của dân tộc. Hình ảnh đó có ba đặc điểm: Trán cao, tiêu biểu cho bộ óc vĩ đại và kiên nghị; mắt sáng, tiêu biểu cho một bậc tinh anh; râu dài, tiêu biểu cho một người đạo đức, hiền từ...

Trong thời gian làm việc, cái mà tôi sợ nhất là một cơn bệnh bất ngờ ập đến, trong khi công việc còn bẽ bộn.

Mỗi khi mệt mỏi, tôi lại nhớ lại lời mẹ tôi kể:

- Hồi đó sống ở Đồng Tháp Mười, con còn nhỏ. Gia đình mình được cách mạng cứu mạng, đùm bọc. Hôm nay gia đình ta có manh áo lành, có chén cơm đầy. Con phải nhớ ơn Cụ Hồ, ơn cách mạng.

Đó là lần đầu tiên tôi biết cụ Hồ và ơn sâu nghĩa nặng của Người đã trở thành máu thịt của tôi từ khi còn tấm bé.

Từ đấy cho đến nay, qua nhiều giai đoạn khó khăn, nhiều lúc gặp bước hiểm nghèo tưởng chừng không thể vượt qua được chính những lúc đó tôi lại nhớ đến công ơn cách mạng, ơn Bác Hồ và đã giúp tôi làm tròn nhiệm vụ.

Suốt 41 ngày lao động miệt mài, ba bức ảnh Bác Hồ đã hoàn thành trong niềm vui của tôi và những người cộng tác.

Trong ba bức ảnh chỉ có bức sau cùng là hoàn chỉnh hơn cả. Nếu bức thứ nhất chỉ có một màu, bức thứ hai thêm màu râm thì bức thứ ba giữa màu hồng trắng và hồng nhạt, chân dung Bác màu đen được tôn tạo lên và toát ra một vẻ hiền lành phúc hậu. Bức ảnh này là tặng phẩm của Bến Tre ở Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Đó là kết quả của những ngày lao động miệt mài, ấp ủ, tưởng tượng và vẽ đi vẽ lại nhiều lần hình ảnh của Bác Hồ vô cùng kính yêu của tôi. Tình cảm yêu kính đối với Bác của tôi và các em Trường phổ thông cấp III Nguyễn Đình Chiểu đâu phải ít. Một triệu đồng bào Bến Tre là một triệu tấm lòng như vậy.



TÌNH SÂU NGHĨA NẶNG

*Ghi theo lời kể của đồng chí NGUYỄN
HÀN SĨ ANH ghi*

Khi nói đến tình sâu nghĩa nặng của Đảng và Bác Hồ đối với người nông dân Bến Tre là nói đến một quá trình có nguồn gốc lịch sử từ thuở xa xưa.

Bến Tre đất hẹp người đông. Khai phá những cù lao hoang vắng giữa biển rộng sông sâu để thành ruộng vườn trù phú nuôi sống hàng chục vạn con người là công sức hết sức lớn lao của hàng mấy thế hệ nông dân lao động.

Suốt ba thế kỷ khai sáng, nền kinh tế trên các cù lao ở Bến Tre chủ yếu là kinh tế nông nghiệp. Người nông dân gắn bó với ruộng vườn và sống nhờ trồng tía chăn nuôi trên mảnh đất thân yêu của mình.

Các chế độ phong kiến và thực dân thể hiện bản chất áp bức bóc lột của chúng bằng đàn áp chính trị và cướp giật đất đai. Người nông dân khai phá nên mảnh đất để sinh sống, cuối cùng trắng tay và trở thành người tá điền làm thuê cho địa chủ. Nhiều gia đình nông dân không có một tấc đất cắm dùi. Thời thực dân Pháp xâm chiếm và thống trị nước ta, mất nước đồng thời cũng mất đất, người dân phải chịu cái cảnh một cổ hai tròng.

Nếu như cuối thế kỷ 19, khi thực dân Pháp vừa đặt nền thống trị trên đất Bến Tre, cả tỉnh chỉ mới có 20 địa chủ chiếm hữu từ 100 héc ta ruộng đất trở lên, thì đến năm 1929, con số đó lên đến 44 người và đến năm 1945, trước Cách mạng Tháng Tám, con số đó là 74 địa chủ người Việt và 26 địa chủ ngoại Kiều (người Pháp và người Ấn). Chiếm hữu lớn nhất là gia đình Nguyễn Duy Hình (tục danh là Phủ Kiển) ở cù lao Minh (xã Đại Điền, Thạnh Phú) đến 4 ngàn héc-ta, kế đó là Nguyễn Tấn Hoài (Phó Hoài) 558 héc-ta. Ở cù lao Bảo nổi tiếng hơn hết là địa chủ Mai Thị Nương (thường gọi là bà Ba Ngổ) ở xã Tân Hào, chiếm hữu 828 héc-ta. Vùng đất vườn trù phú ở Châu Thành có những tên như Tạ Phước Sanh chiếm hữu 594 héc ta v.v...

Cách mạng Tháng Tám nổ ra năm 1945. Và sau đó cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp bắt đầu. Bọn địa chủ Việt gian phản động hận thù với cách mạng ôm chân quân đội xâm lược trả thù cách mạng và nông dân rất tàn khốc. Điển hình là tên Đại tá Lê-ông Lơ-roa, con trai tên địa chủ Pháp kiều Rơ-nê Lơ-roa ở Bình Đại và tên thiếu tá Huỳnh Ngọc Dư con trai của Cai Tổng Thi ở Thạnh Phú v.v..., bọn này đã có thời là Tỉnh trưởng nguy quyền Bến Tre, khét tiếng dã man tàn ác, giết người không gớm tay.

Trong những năm 1950 -1952, cách mạng gặp khó khăn, nhiều cơ sở kháng chiến bị đánh dạt đi nơi khác. Đảng và chính quyền kháng chiến phải thực hiện giản chính biên chế, thu gọn tổ chức, đưa chi bộ ly xã về xã, bám nhân dân phát động chiến tranh du kích.

Lúc bấy giờ cấp trên có chủ trương thực hiện giảm tô và tạm cấp ruộng đất cho nông dân. Đối tượng ruộng đất được đem ra tạm cấp là đất của thực dân Pháp, đất tịch thu của bọn Việt gian có tội ác với nhân dân, đất công điền, đất vắng chủ và đất của địa chủ hiến cho cách mạng.

Cán bộ bám về xã, vào sâu trong địch hậu đã ra sức phổ biến chính sách ruộng đất cho nông dân. Một mặt, lãnh đạo nông dân đấu tranh bằng mọi hình thức chính trị - vũ trang, hợp pháp và bạo lực không hợp pháp để thực hiện giảm tô và chia cấp ruộng đất.

Chính sách ruộng đất đi đôi với kháng chiến chống giặc giữ đất giữ làng đã làm bùng lên phong trào chiến tranh du kích khắp tỉnh trong những năm 1952 - 1954. Cán bộ, đảng viên từ chỗ sống trên đọt dừa, dưới hầm bí mật, trong lùm bụi để vận động quần chúng trừ gian diệt ác, nay đã vào hẳn trong dân, xây dựng lực lượng cách mạng và phong trào đấu tranh tại chỗ.

Trong 3 năm kháng chiến gian khổ và ác liệt 1951 - 1952 - 1953, từ chỗ cả tỉnh hoàn toàn bị giặc chiếm đóng, ta đã chuyển thế mở vùng kiểm soát và tranh chấp hơn hai phần ba số ấp, xã trong toàn tỉnh, tạm giao và tạm cấp cho nông dân 106 ngàn héc ta ruộng đất (trong tổng số 817 ngàn héc ta được chia cấp ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long). Mặt khác, ta cũng trả một giá đất bằng sự hy sinh to lớn của cán bộ, đảng viên, bộ đội trong quá trình luồn sâu vào địch hậu, bám xã cấp đất cho dân, phát động chiến tranh du kích. Tình quân dân cá nước, tình sâu nghĩa nặng của nông dân đối với Đảng, chính phủ kháng chiến và Bác Hồ chính là được thể hiện qua sự kiện ngàn năm có một này.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, chúng ta đã thực hiện cương lĩnh của Đảng: Độc lập dân tộc, người cày có ruộng.

Được làm chủ ruộng đất, người nông dân say sưa đánh giặc cứu nước, giữ đất, giữ làng. Trong tình cảm của người nông dân nghèo được cấp đất, Đảng và Bác Hồ là cứu tinh, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ là con em ruột thịt của họ. Mối quan hệ có ý nghĩa thực tiễn đó đã trở thành máu thịt và chính nó là điều kiện bảo đảm cho cuộc đấu tranh ác liệt kéo dài suốt 30 năm cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Những năm đế quốc Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên cầm quyền thay Bảo Đại, họ đưa ra Dự số 2 (năm 1956) buộc nông dân phải làm khế ước và đóng tô cho địa chủ, hòng xóa bỏ quyền sở hữu về ruộng đất mà cách mạng đã chia cấp cho nông dân; Dự số 57 (năm 1957) truất hữu số ruộng đất quá dư thừa của địa chủ (số ruộng đất này thực tế đã do nông dân làm chủ) bán lại cho nông dân nhằm thực hiện ý đồ hợp pháp hóa quyền sở hữu của địa chủ, giúp địa chủ giữ đất và xáo canh, đẩy nông dân vào cảnh mất đất, mất hết thành quả do cách mạng đem lại cho họ.

Cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-neo-vơ, đòi dân sinh dân chủ, chống Dụ số 2 và Dụ số 57, chống tố Cộng, chống khủng bố trả thù những người kháng chiến cũ... trong những năm 1955 - 1959, có mặt, về thực chất là cuộc đấu tranh về quyền sở hữu ruộng đất giữa nông dân và bọn địa chủ tay sai ngụy quyền ôm chân đế quốc Mỹ.

Trong những năm đó, trong tỉnh ta nổi lên những cuộc đấu tranh có tiếng vang về ruộng đất như cuộc đấu tranh chống ngụy quyền giật lại ruộng đất của Tây Bô-xông (Baudson), đất Chà Đò (Ấn kiều Avémei di Mesah) ở Bình Đại; nông dân phá đập Tân Hưng để giữ quyền lợi trên 400 héc ta ruộng ở Tân Hưng và An Ngãi Tây (Ba Tri). Nhưng lớn nhất là cuộc đấu tranh chống âm mưu giật đất xáo canh của nông dân các xã Đại Điền, Phú Khánh (Thạnh Phú) với những người thừa kế địa chủ Hương Liêm (Huỳnh Ngọc Khiêm) và bọn địa chủ phản động ở đây.

Năm 1958, một anh nông dân ở xã Đại Điền vì quá căm tức tên địa chủ đã dựa thế ngụy quyền giật lại tất cả ruộng đất mà cách mạng cấp cho gia đình anh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đã dùng phỉ chém chết tên địa chủ tại chợ Giồng Luông rồi mang tang vật đi thẳng vào công sở xã nhận trách nhiệm và chịu đi tù. Cũng ở xã này, sau đó bọn phản động bắt đồng chí Viễn, Bí thư chi bộ xã đưa về tỉnh, tại buổi chợ đông, hàng trăm nông dân đã tràn ra chặn xe chở tù định giải thoát cho đồng chí Viễn, nhưng việc không thành, địch khủng bố nông dân rất dữ.

Tuy cuộc đấu tranh giữa ta và địch, giữa nông dân với địa chủ và ngụy quyền diễn ra rất gay gắt, nhưng trong vòng không đầy 5 năm, địch đã cướp lại 76.836 héc ta vườn ruộng của nông dân được cách mạng chia cấp, tăng tô mới và đòi tô cũ hơn 200 triệu đồng miền Nam lúc bấy giờ. Rõ ràng đây là cuộc đấu tranh không ngang sức, ta không có chánh quyền, còn địch thì nắm chánh quyền và có cả một bộ máy đàn áp đồ sộ.

Sự đảo lộn tình thế sau Hiệp định Giơ-neo-vơ năm 1954 đã làm cho chúng ta gặp khó khăn. Nhưng tình cảm của người nông dân với Đảng và Bác Hồ lại càng thêm thiêng liêng và gắn bó.

Họ biết rõ ai là người một lòng hy sinh vì quyền lợi của họ. Nhiều người đã khóc với cán bộ khi gặp lại trong điều kiện bí mật. Họ nói: *“Bác Hồ ngày đêm lo cho dân cho nước, không biết Bác có hiểu nỗi khổ của dân hiện nay không?”*. Một số nơi ảnh Bác Hồ và tờ giấy bạc Cụ Hồ năm xưa được người ta cất giấu ở nơi trang trọng nhất, phía sau ảnh Đức Phật, hoặc bức tranh thờ trong gia đình.

Tình thế ngày càng quyết liệt và căng thẳng. Những chiến dịch tố Cộng, diệt Cộng đẫm máu, đàn áp và khủng bố nông dân hết sức dã man, đã làm cho cách mạng chịu tổn thất lớn. Việc ăn ở đi lại hoạt động của cán bộ, đảng viên không hợp pháp hết sức khó khăn. Có nơi anh em phải ăn ở ngoài lùm bụi, nơi không có lùm bụi phải tìm cách sống và hội họp dưới hầm bí mật. Tỉnh ủy ngại rằng khó khăn quá cán bộ sẽ vọt ra ngoài rừng sống bất hợp pháp xa dân, buông bỏ phong trào, nên đã chủ trương không một chi bộ nào được ra rừng, không một cán bộ, đảng viên nào được sống xa quần chúng. Ai quá lộ liễu thì điều lắng hoặc chuyển vùng hoạt động.

Để hoạt động trong dân, lúc bấy giờ, nơi ăn ở của chúng tôi, chủ yếu là trong các loại hầm bí mật, ăn uống do cơ sở bí mật lo liệu, đi lại về ban đêm, gặp gỡ và làm việc theo lối đơn tuyến, ngăn cắt triệt để giữa bí mật và công khai. Khi có một người bị bắt thì toàn bộ các cơ sở có liên quan đều xáo trộn thay đổi hết, mà việc này thì thường xảy ra liên tục.

Nói là ở trong dân bám vào dân, nhưng ở đâu và với ai, ai dám chứa mình trong hoàn cảnh này, việc ấy mới là quan trọng. Lúc quá khó khăn không phải ai cũng dám làm hầm bí mật trong nhà để nuôi cán bộ. Đã có nhiều trường hợp như anh Hai Trung đã kể trong câu chuyện *“Từ trong gian khổ đứng lên”*, mình không có chỗ ở, đến gõ cửa bị người ta *“đỡ ngực”* phải đi nơi khác, mình đi người ta vừa sợ vừa thương, có người chờ mình đi xa, vừa đánh mõ báo động vừa khóc.

Anh em bị bắt nhiều, chỗ ở ngày càng bị lộ, hầu hết cách làm hầm bí mật, phương thức ăn ở đi lại của ta đều bị địch phát hiện và đánh phá ác liệt. Cánh én hai lớp, vách đôi, bồ lúa, tủ thờ,

thùng đựng gạo, cự củi, cây rơm, bồ chứa vỏ dừa, hầm bí mật có nắp tự động dưới nền nhà, di-văng hai đáy v.v... đều bị địch dùng búa gõ và chĩa xôm để tìm kiếm. Nó biết vì có người khai, nhiều vụ nó bắt đúng chỗ, tại trận.

Sự tồn tại của anh em chúng ta bây giờ là tìm đối tượng để thâm nhập bám cho được (tức nhiều là người dám chết sống để chứa mình). Kế đến là thay đổi cách làm chỗ ở bí mật để địch không biết và người khác cũng chưa từng biết.

Đêm đêm không còn chỗ ở, vài anh em chúng tôi bơi xuống ra cù lao Minh và cù lao Lá giữa sông Hàm Luông, chọn những cây bần to đứng cạnh ven sông, nước lớn ngập bãi, trèo lên đó tạm trú và bàn cách chuyển hướng. Nước lớn về khuya, ngủ quên sẽ té xuống sông. Muốn thức và tỉnh táo, phải bắt con đom đóm bỏ vào lỗ tai cho nó ngọ nguậy, vừa đã ngứa như có người vấy tai, vừa tỉnh ngủ, tiện lợi đôi bề.

Rất may là cây bần nào cũng có đom đóm, đom đóm hằng bảy chớp tắt suốt đêm như đèn điện quảng cáo thành phố. Sống những lúc như vậy mới thấy câu hát dân gian từ xa xưa: *"Bần gie đóm đậu sáng ngời..."* hay quá. Tôi mới đặt để thêm: *"Dưới sông nước ngập, trên trời tối đen"...* (bởi vì con đom đóm thường phát sáng nhiều nhất trong những đêm trời tối, không trăng). Người ta nói *"cái khó không bó cái khôn"*. Cuối cùng chúng tôi quyết định chọn đối tượng nông dân thật nghèo có ơn nghĩa với cách mạng, gắn bó với quyền lợi giảm tô cấp đất do cách mạng đem lại để làm nơi trụ bám. Phương thức ăn ở thì bỏ hết những cách đã bị lộ, chuyển sang dùng cách mới mà chưa ai biết, còn đối cách nào thì phải tin và dựa vào sáng kiến của quần chúng cộng với sáng kiến và kinh nghiệm bản thân của từng đồng chí theo nguyên tắc *"của ai nấy biết", "việc ai nấy làm"*.

Lúc bấy giờ ở bên Minh, nổi tiếng bà Năm Lượng ở xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày với biệt danh là bà Năm *"Con gái Cự Hồ"*! Bà giả dạng khi vậy khi khác, vừa chửi địch vừa che giấu cán bộ.

Ở Ba Tri, có anh Tư ở Mỹ Chánh Hòa vừa cầm lại vừa điếc, ngôn ngữ của anh là ra dấu bằng tay. Cán bộ ta bí mật gặp anh, vừa chỉ ra ngoài ruộng, vừa đưa cho anh thấy một chiếc ảnh Bác

Hồ nhỏ xấp xỉ bằng đầu ngón tay (loại ta dùng làm tín hiệu đối với nội tuyến trong lòng địch). Anh mừng quá vừa ra bộ vượt râu (mặc dù anh không có râu), vừa chỉ vào ngực phía trái tim của mình. Cuộc tiếp xúc này nếu đem ra giải mã thì thấy kết quả như sau:

Bên ta: *“Chúng tôi là cán bộ phía Cụ Hồ, hoạt động vì độc lập thống nhất nước nhà và ruộng đất cho nông dân”*.

Về phía anh Tư: *“Cụ Hồ vẫn còn đây, tôi là con dân của Cụ Hồ, Cụ Hồ trong lòng tôi. Các anh cứ đến đây ở với tôi mà làm cách mạng”*.

Nhà anh Tư rất nghèo, anh lại tật nguyên, nhưng sẵn sàng làm hầm bí mật đem cán bộ về nuôi giấu. Bản thân anh hằng ngày canh gác, báo tin và đem cơm nước nuôi cán bộ.

Cách sống của chúng tôi bây giờ rất gian khổ, nhưng hết sức linh hoạt và phong phú. Đó là do sáng kiến của người nuôi cộng với yêu cầu tồn tại của chúng tôi.

Ở Ba Tri, anh em chúng ta sống dưới hầm bí mật trong cái lò nấu ăn bằng trấu, hầm dưới đất, lò nghi trang trùm lên trên, ống khói là chỗ thông hơi để thở. Phát minh này trước tiên ở xóm Lâm Vô, xã An Bình Tây. Chỗ khác, chúng ta sống dưới hầm, trên là cái giường ở cũ của chị chủ nhà mới sanh, chỗ bếp lửa của sản phụ là nơi nghi trang nắp hầm bí mật, hầm có đường thông ra cây rơm ở ngoài sân.

Phía Bình Đại, lúc quá khó khăn chúng tôi sống trong nhà tắm của phụ nữ hoặc trong chuồng gà, trên bày biện lung tung, phần nhiều là đồ vật dơ dáy, dưới là hầm bí mật. Ở như vậy ít ai dòm ngó, địch không ngờ tới. Có nơi đào hang cá trê dưới địa vừa một người chun vào, người vào lặn xuống địa vào hang trườn lên một cái hầm khô ráo nằm gọn dưới gốc một bụi tre hoặc một bụi trâm bầu bên cạnh bờ địa. Hội họp thì ra giữa đám lúa, tình thế quá căng thì xuống “mỏ”. Hầm là một cái mả giả, dưới xây hộc bằng xi măng có thể chứa được chừng ba người, trên đắp đất y như một cái mả mới, trước đầu mả có cắm cây mía và ba cái ống tre như người chết vừa mở cửa mả. Hầm này phải làm trên giồng

cao, giữa khu mỏ mả của dân, cỏ rậm và xa nhà ít ai lui tới. Ba cái ống tre là ống dẫn hơi. Để đề phòng chó đánh hơi có người, bu lại sữa và bôi hăm, ta phải rắc tiêu bột xung quanh ống tre vài ngày một lần.

Trong những năm gian khổ, đã có nhiều tấm gương hy sinh của cán bộ, đảng viên. Nhiều đồng chí bị bắt tra khảo tại chỗ đã hô khẩu hiệu: *"Việt Nam hòa bình thống nhất muôn năm! Đảng lao động muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm!"*... trước khi hy sinh.

Trong quân chúng, xuất hiện nhiều tấm gương quên mình bảo vệ cán bộ đảng viên, bảo vệ sự sống còn của những người cán bộ Cụ Hồ vì sự nghiệp độc lập thống nhất của đất nước và quyền lợi ruộng đất của họ. Họ nói: *"Cách mạng còn, ruộng đất còn, có Bác Hồ đất nước sẽ độc lập thống nhất, nông dân mới có cơm ăn áo mặc"*. Ở Châu Thành, chị Năm ở xã Phú An Hòa bị địch đánh liệt cả hai chân để truy tìm chị Ba Định, nhưng chị vẫn không tiết lộ. Ở Giồng Trôm, em Nguyễn Thị Chi, 15 tuổi, nhà có hầm bí mật giấu đồng chí Sáu Quân (sau này là Tỉnh đội trưởng Bến Tre và Thành đội trưởng Mỹ Tho đã hy sinh), địch tra tấn em đến chết đi sống lại nhiều lần để hỏi nơi có hầm bí mật chứa cán bộ, nhưng em cắn răng chịu đựng không chỉ hăm, sự dũng cảm của em đã cứu đồng chí Sáu Quân thoát nạn. Má Hai ở xã Mỹ Hòa, Ba Tri, bị tra tấn đến hộc máu tại chỗ, chết đi sống lại nhiều lần, nhưng má vẫn không chỉ hăm bí mật đang có cán bộ ẩn nấp ở đó. Những tấm gương như thế rất nhiều.

Những ngày đen tối, cách mạng trong lúc thoái trào, nhưng lòng tin của cán bộ và nhân dân vào Đảng và Bác Hồ như đóm lửa âm ỉ mãi không tắt. Đóm lửa đó về sau bùng lên thành ngọn lửa Đồng khởi thần kỳ năm 1960. Với người nông dân Bến Tre nghèo nàn, chân chất, cách mạng đối với họ là đất nước, là Bác Hồ, là miếng ruộng mảnh vườn mà Đảng và chính quyền cách mạng đem đến cho họ.

Bọn địa chủ và con cháu của chúng câu kết chặt chẽ với nguy quyền tay sai Mỹ trả thù cách mạng và đàn áp nông dân hết sức dã man. Người nông dân nghèo khổ không còn con đường nào khác là theo Đảng làm cách mạng.

Trải qua hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, cách mạng đem lại ruộng đất cho nông dân, nông dân đóng góp sức người sức của cho cách mạng, chiến công cũng nhiều nhưng hy sinh cũng lắm, nhiều gia đình hy sinh tất cả con cái, tiêu tan hết cả cửa nhà. Người nông dân Bến Tre theo lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ đứng lên đánh giặc, *“hết nhà cũng đánh”*, *“giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”*. Họ đánh giặc đến cùng vì Tổ quốc và quyền lợi thiết thân, miếng ruộng, mảnh vườn, miếng cơm, manh áo của chính bản thân và gia đình. Chiến tranh có lúc rất ác liệt, nhưng không ai đói rách. Tiền tuyến cần, hậu phương sẵn sàng cung ứng đầy đủ. Đảng dựa vào dân, càng đánh càng mạnh. Tình sâu nghĩa nặng của Đảng và Bác Hồ, đối với nông dân không phải là đôi điều kể lể về quá khứ mà chính là những cái gì đã có và đang có hôm nay.

Bác Hồ đã đi xa, đất nước đã thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhân dân là người làm chủ đất nước, làm chủ vận mạng của mình. Bác ra đi vĩnh viễn, nhưng Bác vẫn sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Tình sâu nghĩa nặng của Bác còn mãi với sông núi biển trời, với đồng ruộng menh mông màu xanh cuộc sống. Dù thế cuộc có lúc thăng trầm, nhưng sự nghiệp và công lao của Bác đối với chúng ta vẫn đời đời bất diệt.

Tôi kể mẩu chuyện này để tưởng nhớ Bác với góc độ Bác là người lãnh đạo của Đảng và dân tộc, đồng thời cũng là người có công ơn đặc biệt lớn lao đối với những người nông dân lao động nghèo nàn bao đời lam lũ, đầu tắt mặt tối, một cổ hai tròng. Nhờ có Bác mà người nô lệ thành người tự do. Tôi là người đi cấp đất và cũng được cấp đất. Hơn nửa đời người tôi đã sống trong bão táp của chiến tranh và cách mạng trên mảnh đất quê hương vì cuộc đấu tranh cho độc lập tự do của Tổ quốc, ruộng đất và cơm áo của nông dân. Tôi đã chứng kiến thật sự người nông dân ở Bến Tre đối với cách mạng tình sâu nghĩa nặng như thế nào.

Chúng ta có được ngày hôm nay là nhờ có Dân, có Đảng, có Bác Hồ. Dân tin Bác Hồ nên hết lòng bảo bọc cho ta tồn tại để

hoàn thành nhiệm vụ. Ta theo lời Bác dạy nên biết dựa vào dân và hết lòng vì dân mà chiến đấu.

Công ơn Bác Hồ, nhìn lại cuộc sống của chúng ta hiện nay, thật là như trời cao biển rộng. Bác Hồ không mất, Bác ở trong tim.



PHẦN BỔ SUNG



Tái bản, bổ sung lần thứ nhất - Năm 2020 ♦ 299

HÒA THƯỢNG LÊ KHÁNH HÒA VÀ NGÔI CHÙA TUYÊN LINH

Hòa thượng Lê Khánh Hòa (1887 – 1947) pháp danh Thích Như Trí, sinh ngày 22 tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), tại làng Phú Lễ, tổng Bảo An, quận Ba Tri, nay là xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Năm 19 tuổi, ông xuất gia thọ giáo ở chùa Kim Cang rồi chùa Long Triều (Tân An). Vốn thông minh lại hiếu học, cho nên sau 10 năm theo thầy học đạo, nghiên cứu kinh sách, ông nổi tiếng là một nhà sư tinh thông về Phật học. Ông được cử làm trụ trì ở các chùa Khải Tường, Long Phước, Hàng Lâm... Năm 1907, ông về trụ trì tại chùa Tiên Linh. Tại đây, Hòa thượng Lê Khánh Hòa tổ chức việc truyền giảng giáo lý nhà Phật, đào tạo môn sinh, rồi dần dần mở rộng tầm hoạt động ra các tỉnh khác ở Nam Kỳ.

Có vốn hiểu biết rộng về Nho học và Phật học, đi đây đi đó nhiều nơi, giao thiệp rộng với các nhân sĩ, trí thức, cư sĩ Phật giáo, đặc biệt sống gần gũi với quần chúng tín đồ nên ông có một sự hiểu biết sâu sắc về đời sống của nhân dân, nguyện vọng, ước mơ của họ cùng tình hình xã hội của Nam Kỳ trong những thập niên đầu thế kỷ này. Cùng với một số nhà sư có tinh thần yêu nước, tiến bộ như sư Đôn Hậu, sư Huệ Quang, sư Thiện Chiếu... Hòa thượng Lê Khánh Hòa tiến hành một cuộc vận động chấn hưng đạo Phật. Chính Hòa thượng là người sáng lập "*Nam Kỳ nghiên cứu Phật học hội*" và "*Lưỡng Xuyên Phật học*", quy tụ nhiều vị cao tăng và nhân sĩ Phật giáo có tiếng tăm lúc bấy giờ.

Năm 1926, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong chuyến lưu lạc vào Nam, có đến Bến Tre và ghé thăm chùa Tuyên Linh. Hòa thượng Lê Khánh Hòa đã lưu giữ cụ Phó bảng ở lại chùa một thời gian, hai người thường đàm luận với nhau rất tương đắc về nhiều vấn đề thời cuộc và đất nước. Mối quan hệ này về sau vẫn được tiếp tục duy trì, khi cụ Phó bảng về sống tại Cao Lãnh (Sa Đéc).

Từ năm 1930, Hòa thượng Lê Khánh Hòa được bầu làm Hội trưởng Nam Kỳ nghiên cứu Phật học hội, chủ bút tạp chí *Từ bi âm* kiêm Giám đốc Phật học Tùng thư và là người lãnh đạo tinh thần có uy tín lớn đối với Phật tử Nam Kỳ và Trung Kỳ. Cũng trong khoảng thời gian này, ông đi nhiều nơi để vận động đổi mới hoạt động của đạo Phật. Đến Rạch Giá, ông gặp Hòa thượng Nguyễn Văn Đồng - một nhà sư yêu nước - về sau bị thực dân bắt giam trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ - 1940, vì chùa Tam Bảo, nơi ông trụ trì, là cơ sở cách mạng. Về Trà Vinh, ông cùng với Hòa thượng Huệ Quang thành lập Lương Xuyên Phật học hội và xuất bản *Phật học duy tâm tạp chí*. Lương Xuyên Phật học quy tụ nhiều vị cao tăng và trí thức Phật giáo nổi tiếng ở Nam Kỳ một thời.

Khi Cách mạng Tháng Tám - 1945 bùng nổ, Hòa thượng kêu gọi các Phật tử trong tỉnh và trong miền ủng hộ chính quyền cách mạng, tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong buổi đầu độc lập. Cũng trong thời gian này, do tuổi cao sức yếu, hòa thượng ở hẩn tại chùa Tuyên Linh, ít đi đâu xa. Năm Đinh Hợi (1947), lâm bệnh nặng, biết mình không qua khỏi, Hòa thượng đã cẩn thận sắp xếp lại tổ chức trong đạo, căn dặn học trò, tín đồ tham gia vào cuộc kháng chiến do Cụ Hồ Chí Minh lãnh đạo. Ngày 19 tháng 6 năm Đinh Hợi, ông bảo học trò tắm rửa và thay đạo phục cho ông, xong quay mặt về phương Bắc, cầu chúc nước nhà độc lập, Cụ Hồ mạnh khỏe sống lâu, rồi niệm Phật, tắt thở. Với lòng kính trọng một vị cao tăng uyên thâm về mặt triết học Phật giáo, có công xây dựng Giáo hội, giàu lòng yêu nước, năm 1951, Hội Tăng già Giáo hội và Lục hòa Phật tử suy tôn Hòa thượng Lê Khánh Hòa làm Tổ của Phật giáo miền Nam.

Năm 1956, lễ trà tỳ (tức lễ hỏa thiêu di hài để đưa tro vào bảo tháp) của hòa thượng được bốn đạo cử hành hết sức trọng thể ở chùa Tuyên Linh, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày.

Sinh ra trên mảnh đất giàu truyền thống yêu nước, Hòa thượng Lê Khánh Hòa đã tiếp thu và phát huy tinh thần đó trong việc tu thân hành đạo một cách tích cực và sáng tạo. Cuộc đời Hòa thượng Lê Khánh Hòa là một tấm gương cao đẹp về tinh thần yêu nước, về lòng vị tha cho hàng vạn tín đồ Phật giáo noi theo.

(Theo “Địa chí Bến Tre” Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa và bổ sung – năm 2001)

* * *

Với lòng kính trọng một vị cao tăng uyên thâm về triết học Phật giáo, có công xây dựng giáo hội, giàu lòng yêu nước của Hòa thượng Lê Khánh Hòa, ngày 20 tháng 5 năm 2017 (nhằm ngày 25 tháng 4 năm Đinh Dậu), tại Tòa Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã kết hợp cùng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Nghiên cứu Tôn giáo tiến hành tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: **“Hòa thượng Khánh Hòa và phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam”**.

Về phía Bến Tre tham dự Hội thảo có Hòa thượng Thích Nhựt Tấn - Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bến Tre; ông Trương Vĩnh Trọng - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; ông Trần Ngọc Tam - Phó Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bến Tre...

Cũng trong năm 2017, ngày 19 tháng 10, tại chùa Viên Minh (thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre), Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bến Tre phối hợp Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức Hội thảo khoa học **“Hòa thượng Khánh Hòa với phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam và truyền thống Bến Tre”**. Ông Trương Vĩnh Trọng – nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam; Hòa thượng Thích Thiện Nhơn – Chủ tịch Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; ông Trần Ngọc Tam – Phó Bí thư Tỉnh ủy; ông Nguyễn Hữu Phước – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các học giả, nhà nghiên cứu, tăng ni Phật tử trong và ngoài tỉnh đến dự.

Hội thảo tập trung vào ba chủ đề chính: Hòa thượng Khánh Hòa với Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam; Phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam; Truyền thống lịch sử, văn hóa và Phật giáo ở Bến Tre.

Vài nét về Chùa Tuyên Linh

Nhắc đến Hòa thượng Lê Khánh Hòa, không thể không nhắc đến chùa Tuyên Linh, tọa lạc tại ấp Tân Quới Đông B, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày (nay là huyện Mỏ Cày Nam), tỉnh Bến Tre.

Năm 1861 (đời Tự Đức thứ 14), chùa được thành lập, có tên gọi là “Tiên Linh”. Năm 1927, Chùa được đổi tên thành “Tuyên Linh”. Từ đó đến nay, chùa đã được trùng tu, sửa chữa vào các năm 1946, 1975, 1983. Năm 1999, chùa được đại trùng tu trên nền cũ với diện tích khuôn viên chùa trên chín ngàn mét vuông.

Ngày 20 tháng 7 năm 1994, Bộ Văn hóa - Thông tin đã ký Quyết định số 921-QĐ/BT công nhận Chùa Tuyên Linh là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 725/QĐ-UBND cho chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Khu lưu niệm Nguyễn Sinh Sắc tại Khu di tích Chùa Tuyên Linh. Dự án do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bến Tre làm chủ đầu tư. Khởi công ngày 12 tháng 11 năm 2019, dự kiến hoàn thành ngày 08 tháng 8 năm 2020.



TRƯƠNG GIA MÔ (1866 - 1929)

 Trương Gia Mô hiệu Cúc Nông, tự lúc đầu là Sư Thánh, sau đổi là Sư Quản, biệt hiệu Hoài Huyền Tử, sinh năm 1866 tại làng Tân Hào, huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long, nay thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Thân phụ là Trương Gia Hội (1822 – 1877), từng làm Tri phủ Hoằng Trị dưới thời Tự Đức, được thăng chức Binh bộ lang trung, về sau làm Tuần vũ Thuận Khánh (Bình Thuận và Khánh Hòa).

Tuy sinh tại Bến Tre, nhưng Trương Gia Mô từ thời niên thiếu đã theo cha ra sống ở Thuận Khánh. Chính truyền thống của gia đình có ảnh hưởng không ít đến tính cách của ông. Thường mê đọc sách, ông đọc đủ loại, đêm khuya buồn ngủ, phải tự đánh mình cho khỏi ngủ gục, ban ngày ông luôn dắt quyển sách theo bên mình, để tranh thủ đọc những lúc rảnh rỗi.

Năm Nhâm Thìn, ông ra Huế (1892), được bổ nhiệm làm thừa phái bộ Công, mà sau này ông có kể lại trong bài thơ chữ Hán “Tức sự”. Chính vì là ấm sinh (con của Trương Gia Hội), làm việc ở kinh, lại hay chữ, nên người ta nể phục và gọi ông là Nghè Mô, do đó người đời sau lầm tưởng ông có học vị tiến sĩ. Nhân Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp được cử đi Pháp, Trương Gia Mô gửi một bản điều trần lên vua gồm 5 việc: 1. Mở rộng trường dạy chữ Pháp ở các tỉnh, dịch sách Pháp và Trung Quốc ra chữ quốc ngữ để tiện phổ biến, nhằm mở mang dân trí. 2. Chấn hưng công

nghệ thực nghiệp, mở rộng việc khai hoang, chăm sóc, chữa bệnh cho dân nghèo. 3. Cách chức bọn quan lại tham nhũng, sàng lọc bọn vô dụng trong bộ máy công quyền. 4. Lập nghị viện, mở báo quán để rộng đường dư luận. 5. Chỉnh đốn hương tục, đẩy mạnh việc giáo hóa trong xã hội, ngăn ngừa sự đồi bại.

Ông cũng làm đơn xin sung vào phái đoàn của triều đình đi sứ sang Pháp, nhưng không được chấp thuận. Cả hai yêu cầu đưa ra đều bị bác bỏ, ông cởi áo từ quan, về sống ở Lục tỉnh một thời gian, sau đó lại trở ra Bình Thuận. Thời gian này, ông cùng với Nguyễn Lộ Trạch mưu tính chuyện xuất dương, nhưng không thành. Sau khi Nguyễn Lộ Trạch chết, ông về lại Nam Kỳ, dạy học ở Tân An và cũng trong dịp này ông đi khắp miền Lục tỉnh.

Năm 1904, Phan Châu Trinh sau khi từ quan, đã cùng Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp tổ chức chuyến “Nam du”. Ở Bình Thuận, Phan Châu Trinh đã kết giao với Trương Gia Mô và cùng với các thân sĩ ở đây, hô hào duy tân cải cách, tổ chức công ty Liên Thành và Trường Dục Thanh.

Năm Mậu Thân (1908), ông bị bắt giam tại nhà lao Khánh Hòa với tội danh là đã tham gia vào tổ chức bí mật “đảng hội”, nhưng sau đó ít lâu thì được tha. Trở về nhà lúc đã ngoài 40 tuổi, ông làm nghề bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân trong vùng. Cũng tại nơi làng Hà Thủy, tổng Đa Phước, tỉnh Bình Thuận này đã xảy ra cuộc gặp gỡ đầy lý thú giữa ông và Nguyễn Tất Thành. Qua thư giới thiệu của cụ Phó bảng, Nguyễn Tất Thành đã tìm gặp người bạn năm xưa của cha và đã được tiếp đón chu đáo. Để tránh sự theo dõi, dòm ngó của của bọn mật thám, Trương Gia Mô đã gửi Nguyễn Tất Thành cho một nhà sư yêu nước tại chùa Phước An trong thời gian ở tại Duông. Vào đầu tháng 12, ông đưa Nguyễn Tất Thành đến thị xã Phan Thiết, vào dạy học ở Trường Dục Thanh. Mười tháng sau, ông trở lại, giúp Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn với cái tên mới Văn Ba, để rồi một thời gian ngắn sau, Văn Ba có mặt trên chiếc tàu La Touche Tréville sang Pháp.

Năm 1910, Trương Gia Mô vào Nam Kỳ và sống ở đây cho đến cuối đời. Ông giao du với những trí thức yêu nước ở Nam Kỳ như Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Cư, Nguyễn An Khương. Tuy

nhiên, con người hành động và giàu nhiệt tâm này từng có mặt trong các phong trào yêu nước đã bị đổ vỡ vì ảo tưởng chính trị, nên bất đắc chí, buồn chán, có lúc uất ức đến giận dữ, đem đốt cả thơ mình!

Ông đi nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người, nhưng không làm sao khuây khỏa nỗi lòng. Trong chuyến từ Hà Tiên trở về núi Sam, một thắng cảnh của Châu Đốc vào một đêm cuối năm 1929, người nho sĩ xông xáo của phong trào Duy Tân năm xưa đã gieo mình từ trên tháp cao của pháo đài xuống vực sâu để kết liễu đời mình.

Các báo ở Sài Gòn lúc bấy giờ như tờ *Thần Chung*, *Phụ Nữ Tân Văn*... đã đưa tin và bình luận về cái chết của ông với thái độ nể trọng và tiếc thương vô hạn. Nhiều trí thức và học giả nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đông Hồ... đều có thơ điệu họ Trương.

Tác phẩm của ông để lại gồm có *Gia Định tam linh liệt truyện* (chép tiểu sử và sự nghiệp của ba anh hùng kháng Pháp ở Nam Kỳ: Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp), *Thu hoài phú* và *Cúc Nông thi thảo* (cả hai tập thơ này đều thất lạc, chỉ còn lại 35 bài thơ chữ Hán và 10 bài thơ Nôm đăng trên báo *Nam Phong*). Ngoài ra, còn một số bài thơ "giáo huấn" (dạy con, dạy học trò), một bài *Tán* đề trên tường đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá và một số bài thơ truyền khẩu khác.

(Theo "Địa chí Bến Tre" Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa và bổ sung - năm 2001)

* * *

Ngày 23 tháng 12 năm 2011, Hội Khoa học Lịch sử An Giang và Sở Khoa học và Công nghệ An Giang đã phối hợp với Ủy ban nhân dân thị xã Châu Đốc tổ chức Hội thảo Khoa học Lịch sử tỉnh An Giang với chủ đề "**Cụ Nghè Trương Gia Mô**" tại Khách sạn Bến Đá Núi Sam (Châu Đốc).

Tham dự Hội thảo có 80 đại biểu đến từ các trường Đại học, Bảo tàng, Hội Khoa học Lịch sử và các nhà nghiên cứu ở các tỉnh, thành trong cả nước, đặc biệt còn có sự tham dự của những đại biểu đại diện cho gia tộc họ Trương.

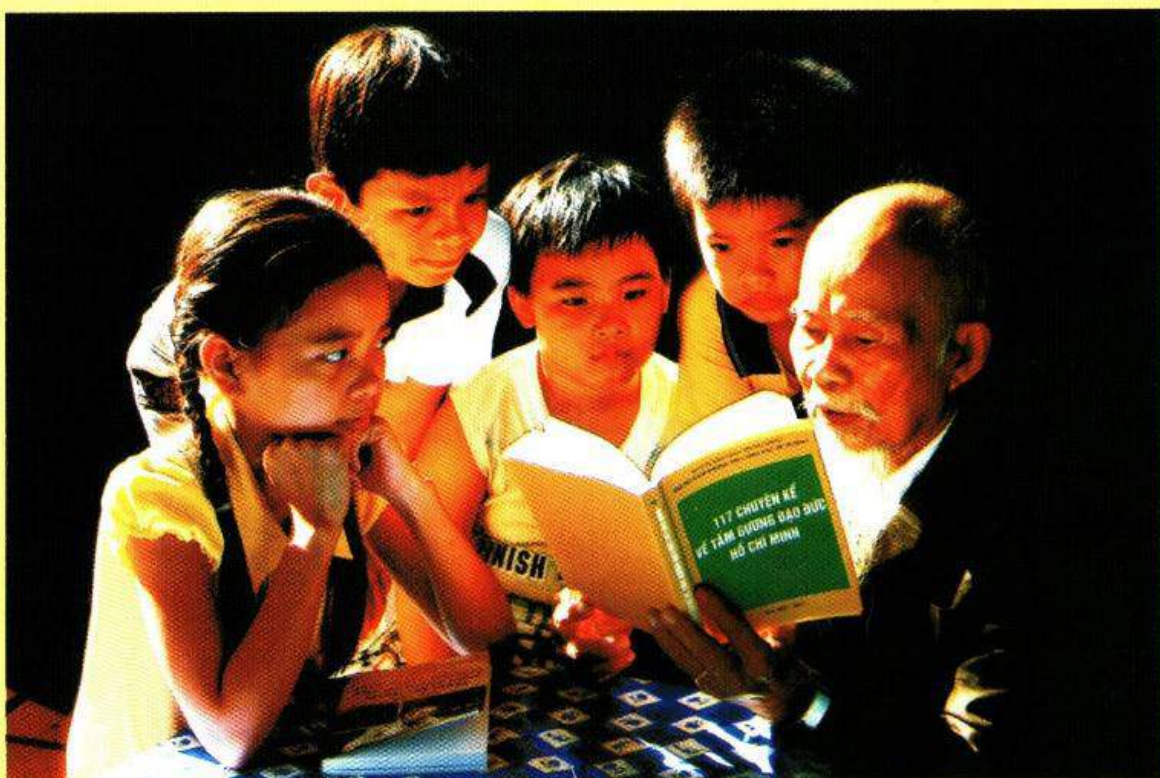
Sau khi nghe báo cáo tham luận và phân thảo luận của các nhà khoa học về một số vấn đề quan trọng, chưa được làm rõ xung quanh cuộc đời của Cụ Nghè Trương Gia Mô. Thay mặt Ban tổ chức Hội thảo, ông Đặng Hoài Dũng - Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử An Giang, Chủ trì Hội thảo đã kết luận một số vấn đề được lý giải hợp lô-gic lịch sử và đã được đa số các nhà khoa học đồng tình. Bên cạnh đó, Hội thảo cũng đã chỉ ra những chi tiết nhầm lẫn, gây không ít khó khăn dẫn đến những đánh giá sai lệch khi nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Cụ Nghè Trương Gia Mô:

- *Thứ nhất*, khẳng định mối quan hệ của Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và Trương Gia Mô là những nhà yêu nước nhiệt tình, có cùng chí khí chứ chưa phải là bạn tâm giao, thống nhất trong các phong trào yêu nước.

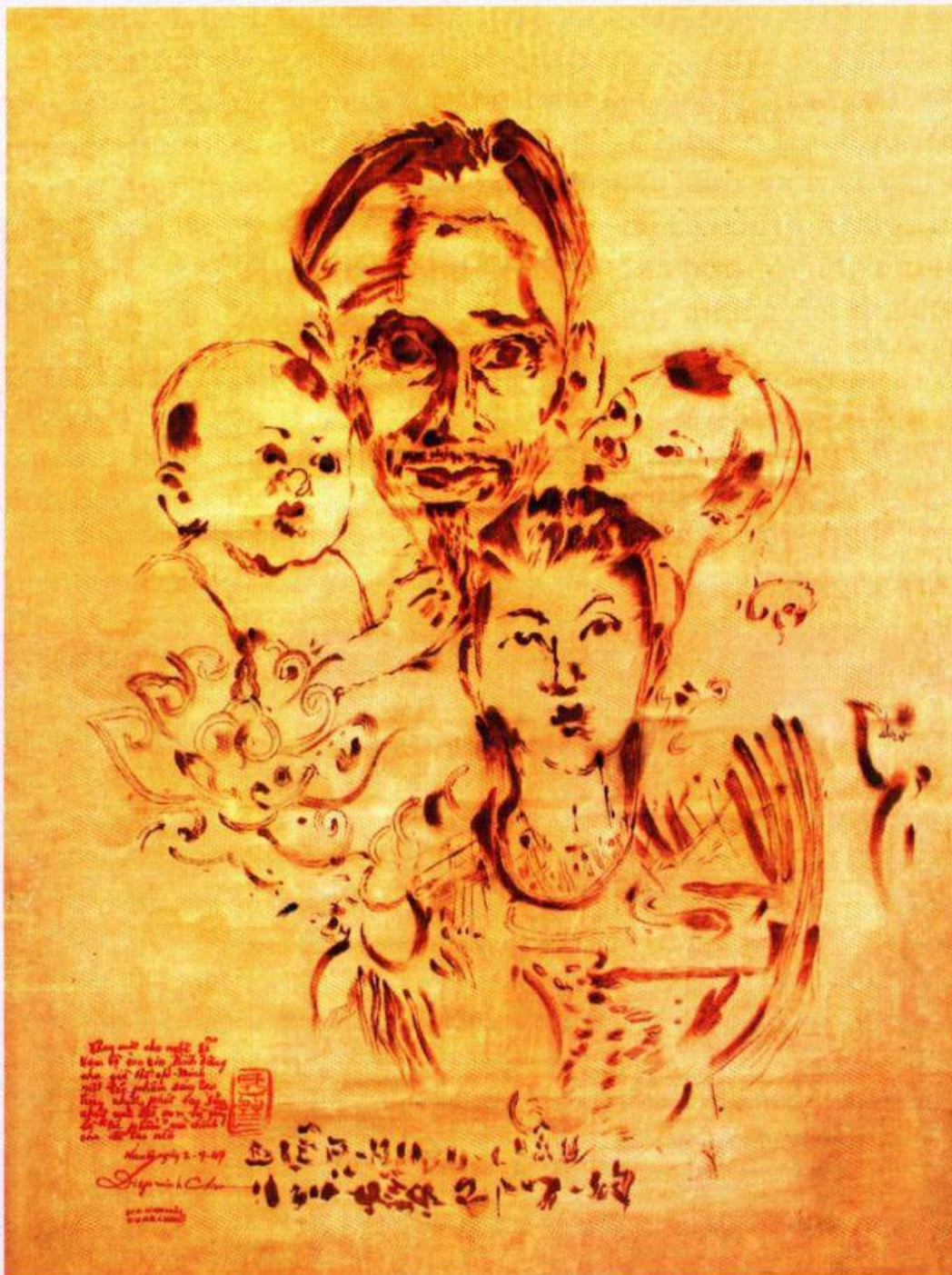
- *Thứ hai*, khẳng định sự kiện người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành gặp Trương Gia Mô tại Bình Thuận và ông đã giới thiệu cho Nguyễn Tất Thành vào dạy học tại trường Dục Thanh, đồng thời giúp đỡ kinh phí cho người thanh niên yêu nước này vào Sài Gòn là có. Đây là sự giúp đỡ của bậc tiền bối đối với một người cháu, của những người yêu nước sống trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Hội thảo đã phủ nhận sự kiện Trương Gia Mô trực tiếp đưa Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn, đồng thời khẳng định lại chủ ý của Nguyễn Tất Thành ra đi nước ngoài là có từ trước và không ảnh hưởng về mặt tư tưởng từ Trương Gia Mô. (Thông qua các tác phẩm: *"Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử"*, *"Hồ Chí Minh tiểu sử"* và *"Vừa đi đường, vừa kể chuyện"* đã làm rõ vấn đề đã phân tích trên)...



Ảnh nghệ thuật



“Kể chuyện về tấm gương của Bác”
Ảnh: NGUYỄN THU



Bức tranh “**Bác Hồ với ba cháu thiếu nhi Trung Nam Bắc**” (Tranh lụa, vẽ bằng máu - Năm 1947) của Họa sĩ - Nhà điêu khắc Diệp Minh Châu hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

BỨC TRANH BÁC HỒ CỦA HỌA SĨ - NHÀ ĐIỀU KHẮC DIỆP MINH CHÂU VẼ BẰNG MÁU

Sưu tầm và giới thiệu: THY HƯƠNG

Bức tranh có tên “Bác Hồ với ba cháu thiếu nhi Trung Nam Bắc”, được vẽ trên lụa. Họa sĩ đã dùng máu chích ở tay mình vẽ hình Bác Hồ với ba em nhỏ tượng trưng cho ba miền Bắc – Trung - Nam. Góc trái phía dưới bức tranh ghi chữ bằng bút chì đỏ: “Thay mặt cho nghệ sĩ Nam Bộ, con xin kính dâng Cha già Hồ Chí Minh một tác phẩm sáng tạo trong những phút say sưa nhất của đời con và cũng là tác phẩm mà chính Cha đã tạo nên. Nam Bộ ngày 2/9/1947. Ký tên Diệp Minh Châu”.

Điều đặc biệt, khi vẽ bức tranh này, họa sĩ Diệp Minh Châu chưa từng được gặp Bác Hồ mà chỉ vẽ bằng trí tưởng tượng. Sau này họa sĩ có được cơ hội sáng tác bên cạnh Bác trong vài tháng ở chiến khu Việt Bắc, nhờ đó mà ông có hàng loạt sáng tác điêu khắc về Bác.

Trong số những tác phẩm tranh tượng được trưng bày trong 30 cuộc triển lãm, chỉ riêng về đề tài Bác Hồ, họa sĩ đã có trên



Chủ tịch Hồ Chí Minh đang xem bức tranh vẽ bằng máu của
Họa sĩ - Nhà điêu khắc Diệp Minh Châu do đồng chí Trần Văn Trà
đem từ Nam Bộ ra Việt Bắc năm 1949 - *Ảnh tư liệu.*

200 tác phẩm. Các tác phẩm tiêu biểu ngoài “*Bác Hồ và ba cháu thiếu nhi Trung Nam Bắc*” còn có: “*Bác Hồ câu cá ở Việt Bắc*” (sơn dầu); “*Bác Hồ ở Việt Bắc*” (tượng đồng - 1990); “*Tượng đài Bác Hồ*” (đá hoa cương, cao 8m, nặng 180 tấn, 1993) dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 1997, là tượng chân dung lớn nhất Việt Nam; “*Bác Hồ bên suối Lê-nin*” (tượng thạch cao), “*Bác Hồ với thiếu nhi*” (tượng đồng).

Diệp Minh Châu sinh ngày 10 tháng 02 năm 1919 tại làng Nhơn Thạnh, huyện Giồng Trôm (nay là xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre; mất ngày 12 tháng 7 năm 2002.

Với những cống hiến của ông cho nền nghệ thuật nước nhà, năm 1996, Họa sĩ – Nhà điêu khắc Diệp Minh Châu vinh dự được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt 1) cho các tác phẩm “*Võ Thị Sáu*”, “*Hương Sen*”, “*Bác Hồ bên suối*

Lênin”, “Bác Hồ với thiếu nhi”, “Chân dung nhà văn Nguyễn Tuân”, “Bác Hồ với ba cháu thiếu nhi Trung Nam Bắc”,...

Để ghi nhận và khẳng định những đóng góp của ông trong nền nghệ thuật điêu khắc Việt Nam hiện đại, Bộ Thông tin và Truyền thông phát hành bộ tem “*Kỷ niệm 100 năm Năm sinh Diệp Minh Châu (1919 - 2019)*”.

Bộ tem thiết kế hình ảnh chân dung Họa sĩ - Nhà điêu khắc Diệp Minh Châu mang thần thái ung dung tự tại, ánh mắt khát vọng hướng tới vẻ đẹp hoàn mỹ. Nền tem là phong cảnh những rặng dừa đặc trưng cho quê hương Bến Tre - Xứ dừa. Bên cạnh là tượng đài “*Bác Hồ với thiếu nhi*” – một trong những tác phẩm gắn liền với tên tuổi của Nhà điêu **khắc**.



Bộ tem do Họa sĩ Phạm Trung Hà, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam thiết kế, phát hành từ ngày 10/02/2019 (là ngày sinh của ông) đến ngày 31/12/2020.



“BÁC HỒ TRONG TRÁI TIM CHÚNG TA”

THẢO CHI sưu tầm

Bảo tàng Bến Tre trong quá trình tác nghiệp đã sưu tầm hình ảnh, tư liệu, hiện vật quý về chủ đề “Lòng dân xứ dừa đối với Bác Hồ”. Trong số đó có bài viết “Bác Hồ trong trái tim chúng ta” của tác giả P.V.

Nội dung kể về đợt hội diễn văn nghệ của 4 xã huyện Mỏ Cày mừng sinh nhật Bác cách đây hơn bốn mươi lăm năm (1974). Xin trân trọng giới thiệu nguyên văn bài viết.

*K*hông chỉ có buổi chiều nay, không khí chuẩn bị cho đêm hội diễn mừng sinh nhật Bác mới rộn rịp sôi nổi, mà từ mấy hôm nay và cũng có thể nói là từ hôm chúng tôi đề xướng ra đêm hội diễn này, anh em ai nấy đều rất phấn khởi và tỏ rõ quyết tâm lớn là cố gắng tổ chức đêm hội diễn đúng ngày sinh của Bác, ngày 19 tháng 5.

Thế là chúng tôi bắt tay ngay vào việc, sau khi bàn bạc nhứt trí, chúng tôi chia nhau xuống các xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy và An Định.

Sau những năm giặc bình định ác liệt, rõ ràng là bom đạn địch có thể tàn phá vườn tược, nhà cửa, nhưng tinh thần cách mạng, tấm lòng kính yêu Bác Hồ của đồng bào ta thì chúng không sao tàn phá, hủy diệt được. Rào gai, trụ sắt và đồn bót địch không thể nào giam nhốt được lời ca tiếng hát, không thể nào bình định được tâm hồn con người.

Tình cảm của đồng bào ta yêu kính Bác Hồ thể hiện rõ ở nhiệt tình tham gia đêm hội diễn, bà con đều phấn khởi, người thì tham gia trực tiếp biểu diễn, người thì khuyến khích con em mình tham gia, có gia đình tham gia biểu diễn đến 4 người. Cảm động nhất là bà mẹ ở xã An Định, mẹ đã ngoài 60 tuổi, nhưng khi anh em đề nghị mẹ góp phần vào hội diễn thì mẹ sẵn sàng, mẹ thức đêm thức hôm tập dượt bài hát *"Tải đạn ra chiến trường"*. Vì theo mẹ nghĩ *"Muốn làm được lời Bác dặn dò, bà con mình ai cũng phải góp công, già cả như mẹ cũng có thể tải đạn ra chiến trường cho các con đánh giặc..."*. Đêm trước khi hội diễn mẹ còn thức đến nửa đêm để tập.

An Định là một xã bị giặc bình định một phần lớn, địa hình chia cắt, nhưng anh em, bà con cả các em học sinh đều hăng hái tập luyện tiết mục, đội du kích xã cũng tham gia rất nhiệt tình. Ban ngày anh em phải đi vây bố bót, sản xuất, luyện tập, canh gác giữ làng, vậy mà anh em vẫn tranh thủ tập dượt thật tốt. Ai ngờ những tay súng cừ khôi đã lập nên những thành tích, chiến công vang dội như diệt tên xã trưởng ác ôn Thuận; ban ngày ban mặt luồn vào bắn chết tên Chín Lùn khét tiếng gian ác đã từng bắt bố đánh đập bà con ta, không cho mua một hột gạo về ăn. Giặc nghe đến du kích An Định là khiếp vía, những con người ấy hôm nay lại là những diễn viên thật trẻ trên sân khấu.

Hội diễn văn nghệ kỷ niệm sinh nhật Bác lần này hết sức phong phú, anh chị em tham gia biểu diễn thật đông. Lần đầu tiên xuất hiện trên sân khấu tỉnh nhà một đội đồng ca trên 150 người, đủ các lứa tuổi, đủ các thành phần, những người du kích từ vành đai diệt địch, những em học sinh, những người ngày ngày sản xuất trên đồng mía đã về đây cùng nhau ca múa mừng sinh nhật Bác.

Xem hội diễn không ai quên được em thiếu nhi mới lên bốn tuổi khi hát phải đỡ em đứng lên ghế cho mọi người nhìn thấy. Bài hát *"Em mơ gặp Bác Hồ"* làm xúc động người xem. Các em biểu diễn rất nhiều điệu múa, hát, nhất là các em Phước Hiệp, múa thật hay, thật đẹp.

Đồng bào đi xem hội diễn thật đông, có đến bốn, năm ngàn người, có người từ trong vùng địch kèm kẹp vẫn lòn lỏi qua mắt giặc để đi xem. Ai nấy cũng đều hài lòng khi các cô gái lên biểu diễn tốp ca nữ mười người. Mười cô gái phục trang bà ba đen, tóc đen dài, óng mượt, không hóa trang son phấn, các cô vẫn hồng hào, trẻ đẹp, cái đẹp của ngay bản thân những cô gái vùng giải phóng, chiếc khăn rằn đen quàng cổ càng tăng thêm cái đẹp, cái tươi trẻ hồn nhiên của các cô, bài hát *"Thương tiếc Bác, miền Nam xông lên"* các cô biểu diễn vừa xúc động vừa thúc giục mọi người xông lên làm tròn lời thề với Bác.

Phước Hiệp rất xứng đáng với phần thưởng hạng nhất đêm hội diễn, hầu hết các đội ở các ấp từ các cô gái cho đến các em thiếu nhi, qua các tiết mục biểu diễn tốp ca, song ca... Mỗi tiết mục đều có cái hay riêng của nó, nhưng nhìn chung Phước Hiệp có phong cách biểu diễn khá chững chạc và tương đối có nghệ thuật. Điệu múa *"Giã gạo"* của các cô gái ấp 9 đã nói lên rõ nét về điểm này là những cô gái tháng ngày quen với cái dao, cái cuốc trên đồng mía bạt ngàn, bầm đất sản xuất, bầm làng chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng, hôm nay trên sân khấu các cô đã trở thành những diễn viên trẻ đẹp.

Đi hội diễn xa nhất là xã Định Thủy, nhưng anh em quây theo cái đầu lân, mặt địa với tất cả nhiệt tình tham gia hội diễn sinh nhật Bác. Mở đầu đêm hội diễn là điệu múa lân của Định Thủy, tiếng trống "thùng phuy" làm náo nức lòng người, bà con đi xem đều đứng dậy, đổ xô về phía sân khấu, không khí từng bừng hẳn lên.

Mặc dù đường xa, mưa gió lầy lội nhưng Định Thủy đã đem về hội diễn những bông hoa tươi thắm, xúc động nhất vẫn là các em thiếu nhi, dù phải thức khuya, đi xa nhưng các em vẫn biểu diễn thật tươi, múa hát liên tục vẫn thấy khỏe và càng hăng hái.

Từ hội diễn mùa xuân và Tết Nguyên đán năm 1974 đến hội diễn kỷ niệm sinh nhật Bác, tuy thời gian không xa, nhưng đã thấy được một sức sống mới của phong trào văn nghệ trong nhân dân đang nẩy mầm và đơm hoa kết trái. Sức sống mới ấy bắt nguồn từ những ngày xa xưa khi nhân dân ta theo Bác làm cách mạng, sức sống ấy không có một sức mạnh bạo tàn nào có thể lay chuyển được. Qua hội diễn văn nghệ lần này chúng ta có thể khẳng định rằng khả năng văn nghệ của quần chúng là vô tận, lời ca, tiếng hát cách mạng của chúng ta là vô địch, không có kẻ thù nào có thể chiến thắng được.

Bác đã đi xa, nhưng chúng ta như còn thấy dáng Người cao lớn khỏe mạnh, Bác đang giữ nhịp cho chúng ta hát tiếp bản đại hợp xướng chiến thắng của dân tộc.

Cuộc đời và hình ảnh Bác Hồ, sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.



HOA DỪA NỞ GIỮA THỦ ĐÔ

Nhạc và lời: QUỐC NAM

Vừa phải - Sâu lắng

Từ Bến Tre con ra thăm Hà Nội. Nắng lung
 Từ Bến Tre con mang ra Hà Nội. Câu hát dân
 linh rực rỡ Ba Đình. Nghe trong tim mình bồi hồi thương
 ca đẹp nhất quê dừa. Xin dâng lên người ngàn lời thương
 nhớ. Tiếng nói Bác Hồ vẫn còn
 nhớ. Câu hát ngọt ngào sông nước Hàm
 đây. (Nhạc...) Hà Nội
 Luông. Hà Nội

ơi! trái tim của đất nước. Vang mãi
 ơi! giữa thu về nhớ Bác. Nghe hương

lời Người dựng nước năm xưa. Bác đã đi
 dữa ngan ngát đầu đây. Kết trái đơm

xa nay Bác lại về. Hà Nội mùa Thu (σ...)
 bông son sát một lòng. Dừa ở miền Nam (σ...)

1. Bác vẫy tay chào. (Từ Bến...) ...trông.
 Bác đã vun...

Hà Nội mùa Thu Ba Đình lịch sử chim về từng
 ...Thu Ba Đình lịch sử chim về từng

đàn kết hoa dâng Người. Giữa muôn ngàn đài
 đàn kết hoa dâng Người. Giữa muôn ngàn đài

hoa xin làm một cánh hoa dừa tươi thắm nở
 hoa xin làm một cánh hoa dừa tươi thắm nở

1. giữa Thủ đô. (Hà Nội mùa...) Fine
 giữa Thủđô.

BÊN BẾN NHÀ RỒNG

Nhạc và lời: QUỐC NAM



Con chưa một lần ra thăm Miền Bắc, con chưa một
Con chưa một lần ra thăm Miền Bắc, con chưa một



lần vào lăng viếng Bác. Nhưng con đến nơi bến cảng Người đã ra
lần vào lăng viếng Bác. Nhưng con đến nơi bến cảng Người đã ra



đi. Ôi mệnh mông bến cảng Nhà Rồng những cánh
đi. Oi yêu sao bến cảng Nhà Rồng những bước



chim hải âu và những con tàu đi muôn nơi.
chân Người đi và bóng con tàu nơi chia ly.



Đến Bến Nhà Rồng đứng bên tượng Bác con nghe cuộc
Bao ước nguyện Người chúng con hằng ghi vâng theo lời



đời ăm trong tình Bác. Nghe câu hát dân ca ngọt ngào như tiếng mẹ
Người khó khăn ngại chi. Chung xây đắp non sông đẹp giàu cho mãi đời...



ru đã thấy mặt trời từ Bến Nhà Rồng. Bình minh lên con thăm



gọi Bác Hồ ơi - Con chưa một...

...sau. Thành phố này chúng con xây



lại đàng hoàng hơn to đẹp hơn.

(Nhạc...



...)

Nơi Người năm xưa ra đi cứu nước. Chúng con dựng



xây thêm những tầng cao, thành phố nở hoa trên những công



trình đề lòng Bác vui Bác ơi!

ĐÀI HOA DÂNG BÁC

TRẦN NAM DÂN

Nói lời

 rên mảnh đất thành đồng cao muôn trượng,
Chúng con đi giữa Sài Gòn nghe gió lộng cờ bay.
Nhớ đường Trường Sơn mây lượn bên vai,
Nghe Tổ Quốc gọi chín nhánh Cửu Long xòe tay tung sóng hát.

Vọng cổ

1. Khúc khải hoàn ca gần xa trỗi nhạc, vòng ngực quê hương
cài hoa trăm sắc Hồ Chí Minh đẹp nhất tên... vàng.

Con xin hôn mảnh đất Kim Liên tỉnh Nghệ Nam Đàn .

Ôi thương biết mấy những ngọn sóng đại dương năm xưa đã
từng đưa tiễn Bác và những viên gạch hồng sưởi ấm Bác giữa
mùa đông. Năm ấy hang Pắc Pó, Bác về trao cờ giải phóng, cho
chúng con chẻ núi xé rừng trăm trận hành quân. Muôn nỗi
thắng trăm, suốt ba mươi năm đã nên vành hoa đỏ...

2. Sài Gòn quê con mùa hoa đang độ nở - Hòn ngọc viễn đông
rực rỡ tên Người. Ôi công ơn Bác chất chiu từng nụ hoa đời. Mùa
thu năm trước Bác khai sinh đất nước, dạy chúng con nóp với
giáo lên đường đại phá dinh lũy bọn xâm lăng. Vượt núi băng
đồng thần tốc hành quân, Điện Biên Phủ - Sài Gòn - Hồ Chí
Minh vĩ đại. Giữa tim Bác có miền Nam trong ấy, lưu chảy mạch
máu anh hùng cho khắp cả lòng dân....

Nói lời

Vâng lời Bác chúng con vượt qua muôn ghềnh thác,
Chân đất đầu trần vào trận đánh ba mươi năm.
Chuốt nhọn đường lê đầu súng cháy đỏ nòng,
Giành một trận thắng của bốn ngàn mùa xuân dồn lại.

Vọng cổ

4. Đường con đi thiên sơn vạn thủy, bến bở ngược xuôi đồng xa xóm nhỏ, đài hoa rạng rỡ từ nay muôn thuở xin kính dâng... Người.

Tình Bác sáng soi khắp trên mặt đất bầu trời.

Bác ơi, đất nước Rồng Tiên, trái thị quê con cũng biết hóa thành nàng tiên - dưng sĩ. Chống Mỹ từ tin hiệu chéo khăn rằn đến những chiếc gậy vượt Trường Sơn. Những người mẹ ở khóm phường đến cô gái nữ sinh, vẫn mơ thấy bàn chân mình có dấu dép của anh giải phóng quân vạn dặm. Xin Bác vui lòng yên nghỉ, chúng con đã thắng trận cả nước vẹn nguyên, không làm rơi rụng cánh hoa hồng.

5. Lòng Bác menh mông như tấm lòng của biển, con là ngọn sóng đang bơi xuôi giữa lòng Người. Tình Bác soi sáng đời con từng chữ từng lời.

Mang Di chúc Bác chúng con vào trận đánh, làm tươi tắn những binh đoàn quân cướp Mỹ và tay sai. Trận thắng diệu kỳ mang tên Bác - Bác ơi! Một triệu quân nguy đã rã rời vì sóng xô bão dậy. Chúng con nhớ lượng khoan hồng của Bác dạy và hiểu dân tộc mình chung bực trứng Âu Cơ, dang tay nghĩa nhân để giữ vững ngọn cờ.

6. Đất nước bao la hát khải hoàn ca, giữa không gian rộng menh mông trong sáng. Thời gian dẹt gấm vóc non sông muôn đời xanh thắm. Chúng con xin quý dưới chân Người và vâng lời Bác dạy chúng con:

"Ta thắng trận này bọn xâm lược nhớ ngàn năm".

Ở chân trời phía Đông, dân tộc Việt Nam chân đất đầu trần mà suốt bốn ngàn năm thiện chiến. Một đất nước bốn mùa cây xanh trái ngọt, giàu nghĩa nhân và ngời sáng đức độ khoan hồng. Bác Hồ ơi, niềm vui chung lẫn cả vui riêng, đang múa ca trong mỗi tâm hồn.

Dài hoa nở giữa non sông,

Kính dâng lên Bác để đáp công ơn Người. ■

NHỚ CHA TRONG MÙA PHƯỢNG ĐỎ

DƯƠNG THỊ THU VÂN

Nói lời

Bình minh lên nhuộm hồng con sông nhỏ
Rạng rỡ hàng phượng đỏ bóng nghiêng nghiêng
Hoa phượng thân yêu gọi một nỗi niềm
Ấp ủ trong ta đậm đà theo năm tháng.

Vọng cổ

1. Cánh phượng lung linh như tâm tình con thương nhớ, dào dạt ngày đêm như con nước dâng... đầy.

Hỡi cánh chim bay cho ta gửi lời này, rằng chim có bay về phương Bắc ấy, nhớ ghé lại Ba Đình viếng lăng Bác kính yêu! Chim hỡi đừng quên hãy hát thật nhiều, bài hát thanh bình thống nhất non sông. Để Bác ta yên dạ vui lòng, say trọn giấc nồng trong bình minh rực rỡ.

2. Mười Chín tháng Năm, trời thương, đất nhớ, nên rừng hoa đua nở chào mừng. Đất đau thương ngày ấy vươn lên đón mặt trời hồng. Cây hạnh phúc xanh cành kết trái, vẫy gió gọi xuân về ngọt những mùa thơ.

Trọn vẹn niềm mơ non nước một màu cờ, người xưa gặp lại người xưa xa vắng. Ôi phượng đỏ cho hồng thêm sắc nắng, xin gửi tâm tình này trong thâm lặng kính dâng Cha.

Ca Sâm Thương

Ai hát vang bên sông. Làm say lòng ta lưu luyến.
Tha thướt bay trong sương. Dặt dìu thêm mền thương.
Dòng người về ngược xuôi
Mùa xuân trong tháng Năm từng bừng
Nhìn cờ hồng tung bay. Lòng băng khuâng mắt cay lệ tràn.

Vọng cổ

5. Bác Hồ ơi! Từ mảnh đất quê hương Đồng Khởi, chúng con là những chiến sĩ công an xin kính dâng Cha vạn đóa hoa... hồng.

Mười Chín tháng Năm – nhịp đập con tim của triệu triệu tấm lòng.

Tám mươi sáu mùa xuân trong sáng, là cung đàn cho bản đại thắng hôm nay. Bao năm trường gian khổ, đắng cay, lời Bác dạy đã thành lời thệ ước:

“Tận tụy với dân, quên thân vì nước...”

Nguyên vẹn giữ hiếu trung, con khắc cốt ghi lòng.

6. Hò... ơ!... Ai về Thạnh Phú, Thạnh Phong

Gặp anh chiến sĩ biên phòng nhớ thương

Rằng anh giữ biển quê hương

Em đang canh giữ ở... hò ơ... em đang canh giữ tuyến đường xe qua.

Ơi yêu sao mảnh đất gấm hoa Đồng khởi, bóng giặc sạch rồi đất đổi màu xanh.

Giồng Trôm, Bình Đại, Châu Thành,

Quê hương đâu cũng nặng tình máu xương.

Ơi máu xương và lời thân thương của Bác, trong mùa hoa, thành câu hát ân tình.

Hôm nay hạnh phúc về mình,

Chúng con thề quyết giữ gìn Bác ơi.

Đứng canh cửa biển, khung trời,

Đẹp mùa phượng đỏ, đẹp lời Bác khuyên. ■

Năm 1976

D.T.T.V

HÁT MÃI ƠN NGƯỜI

DƯƠNG THỊ THU VÂN

Nói lời

 Bác ơi! Công ơn Bác biển trời không sánh nổi
Con viết lời ca để hát mãi ơn Người.

Lý Chiều Chiều (Trung bộ)

1. Chiều ơi chiều về. Nao nao nhớ thương.

Ở người Cha kính yêu ra đi

Thăm thẳm màn sương. Mờ trong mây chiều

Ơi Người là Người.

2. Còn ghi đời đời. Câu ca ơn Bác.

Ở tình sâu thiết tha. Người ơi thương nhớ.

Ngàn năm lòng không phai mờ.

Ơi Người là Người.

Lặp lại: Ngàn năm lòng không phai mờ, Ơi Người là Người.

Vọng cổ

1. Thăm thẳm mênh mông bầu trời xanh trong như tình
thương của Bác, trải ánh trăng mơ dịu dàng câu hát cho khắp
nhân gian vui sống phút thanh... bình.

Bác kính yêu ơi! Ơn Bác ghi sâu tình nặng thâm tình. Dẫu Bác
đã nghìn thu yên giấc, sao lòng con mãi bàng hoàng ngỡ Bác vẫn
đâu đây.

Ơi chòm râu, ánh mắt yêu thương, con khao khát được một
lần đón Bác.

Bến nước Hàm Luông chiều trôi man mác, mang nỗi mong
chờ của người dân Đồng Khởi.

2. Hỏi lá, hỏi hoa, hỏi khắp miền non nước, rằng Bác kính yêu
ở tận nơi nào.

Từ biệt cháu con, Bác đã ra đi trong thương nhớ ghen ngào.
Bác gần gũi thân thương như tình mẹ, lo no đói muôn nhà, lo ấm
lạnh khắp gần xa!

Với chiến sĩ chúng con vẫn gọi Bác là Cha, theo Bác chúng con đi, chân không mòn sỏi đá. Bác để lại ân tình sâu nặng quá, con biết nói gì cho xứng với tình Cha...

Trăng Thu Dạ Khúc

Nắng lung linh giữa ngàn hoa thắm tươi
Giọt nắng Ba Đình – rức rờ quê mình
Mùa thu năm ấy mấy ai quên
Non sông đứng dậy theo lời Cha kính yêu!
Rừng dừa quê hương, nhớ mãi ơn Người
Trăm năm bia tạc tấm lòng vàng son với nước non.

Vọng cổ

5. Đi giữa quê hương dào dạt niềm nhớ thương da diết, dẫu cho nói ngàn lời tha thiết, nào lấy đâu muôn vạn đài hoa cho xứng với tên... Người.

Hồ Chí Minh – Người là vầng thái dương tỏa sáng cho đời. Hơn một trăm năm Ngày sinh của Bác, chúng con hát khúc kết đoàn dâng tặng Bác kính yêu.

Tưởng như ngày nào Bác vỗ nhịp vẫy tay, sông núi hòa vang, bạn bè khắp năm châu về hội tụ. Vẫn nụ cười hiền, vẫn màu áo nâu giản dị, Bác như quê hương - sâu lắng biết bao tình.

6. Nghe kể rằng trước lúc đi xa, Bác muốn nghe một khúc dân ca xứ Nghệ, một câu hò Huế thiết tha... và Bác lại muốn biết, muốn nghe “*Miền Nam những đâu thắng lớn?*”.

Bác đi xa khi chưa về đất Bến, chắc lúc lên đường Bác thương nhớ bóng dừa xanh. Ôi ước gì sớm kết thúc chiến tranh, Bác về miền Nam ghé thăm quê hương Đồng Khởi.

Bác ơi! Hàng dừa xanh đứng đợi, đất nước yên vui mà Bác mãi không về. Câu dân ca thỏn thức những trưa hè. Mùa phượng nở lại nhớ mùa sinh nhật Bác.

Lời ca con hát về Người

Công ơn của Bác ngàn đời khắc ghi. ■

DÂNG NGƯỜI ĐIỀU LÝ BÔNG DỪA

DƯƠNG TẤN PHÁT

Nói lời

ác kính yêu ơi,
Hồ Chí Minh - Ôn Người cao vời vợi!

* * *

Trên quê hương rạng danh Đồng Khởi,
Sắc bông dừa đua nở muôn nơi.
Kết hương lòng kính yêu dân Bác
Nguyện làm theo gương sáng của Người.

Vọng cổ

Câu 1. Đứng giữa yêu thương trên ba dải cù lao bốn bề sóng
vỗ, cửa sông Tiền nôn nao ngân vang bản nhạc cùng dòng Ba Lai
rộn ràng tuôn chảy, trỗi khúc dân ca theo điệu Lý bông... dừa.

Câu hát quê hương! Già cười rưng rưng, trẻ hớn hởi vui đùa.

Mừng cầu Rạch Miễu hòa cùng huyết mạch, nổi nhịp Hàm
Luông chấp cánh Bảo - Minh.

Lý Bông Dừa

Bông dừa đượm thấm bao tình,
Lòng Dân - Ý Đảng sắt son nghĩa nặng tình sâu
Cùng dựng xây non nước hơn mười...

(về vọng cổ)

Xin kính dâng Người những công trình hằng mong ước.

Câu 2. Thành phố Bến Tre trang hoàng rực rỡ, chào nắng
bình minh trong sức trẻ vươn mình.

Vươn tới tầm cao chan chứa biết bao tình. Bao nhiêu tình Bác
gởi trọn niềm tin: “*Thắng giặc rồi ta xây dựng đàng hoàng hơn*”.

Mang niềm tin ấy vào cuộc Đồng khởi mới, chiến thắng đói nghèo - hạnh phúc nơi nơi. Ấm áo, no cơm, nhà nhà rộn rã, tiếng trống tự trường vang tiếng trẻ ề ề.

Lý Bông Dừa

Dâng người điệu Lý bông dừa
Lời ca kính Bác bao tiếng lòng nặng ơn.
Ngày nay đất nước thanh bình,
Nhớ giữa Ba Đình rợp trời cờ đỏ vàng sao.
Lời Người vang vọng khắp năm châu
Người tuyên ngôn độc lập vững bền Việt Nam.

Vọng cổ

Câu 5. Trải bao gian lao đất nước vươn cao vững vàng tiến bước, nhịp đập hàng triệu con tim vẫn liên hồi nổi nhớ, ngỡ như tiếng Bác còn đây vang vọng đến muôn... đời.

Nồng ấm, dịu êm, trong sáng rạng ngời.

Là giai điệu hùng hồn tiếng trống đồng Ngọc Lũ, vang vọng về từ bốn ngàn năm. Con cháu Lạc – Hồng với sức thần Phù Đổng, đã chấp cánh Tiên vươn đáng Rồng trời dậy. Cho dừa xanh reo vang tung bừng nở rộ, tỏa ngát hương thơm trên khắp hoàn cầu.

Câu 6. Hò... ơ... ở...ơ... Vẳng nghe trong điệu lý quê hương. Bài dân ca lắng đọng... hò... ơ... ở... bài dân ca lắng đọng ơn Người, Người ơi!

Cung đàn trời khúc tuyệt vời

Làm theo lời Bác rạng ngời nước non.

Nhịp đập quê hương bao tâm tình gửi trọn, dâng Bác bài ca theo điệu Lý bông dừa.

Lý Bông Dừa

Bông dừa ngời sắc hương đời,
Lòng Dân – Ý Đảng sắt son nghĩa nặng tình sâu.
Lời Người dạy xưa con cháu luôn chung lòng.

(về vọng cổ)

Xây đắp “hơn mười” như lời Bác hằng mong. ■

MỤC LỤC



Lời giới thiệu	.7
Tập 1	.9
Lời nói đầu	.11
1. Tên Bác gắn liền với chiến công mở đường trên biển - Người kể: Lê Thanh Hùng; - Ghi chép: Lê Văn Nê, Lê Quang Cần	.15
2. Cuộc vượt biển mở đường lần thứ nhất - Trích hồi ký của đồng chí Nguyễn Thị Định	.25
3. Cuộc vượt biển mở đường lần thứ hai - Trích bài nói chuyện của đồng chí Đặng Bá Tiên	.33
4. Nhớ mãi tên Người - Nguyễn Năm Hồng	.59
5. Bác Hồ của ngoại - Trần Thiều - Ghi theo lời kể của người cha Đặng Văn Đăng	.61
6. Hành quân theo Bác - Viết về nữ chiến sĩ biệt động Lê Thị Hồng - Thái Anh Phương Trinh	.65
7. Ý chí của anh bộ đội Cụ Hồ - Phạm Văn Nghĩa - Ghi theo lời kể của bác Lê Văn Quới	.71
8. Lập chiến công mừng Sinh nhật Bác - Tống Văn Cảnh	.75
9. Trong nhà tù học tập và làm theo lời Bác - Kinh nhật tụng của người chiến sĩ - Mai Văn Trinh	.79
10. Trái tim lớn của Người vẫn nhịp cùng chúng ta - Bút ký của Diệp Hà	.89
11. Anh bộ đội Cụ Hồ sinh ra và lớn lên trên đất Bến Tre - Trần Hoài Trân	.93
12. Hồi tưởng khi Bác đi xa - Lê Hoàng Bé	.103

13. Đêm 19 tháng 5	- Lê Quang Huy .109
14. Bà Năm con Cụ Hồ	- Đoàn Tử .121
15. Những kỷ niệm không quên về cuộc đời làm người cán bộ Cụ Hồ	- Nguyễn Trung Điền .129
16. Bác vẫn hành quân với chúng con	- Phạm Khải Hoàn .137
17. Ảnh Hồ Chủ tịch trong quán lá nghèo	- Trần Văn Huê .141
18. Gặp Bác	- Trần Văn Huê .145
19. Cụ Tổ chùa Tuyên Linh đối với Bác Hồ	- Ngô Hải Đông .149
20. Tìm lại vết chân Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Bác Hồ - Nơi Tổ đình chùa Tuyên Linh, xã Minh Đức	- Từ Sắc .157
21. Bác còn sống mãi	- Trần Song Nguyên .165
22. Cây đàn Bác cho	- Đồng chí Hoàng kể - Vân Long ghi .169
23. Bác về	- Đoàn Hùng .181
24. Trong tù để tang Bác	- Phạm Khải Hoàn .183
Tập 2	.191
1. Bác Hồ trong lòng nhân dân Bến Tre	- Đoàn Tử .193
2. Bác Hồ trong trái tim người cộng sản lão thành Bến Tre	- Lê Hoàng Chiếu kể - Huỳnh Quang Hạnh ghi .197
3. Đồng bào Phật tử Mỏ Cày với Bác Hồ	- Lê Văn Sơn .201
4. Niềm vinh dự và hạnh phúc lớn trong đời tôi	- Đỗ Chung .209
5. Lòng người phụ nữ Thành Triệu đối với Cụ Hồ	- Thanh Nhân .215
6. Mùa xuân đẹp nhất	- Võ Văn Mạnh kể - Lê Văn Nê ghi .219
7. Trên chuyến tàu rời nước Pháp	- Đỗ Chung .223
8. Vững một niềm tin	- Nguyễn Kim Hồng .227
9. Nhớ lại lần gặp Bác của Đoàn Kịch nói Nam Bộ	- Hoàng Nam .235
10. Kỷ niệm không quên	- Dương Sinh .241
11. Đau thương - Nhớ Bác đi lên	- Nguyễn Văn Điển kể - Trần Văn Thọ ghi .245
12. Nhớ Bác	- Huy Hà .249

13. Anh Ba Đây để tang Bác Hồ	- Lê Dân .251
14. Biển đau thương thành sức mạnh	- Trịnh Hoàng Hoanh kể - Nguyễn Kim Ưng, Huỳnh Thị Kim Chi ghi .253
15. Bác Hồ “Một vĩ nhân siêu việt”	- Tu sĩ Thích Thiện Hoàng kể - Lư Sơn Bảo ghi .259
16. Từ một lần ra thăm di tích của Bác	- Diệp Hà .263
17. Người là niềm tin	- Nguyễn Nam Hồng .267
18. Cái chết vinh quang	- Bác Hai Liêu, Năm Hoàng kể - Phạm Nghĩa ghi .273
19. Mừng sinh nhật Bác giữa ngục tù Mỹ	- Diệm - Nguyễn Kim Hồng kể - Kim Chi ghi .277
20. Hồ Chí Minh muôn năm!	- Thanh Nhân .281
21. Những bức ảnh Bác Hồ	- Trung Hiếu .285
22. Tình sâu nghĩa nặng	- Đồng chí Nguyễn kể - Hàn Sĩ Anh ghi .289
Phần bổ sung	.299
1. Hòa thượng Lê Khánh Hòa và ngôi chùa Tuyên Linh	.301
2. Trương Gia Mô	.305
3. Ảnh “Kể chuyện về tấm gương của Bác”	- Nguyễn Thu .309
4. Bức tranh Bác Hồ của Họa sĩ - Nhà điêu khắc Diệp Minh Châu vẽ bằng máu	- Thy Hương .310
5. Bác Hồ trong trái tim chúng ta	- Thảo Chi .314
6. Hoa dừa nở giữa Thủ đô	- Quốc Nam .318
7. Bên Bến Nhà Rồng	- Quốc Nam .320
8. Đài hoa dâng Bác	- Trần Nam Dân .322
9. Nhớ Cha trong mùa phượng đỏ	- Dương Thị Thu Vân .324
10. Hát mãi ơn Người	- Dương Thị Thu Vân .326
11. Dâng Người điệu Lý bông dừa	- Dương Tấn Phát .328



Lòng dân Bến Tre với Bác Hồ

Nhiều tác giả



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel: 024.38.222.135

E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.net>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng- Phường 8 - Quận 3-TP. HCM

Tel: 028.38.297.915

Email: nxbhnv.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

277-Trần Hưng Đạo-Thành phố Đà Nẵng

Tel: 0236.3849.516

Email: nxbhnv.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập

Ngô Thị Thúy Nga

Tổ chức bản thảo

Trương Quốc Phong - Trần Thị Kiều Tôn - Kim Ba

Đỗ Thị Thanh Trúc - Nguyễn Văn Danh - Nguyễn Thành Nam

Hội đồng kiểm duyệt

Trương Quốc Phong - Bùi Văn Chương - Kim Ba

Nguyễn Huy Phục - Trần Cao Tư - Trần Công Ngữ

Nguyễn Quang Trị - Trần Quốc Việt

Tranh bìa

“Bác Hồ với ba cháu thiếu nhi Trung Nam Bắc”

của Họa sĩ - Nhà điêu khắc Diệp Minh Châu

Trình bày

Đặng Dương - Tô Khắc Duy

Vi tính: ***Song Ngọc - Hồng Thắm***

Sửa bản in: ***Hồng Hiên***

Chiều Xứ Dừa
Ảnh: Minh Vy

ISBN: 978-604-977-034-0

